

Số: 1326/MYH26/VHU/QĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ đề cương chi tiết học phần ngành Văn học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến, Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Quyết định số 979/2022/VHU/QĐ ngày 27 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1284/MYH25/VHU/QĐ ngày 28 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến về việc ban hành chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Văn học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn Hiến;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là bộ đề cương chi tiết học phần ngành Văn học áp dụng đối với hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn có trách nhiệm phổ biến đến sinh viên, tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần theo đề cương đã được công bố.

Điều 3. Giám đốc Ban Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa/Khối ngành, Trưởng các đơn vị và giảng viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Thường trực HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, QLĐT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



PGS.TS. Trần Huy Hoàng

**DANH SÁCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH VĂN HỌC**

STT	Mã HP	Tên học phần	Ghi chú
1.	LIT307	Nhập môn ngành Văn học	
2.	LIT312	Trải nghiệm ngành, nghề	
3.	LIT325	Hán Nôm cơ bản	
4.	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	
5.	LIT442	Thực tập cơ sở Văn học	
6.	LIT311	Tiếp nhận văn học	
7.	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	
8.	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	
9.	LIT431	Kỹ năng tổ chức sự kiện	
10.	LIT424	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	
11.	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	
12.	LIT327	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII	
13.	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	
14.	LIT318	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	
15.	LIT330	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	
16.	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	
17.	LIT321	Văn học Việt Nam từ sau 1975	
18.	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	
19.	LIT331	Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)	
20.	LIT423	Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)	
21.	LIT304	Nguyên lý lý luận văn học	
22.	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	
23.	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	
24.	LIT314	Văn học Nga	

STT	Mã HP	Tên học phần	Ghi chú
25.	LIT317	Văn học Trung Quốc	
26.	LIT401	Nghệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	
27.	LIT402	Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản	
28.	LIT444	Văn phòng điện tử	
29.	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	
30.	LIT404	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	
31.	LIT405	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	
32.	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	
33.	MMC405	Biên kịch phim ngắn	
34.	PUR433	Các thể loại báo chí	
35.	LIT546	TTTN Văn học	
36.	LIT547	KLTN Văn học	
37.	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	
38.	LIT450	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam	
39.	LIT433	Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại	
40.	LIT449	Phê bình văn học	

10740

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Nhập môn ngành Văn học (Introductory course to Literature)**
- Mã học phần: LIT307
- Số tín chỉ: 2
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Đặng Quốc Minh Dương**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908 479 220**
- Email: **DuongDQM@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Huỳnh Thị Mai Trinh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 - 16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918807812**
- Email: **TrinhHTM@vhu.edu.vn**



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 05 chương, cung cấp kiến thức tổng quát về khoa học nghiên cứu về văn chương là một ngành khoa học xã hội - nhân văn; Giúp người học hiểu về tổ chức ngành học để từ đó phát huy năng lực. Học phần thông tin chung về nội dung chương trình và hoạt động đào tạo ngành và chuyên ngành với những định hướng nghề nghiệp cụ thể. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu khái quát và yêu cầu rèn luyện một số kỹ năng cơ bản liên quan phương pháp tiếp cận kiến thức chuyên sâu của ngành học.

4. Mục tiêu của học phần

- Thông tin chi tiết về mục tiêu, chương trình và kế hoạch đào tạo ngành.
- Giới thiệu hệ thống môn học và tài liệu về nền tảng khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn: văn học Việt Nam, một số nền văn học tiêu biểu thế giới, kiến thức lý luận văn học, ngôn ngữ, văn tự tiếng Việt.
- Định hướng người học đối diện và tìm giải pháp phù hợp cho năng lực học tập cá nhân hướng tới đáp ứng yêu cầu tuyển dụng đối với các vị trí việc làm mong muốn.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Mô tả được các định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực cơ bản của ngành Văn học trong bối cảnh xã hội và thị trường lao động hiện nay.	Mức 1 (Nhớ)
2	CLO2	Giải thích được các khái niệm nền tảng, đặc điểm ngành học và những tổ chức cần thiết đối với người học ngành Văn học.	Mức 2 (Hiểu)
3	CLO3	Trình bày được các yêu cầu cơ bản về kỹ năng học tập, làm việc nhóm và định hướng phát triển năng lực trong quá trình học tập ngành Văn học.	Mức 2 (Hiểu)
4	CLO4	Xác định được kế hoạch học tập và rèn luyện cá nhân phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp và định hướng phát triển bản thân.	Mức 3 (Vận dụng)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO2		X						
CLO3							X	X
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát chương trình và hoạt động đào tạo cử nhân ngành Văn học
1.1.	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Văn học
1.2.	Hoạt động tổ chức đào tạo
1.3.	Lập kế hoạch học tập và rèn luyện phát triển cá nhân
Chương 2	Kế hoạch học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Văn học
2.1.	Tiếp cận về lý thuyết Văn học
2.2.	Giới thiệu khối kiến thức ngành (môn học và tài liệu)
2.3.	Học tập kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên môn
2.4.	Học tập, rèn luyện kiến thức, kỹ năng khác
Chương 3	Việc làm của cử nhân ngành Văn học – cơ hội và thách thức
3.1.	Thực tế đầu vào và định hướng đào tạo ứng dụng
3.2.	Cơ hội việc làm của cử nhân ngành Văn học
3.3.	Thực trạng về những thách thức khi ứng tuyển việc làm
Chương 4	Tìm hiểu quá trình ứng tuyển việc làm của cử nhân ngành Văn học (hoạt động thực tế)
Chương 5	Ứng dụng - Triển khai kế hoạch Trải nghiệm ngành nghề
5.1.	Thông tin kế hoạch
5.2.	Hướng dẫn chi tiết các yêu cầu thực hiện

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện bài tập viết, thực hành tại nhà và trên lớp
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện thực hành nhóm

	Nội dung
	- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát chương trình và hoạt động đào tạo cử nhân ngành Văn học	3	3	0	10	16
2	Kế hoạch học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Văn học	3	3	0	10	16
3	Việc làm của cử nhân ngành Văn học – cơ hội và thách thức	2	2	0	10	14
4	Tìm hiểu quá trình ứng tuyển việc làm của cử nhân ngành Văn học	5	5	0	20	30
5	Ứng dụng - Triển khai kế hoạch Trải nghiệm ngành nghề	2	2	0	20	24
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU CHÍ

1. Về chương trình đào tạo ngành Văn học của Trường ĐH Văn Hiến
2. Hiểu biết về tài liệu học tập chuyên ngành Văn học
3. Áp dụng quy chế đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Văn Hiến
4. Tổ chức cần thiết của người học ngành Văn học
5. Về yêu cầu năng lực người tốt nghiệp ngành Văn học theo các định hướng nghề.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Khái quát chương trình và hoạt động đào tạo cử nhân ngành Văn học	X	X		
Kế hoạch học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Văn học		X	X	X
Việc làm của cử nhân ngành Văn học – cơ hội và thách thức		X	X	X
Tìm hiểu quá trình ứng tuyển việc làm của cử		X	X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
nhân ngành Văn học				
Ứng dụng - Triển khai kế hoạch <i>Trải nghiệm ngành nghề</i>		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Vấn đáp
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	
Hướng dẫn tự học		X	X	X
Thảo luận nhóm			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Vấn đáp	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi vấn đáp	CLO1: Mô tả các định hướng nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu năng lực của ngành Văn học. CLO2: Giải thích các khái niệm nền tảng, đặc điểm ngành học và tổ chức cần thiết của người học ngành Văn học. CLO3: Trình bày các yêu cầu cơ bản về kỹ năng học tập, làm việc nhóm và định hướng phát triển năng lực	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						trong quá trình học tập ngành Văn học.	
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Mức độ hiểu và trình bày các nội dung liên quan đến ngành học. CLO3: Mức độ tham gia hoạt động nhóm, trình bày ý kiến và chia sẻ định hướng học tập cá nhân.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần và theo dõi hoạt động học tập	Mức độ tham gia học tập, ý thức tự học, thực hiện kế hoạch học tập và rèn luyện cá nhân.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi vấn đáp; Thời gian: 10-15 phút; Số câu: 2 câu

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Khái quát chương trình và hoạt động đào tạo cử nhân ngành Văn học	CLO1	0.5	1.0	0	2.0
Chương 2	Kế hoạch học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Văn học	CLO2, CLO3	1.0	1.0	0.5	2.0

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 3	Việc làm của cử nhân ngành Văn học – cơ hội và thách thức	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.0	2.0
Chương 4	Tìm hiểu quá trình ứng tuyển việc làm của cử nhân ngành Văn học	CLO2, CLO3	0.5	1.5	1.0	2.0
Chương 5	Ứng dụng - Triển khai kế hoạch <i>Trải nghiệm ngành nghề</i>	CLO2, CLO3	0	0.5	0	2.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.5đ	5.0đ	2.5đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- CLO1 (Nhận biết - L1): Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- CLO2 (Thông hiểu - L2): Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- CLO3 (Vận dụng - L3): Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất ít kiến thức về ngành; trình bày sai, mơ hồ các khái niệm và thuật ngữ cơ bản của ngành Văn học.	Nhận biết được một số thuật ngữ và tổ chức người học ở mức cơ bản nhưng còn rời rạc, thiếu tính hệ thống.	Trình bày đúng, khá đầy đủ hệ thống khái niệm, đặc trưng ngành; biết giải thích các yêu cầu đối với người học văn.	Trình bày chính xác, hệ thống hóa xuất sắc kiến thức; giải thích sâu sắc mối liên hệ giữa tổ chức cá nhân và yêu cầu ngành học.
CLO2	Không nhận diện được cơ hội việc làm; không phân tích được nhu cầu thị trường; không	Nhận diện được một số vị trí việc làm nhưng phân tích thực tế còn sơ sài; chủ yếu liệt kê, chưa phân tích	Phân tích rõ ràng xu hướng việc làm; bước đầu đưa ra những nhận định hợp lý về thách thức	Phân tích sâu sắc, toàn diện thực trạng tuyển dụng; đánh giá sắc bén, có tư duy phân biện thuyết phục

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	định hướng được vị trí việc làm phù hợp.	rõ thách thức.	ngành nghiệp đối với cử nhân Văn học.	về xu hướng phát triển nghề nghiệp.
CLO3	Không thể lập kế hoạch học tập cá nhân; không định hình được đề án trải nghiệm nghề nghiệp; lộ trình thiếu thực tế.	Kế hoạch học tập còn đơn giản, mang tính đối phó; đề án trải nghiệm xây dựng còn mơ hồ, chưa gắn kết với mục tiêu toàn khóa.	Vận dụng tốt kiến thức để xây dựng kế hoạch học tập rõ ràng; đề án trải nghiệm được thiết lập hợp lý, có tính khả thi khá tốt.	Vận dụng thành thạo và sáng tạo vào lập kế hoạch dài hạn hoàn chỉnh; đề án trải nghiệm xuất sắc, có tính thực tiễn cao và lộ trình rõ ràng.
CLO4	Kỹ năng làm việc nhóm kém; bài thực hành ứng dụng rời rạc; thiếu tinh thần chủ động và không thể hiện ý thức tự học.	Bài thực hành nhóm có bố cục nhưng lập luận chưa chặt chẽ; tinh thần hợp tác nhóm và ý thức tự học ở mức trung bình.	Làm việc nhóm hiệu quả; bài phân tích ứng dụng nghề nghiệp có cấu trúc logic; thể hiện sự chủ động trong việc tự học và giải quyết vấn đề.	Làm việc nhóm xuất sắc; đóng góp vai trò chủ đạo; bài tập rèn luyện nghề nghiệp chặt chẽ, giàu tính lập luận và tinh thần học thuật cao.

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác hệ thống thuật ngữ, khái niệm cơ bản cùng các tổ chất cốt lõi của người học ngành Văn học. Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tư duy phân biện sắc bén về thực tế nhu cầu tuyển dụng, cơ hội và thách thức của các vị trí việc làm theo các định hướng đầu ra. Bản thân tự lập được lộ trình học tập, rèn luyện toàn khóa hoàn chỉnh, khả thi cao và xây dựng đề án trải nghiệm ngành nghề có tính thực tiễn xuất sắc. Bài làm/bài thuyết trình thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thể hiện tinh thần hoàn toàn chủ động và ý thức tự học vượt trội.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức nền tảng về ngành học và các vấn đề trọng tâm của học phần. Có khả năng phân tích, nhận định hợp lý về thị trường lao động, các cơ hội việc làm thực tế và bước đầu tự đánh giá được mức độ đáp ứng của bản thân. Xây dựng được kế hoạch học tập toàn khóa và đề án trải nghiệm rõ ràng, có tính khả thi khá tốt. Bài làm có cấu trúc mạch lạc, lập luận tương đối chặt chẽ, làm việc nhóm hiệu quả và thể hiện được tinh thần chủ động trong việc tự học, giải quyết vấn đề nhưng chưa thật sự sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát cao.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học chỉ nắm được các kiến thức cơ bản về ngành học nhưng còn rời rạc, chưa có tính hệ thống. Có khả năng nhận diện các vị trí việc làm và thuật ngữ chuyên ngành ở mức tối thiểu nhưng phân phân tích cơ hội/thách thức còn đơn giản, thiên về liệt kê và thiếu minh chứng thực tế. Kế hoạch học tập cá nhân và đề án trải nghiệm còn sơ sài, mang tính đối phó và chưa gắn kết chặt chẽ với mục tiêu toàn khóa. Kỹ năng làm việc nhóm và ý thức tự học dừng lại ở mức trung bình, lập luận trong bài viết/bài thực hành chưa chặt chẽ và thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về đặc trưng khối kiến thức và quy chế đào tạo ngành Văn học. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích nhu cầu thị trường lao động, không định hình được vị trí việc làm phù hợp và không thể lập lộ trình học tập cá nhân hay đề án trải nghiệm thực tế. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, kỹ năng tương tác nhóm kém và thiếu hăng hái tinh thần chủ động cũng như ý thức tự học chuyên ngành.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				quá			
3	Tư duy phân biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Jonathan Culler, *Nhập môn lý thuyết văn học*, Phạm Phương Chi dịch, Hội nhà văn, 2020.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Như Phương, *Lý luận văn học: Nhập môn*, Đại học Quốc gia – TP.HCM, 2014.

- Trường Đại học Văn Hiến, Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ, ban hành ngày 10/11/2016. Truy cập tại: https://qldt.vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/qldt/VHU_QuyCheDaoTaoDH-CDTheoTinChi.pdf

- Trường Đại học Văn Hiến, Quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng, ban hành ngày 30/7/2018. Truy cập tại: https://vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/qldt/VHU_QD%20806%20Ban%20ha nh%20Quy%20định%20CDR.pdf

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIẾN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Nhập môn ngành Văn học**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phân biện trực tiếp	4	Phân xá cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phân biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phân biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phân trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Trải nghiệm ngành nghề (Work Experience)**
- Mã học phần: LIT312
- Số tín chỉ: 01
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 01 ; Số giờ: 50 , trong đó:
 - Hướng dẫn trải nghiệm : 10 Giờ
 - Thảo luận nhóm : 5 Giờ
 - Trải nghiệm cơ sở : 30 Giờ
 - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình TN: 5 giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: Quochev@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đặng Quốc Minh Dương
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908479220
- Email: Duongdqm@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trải nghiệm ngành nghề được tổ chức để người học bước đầu làm quen, tìm hiểu về công việc liên quan đến ngành học của mình. Thông qua học phần này, người học nắm bắt được các yêu cầu chung mang tính đặc thù của từng ngành nghề, các cơ hội việc làm, cũng như học hỏi được một số kỹ năng, thái độ cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai theo các định hướng chuyên ngành: văn - giảng dạy, văn - truyền thông và văn - quản trị văn phòng.

4. Mục tiêu của học phần

- Giúp người học làm quen, tìm hiểu về công việc từ thực tế liên quan đến ngành văn học; trên cơ sở đó, người học sẽ lựa chọn cho mình một chuyên ngành phù hợp để học tập.

- Hiểu rõ được các yêu cầu chung, mang tính đặc thù của từng ngành nghề.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng thu được trong quá trình trải nghiệm ngành nghề để phục vụ cho việc học của mình.

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tự lập, sáng tạo, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với từng chuyên ngành.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Mô tả được đặc điểm nghề nghiệp, yêu cầu năng lực và cơ hội việc làm của ngành Văn học trong các lĩnh vực giáo dục, truyền thông và quản trị văn phòng.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Trình bày được những yêu cầu cơ bản của môi trường làm việc thực tế và các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp đã tham gia.	Mức 2 (Thao tác)
3	CLO3	Xác định được định hướng học tập, rèn luyện và phát triển nghề nghiệp phù hợp với ngành học từ kết quả trải nghiệm thực tế.	Mức 2 (Đáp ứng)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X				X	
CLO3							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
1.	Tập huấn cho người học trước khi trải nghiệm ngành nghề
1.1.	Giới thiệu tổng quan, mục đích, yêu cầu của học phần Trải nghiệm ngành nghề gồm: Vị trí, vai trò của ngành Văn học trong đời sống xã hội; đặc điểm đào tạo ngành Văn học; các định hướng nghề nghiệp của ngành Văn học: Văn - giảng dạy, Văn - truyền thông, Văn - quản trị văn phòng; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người học ngành Văn học; và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Văn học hiện nay.
1.2.	Thông tin về thời gian, địa điểm và nội dung trải nghiệm ngành nghề.
1.3.	Chia sẻ một số kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết để có kết quả trải nghiệm tốt.
1.4.	Hướng dẫn viết báo cáo học phần Trải nghiệm ngành nghề.
2.	Cán bộ đơn vị chia sẻ với người học về đơn vị mình cũng như nhiệm vụ, vai trò và vị trí việc làm theo định hướng nghề nghiệp
2.1.	Giới thiệu khái quát về đơn vị và tổ chức nhân sự.
2.2.	Chia sẻ về nhiệm vụ, vai trò và vị trí việc làm theo định hướng nghề nghiệp phù hợp chuyên ngành: Văn - Giảng dạy (đặc điểm công việc của giáo viên Ngữ văn; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và tổ chức hoạt động học tập; quan sát, trải nghiệm môi trường sư phạm), Văn - Truyền thông (tổng quan về công việc truyền thông liên quan đến ngành Văn học; vai trò của ngôn ngữ và văn học trong hoạt động truyền thông; kỹ năng viết tin, bài truyền thông cơ bản; kỹ năng sáng tạo nội dung và xử lý thông tin); Văn - Quản trị văn phòng (khái quát công việc hành chính - văn phòng; kỹ năng soạn thảo văn bản và quản lý hồ sơ; kỹ năng giao tiếp hành chính và tổ chức công việc; tác phong nghề nghiệp trong môi trường công sở.
2.3	Tham quan không gian làm việc tại cơ sở thực tế.
3.	Viết bài báo cáo Trải nghiệm ngành nghề.

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên phụ trách học phần.
6.2.2.	Bài tập nhóm

	Nội dung
	- Các nhóm thực hiện các công việc theo yêu cầu của giảng viên phụ trách học phần. - Các nhóm viết báo cáo Trải nghiệm ngành nghề.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Hướng dẫn trải nghiệm	Thảo luận	Trải nghiệm cơ sở	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá	Tổng
1	Tập huấn cho người học trước khi trải nghiệm ngành nghề	3	2	0	0	5
2	Cán bộ đơn vị chia sẻ với người học về đơn vị mình cũng như nhiệm vụ, vai trò và vị trí việc làm theo định hướng nghề nghiệp	5	3	30	0	38
3	Viết bài báo cáo Trải nghiệm ngành nghề.	2	0	0	5	7
	Tổng	10	5	30	5	50

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1. Tập huấn cho người học trước khi trải nghiệm ngành nghề	X	X	
Chương 2. Lãnh đạo các đơn vị chia sẻ với người học về đơn vị mình cũng như nhiệm vụ, vai trò và vị trí việc làm theo định hướng nghề nghiệp	X	X	
Chương 3. Viết bài báo cáo Trải nghiệm ngành nghề.	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy và cán bộ đơn vị chia sẻ với sự kết hợp một số phương pháp sau:

- Hướng dẫn và quan sát thực tế
- Học tập theo dự án/nhiệm vụ

- Viết báo cáo, nhật ký thực tập

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Hướng dẫn và quan sát thực tế	X		X
Học tập theo dự án/nhiệm vụ	X	X	X
Viết báo cáo, nhật ký thực tập	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ 100% các buổi tập huấn, hướng dẫn trải nghiệm do GV phụ trách và Khoa tổ chức.

- Tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo mật thông tin và thời gian làm việc của cơ quan tiếp nhận thực tập.

- Chủ động quan sát, học hỏi và vận dụng kiến thức chuyên ngành Văn học vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tế (biên tập, truyền thông, hành chính văn phòng...); tích cực phối hợp làm việc nhóm với cán bộ tại cơ sở.

- Nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn; tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, báo cáo tổng kết và nghiệm thu kết quả với GV phụ trách học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Học phần không có điểm quá trình. Điểm cuối kì được tạo ra từ hai cột điểm: Điểm tham gia trải nghiệm thực tế (trọng số 40%) và điểm bài báo cáo thực tế (trọng số 60%):

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia trải nghiệm thực tế	Đánh giá quá trình thông qua mức độ tham gia, ý thức học tập, tác phong, thái độ và tính thần trách nhiệm trong các hoạt động trải nghiệm ngành nghề	40%
2	Bài báo cáo thực tế cuối kì	Viết bài báo cáo trải nghiệm ngành nghề.	60%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Tham gia trải nghiệm ngành nghề	CLO2, CLO3	40%	Tự chủ và trách nhiệm	Xuyên suốt học phần	Phiếu quan sát, bảng kiểm, nhận xét của giảng viên	Đánh giá mức độ tham gia hoạt động trải nghiệm; ý thức học tập, tinh thần trách nhiệm và sự chủ động trong quá trình trải nghiệm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Báo cáo kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức; Tự chủ và trách nhiệm	Cuối học phần	Rubric đánh giá báo cáo trải nghiệm	Đánh giá khả năng mô tả nghề nghiệp, trình bày nội dung trải nghiệm và xác định định hướng học tập, nghề nghiệp phù hợp.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Rubric đánh giá kiến thức và kỹ năng chuyên môn

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Tham gia trải nghiệm thực tế	Hiểu đặc điểm, yêu cầu nghề nghiệp ngành Văn học	CLO1	0.5	0.5		1.0
Tham gia trải nghiệm thực tế	Quan sát, thu thập, xử lý thông tin nghề nghiệp	CLO2		0.5	1.0	1.5
Tham gia trải nghiệm	Thái độ, ý thức, trách nhiệm nghề	CLO3		0.5	1.0	1.5

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
thực tế	ngành					
Báo cáo kết thúc học phần	Tổng hợp kiến thức nghề nghiệp	CLO1	0.5	0.5	0.5	1.5
Báo cáo kết thúc học phần	Phân tích thông tin trải nghiệm	CLO2		0.5	1.5	2.0
Báo cáo kết thúc học phần	Định hướng nghề nghiệp và tự đánh giá	CLO3		0.5	2.0	2.5
Tổng điểm			1.0đ	3.0đ	6.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

■ **CLO1:** Nhấn mạnh mức độ **nhận biết và thông hiểu (L1–L2)**, chiếm trọng số khoảng 25% tổng điểm, tập trung vào việc nắm vững kiến thức cơ bản về ngành nghề Văn học và định hướng nghề nghiệp.

■ **CLO2:** Nhấn mạnh mức độ **thông hiểu và vận dụng (L2–L3)**, chiếm trọng số khoảng 35% tổng điểm, tập trung vào kỹ năng quan sát, thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình trải nghiệm.

■ **CLO3:** Nhấn mạnh mức độ **thông hiểu và vận dụng cao (L2–L3)**, chiếm trọng số khoảng 40% tổng điểm, tập trung vào thái độ, ý thức trách nhiệm, khả năng tự định hướng nghề nghiệp và mức độ trưởng thành nghề nghiệp của người học.

b. Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Kiến thức về đặc điểm, yêu cầu và định hướng nghề nghiệp ngành Văn học	Nhận biết rất hạn chế về ngành nghề; mô tả sai hoặc thiếu nội dung cơ bản	Trình bày được một số đặc điểm nghề nghiệp nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống	Trình bày tương đối đầy đủ đặc điểm, yêu cầu và định hướng nghề nghiệp	Trình bày đầy đủ, logic, có phân tích và liên hệ thực tiễn rõ ràng
CLO2: Kỹ năng quan sát, thu thập và xử	Gặp nhiều khó khăn trong quan sát và	Thực hiện được nhiệm vụ nhưng còn phụ thuộc	Thực hiện tốt việc quan sát, thu thập và	Thực hiện thành thạo, phân tích sâu, xử lý thông

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
lý thông tin nghề nghiệp	thu thập thông tin; xử lý thiếu chính xác	hướng dẫn, xử lý thông tin chưa sâu	phân tích thông tin khá đầy đủ	tin logic và có sáng tạo
CLO3: Thái độ, ý thức trách nhiệm và tự chủ trong học tập - nghề nghiệp	Tham gia không đầy đủ, thiếu chủ động, ý thức nghề nghiệp thấp	Có tham gia nhưng chưa thường xuyên, còn thụ động trong hoạt động	Tham gia đầy đủ, có ý thức và trách nhiệm trong học tập và trải nghiệm	Rất tích cực, chủ động, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và định hướng nghề nghiệp rõ ràng

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Người học đạt mức độ thành thạo cao trong cả kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp; hiểu sâu về ngành Văn học và các định hướng nghề nghiệp; thực hiện tốt hoạt động trải nghiệm, phân tích thông tin logic, báo cáo có chất lượng cao, thể hiện rõ tính chủ động, sáng tạo và định hướng nghề nghiệp rõ ràng.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Người học nắm vững kiến thức cơ bản, thực hiện tốt các nhiệm vụ trải nghiệm và báo cáo; có khả năng quan sát, thu thập và xử lý thông tin tương đối đầy đủ; thể hiện thái độ học tập tích cực và có định hướng nghề nghiệp tương đối rõ.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Người học đạt mức yêu cầu tối thiểu về kiến thức và kỹ năng; tham gia trải nghiệm tương đối đầy đủ nhưng còn thụ động; báo cáo còn thiếu chiều sâu, khả năng phân tích và liên hệ thực tiễn còn hạn chế.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa đạt yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ; tham gia trải nghiệm không đầy đủ hoặc thiếu nghiêm túc; báo cáo sơ sài, thiếu thông tin và không thể hiện được định hướng nghề nghiệp.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Đỗ Thị Thu Hằng, *Giáo trình Nhập môn Truyền thông đa phương tiện*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2022.

- Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Tăng Đức, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, *Bài giảng Nhập môn ngành sư phạm*, Đại học Vinh, 2021.

- Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp & Trần Phương Hiền, *Giáo trình Quản trị văn phòng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2021.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Báu (chủ biên), *Giáo trình Tổng quan về quản trị văn phòng*, Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh, 2024.

- Trương Đình Chiến (chủ biên), *Giáo trình Truyền thông Marketing tích hợp (IMC)*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022.

- Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), *Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Hồ Văn Quốc



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Hán Nôm cơ bản (Basic Chinese and Nom Characters)**
- Mã học phần: **LIT325**
- Số tín chỉ: **3**
- Cấp đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: 03; Số giờ: 150, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 60 Giờ
 - + Giờ giảng: 35 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 00 Giờ
 - Giờ tự học: 90 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Vũ Thị Thanh Trâm**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Văn học và Ngôn ngữ học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **090131 2728**
- Email: **thanhtramvt@hcmussh.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Lê Dương Khắc Minh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến**

- Điện thoại: 0918364444
- Email: MinhLDK@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm hai nội dung chính: Hán văn và chữ Nôm. Ở phần Hán văn, học phần cung cấp kiến thức khái quát về chữ Hán, bao gồm nguồn gốc chữ Hán, diễn biến chữ Hán qua các thời kỳ phát triển, phương thức cấu tạo chữ Hán. Đồng thời, học phần hướng dẫn cách viết chữ Hán, nhận diện bộ thủ, phương pháp tra cứu từ/từ điển Hán -Việt. Trên cơ sở đó, người học được giới thiệu hệ thống từ vựng, thực từ và hư từ, đặc điểm ngữ pháp Hán văn thông qua việc đọc và phân tích một số văn bản tiêu biểu như *Thăng Long thành*, *Hưng Đạo Đại vương*, *Thủ châu đãi thổ*, *Khắc chu cầu kiếm*, *Mỗi lý*.

Ở phần chữ Nôm, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của chữ Nôm, cùng với đặc điểm cấu tạo và phương thức đọc chữ Nôm. Bên cạnh đó, người học được hướng dẫn thực hành nhận diện chữ Nôm vay mượn với chữ Nôm sáng tạo, phân tích cấu trúc chữ Nôm và phiên âm Nôm trích đoạn *Kim Vân Kiều tân truyện*.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về lịch sử hình thành và phát triển của chữ Hán, chữ Nôm,
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ nghĩa Hán tự,
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về cấu trúc của chữ Hán và chữ Nôm, cách đọc chữ Nôm,
- Trang bị kiến thức về hư từ, ngữ pháp Hán văn,
- Phát triển kỹ năng dịch, hiểu câu/đoạn Hán văn, phiên âm Nôm ở mức độ cơ bản.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Mô tả được lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm cấu tạo cơ bản của chữ Hán và chữ Nôm.	Mức 1 (Nhớ)
2	CLO2	Giải thích được các khái niệm cơ bản liên quan đến âm Hán Việt, từ vựng Hán Việt, chữ Nôm và một số hiện tượng ngôn ngữ trong Hán văn và văn bản Nôm.	Mức 2 (Hiểu)
3	CLO3	Trình bày được quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa cơ bản các câu, đoạn Hán văn và	Mức 2 (Thao tác)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		văn bản Nôm.	
4	CLO4	Thể hiện ý thức bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản Hán Nôm trong học tập và nghiên cứu.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3				X				
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Những vấn đề cơ bản của chữ Hán
1.1.	Vai trò của chữ Hán và chữ Nôm đối với văn hoá Việt Nam
1.2.	Nguồn gốc của chữ Hán
1.3.	Diễn biến của chữ Hán qua các thời kỳ phát triển
1.4	Các nét cơ bản và quy tắc viết chữ Hán (bút thuận)
1.5	Bộ thủ chữ Hán
1.6	Cấu tạo của chữ Hán (lục thư).
1.7	Cách tra tự điển chữ Hán các loại
Chương 2	Ngữ pháp Hán văn
2.1.	Thăng Long thành - Từ vựng (tự âm, tự nghĩa, bộ thủ, từ đồng âm, bút thuận...); dịch bài. - Ngữ pháp: giới thiệu khái quát về từ và cấu tạo từ, câu và cấu tạo câu, các loại câu. Vấn đề hư từ. Cách dùng chữ 之, 焉, 都、也、而.
2.2.	Hung Đạo đại vương - Từ vựng (tự âm, tự nghĩa, bộ thủ...); dịch bài. - Ngữ pháp và hư từ: câu có chủ ngữ ẩn; câu tỉnh lược động từ; cách dùng chữ 之, giới từ 焉 (vị).

Chương	Nội dung
2.3.	Thủ châu đãi thổ - Từ vựng (tự âm, tự nghĩa, bộ thủ...); dịch bài. - Ngữ pháp và hư từ: cách dùng chữ 其, câu bị động; đại từ 者 trong kết cấu 有...者,
2.4.	Khắc chu cầu kiếm - Từ vựng (tự âm, tự nghĩa, bộ thủ...); dịch bài. - Ngữ pháp và hư từ: cách dùng chữ 之、其、所、矣、乎
2.5.	Mãi lý - Từ vựng (tự âm, tự nghĩa, bộ thủ...); dịch bài. - Ngữ pháp và hư từ: cách dùng chữ 何、以 Ôn tập ngữ pháp và hư từ đã học
Chương 3	Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm
3.1.	Nguồn gốc và quá trình hình thành chữ Nôm
3.2.	Phương thức cấu tạo chữ Nôm
3.3.	Cách đọc chữ Nôm
Chương 4	Đọc chữ Nôm
	Kim Vân Kiều tân truyện - Phân tích cấu tạo chữ Nôm vay mượn, chữ Nôm sáng tạo trong đoạn trích <i>Kim Vân Kiều tân truyện</i>

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước - Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ					
		Giờ giảng	Giờ thực hành	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Những vấn đề cơ bản của chữ Hán	10	0	0	0	30	40
2	Ngữ pháp Hán văn	10	5	5	0	10	30
3	Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm	10	0	0	0	30	40
4	Đọc chữ Nôm	5	10	5	0	20	40
	Tổng	35	15	10	0	90	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Tại sao phải học chữ Hán, chữ Nôm? Chữ Nôm có từ bao giờ? Tại sao ông cha ta sáng tạo ra chữ Nôm?
2. Phân tích số nét và cách viết một số chữ Hán (ví như 編、興、與、舉、爲、爲……)
3. Phân tích cấu tạo, âm đọc một số chữ Nôm (ví như 羅, , 姊, 鑽, , ...)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của chữ Hán	X			
Chương 2: Ngữ pháp Hán văn	X	X		
Chương 3: Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm		X	X	
Chương 4: Đọc chữ Nôm				X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	X
Phát vấn		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phân biện nhóm		X		X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tổng hợp: 1. Trắc nghiệm gồm 40 câu (30%) 2. Tự luận: 2 câu (30%)	60%

Điểm đánh giá quá trình: tổng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi;	Tham gia dưới 50% số buổi;	Tham gia khoảng 50%-70%	Tham gia khoảng 70%-90%	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	không tham gia hoạt động học tập.	chuẩn bị bài rất hạn chế.	số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức	Tuần 9	Trắc nghiệm và tự luận	CLO1: Mô tả lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm cấu tạo cơ bản của chữ Hán và chữ Nôm. CLO2: Giải thích các khái niệm cơ bản liên quan đến âm Hán Việt, từ vựng Hán Việt và chữ Nôm. CLO3: Trình bày quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa cơ bản các câu, đoạn Hán văn và văn bản Nôm.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá	CLO2;	30%	Kiến	Tuần	Thuyết	CLO2: Mức độ	Lấy dữ

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
trình Chuyên cần	CLO3		thức	3 - 8	trình, phản biện	hiểu và trình bày các vấn đề liên quan đến Hán Nôm. CLO3: Khả năng mô tả quy trình nhận diện, phiên âm và dịch nghĩa văn bản cơ bản.	liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức học tập, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn di sản Hán Nôm.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả phần thi trắc nghiệm (40 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 40

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Những vấn đề cơ bản của chữ Hán	CLO1	5 câu	4 câu	1 câu	10
Chương 2	Ngữ pháp Hán văn	CLO1	5 câu	4 câu	1 câu	10
Chương 3	Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm	CLO1	5 câu	4 câu	1 câu	10
Chương 4	Độc chữ Nôm	CLO2	5 câu	4 câu	1 câu	10
TỔNG	40 câu (100%)		20 câu	16 câu	4 câu	40 câu

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 50% tổng số câu (20/40 câu). Đây là phần điểm an toàn cho sinh viên nắm vững lý thuyết cơ bản.

- **CLO2 (Thông hiểu/Vận dụng - L2, L3):** Chiếm khoảng 50% tổng số câu (20/40 câu). Đây là phần phân loại sinh viên, đòi hỏi khả năng vận dụng thực hành của người học.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Xác định lý luận cơ bản (20 câu)	Trả lời đúng dưới 10 câu. Không xác định được các nội dung cơ bản.	Trả lời đúng từ 10 - 13 câu. Xác định được các nội dung cơ bản, ở mức độ nhận biết (L1).	Trả lời đúng từ 14 - 16 câu. Xác định chính xác và hệ thống hóa được các nội dung cơ bản (L1, L2).	Trả lời đúng từ 17 - 20 câu. Xác định chính xác bản chất của nội dung môn học.
CLO2: Giải các bài tập thực tế (20 câu)	Trả lời đúng dưới 10 câu. Hiểu chưa đúng bản chất vấn đề.	Trả lời đúng từ 10 - 13 câu. Đã hiểu được một số nội dung cơ bản của chương trình ở mức độ thông hiểu đơn giản (L2).	Trả lời đúng từ 14 - 16 câu. Đã hiểu được những vấn đề bản chất của nội dung chương trình. (L2).	Trả lời đúng từ 17 - 20 câu. Đã giải quyết được các vấn đề phức tạp của nội dung môn học (L2, L3).

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên làm đúng toàn bộ phần nhận biết (L1) và xử lý tốt các câu hỏi vận dụng (L3).
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Sinh viên cơ bản nắm vững lý thuyết trọng tâm (L1) và giải quyết được hầu hết các bài tập thực tế (L2) nhưng còn sai sót ở một vài câu liên quan đến vấn đề phức tạp.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Sinh viên chủ yếu đạt điểm ở các câu hỏi mức độ nhận biết (CLO1) và vận dụng được các khái niệm cơ bản nhất (CLO2).
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Sinh viên chưa nắm vững các nội dung cốt lõi, khả năng xử lý các bài tập thực tiễn yếu, kém.

b. Ma trận đặc tả phần thi tự luận (2 câu); Thời gian: 30 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Những vấn đề cơ bản của chữ Hán	CLO3			Câu 1	Câu 1
Chương 2	Ngữ pháp Hán văn	CLO3			Câu 1	Câu 1
Chương 3	Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm	CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 4	Đọc chữ Nôm	CLO3			Câu 2	Câu 2
TỔNG	2 câu (100%)		0 câu	0 câu	Câu 1, Câu 2	Câu 1, Câu 2

Ghi chú về độ khó và trọng số: CLO3 (dịch Hán văn và phiên âm chữ Nôm) là chuẩn đầu ra cốt lõi mang tính thực hành, chi phối 100% trọng số điểm và được tích hợp đều vào Câu 1 (50% - thao tác trên Hán văn) và Câu 2 (50% - thao tác trên chữ Nôm). Về độ khó, CLO3 tập trung hoàn toàn ở mức độ Vận dụng (L3), loại bỏ việc học thuộc lòng lý thuyết để đánh giá trực tiếp năng lực xử lý văn bản của sinh viên dựa trên nền tảng kiến thức từ các chương trước. Nhằm phân hóa năng lực người học, độ khó có thể được thiết lập linh hoạt từ mức cơ bản (giải quyết các đoạn trích đã được phân tích trên lớp) đến mức nâng cao (dịch và phiên âm các văn bản hoàn toàn mới ngoài giáo trình nhưng có cấu trúc tương đương).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho CLO3:

Nội dung đánh giá / CLO3	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Kỹ năng dịch Hán văn (Áp dụng cho Câu 1)	Không nhận diện được các chữ Hán cơ bản. Dịch sai hoàn toàn cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa.	Dịch đúng ý nghĩa cơ bản của các đoạn Hán văn đã học nhưng hành văn còn lủng củng. Dịch văn bản mới còn nhiều sai sót.	Dịch khá trôi chảy, đúng từ vựng và ngữ pháp các văn bản Hán văn đã học. Mặc một vài lỗi nhỏ về ngữ cảnh hoặc dịch thoát ý chưa mượt mà đối với văn bản mới.	Nắm vững ngữ nghĩa lẫn ngữ pháp của từ vựng. Thể hiện tư duy ngôn ngữ nhạy bén khi xử lý tốt các văn bản Hán văn mới do giảng viên chỉ định.

Nội dung đánh giá / CLO3	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Kỹ năng phiên âm chữ Nôm (Áp dụng cho Câu 2)	Nhầm lẫn hoàn toàn các cấu tạo chữ Nôm cơ bản (hội ý, hình thanh...). Phiên âm sai lệch phần lớn văn bản/	Phiên âm được các chữ Nôm quen thuộc trong giáo trình nhưng mắc nhiều lỗi sai khi gặp các chữ Nôm có cấu tạo phức tạp.	Nắm vững cấu tạo chữ Nôm, phiên âm chính xác phần lớn các văn bản trong giáo trình. Chỉ nhầm lẫn một số ít chữ có âm đọc hoặc hình thể gần giống nhau.	Nắm vững ngữ nghĩa lẫn ngữ pháp của từ vựng. Phiên âm chuẩn xác văn bản từ quen thuộc đến các đoạn trích mới có độ khó tương đương.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Nắm vững ngữ nghĩa và ngữ pháp của chữ Hán và chữ Nôm. Dịch và phiên âm chuẩn xác, trôi chảy văn bản đã học lẫn văn bản mới. Thể hiện tư duy ngôn ngữ độc lập, nhạy bén.

- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững kiến thức. Dịch và phiên âm tốt phần lớn văn bản trong giáo trình. Xử lý khá trơn tru các văn bản mới, chỉ mắc một vài lỗi nhỏ về ngữ cảnh hoặc hình thể chữ.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Chỉ xử lý được các văn bản quen thuộc, các văn bản mới dịch rập khuôn.

- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nhận diện được mặt chữ cơ bản. Nhầm lẫn cấu trúc ngữ pháp và cấu tạo chữ Nôm.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu;	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	tác tư duy			nhuần ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	trong việc truyền tải nội dung.	thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Trí Tài, *Giáo trình tiếng Hán*, Tập 1: cơ sở, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2002.

- Nguyễn Khuê (2009), *Chữ Nôm, cơ sở và nâng cao*, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2009.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Khuê, *Tự học Hán văn*, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. TP. Hồ Chí Minh, 1995.
- Trần Văn Chánh, Lê Anh Minh, *Toàn thư tự học chữ Hán: Văn ngôn - Phật thư - Bạch thoại - Thư pháp*, TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2002

- Đào Duy Anh, *Chữ Nôm – nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, 1975

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Vũ Thị Thanh Trâm

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Hán Nôm cơ bản

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	3
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	4
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	3
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt (Vietnamese Phonetics, Vocabulary and Grammar)**
- Mã học phần: LIT326
- Số tín chỉ: 3
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số giờ tín chỉ: 45; Số giờ: 150 trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 60 Giờ
 - + Giờ giảng: 35 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 00 Giờ
 - Giờ tự học: 90 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Khắc Cường
- Chức danh, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 - 16:00)
- Địa điểm làm việc: Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
- Điện thoại: 0903948583
- Email: cuonglekha@hcmussh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thế Truyền
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ

- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Trường ĐH Sư phạm – Tp.HCM
- Điện thoại: 0909729963
- Email: nguyenthetruyen2004@yahoo.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Người học được giới thiệu các vấn đề cơ bản vị trí, vai trò của Ngữ âm học trong khoa học về ngôn ngữ; Ngữ âm học và Âm vị học; các khái niệm cơ bản của Ngữ âm học: âm vị, âm tố, âm tiết,... Bên cạnh đó, người học nắm được vị trí, vai trò của Từ vựng học trong khoa học về ngôn ngữ; các khái niệm của Từ vựng học; Từ và từ trong tiếng Việt; Cấu tạo từ tiếng Việt; Nghĩa của từ... cũng như về ngữ Pháp tiếng Việt.

4. Mục tiêu của học phần

- Ngữ âm học: Giới thiệu vị trí, vai trò của Ngữ âm học trong khoa học về ngôn ngữ; Ngữ âm học và Âm vị học; các khái niệm cơ bản của Ngữ âm học: âm vị, âm tố, âm tiết,...; Ngữ âm học tiếng Việt; vai trò của âm tiết tiếng Việt; mô tả hệ thống ngữ âm tiếng Việt theo cấu trúc âm tiết: Âm đầu; âm đệm; âm chính; âm cuối; thanh điệu.

- Từ vựng học: Giới thiệu vị trí, vai trò của Từ vựng học trong khoa học về ngôn ngữ; các khái niệm của Từ vựng học; Từ và từ trong tiếng Việt; Cấu tạo từ tiếng Việt; Nghĩa của từ; phân chia các lớp từ tiếng Việt theo nguồn gốc và phạm vi sử dụng

- Ngữ pháp tiếng Việt: hiểu về quy tắc ngữ pháp, phân tích ngữ pháp và ứng dụng vào văn bản nói và viết.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được các khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt dựa trên những tri thức ngôn ngữ học đã học.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt để phân tích, lý giải và sử dụng ngôn ngữ trong học tập và nghiên cứu.	Mức 3 (Vận dụng)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và thái	Mức 3 (Hình thành

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và vận dụng tiếng Việt.	giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1	X							
CLO2	X		X					
CLO3			X	X				
CLO4						X		

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Ngữ âm học
1.1.	Các khái niệm cơ bản
1.2.	Cấu trúc âm tiết tiếng Việt
1.3.	Âm đầu
1.4.	Âm đệm
1.5.	Âm chính
1.6.	Âm cuối
1.7.	Thanh điệu
Chương 2	Từ vựng học
2.1.	Các khái niệm cơ bản
2.2.	Từ và cấu tạo từ
2.3.	Nghĩa của từ
2.5.	Phân chia các lớp từ vựng theo nguồn gốc và phạm vi sử dụng
2.4.	Từ và Từ điển học
Chương 3	Ngữ pháp tiếng Việt
3.1.	Khái niệm Ngữ pháp
3.2.	Quá trình hình thành và phát triển

Chương	Nội dung
3.3.	Quan điểm lý thuyết
3.4.	Thực hành về ngữ pháp tiếng Việt

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước
	Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước
	- Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ					
		Giờ giảng	Giờ thực hành	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Ngữ âm học	11	5	3	0	28	40
2	Từ vựng học	11	5	3	0	28	30
3	Ngữ pháp tiếng Việt	13	5	4	0	34	40
	Tổng	35	15	10	0	90	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Tìm hiểu về ngữ âm học thế giới và Việt Nam
2. Từ vựng học, các lớp từ vựng và ngữ nghĩa
3. Các tình huống và phân tích tình huống ngữ pháp tiếng Việt

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Ngữ âm học	X			
Chương 2: Từ vựng học				X
Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt		X	X	

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phân biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X			
Phát vấn	X	X		X
Tự học có hướng dẫn	X		X	
Thuyết trình – phân biện nhóm		X		

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: tổng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích các khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc cơ bản của ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. CLO2: Khả năng phân tích các hiện tượng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ học vào	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						phân tích và sử dụng tiếng Việt trong học tập, nghiên cứu.	
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 8	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ	CLO2: Nội dung báo cáo và khả năng phân tích các hiện tượng ngôn ngữ. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức để giải thích, xử lý và trình bày các vấn đề ngôn ngữ học.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ,...	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận 3 câu; Thời gian: 90 phút; Số câu: 3

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Ngữ âm học	CLO1	0	1	0	1
Chương 2	Từ vựng học	CLO1, CLO2	0	0	1	1
Chương 3	Ngữ pháp tiếng Việt	CLO2	0	0	1	1
TỔNG	3 câu (100%)		0 câu	1 câu	2 câu	3 câu

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (3 điểm):** Chiếm khoảng 33% tổng số câu (1/3 câu) và tương đương 30% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn, có mức độ khó vừa phải, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững lý thuyết nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.

- **CLO2 (7 điểm):** Chiếm khoảng 67% tổng số câu (2/3 câu) và tương đương 70% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng tâm mang tính phân loại cao, đòi hỏi sinh viên phải vận dụng tri thức lý thuyết để xử lý các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cụ thể.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích, về những đặc trưng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. (1 câu)	Đạt dưới 1.5 điểm. Chưa phân tích được những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Phân tích được một số kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Phân tích khá đầy đủ và rõ ràng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Phân tích sâu sắc, toàn diện các kiến thức về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt.
CLO2: Vận dụng tri thức lý thuyết để giải quyết một số hiện tượng ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cụ thể. (2 câu)	Đạt dưới 3.5 điểm. Việc vận dụng lý thuyết để giải quyết các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể còn nhiều lúng túng, còn nhiều điểm chưa chính xác	Đạt từ 3.5 - 4.8 điểm. Việc vận dụng lý thuyết để giải quyết các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể còn có những lúng túng, còn có những điểm chưa chính xác.	Đạt từ 4.9 - 5.9 điểm. Có sự luận giải chính xác, gần trọn vẹn những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.	Đạt từ 6.0 - 7.0 điểm. Có sự luận giải chính xác, sâu sắc những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Nắm vững tri thức lý thuyết nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng lý thuyết để giải quyết những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể rất chính xác.

- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm khá vững tri thức lý thuyết nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng lý thuyết để giải quyết những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể khá tốt.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Nắm được những tri thức lý thuyết nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng lý thuyết để giải quyết những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể ở mức độ trung bình, còn có những sai sót.

- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Chưa nắm vững tri thức lý thuyết nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng lý thuyết để giải quyết những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể còn nhiều hạn chế.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phân biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phân biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phân biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2021.
- Nguyễn Thị Hai, *Ngữ âm học tiếng Việt hiện đại*, NXB. Thanh Niên, Hà Nội, 2017.
- Nguyễn Thiện Giáp, *Từ và Từ vựng học tiếng Việt*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
- Nguyễn Hữu Quỳnh, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2001.

12.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thiện Giáp, *Từ điển ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Lê Khắc Cường

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Thực tập cơ sở Văn học (Basic Internship in Literature)**
- Mã học phần: **LIT442**
- Số tín chỉ: **2**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT312, LIT330**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn**
- Số tín chỉ: **2** ; Số giờ: **100** Trong đó:
 - Hướng dẫn thực tập cơ sở: **03 Giờ**
 - Thảo luận nhóm: **01 Giờ**
 - Thực tập ở cơ sở: **90 Giờ**
 - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình TTCS: **6 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Đặng Quốc Minh Dương**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908479220**
- Email: **Duongdqm@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập cơ sở Văn học giúp người học quan sát, trải nghiệm và thực hiện một số nhiệm vụ nghề nghiệp cơ bản trong các môi trường liên quan đến ngành Văn học như giáo dục, truyền thông – báo chí, xuất bản, hành chính – văn phòng hoặc tổ chức văn hóa – xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng vận dụng kiến thức nền tảng về văn học, ngôn ngữ và phương pháp luận văn học vào nhiệm vụ thực tế; nhận diện yêu cầu năng lực của vị trí nghề nghiệp; thực hiện sản phẩm hoặc nhiệm vụ thực tập phù hợp với bối cảnh cơ sở; thể hiện tác phong chuyên nghiệp, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và xây dựng định hướng phát triển năng lực cá nhân.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Giúp người học làm quen với môi trường thực tế.
- Bước đầu vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào các công việc cụ thể, đó là: giảng dạy, truyền thông và quản trị văn phòng.
- Người học tích lũy, phát huy được các kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của mình.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tự lập, sáng tạo, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với vị trí và môi trường làm việc.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên ngành về văn học, ngôn ngữ và văn hóa để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.	Mức 3 (Vận dụng)
2	CLO2	Phân tích được yêu cầu năng lực, đặc điểm công việc và môi trường nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực giáo dục, truyền thông hoặc quản trị văn phòng liên quan đến ngành Văn học.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Thực hiện được sản phẩm hoặc nhiệm vụ nghề nghiệp cơ bản phù hợp với vị trí thực tập và yêu cầu của đơn vị tiếp nhận.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Phối hợp hiệu quả với cá nhân và nhóm trong môi trường làm việc; tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh cách thức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu công việc.	Mức 4 (Phối hợp)
5	CLO5	Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và định hướng	Mức 3 (Hình thành giá trị)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		phát triển năng lực cá nhân trong quá trình thực tập.	

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

CLOs / PLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2		X	X					
CLO3				X		X		
CLO4					X		X	
CLO5							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tập huấn cho người học trước khi đi thực tập cơ sở Văn học
1.1.	Giới thiệu tổng quan, mục đích, ý nghĩa về học phần Thực tập cơ sở Văn học
1.2.	Giới thiệu về môi trường thực tập và các bên liên quan
1.3.	Chia sẻ một số kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết để có kết quả thực tập tốt.
1.4	Hướng dẫn viết báo cáo Thực tập cơ sở Văn học
Chương 2.	Thực hiện công tác chuyên môn tại đơn vị thực tập
2.1	Thực tập Giảng dạy văn học: - Công tác giảng dạy + Chuẩn bị và lập kế hoạch giảng dạy ngữ văn, cụ thể: người học cần nắm bắt chương trình và phân phối chương trình môn học; xác định mục tiêu, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp với nội dung, đặc điểm học sinh và điều kiện cơ sở vật chất của nơi thực tập; nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đồ dùng dạy học, thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học. + Thực tập giảng dạy: Dự giờ học hỏi kinh nghiệm, soạn giáo án và giảng tập. - Công tác chủ nhiệm lớp: + Tham gia công tác chủ nhiệm lớp như quản lý lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục theo sự chỉ dẫn của giáo viên hướng dẫn tại cơ sở.
2.2.	Thực tập văn - truyền thông: - Thực hiện tác phẩm báo chí thuộc các thể loại sau như tin, phóng sự,

Chương	Nội dung
	phòng vấn, câu chuyện truyền thanh, bình luận... - Xây dựng chương trình truyền thông, truyền hình (chương trình thời sự, chuyên đề, chuyên mục, chương trình giải trí...) hoặc phát thanh.
2.3	Thực tập văn - quản trị văn phòng: - Quan sát, tìm hiểu công tác quản lý, lưu trữ tài liệu, văn bản. - Soạn thảo được các loại văn bản hành chính (ít nhất 10 loại văn bản hành chính). - Ứng dụng thiết bị công nghệ trong công tác hành chính – văn phòng.
Chương 3.	Báo cáo và nghiệm thu kết quả thực tập
3.1.	Phiếu đánh giá của cơ sở thực tập
3.2.	Nhật ký thực tập
3.3.	Báo cáo thực tập cơ sở Văn học

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học đọc tài liệu và làm bài tập theo chỉ dẫn của người hướng dẫn thực tập.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Các nhóm thực hiện các đề tài, chuyên đề, công việc theo yêu cầu của người hướng dẫn thực tập. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc cho người hướng dẫn thực tập.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 50 giờ)

TT	Nội dung	Số tiết tín chỉ				
		Hướng dẫn thực tập	Thảo luận	Thực tập cơ sở	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá	Tổng
1	Tập huấn cho người học trước khi đi thực tập cơ sở Văn học	3	1	0	0	4
2	Thực hiện công tác chuyên môn tại đơn vị thực tập	0	0	90	0	90
3	Báo cáo và nghiệm thu kết quả thực tập	0	0	0	6	6
Tổng		3	1	90	6	100

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung các mục	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tập huấn cho người học trước khi đi thực tập cơ sở Văn học					X
Thực hiện công tác chuyên môn tại đơn vị thực tập	X	X	X	X	X
Báo cáo và nghiệm thu kết quả thực tập	X	X			X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hướng dẫn và quan sát thực tế
- Học tập theo dự án/nhiệm vụ
- Viết báo cáo, nhật ký thực tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Hướng dẫn và quan sát thực tế	X	X	X	X	X
Học tập theo dự án/nhiệm vụ	X		X	X	X
Viết báo cáo, nhật ký thực tập	X	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ 100% các buổi tập huấn, hướng dẫn thực tập do GV phụ trách và Khoa tổ chức.
- Tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo mật thông tin và thời gian làm việc của cơ quan tiếp nhận thực tập.
- Chủ động quan sát, học hỏi và vận dụng kiến thức chuyên ngành Văn học vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tế (biên tập, truyền thông, hành chính văn phòng...); tích cực phối hợp làm việc nhóm với cán bộ tại cơ sở.
- Nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn; tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, báo cáo tổng kết và nghiệm thu kết quả với GV phụ trách học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập cuối kỳ dựa trên điểm đánh giá từ hai thành phần: Điểm đánh giá từ phía cơ sở thực tập (trọng số 60%) và điểm bài báo cáo thực tập (trọng số 40%).

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian	Công cụ đánh giá	Ghi chú
1. Cơ sở thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%	Thái độ, Kỹ năng nghiệp vụ, Kiến thức	Suốt kỳ thực tập	Phiếu xác nhận và nhận xét của nhà trường, doanh nghiệp	Đánh giá kỷ luật, thái độ và khả năng thích nghi; kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ được giao
2. Báo cáo thực tập	CLO1, CLO2	40%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần cuối	Báo cáo thực tập & Sản phẩm demo	Đánh giá năng lực chuyên môn và kết quả thực hiện.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Báo cáo thực tập	CLO1; CLO2	40%	Kiến thức	Suốt học kỳ	Báo cáo thực tập	CLO1: Khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành vào hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập. CLO2: Khả năng phân tích yêu cầu năng lực, đặc điểm công việc và môi trường nghề nghiệp tại cơ sở thực tập.	Báo cáo thực tập
Cơ sở thực tập	CLO3; CLO4	50%	Kỹ năng nghề	Suốt học kỳ	Phiếu nhận	CLO3: Mức độ hoàn thành	Cơ sở thực tập

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Ý thức, thái độ			ng nghiệp		xét, đánh giá của cơ sở thực tập	nhiệm vụ hoặc sản phẩm nghề nghiệp được giao. CLO4: Kỹ năng phối hợp làm việc, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh cách thức thực hiện nhiệm vụ.	
	CLO5	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm và nhận xét của cơ sở thực tập	Tác phong chuyên nghiệp, ý thức kỷ luật, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và định hướng phát triển nghề nghiệp cá nhân.	Ý thức, thái độ

11.3. Công cụ đo CLO

a. Rubric 1: Đánh giá Kiến thức (CLO1 - Trọng số 30%)

Nội dung: Trình bày tổng quan

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Tổng quan về cơ sở thực tập (1.0đ)	Không mô tả được sự hình thành phát triển	Mô tả được sơ lược về sự hình thành phát triển	Mô tả được đầy đủ, chi tiết về sự hình thành và phát triển	Nhận xét, đánh giá được về sự hình thành phát triển của doanh nghiệp
Sơ đồ tổ chức (1.0đ)	Không vẽ được sơ đồ tổ chức	Vẽ được sơ lược nhưng không đầy đủ	Vẽ được đầy đủ	Vẽ đầy đủ sơ đồ và chi tiết hơn các bộ phận
Mô tả phòng	Không mô tả	Mô tả được sơ	Mô tả được đầy	Mô tả được

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
ban/vị trí thực tập (1.0đ)	được phòng ban	lược nhưng không đầy đủ	đủ phòng/ban thực tập	phòng ban, vị trí thực tập và có nhận xét, cảm nhận ban đầu về phòng ban thực tập

b. Rubric 2: Đánh giá báo cáo (CLO2 – Trọng số 30%)

Nội dung Thực hiện các sản phẩm/báo cáo.

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Chất lượng báo cáo & Lộ trình (3.0đ)	Báo cáo sơ sài, sai định dạng; không xây dựng được lộ trình cá nhân.	Báo cáo đầy đủ đề mục nhưng phân tích thiếu chiều sâu; lộ trình cá nhân còn chung chung.	Trình bày báo cáo đúng quy chuẩn kỹ thuật; lập kế hoạch phát triển sự nghiệp khả thi, bám sát thực tế.	Báo cáo logic, minh chứng thuyết phục; xây dựng lộ trình sự nghiệp mang tính chiến lược và dài hạn.

c. Rubric 3: Đánh giá Kỹ năng chuyên môn (CLO3, CLO4 - Trọng số 20%)

Nội dung Thực hiện các nhiệm vụ kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ.

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Giải quyết các nhiệm vụ được giao (2.0đ)	Không hoàn thành các nhiệm vụ được giao; sản phẩm lỗi hoặc không có tính ứng dụng.	Hoàn thành nhiệm vụ ở mức cơ bản, còn phụ thuộc hướng dẫn.	Tự chủ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ	Giải quyết sáng tạo các nhiệm vụ được giao thể hiện tính chuyên nghiệp cao.

d. Rubric 4: Đánh giá Thái độ và Kỷ luật (CLO5 - Trọng số 20%)

Nội dung Đánh giá của doanh nghiệp về thái độ

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
Kỷ luật và Tác phong (1.0đ)	Thường xuyên trễ giờ; vi phạm nội quy an toàn/bảo mật của doanh nghiệp.	Tuân thủ giờ giấc và nội quy nhưng còn thụ động trong việc thích nghi văn	Tác phong lịch sự, chuyên nghiệp; chấp hành tuyệt đối mọi quy định bảo	Guang mẫu trong kỷ luật; chủ động hỗ trợ duy trì trật tự và an toàn tại đơn vị

Tiêu chí	Yếu (Không đạt) < 5.0	Trung bình (Đạt) 5.0 - 6.4	Khá (Đạt) 6.5 - 7.9	Giỏi (Đạt) 8.0 - 10
		hóa công ty.	mật và nội quy cơ sở.	thực tập.
Giao tiếp và Làm việc nhóm (1.0đ)	Thiếu kỹ năng giao tiếp; không phối hợp với đồng nghiệp trong các dự án của DN.	Có tham gia giao tiếp và phối hợp nhóm nhưng chưa hiệu quả, còn rụt rè.	Giao tiếp tự tin; phối hợp nhịp nhàng với nhóm dự án; chủ động đặt câu hỏi chuyên môn sâu.	Khả năng tương tác xuất sắc; có tư duy lãnh đạo nhóm hoặc đề xuất được giải pháp gắn kết tập thể.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1 Tài liệu chính

- Nhiều tác giả, *Nghiên cứu, giảng dạy văn học và GS. NGND Hoàng Như Mai*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

- Nguyễn Văn Bằng, *Giáo trình Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Xây dựng, 2021.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Nội vụ, *Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư*, 2020.

- Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Điệp & Trần Phương Hiền, *Giáo trình Quản trị văn phòng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012.

- Đỗ Thị Thu Hằng, *Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2023.

- Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), *Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Tiếp nhận văn học (Literary Reception)**
- Mã học phần: **LIT311**
- Số tín chỉ: **2**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **100** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **20 Giờ**
 - + Thảo luận: **10 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **10 Giờ**
 - Giờ tự học: **60 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Huỳnh Thị Mai Trinh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918807812**
- Email: **TrinhHTM@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về tiếp nhận văn học, người đọc, mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu một số khuynh hướng tiếp nhận tiêu biểu cũng như những quan niệm lý thuyết của các nhà lý luận về lĩnh vực này.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung mang tính chất lý luận về mỹ học tiếp nhận.

- Hệ thống hóa về mặt lý thuyết mối quan hệ: nhà văn – tác phẩm – người đọc.

- Người học biết vận dụng lý thuyết tiếp nhận vào nghiên cứu tác phẩm văn học cụ thể.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và trình bày đúng, hay, hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO 1	Phân tích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của mỹ học tiếp nhận, các khuynh hướng tiếp nhận văn học tiêu biểu và mối quan hệ giữa nhà văn, tác phẩm và người đọc.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO 2	Đánh giá được sự vận động của lý thuyết tiếp nhận văn học để phân tích, lý giải và đánh giá sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm hoặc hiện tượng văn học cụ thể.	Mức 5 (Đánh giá)
3	CLO 3	Trình bày được các luận điểm nghiên cứu một cách logic, thuyết phục; đáp ứng các yêu cầu về cấu trúc, văn phong và chuẩn mực của văn bản học thuật.	Mức 3 (Chuẩn xác)
4	CLO 4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu và vận dụng tri thức tiếp nhận văn học vào định hướng phát triển năng lực chuyên môn.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X	X				
CLO3				X				
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Những vấn đề chung về nghiên cứu mỹ học tiếp nhận
1.1.	Sự xoay trục từ nghiên cứu văn học theo nguồn gốc-lịch sử sang nghiên cứu theo chức năng-lịch sử.
1.2.	Những điều kiện và nguyên nhân bên trong và bên ngoài văn học của sự xuất hiện các lý thuyết tiếp nhận từ giữa thế kỷ XX
1.3.	Một số thuật ngữ, khái niệm về tiếp nhận văn học
1.4	Một số trường phái, khuynh hướng tiếp nhận văn học
Chương 2	Trường phái Konstanz
2.1.	Hans Robert Jauss và Lịch sử văn học
2.2.	Wolfgang Iser và Hành động đọc
Chương 3	Nghiên cứu tiếp nhận văn học ở Việt Nam
3.1.	Dịch thuật lí thuyết tiếp nhận
3.2.	Một số nhà nghiên cứu và lí thuyết tiêu biểu
3.3.	Ứng dụng lí thuyết tiếp nhận vào nghiên cứu văn học ở Việt Nam

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học xây dựng qui trình ban hành văn bản theo yêu cầu của giảng viên
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
Chương 1	Những vấn đề chung về nghiên cứu mỹ học tiếp nhận	5	0	0	10	15
Chương 2	Trường phái Konstanz	10	5	5	30	45
Chương 3	Nghiên cứu tiếp nhận	5	5	5	20	30

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
	văn học ở Việt Nam					
	Tổng	20	10	10	60	90

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU TÀI

1. Vai trò của người đọc trong quá trình tồn tại và phát triển của tác phẩm văn học.
2. Mối quan hệ giữa nhà văn – tác phẩm – người đọc trong lý thuyết tiếp nhận văn học.
3. Các khuynh hướng tiếp nhận văn học tiêu biểu trên thế giới và những đóng góp đối với nghiên cứu văn học hiện đại.
4. Phản hồi của độc giả và sự thay đổi giá trị của tác phẩm văn học qua các thời kỳ lịch sử.
5. Khái niệm “tâm đón đợi” và ý nghĩa của nó trong nghiên cứu tiếp nhận văn học.
6. Cộng đồng diễn giải và vai trò của cộng đồng độc giả trong việc kiến tạo ý nghĩa tác phẩm.
7. Tiếp nhận văn học trong thời đại truyền thông số và văn học mạng.
8. Vai trò của mạng xã hội trong quá trình tiếp nhận, đánh giá và lan tỏa tác phẩm văn học đương đại.
9. Tiếp nhận một tác giả hoặc tác phẩm văn học nước ngoài tại Việt Nam từ góc nhìn mỹ học tiếp nhận.
10. Sự khác biệt trong tiếp nhận văn học giữa các nhóm độc giả theo độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp hoặc trình độ học vấn.
11. Người đọc và nghiên cứu văn học hiện nay: từ tiếp nhận thụ động đến đồng sáng tạo ý nghĩa văn bản.
12. Tiếp nhận văn học trong nhà trường và ngoài xã hội: những điểm tương đồng và khác biệt.
13. Vận dụng lý thuyết tiếp nhận để phân tích sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại.
14. Vận dụng lý thuyết tiếp nhận để phân tích sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm văn học nước ngoài.
15. Giá trị của mỹ học tiếp nhận trong nghiên cứu và giảng dạy văn học hiện nay.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Những vấn đề chung về nghiên cứu mỹ học tiếp nhận	X	X		X

Chương 2: Trường phái Konstanz	X	X	X	X
Chương 3: Nghiên cứu tiếp nhận văn học ở Việt Nam		X	X	X

8. Phương pháp dạy – học:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình -Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Dánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	15%	Kiến thức	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá khả năng phân tích các khái niệm, nguyên lý cơ bản của mỹ học tiếp nhận và các khuynh hướng tiếp nhận văn học
	CLO2	30%	Vận dụng	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết tiếp nhận để phân tích, lý giải và đánh giá hiện tượng văn học cụ thể
	CLO3	15%	Kỹ năng	Tuần cuối	Bài tiểu luận	Đánh giá cấu trúc, lập luận,

Đánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
			học thuật			văn phong và chuẩn mực trình bày học thuật
Phần II: Quá trình	CLO1, CLO2	30%	Kiến thức và vận dụng	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết; Báo cáo tiến độ; Đề cương tiểu luận	Đánh giá khả năng nắm vững cơ sở lý thuyết và xây dựng hướng nghiên cứu
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần; Theo dõi quá trình thực hiện tiểu luận	Đánh giá tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	Nội dung đánh giá chi tiết	CLO tương ứng	Điểm thành phần (Thang 10)
Phần 1: Quy chuẩn và Liêm chính học thuật	- Đảm bảo cấu trúc bài tiểu luận đúng chuẩn - Văn phong khách quan, logic. Tuân thủ các quy định về trích dẫn, thể hiện sự độc lập trong tư duy.	CLO3 (Mức 3 - Chuẩn hóa)	1.5 đ
Phần 2: Nội dung cốt lõi			8.5 đ
Chương 1: Khung lý thuyết về quá trình tiếp nhận	- Hệ thống hóa rõ ràng các khái niệm then chốt (như <i>Tâm đón nhận</i> , <i>Khoảng cách thẩm mỹ</i> , ..). - Giải thích được cơ chế tương tác phức tạp giữa Nhà văn - Tác phẩm - Người đọc theo một khuynh hướng tiếp nhận cụ thể.	CLO1 (Mức 3 - Vận dụng)	2.5 đ

Cấu trúc bài làm	Nội dung đánh giá chi tiết	CLO tương ứng	Điểm thành phần (Thang 10)
Chương 2: Khảo sát thực tiễn sự vận động tiếp nhận	- Vận dụng lý thuyết để bóc tách lịch sử tiếp nhận của một hiện tượng văn học cụ thể. - Lưu ý định hướng đề tài: Khuyến khích sinh viên chọn đối tượng nghiên cứu là sáng tác của tác giả đã có độ lùi lịch sử nhất định, từ đó mới có thể bước đầu đo lường và phân tích sự dịch chuyển của “tâm đón nhận” qua các không gian và thời gian khác nhau một cách trọn vẹn.	CLO2 (Mức 4 - Phân tích)	4.0 đ
Chương 3: Bàn luận và Tổng kết quy luật	- Xây dựng các luận điểm phân biện, đưa ra tiếng nói cá nhân mang tính học thuật. - Trình bày các lập luận một cách sắc bén để tổng kết lại quy luật tiếp nhận của hiện tượng văn học đã khảo sát, trả lời trọn vẹn cho mục tiêu nghiên cứu đặt ra ở phần mở đầu.	CLO3 (Mức 3 - Chuẩn hóa)	2.0 đ

b. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Năng lực lý thuyết về Mỹ học tiếp nhận	25%	CLO1	Phân tích xuất sắc, chính xác và có hệ thống các khái niệm, nguyên lý cơ bản (như tâm đón đợi, khoảng trống, người đọc giả định...); lý giải sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa nhà văn - tác phẩm - người đọc và các khuynh	Trình bày đúng và khá đầy đủ các khái niệm, nguyên lý cơ bản và mối quan hệ giữa nhà văn - tác phẩm - người đọc; tuy nhiên phân phân tích các	Nêu được các khái niệm và nguyên lý nhưng nội dung chủ yếu là chép lại giáo trình, mang tính liệt kê; hiểu còn mơ hồ hoặc tách rời mối quan hệ	Hiểu sai lệch lý thuyết hoặc bỏ sót các nguyên lý nền tảng của mỹ học tiếp nhận; không nêu được các khuynh hướng tiếp nhận tiêu biểu.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				hướng tiếp nhận.	khuyến hướng tiếp nhận còn phân mảnh, chưa có sự khái quát cao.	giữa tác giả, tác phẩm và độc giả.	
2	Vận dụng lý thuyết vào phân tích hiện tượng/tác phẩm cụ thể	40%	CLO2	Vận dụng cực kỳ uyển chuyển và sắc bén sự vận động của lý thuyết tiếp nhận để lý giải, đánh giá sâu sắc sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm/hiện tượng văn học; dẫn chứng đắt giá, thuyết phục.	Vận dụng tốt lý thuyết để phân tích và đánh giá sự tiếp nhận của độc giả; tiến trình lập luận rõ ràng nhưng đôi chỗ phân tích hiện tượng thực tế còn bị tách rời khỏi hệ thống lý thuyết nền.	Có cố gắng áp dụng lý thuyết nhưng bài viết dễ bị sa đà vào việc tóm tắt nội dung tác phẩm hoặc liệt kê đơn thuần các ý kiến dư luận, chưa dùng lý thuyết để "giải mã" cơ chế tiếp nhận.	Không vận dụng được lý thuyết; phân tích hiện tượng/tác phẩm theo lối cảm tính, ấn tượng chủ quan; hoặc chọn hiện tượng không phù hợp với phạm vi lý thuyết tiếp nhận.
3	Tư duy phân biện và tính thuyết phục của luận điểm	20%	CLO3	Các luận điểm nghiên cứu được phát triển cực kỳ logic, mạch lạc và có tính phát hiện; thể hiện tư duy phân biện sắc sảo và dấu ấn cá nhân (giọng điệu học thuật riêng) rất rõ nét.	Hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận có căn cứ và có tính thuyết phục khá tốt; biết đặt vấn đề đối thoại dù tư duy phân biện đôi chỗ	Luận điểm còn lỏng lẻo, các phần kết nối với nhau chưa thật sự logic; bài viết chủ yếu đồng tình với các ý kiến có sẵn, thiếu	Lập luận mâu thuẫn, rời rạc; không hình thành được hệ thống luận điểm nghiên cứu rõ ràng; các nhận định đưa ra không có căn cứ khoa học.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
					còn theo lối mòn, chưa đột phá.	chính kiến hoặc góc nhìn phản biện cá nhân.	
4	Quy chuẩn văn bản học thuật và Liêm chính khoa học	15%	CLO3	Cấu trúc bài tiểu luận hoàn hảo; văn phong học thuật chuẩn mực, khách quan; trích dẫn tài liệu tham khảo chính xác tuyệt đối theo quy chuẩn (APA/MLA..); tuân thủ nghiêm ngặt liêm chính học thuật.	Bố cục rõ ràng; văn phong phù hợp; trích dẫn đầy đủ và đúng quy chuẩn, tuy nhiên còn sót một vài lỗi nhỏ về định dạng văn bản hoặc lỗi diễn đạt kỹ thuật.	Bố cục bài viết chưa cân đối; diễn đạt đôi chỗ còn mang tính khẩu ngữ; hệ thống trích dẫn và tài liệu tham khảo còn lộn xộn, mắc nhiều lỗi format.	Vi phạm nghiêm trọng liêm chính học thuật (đạo văn, sao chép không trích nguồn); văn phong không phù hợp với văn bản khoa học; trình bày cầu thả.

*Mô tả mức năng lực tổng quát (theo thang điểm 10):

- **Mức Xuất sắc (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên nắm vững và hệ thống hóa sâu sắc các vấn đề lý luận của mỹ học tiếp nhận; hiểu rõ các khuynh hướng tiếp nhận tiêu biểu và mối quan hệ giữa nhà văn – tác phẩm – người đọc. Vận dụng linh hoạt lý thuyết tiếp nhận để phân tích, lý giải hiện tượng văn học hoặc quá trình tiếp nhận của độc giả đối với tác phẩm cụ thể. Bài viết thể hiện tư duy nghiên cứu độc lập, khả năng phản biện tốt, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực và văn phong học thuật chuẩn mực. Đồng thời, sinh viên thể hiện ý thức học thuật cao, tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc trích dẫn, bản quyền và trung thực trong nghiên cứu.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm được các nội dung lý luận cơ bản của mỹ học tiếp nhận và vận dụng tương đối hiệu quả vào việc phân tích tác phẩm hoặc hiện tượng văn học. Bài viết có bố cục hợp lý, lập luận rõ ràng và sử dụng dẫn chứng phù hợp. Sinh viên thể hiện được khả năng trình bày học thuật và ý thức nghiên cứu nghiêm túc, tuy chiều sâu phân tích hoặc tính sáng tạo trong cách tiếp cận vấn đề chưa thực sự nổi bật.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Trình bày được những kiến thức cơ bản về mỹ học tiếp nhận nhưng còn thiếu tính hệ thống; việc vận dụng lý thuyết vào phân tích hiện tượng văn học còn đơn giản hoặc thiên về mô tả. Bài viết đạt yêu cầu tối thiểu về cấu trúc nhưng lập luận chưa thật chặt chẽ, dẫn chứng còn hạn chế và khả năng khái quát vấn đề chưa cao. Ý thức học thuật được thể hiện ở mức cơ bản.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm được những khái niệm và nội dung cốt lõi của mỹ học tiếp nhận; nhầm lẫn hoặc trình bày sai các vấn đề lý luận cơ bản. Không vận dụng được lý thuyết tiếp nhận để phân tích hiện tượng văn học; bài viết thiếu lập luận, dẫn chứng không phù hợp hoặc lạc đề. Hình thức trình bày chưa đáp ứng yêu cầu học thuật, có thể vi phạm các nguyên tắc trích dẫn hoặc trung thực trong nghiên cứu.

c. Rubric đánh giá bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Tiêu chí 1: Nội dung học thuật và vận dụng lý thuyết (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không nắm được nội dung lý thuyết mỹ học tiếp nhận; trình bày sai hoặc thiếu các khái niệm cơ bản; không vận dụng được lý thuyết vào đối tượng nghiên cứu.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Trình bày được các nội dung cơ bản nhưng còn rời rạc; việc vận dụng lý thuyết tiếp nhận còn đơn giản và thiếu chiều sâu.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Hệ thống hóa được các luận điểm chính; vận dụng khá tốt lý thuyết tiếp nhận để phân tích hiện tượng hoặc tác phẩm văn học.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Nắm vững lý thuyết; vận dụng linh hoạt và sáng tạo vào phân tích hiện tượng tiếp nhận văn học; thể hiện tư duy nghiên cứu và góc nhìn phân biện rõ nét.
Tiêu chí 2: Kỹ năng trình bày và lập luận học thuật (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Diễn đạt thiếu mạch lạc; đọc chép nội dung; lập luận rời rạc, khó theo dõi.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Trình bày được nội dung nhưng còn phụ thuộc vào tài liệu; lập luận chưa thật chặt chẽ.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Diễn đạt rõ ràng, tự tin; lập luận hợp lý; biết nhấn mạnh các luận điểm quan trọng.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Trình bày thuyết phục; lập luận sắc bén; làm chủ hoàn toàn nội dung và có khả năng dẫn dắt người nghe vào vấn đề nghiên cứu.
Tiêu chí 3: Hình thức trình bày và sử dụng tư liệu minh	Đạt dưới 1.0 điểm. Slide hoặc tư liệu minh họa sơ sài, nhiều lỗi	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Hình thức trình bày đạt yêu cầu tối thiểu nhưng	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Slide rõ ràng, bố cục hợp lý; sử dụng được	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Hình thức trình bày chuyên nghiệp; tư liệu minh họa

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
họa (2.0 điểm)	trình bày; không hỗ trợ cho nội dung báo cáo.	còn đơn điệu; tư liệu minh họa chưa phong phú.	hình ảnh, sơ đồ hoặc trích dẫn để minh họa cho vấn đề nghiên cứu.	phong phú, phù hợp và góp phần làm nổi bật các luận điểm nghiên cứu.
Tiêu chí 4: Tinh thần học thuật, phản biện và phối hợp nhóm (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Thiếu tinh thần hợp tác; không tham gia thảo luận hoặc không trả lời được các câu hỏi phản biện.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Có tham gia nhưng còn thụ động; trả lời phản biện còn lúng túng; phối hợp nhóm chưa hiệu quả.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Tham gia tích cực; trả lời được các câu hỏi cơ bản; phối hợp nhóm tương đối tốt.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Thể hiện tinh thần học thuật nghiêm túc; phản biện thuyết phục; biết lắng nghe, trao đổi và phối hợp nhóm hiệu quả trong quá trình nghiên cứu và trình bày.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Huỳnh Văn, *Tiếp nhận văn học*, NXB Văn học, Hà Nội, 2023.
- Takashi Saito, *Nơi chỉ có người đọc sách mới có thể chạm tới*, NXB Phụ nữ Việt Nam, 2021.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Huỳnh Văn Vân (chủ nhiệm đề tài), *Tiếp nhận văn học (một số vấn đề lý luận và những nghiên cứu thực tiễn)*, đề tài cấp trường, 2022.
- Aristote, *Nghệ thuật thơ ca*, NXB Lao động, Hà Nội, 2007.
- Hoàng Phong Tuấn, *Văn học – Người đọc – Định chế tiếp nhận Văn học: giới thiệu lý thuyết, nghiên cứu và dịch thuật*, Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 2017.
- Trương Đăng Dung, *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Hà Nội: Khoa học Xã hội, 2004.
- Trương Đăng Dung, “Từ văn bản đến tác phẩm văn học và giá trị thẩm mỹ”, *Tạp chí Văn học nước ngoài*, số 6, 130 – 140, 2009
- Jauss Hans Robert, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học (phần 1), (Huỳnh Văn dịch), *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, số 9-2015.
- Jauss Hans Robert, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học” (phần 2) (Huỳnh Văn dịch), *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, số 10-2016.
- Jauss Hans Robert, “Lịch sử văn học như là sự thách thức đối với khoa học văn học (tiếp theo và hết), (Huỳnh Văn dịch), *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 11-2016.

- Lưu Hồng Sơn, Từ hành động đọc đến hành động hư cấu: nhân học văn học của Wolfgang Iser, Trần Thị Hoàng Tân (biên tập), *Vượt qua những ranh giới của văn chương*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2019.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	3
2	Năng lực phân biện trực tiếp	4	Phân xê cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phân biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	4
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phân biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	3
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.. | |

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần:
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Năng lực lý thuyết về Mỹ học tiếp nhận	25%	CLO1	Phân tích xuất sắc, chính xác và có hệ thống các khái niệm, nguyên lý cơ bản (như tâm đón đợi, khoảng trống, người đọc giả định...); lý giải sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa nhà văn - tác phẩm - người đọc và các khuynh hướng tiếp nhận.	Trình bày đúng và khá đầy đủ các khái niệm, nguyên lý cơ bản và mối quan hệ giữa nhà văn - tác phẩm - người đọc; tuy nhiên phần phân tích các khuynh hướng tiếp nhận còn phân mảnh, chưa có sự khái quát cao.	Nêu được các khái niệm và nguyên lý nhưng nội dung chủ yếu là chép lại giáo trình, mang tính liệt kê; hiểu còn mơ hồ hoặc tách rời mối quan hệ giữa tác giả, tác phẩm và độc giả.	Hiểu sai lệch lý thuyết hoặc bỏ sót các nguyên lý nền tảng của mỹ học tiếp nhận; không nêu được các khuynh hướng tiếp nhận tiêu biểu.	
2	Vận dụng lý thuyết vào phân	40%	CLO2	Vận dụng cực kỳ uyển chuyển và sắc bén sự vận động của lý thuyết tiếp	Vận dụng tốt lý thuyết để phân tích và đánh giá sự tiếp nhận của độc giả;	Có cố gắng áp dụng lý thuyết nhưng bài viết dễ bị sa đà vào việc tóm tắt nội	Không vận dụng được lý thuyết; phân tích hiện tượng/tác phẩm	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	tích hiện tương cụ thể			nhận đề lý giải, đánh giá sâu sắc sự tiếp nhận của độc giả đối với một tác phẩm/hiện tượng văn học; dẫn chứng đắt giá, thuyết phục.	tiến trình lập luận rõ ràng nhưng đôi chỗ phân tích hiện tượng thực tế còn bị tách rời khỏi hệ thống lý thuyết nền.	đung tác phẩm hoặc liệt kê đơn thuần các ý kiến dư luận, chưa dùng lý thuyết để phân tích cơ chế tiếp nhận.	theo lối cảm tính, ảm tượng chủ quan; hoặc chọn hiện tượng không phù hợp với phạm vi lý thuyết tiếp nhận.	
3	Tư duy phân biện và tính thuyết phục của luận điểm	20%	CL03	Các luận điểm nghiên cứu được phát triển cực kỳ logic, mạch lạc và có tính phát hiện; thể hiện tư duy phân biện sắc sảo và dấu ấn cá nhân (giọng điệu học thuật riêng) rất rõ nét.	Hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận có căn cứ và có tính thuyết phục khá tốt; biết đặt vấn đề đối thoại dù tư duy phân biện đôi chỗ còn theo lối mòn, chưa đột phá.	Luận điểm còn lỏng lẻo, các phần kết nối với nhau chưa thật sự logic; bài viết chủ yếu đồng tình với các ý kiến có sẵn, thiếu chính kiến hoặc góc nhìn phân biện cá nhân.	Lập luận mâu thuẫn, rời rạc; không hình thành được hệ thống luận điểm nghiên cứu rõ ràng; các nhân định đưa ra không có căn cứ khoa học.	
4	Quy chuẩn văn bản học thuật và Liêm chính khoa học	15%	CL03	Cấu trúc bài tiểu luận hoàn hảo; văn phong học thuật chuẩn mực, khách quan; trích dẫn tài liệu tham khảo chính xác tuyệt đối theo quy chuẩn.	Bố cục rõ ràng; văn phong phù hợp; trích dẫn đầy đủ và đúng quy chuẩn, tuy nhiên còn sót một vài lỗi nhỏ về định dạng văn bản hoặc lỗi diễn đạt kỹ thuật.	Bố cục bài viết chưa cân đối; diễn đạt đôi chỗ còn mang tính khẩu ngữ; hệ thống trích dẫn và tài liệu tham khảo còn lộn xộn, mắc nhiều lỗi format.	Ví phạm nghiêm trọng liêm chính học thuật (đạo văn, sao chép không trích nguồn); văn phong không phù hợp với văn bản	



STT	Tiêu chí đánh giá	Trong số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
				tuần thủ nghiệm ngặt liền chính học thuật.			khóa học; trình bày câu trả.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phong cách học tiếng Việt (Vietnamese Language Studies)**
- Mã học phần: **LIT309**
- Số tín chỉ: **2**
- Cấp đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ;Số giờ: **100** ,trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **15 Giờ**
 - + Thảo luận: **15 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Thế Truyền**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Trường Đại học Su phạm Thành phố Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **0909729963**
- Email: **nguyenthetruyen2004@yahoo.com**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Lê Dương Khắc Minh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918365444**
- Email: **Minhlkd@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về Phong cách học tiếng Việt, nhằm giúp người học có được các kiến thức cơ bản về phong cách học tiếng Việt từ cội nguồn đến thời kỳ đương đại và những kỹ năng cần thiết về phân tích và diễn giải văn bản (đặc biệt là văn bản văn chương) từ góc độ ngôn ngữ và phong cách. Người học được giới thiệu các vấn đề cơ bản về tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng. Ngoài ra, học phần giới thiệu thêm các vấn đề mới nhất của phong cách học đương đại.

4. Mục tiêu của học phần

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về phong cách học tiếng Việt.
- Trang bị kiến thức về phương pháp phân tích, diễn giải, thẩm bình văn bản từ góc độ ngôn ngữ và phong cách.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng, phong cách học đương đại.
- Cung cấp kiến thức chuyên sâu về hệ thống các phép tu từ, hệ thống các phong cách chức năng.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được các khái niệm, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và những vấn đề cơ bản của phong cách học tiếng Việt.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được đặc điểm của tu từ học, phong cách học hình thức, phong cách học chức năng và các hiện tượng phong cách trong văn bản tiếng Việt.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức phong cách học để phân tích, lý giải và đánh giá giá trị biểu đạt của các phương tiện ngôn ngữ trong văn bản văn học và các loại văn bản khác.	Mức 3 (Vận dụng)
4	CLO4	Trình bày và bảo vệ được các nhận định về hiện tượng phong cách học bằng lập luận rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong học tập và nghiên cứu.	Mức 4 (Phối hợp)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3			X	X				
CLO4				X	X			

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Những vấn đề chung về phong cách học
1.1.	Phong cách và phong cách học
1.2.	Mục đích của phong cách học
1.3.	Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của phong cách học
1.4	Vai trò của phong cách học
1.5.	Nguyên tắc, hướng tiếp cận và phương pháp nghiên cứu
Chương 2	Tu từ học
2.1.	Sơ lược lịch sử của tu từ học
2.2.	Thành tựu nghiên cứu của tu từ học
2.3.	Vai trò của tu từ học đối với phong cách học hiện đại
2.4.	Hệ thống phép tu từ
Chương 3	Phong cách học hình thức
3.1.	Khái niệm phong cách học hình thức
3.2.	Quá trình hình thành và phát triển
3.3.	Quan điểm lý thuyết
3.4.	Những lời chỉ trích
Chương 4	Phong cách học chức năng
4.1.	Phong cách học chức năng trường phái Praha và Nga Xô viết
4.2.	Phong cách học chức năng trường phái Halliday
4.3.	Hệ thống các phong cách chức năng
4.4.	Phân loại các phương tiện ngôn ngữ từ góc độ phong cách học chức năng
Chương 5	Phong cách học đương đại

Chương	Nội dung
5.1.	Phong cách học nữ quyền
5.2.	Phong cách học khối liệu
5.3.	Phong cách học tri nhận/ Thi pháp học tri nhận
5.4.	Phong cách học phê phán
5.5.	Phong cách học truyện tranh
5.6.	Phong cách học về phim
5.7.	Phong cách học đa phương thức

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học đọc các ngữ liệu do GV cung cấp và trình bày một số vấn đề mà GV yêu cầu
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học tham gia vào nhóm (khoảng 3 đến 5 sinh viên) thực hiện một đề tài tự chọn theo gợi ý của GV. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ dạy	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Những vấn đề chung về phong cách học	3	0	0	10	15
2	Tu từ học	3	3	0	10	16
3	Phong cách học hình thức	3	3	0	15	21
4	Phong cách học chức năng	3	3	0	15	21
5	Phong cách học đương đại	3	6	0	20	39
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Mối quan hệ giữa phong cách học và tu từ học?
2. Phân tích đặc điểm phong cách trong một văn bản cụ thể.
3. Vai trò của phong cách học trong nghiên cứu và sử dụng tiếng Việt?
4. Phân tích các phép tu từ trong một ngữ liệu cụ thể.

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Những vấn đề chung về phong cách học	x	x		
Chương 2. Tự học		x	x	x
Chương 3. Phong cách học hình thức		x	x	x
Chương 4. Phong cách học chức năng		x	x	x
Chương 5. Phong cách học đương đại		x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Động não nhanh
- Giải quyết vấn đề

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X		X	
Phát vấn	X	X		X
Động não nhanh		X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Kết thúc môn: Tự luận

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích các khái niệm và vấn đề cơ bản của phong cách học tiếng Việt. CLO2: Khả năng phân tích các hiện tượng phong cách và đặc điểm của các loại phong cách học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						phong cách học để phân tích và lý giải ngữ liệu cụ thể.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức phong cách học, trao đổi và phân biện học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Kỹ năng giao tiếp học thuật	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần và tham gia học tập	Tinh thần tham gia học tập, khả năng trình bày, trao đổi và bảo vệ quan điểm trong các hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 60 phút; Số câu: 2 câu

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Những vấn đề chung về phong cách học	CLO1				
Chương 2	Tu từ học	CLO2, CLO3			Câu 2	1
Chương 3	Phong cách học hình thức	CLO2, CLO3			Câu 1	1
Chương 4	Phong cách học chức năng	CLO2, CLO3			Câu 1*	1*
Chương 5	Phong cách học đương	CLO2,			Câu 1*	1*

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
	đại	CLO3				
TỔNG					2 câu	2 câu

*Lưu ý: Câu 1 có thể thay đổi theo từng dạng đề

Ghi chú về độ khó và trọng số

• **CLO1 (Kiến thức nền tảng):** Đây là nền tảng tri thức giúp sinh viên có cơ sở luận giải cho các thao tác thực hành, không trực tiếp chiếm điểm số trong đề thi tự luận.

• **CLO2 (Nhận diện & Phân loại - Chức năng):** Trọng số 50% (Câu 1). Yêu cầu sinh viên vận dụng lý thuyết về phong cách chức năng để phân tích ngữ cảnh và mục đích giao tiếp của văn bản ngẫu nhiên.

• **CLO3 (Tu từ & Thủ pháp):** Trọng số 50% (Câu 2). Yêu cầu kỹ năng thực hành tinh tế trong việc nhận diện và giải mã ý đồ nghệ thuật của các phép tu từ trong phạm vi nhan đề hoặc câu cụ thể.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất ít kiến thức về Phong cách học tiếng Việt.	Nhận biết được một số kiến thức cơ bản về Phong cách học tiếng Việt nhưng còn rời rạc, thiếu hệ thống; trình bày đơn giản, chưa đầy đủ.	Trình bày tương đối đầy đủ, đúng các kiến thức Phong cách học tiếng Việt; có khả năng giải thích nhưng chưa thật sâu sắc.	Trình bày đầy đủ, chính xác, hệ thống hóa tốt kiến thức Phong cách học tiếng Việt; có khả năng khái quát và mở rộng vấn đề.
CLO2	Không nhận diện hoặc nhận diện sai Phong cách học tiếng Việt; không có khả năng phân tích.	Nhận diện được một số vấn đề Phong cách học tiếng Việt nhưng phân tích còn sơ sài; chủ yếu kể lại nội dung, ít đánh giá giá trị nghệ thuật và tư tưởng.	Phân tích được đặc điểm Phong cách học tiếng Việt; có dẫn chứng và bước đầu đánh giá đóng góp nhưng chưa thật sâu sắc.	Phân tích sâu sắc, toàn diện đặc điểm Phong cách học tiếng Việt; đánh giá thuyết phục đóng góp; có so sánh và góc nhìn tổng hợp.

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO3	Không vận dụng được kiến thức; bài phân tích rời rạc, thiếu cấu trúc, không có hoặc sai dẫn chứng; không thể hiện kỹ năng cảm thụ văn học.	Vận dụng kiến thức ở mức cơ bản; bài viết có bố cục nhưng còn đơn giản, lập luận chưa chặt chẽ; cảm thụ và phân tích còn hạn chế.	Vận dụng khá tốt kiến thức để phân tích và cảm thụ tác phẩm; bài viết có cấu trúc rõ ràng, lập luận hợp lý, có dẫn chứng phù hợp; bước đầu liên hệ thực tiễn.	Vận dụng thành thạo kiến thức để phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm; bài viết chặt chẽ, logic, giàu cảm xúc và học thuật; có khả năng liên hệ tốt với thực tiễn nghề nghiệp (giảng dạy, biên tập, viết tin...).

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về Phong cách học tiếng Việt. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các hiện tượng văn học, tác giả và tác phẩm. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về Phong cách học tiếng Việt. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý; sử dụng dẫn chứng phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phân biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về Phong cách học tiếng Việt. Có khả năng trình bày và nhận diện vấn đề nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về Phong cách học tiếng Việt. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, không có hoặc sử dụng không phù hợp dẫn chứng văn học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phân biện	30%	CLO2, CLO3	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phân biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi,	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương	Không tham gia

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	tác và thái độ học thuật			tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động.	tác.	hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Thế Truyền, *Phong cách học từ cội nguồn đến thời kỳ đương đại*, NXB Khoa học xã hội, 2025.

- Nguyễn Thế Truyền, *Phong cách học phương Tây đương đại: Khuyênh hướng và lĩnh vực nghiên cứu*, NXB Khoa học xã hội, 2024.

12.2. Tài liệu tham khảo

Đinh Trọng Lạc (Chủ biên) - Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1993.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thế Truyền



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Phong cách học tiếng Việt**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	4.0
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	2.0
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	3.0
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng chưa	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	1.0

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học**
(Literary Theories and Research Methods)
- Mã học phần: LIT301
- Số tín chỉ: 2 (2/0/4)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết/Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn A Say
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Trung tâm Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0789593962
- Email: SayNA@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Nguyễn Nguyên Thảo
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Viện Truyền thông và Thể thao, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0976293187

- Email: ThaoLNN@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học, nhằm giúp người học hiểu được quá trình triển khai nghiên cứu văn học. Người học được giới thiệu cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình văn học tiêu biểu. Ngoài ra, học phần giới thiệu một số xu hướng mới trong nghiên cứu - phê bình văn học đương đại. Thông qua đó, sinh viên có thể nắm vững những nguyên tắc phân tích, đánh giá tác phẩm theo thể loại văn học để ứng dụng vào trong việc học cũng như những công việc chuyên môn khác.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học kiến thức chung về phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học, các lý thuyết nghiên cứu văn học và vai trò của lý thuyết trong nghiên cứu văn học; kiến thức chuyên sâu về một số lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình văn học tiêu biểu.

- Trang bị kỹ năng vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học để lý giải, nhận định, đánh giá một hiện tượng văn học.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được cơ sở hình thành, đặc điểm và giá trị của các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và phê bình văn học tiêu biểu.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Giải thích được các khái niệm, phạm trù và quy trình cơ bản của hoạt động nghiên cứu văn học.	Mức 2 (Hiểu)
3	CLO3	Vận dụng được các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, lý giải và đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể.	Mức 3 (Vận dụng)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu, cập nhật tri thức và phát triển năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực văn học.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết giữa PLO và CLO

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO2		X						
CLO3		X	X					
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học
1.1.	Phương pháp nghiên cứu văn học
1.2.	Phương pháp luận nghiên cứu văn học
Chương 2	Tổng quan lý thuyết văn học
2.1.	Diễn trình lý thuyết văn học
2.2.	Một số tiêu điểm lý thuyết
Chương 3	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình tiêu biểu
3.1.	Xã hội học và phê bình xã hội học
3.2.	Phân tâm học và phê bình phân tâm học
3.3.	Thị pháp học và phê bình thị pháp học
3.4.	Sinh thái học và phê bình sinh thái
3.5.	Phong trào nữ quyền và phê bình nữ quyền
3.6.	Cấu trúc luận và hậu cấu trúc luận
3.7.	Ký hiệu học và hướng tiếp cận văn hóa học
Chương 4	Triển khai đề tài nghiên cứu văn học
4.1.	Các loại công trình nghiên cứu văn học
4.2.	Xây dựng đề cương nghiên cứu văn học
4.3.	Tổ chức nghiên cứu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	- Người học tự đọc tài liệu tham khảo được cung cấp, tìm kiếm thêm tài liệu phù hợp theo hướng dẫn của giảng viên - Người học vận dụng các phương pháp nghiên cứu, phê bình đã học để xây dựng đề cương nghiên cứu một hiện tượng văn học cụ thể

	Nội dung
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm việc nhóm để tìm hiểu một số lý thuyết, phương pháp phê bình và vận dụng vào phê bình một tác phẩm văn học cụ thể - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học	5	0	0	10	15
2	Tổng quan lý thuyết văn học	5	5	0	10	20
3	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình tiêu biểu	5	5	0	20	30
4	Triển khai đề tài nghiên cứu văn học	0	5	0	30	35
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LƯỢNG

1. Trình bày các khái niệm cơ bản của một lý thuyết văn học.
2. Trình bày tổng quan về một lý thuyết hoặc phương pháp phê bình văn học: Khái quát lịch sử hình thành và phát triển, các quan điểm chính, các bước tiến hành, nhà phê bình tiêu biểu, công trình nghiên cứu - phê bình tiêu biểu.
3. Vận dụng các phương pháp phê bình để phê bình một tác phẩm văn học cụ thể.
4. Hiểu biết về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học có thể được vận dụng như thế nào trong công việc tương lai của anh/chị?
5. Tự đề xuất đề tài nghiên cứu văn học và xây dựng đề cương nghiên cứu cho đề tài.

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Vấn đáp
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	
Giải quyết vấn đề		x	x	x
Tự học có hướng dẫn	x	x	x	x

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			xuân.	cực.	hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài tiểu luận	CLO1: Phân tích cơ sở hình thành, đặc điểm và giá trị của các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu văn học. CLO2: Giải thích các khái niệm, phạm trù và quy trình nghiên cứu văn học. CLO3: Vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để phân tích, lý giải và đánh giá hiện tượng văn học.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng nghiên cứu	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, báo cáo học	CLO2: Nội dung trình bày và khả năng giải thích vấn đề nghiên cứu. CLO3: Khả năng vận dụng lý thuyết, phương	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					thuật. Rubric đánh giá thuyết trình	pháp nghiên cứu và xây dựng lập luận học thuật.	
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu, cập nhật tri thức và phát triển năng lực nghiên cứu.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi vấn đáp; Thời gian: 10-15 phút; Số câu: 2 câu

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu văn học	CLO1	1.0	1.0	0	2.0
Chương 2	Tổng quan lý thuyết văn học	CLO2, CLO3	1.0	2.0	1.0	4.0
Chương 3	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu - phê bình tiêu biểu	CLO2, CLO3	0.5	2.0	1.5	4.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.5đ	5.0đ	2.5đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).

- **CLO2 (Thông hiểu - L2):** Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).

- **CLO3 (Vận dụng - L3):** Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Chỉ ra lịch sử hình thành và phát triển của các trường phái	Đạt dưới 5.0 điểm. Không nắm được các mốc thời gian lịch sử. Trình bày sai lệch hoàn toàn về bối cảnh ra đời và sự phát triển của các trào lưu lý luận văn học tiêu biểu.	Đạt từ 5.0 - 6.9 điểm. Nhớ được một số mốc lịch sử cơ bản nhưng còn nhầm lẫn bối cảnh giữa các trường phái. Trình bày tiến trình phát triển thiếu tính hệ thống và bề mặt.	Đạt từ 7.0 - 8.4 điểm. Chỉ ra chính xác, khá đầy đủ lịch sử hình thành và sự vận động của các trường phái lý thuyết. Trình bày bối cảnh ra đời một cách mạch lạc, logic.	Đạt từ 8.5 - 10 điểm. Hệ thống hóa xuất sắc, thấu đáo tiến trình lịch sử. Nêu bật được tính tất yếu của thời đại và sự kế thừa, phủ định biện chứng giữa các trào lưu lý thuyết văn học.
CLO2: Phân biệt khái niệm, phạm trù và các bước tiến hành nghiên cứu	Đạt dưới 5.0 điểm. Không phân biệt được các hệ thống khái niệm. Trình bày sai hoặc không nắm được quy trình thao tác nghiên cứu của từng trường phái cụ thể.	Đạt từ 5.0 - 6.9 điểm. Nắm được một số thuật ngữ cốt lõi nhưng chưa phân biệt rõ ranh giới giữa các lý thuyết. Mô tả các bước tiến hành nghiên cứu còn máy móc, rập khuôn.	Đạt từ 7.0 - 8.4 điểm. Phân biệt rõ ràng các phạm trù, thuật ngữ chuyên sâu. Nắm vững và trình bày đúng chuẩn, khoa học các bước thao tác phương pháp luận của từng lý thuyết.	Đạt từ 8.5 - 10 điểm. Phân tích, so sánh cực kỳ sắc bén sự khác biệt của các hệ thống khái niệm phức tạp. Làm chủ hoàn toàn phương pháp luận, chỉ ra được ưu/nhược điểm của từng quy trình thao tác.
CLO3: Sử dụng lý thuyết giải mã hiện tượng văn học & Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu	Đạt dưới 5.0 điểm. Không vận dụng được lý thuyết; biện luận phi logic. Hoàn toàn lúng túng trong việc truy xuất dữ liệu hàn lâm và không biết	Đạt từ 5.0 - 6.9 điểm. Vận dụng lý thuyết còn khiên cưỡng, nặng tính diễn xuôi. Kỹ năng tìm kiếm tài liệu ở mức cơ bản, thiết kế bài thuyết trình sơ sài, thiếu tính trực quan.	Đạt từ 7.0 - 8.4 điểm. Sử dụng tốt khung lý thuyết để lý giải, thẩm định di sản của các tác gia lịch sử (những ngòi bút đã khuất). Lập luận chặt chẽ. Ứng dụng thành thạo CNTT để tìm kiếm tài liệu	Đạt từ 8.5 - 10 điểm. Vận dụng lý thuyết cực kỳ nhuần nhuyễn, sáng tạo để mổ xẻ sâu sắc các hiện tượng văn học kinh điển, bóc lộ tính phát hiện cao. Ứng dụng CNTT ở

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	dùng nền tảng số đề thuyết trình.		chuẩn xác và thiết kế bài báo cáo sinh động.	mức độ chuyên nghiệp để xử lý dữ liệu hàn lâm và thuyết trình đầy sức thuyết phục.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

• **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Làm chủ hệ thống lý thuyết và phương pháp luận. Vận dụng tốt các lý thuyết và đặc trưng trường phái văn học để nghiên cứu công trình của các tác gia kinh điển. Ứng dụng công nghệ thông tin chuyên nghiệp. Bài làm có tư duy phân biện sắc bén, mang đậm tiếng nói cá nhân và tuân thủ đạo đức nghiên cứu.

• **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững nền tảng, phân biệt rõ các trường phái. Vận dụng khá tốt lý thuyết để phân tích các văn bản. Kỹ năng tìm kiếm tài liệu và thiết kế báo cáo thành thạo. Lập luận chặt chẽ, văn phong chín chu và bảo đảm sự trung thực trong nghiên cứu.

• **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu cơ bản về việc nhận diện các mốc lịch sử và thuật ngữ cốt lõi, nhưng chưa có sự phân tách sâu sắc giữa các trường phái. Khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn còn máy móc, khiên cưỡng; thao tác phân tích tác phẩm chủ yếu dừng ở mức độ diễn xuôi bề mặt. Kỹ năng tìm kiếm tài liệu và ứng dụng nền tảng số đề thuyết trình còn hạn chế, lập luận đôi chỗ thiếu chặt chẽ.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Có lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng, sai lệch về lịch sử hình thành hoặc nhầm lẫn hoàn toàn các quy trình thao tác nghiên cứu. Hoàn toàn lúng túng, không có khả năng sử dụng phương pháp luận để lý giải văn bản; biện luận phi logic. Thiếu hụt kỹ năng công nghệ cơ bản để phục vụ học tập. Có dấu hiệu vi, sao chép tài liệu hoặc không có thái độ nghiêm túc.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Tư duy	30%	CLO3	Lưu loát, thuật ngữ chuẩn xác. Tư duy sắc bén. Ứng	Mạch lạc, tự tin. Cấu trúc rõ ràng. Kiểm soát tốt	Còn lúng túng, nhầm lẫn thuật ngữ. Slide sơ sài; thao	Áp ứng, đọc màn hình. Lỗi diễn đạt nặng.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				dụng CNTT để trực quan hóa dữ liệu.	thời gian và công cụ trình chiếu.	tác tư duy rập khuôn.	Không ứng dụng được CNTT.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3	Phản xạ nhạy bén. Vận dụng nhuần nhuyễn lý thuyết bảo vệ quan điểm về tác gia lịch sử. Tranh biện tốt.	Trả lời đúng trọng tâm. Luận cứ thuyết phục. Vận dụng lý thuyết khá linh hoạt.	Lý luận chưa đủ hàm lượng khoa học. Lúng túng, bế tắc khi bị chất vấn sâu.	Im lặng, lạc đề. Không có khả năng dùng lý thuyết để biện minh.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác	30%	CLO3	Phối hợp cực kỳ ăn ý. Tương tác đa chiều xuất sắc. Làm chủ không gian và bộc lột tốt cho nhóm.	Làm việc đồng đều, có phân công. Tương tác tốt với hội đồng và người nghe.	Làm việc rời rạc. Ít tương tác, chủ yếu nhìn slide.	Xung đột, thiếu hợp tác. Thái độ thiếu chuyên nghiệp; từ chối tương tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Thị Bích Hà, *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hoá dân gian*, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

- Nhiều tác giả, *Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Văn học*, NXB Hồng Đức, 2019

12.2. Tài liệu tham khảo

- Peter Barry, *Nhập môn lý thuyết văn học và văn hóa* (Hoàng Tố Mai chủ biên), NXB Hội nhà văn, 2023.

- Trần Đăng Suyền, *Phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học*, NXB ĐHSP, 2022.

- Lã Nguyên, *Lý luận văn học những vấn đề hiện đại*, NXB ĐHSP, 2024.

- Trần Đình Sử, *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023.

- Lại Nguyên Ân, *150 thuật ngữ văn học*, NXB Văn học, 2023.

- Phương Lưu, *Hầu lý luận vẫn là lý luận*, NXB ĐHSP, 2021.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn A Say

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoan hảo trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phản trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Kỹ năng tổ chức sự kiện (Skills for hosting event)**
- Mã học phần: LIT431
- Số tín chỉ: 2 (2/0/4)
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Trần Đình Huy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0938630320
- Email: HuyTD@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tổ chức sự kiện nói chung và tổ chức sự kiện tại Việt Nam, nhằm giúp người học biết và hiểu về quy trình tổ chức một sự kiện hoàn chỉnh. Người học được giới thiệu cơ bản về những kỹ năng cần thiết cho tổ chức sự kiện. Ngoài ra, học phần giới thiệu về pháp lý và các công tác truyền thông sự kiện.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về tổ chức sự kiện.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình nghiệp vụ, các công tác chuẩn bị trước sự kiện.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về xây dựng kế hoạch, dự toán chi phí, pháp lý và truyền thông sự kiện.
- Trang bị kiến thức về các công tác sau khi diễn ra sự kiện.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Áp dụng được các kiến thức tổng quan và quy trình tổ chức sự kiện tiêu chuẩn để thiết lập danh mục công việc và tiến độ chi tiết cho các giai đoạn trước, trong và sau một sự kiện cụ thể	Mức 3 (Vận dụng)
2	CLO2	Phân tích được các vấn đề pháp lý, truyền thông và quản trị rủi ro trong tổ chức sự kiện; vận dụng kiến thức và kỹ năng để dự báo, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Thực hiện đúng quy trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện (bao gồm mục tiêu, nội dung, nhân sự, ngân sách, truyền thông); đồng thời trình bày rõ ràng, trôi chảy phương án trước tập thể.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Thể hiện khả năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, năng lực điều phối hoạt động và tinh thần trách nhiệm trong tổ chức sự kiện; chủ động đề xuất ý tưởng và tham gia hiệu quả vào các nhiệm vụ được giao.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/trương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Các vấn đề chung về tổ chức sự kiện
1.1.	Một số khái niệm và thuật ngữ
1.2.	Phân loại và đặc điểm tổ chức sự kiện
1.3.	Một vài xu hướng tổ chức sự kiện ở Việt Nam
Chương 2	Xây dựng kế hoạch và dự toán chi phí
2.1.	Quy trình xây dựng kế hoạch
2.2.	Dự toán chi phí sự kiện
Chương 3	Pháp lý và truyền thông sự kiện
3.1.	Các vấn đề pháp lý sự kiện
3.2.	Các công tác truyền thông sự kiện
Chương 4	Công tác sau sự kiện
4.1.	Đánh giá sự kiện
4.2.	Hóa đơn, thanh lý hợp đồng

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học xây dựng ý tưởng cho một chương trình sự kiện
6.2.2.	Bài tập nhóm
	Người học xây dựng kế hoạch, dự toán chi phí sự kiện Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Các vấn đề chung về tổ chức sự kiện	5	0	0	20	25
2	Xây dựng kế hoạch và dự toán chi phí	0	5	0	20	25
3	Pháp lý và truyền thông sự kiện	5	5	0	10	20
4	Công tác sau sự kiện	5	5	0	20	30
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Các bước để tổ chức một sự kiện?
- Những sự cố phát sinh trong quá trình tổ chức và các giải pháp?
- Truyền thông cho sự kiện như thế nào?
- Các công tác sau khi đã diễn ra sự kiện?

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Các vấn đề chung về tổ chức sự kiện	x	x		
Chương 2. Xây dựng kế hoạch và dự toán chi phí		x	x	x
Chương 3. Pháp lý và truyền thông sự kiện		x	x	X
Chương 4. Công tác sau sự kiện		x	x	X

8. Phương pháp dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Giảng lý thuyết
- Phát vấn
- Hướng dẫn thực hành
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	x	x	x	
Phát vấn	x	x	x	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Hướng dẫn thực hành		x	x	x
Tự học có hướng dẫn	x	x	x	x

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài ít hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			thường xuyên.	cực.	đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1, CLO2: Mức độ hiểu; CLO3: Mức độ vận dụng kiến thức	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Nội dung báo cáo; CLO3: Kỹ năng phối hợp và biện luận	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

STT	Nội dung trọng tâm của tiểu luận	Chuẩn đầu ra (CLO)	Yêu cầu cần đạt	Điểm thành phần (Thang 10)
1	Phần 1: Tổng quan và quy trình	CLO1	- Diễn giải đúng khái niệm, tính chất và đặc thù của loại hình sự kiện lựa chọn. - Mô tả mạch lạc, đầy đủ quy trình 3 giai đoạn tổ chức sự kiện	1.0 đ
2	Phần 2: Phân tích chuyên sâu & quản trị rủi	CLO2	- Phân tích chi tiết các yêu cầu pháp lý (giấy phép, bản quyền...) và chiến lược truyền thông.	2.0 đ

STT	Nội dung trọng tâm của tiêu luận	Chuẩn đầu ra (CLO)	Yêu cầu cần đạt	Điểm thành phần (Thang 10)
	ro		- Nhận diện, dự báo đúng các rủi ro tiềm ẩn và đề xuất phương án xử lý tình huống phát sinh nhạy bén, khả thi.	
3	Phần 3: Thiết kế kế hoạch tổ chức sự kiện	CLO3	- Xây dựng bản kế hoạch hoàn chỉnh, bao gồm: Mục tiêu (SMART), nội dung chương trình (Agenda), nhân sự, dự trù ngân sách, kế hoạch truyền thông và phương án triển khai. - Các hạng mục phải logic, liên kết chặt chẽ và có tính khả thi cao trong thực tế.	3.5 đ
4	Phần 4: Lập luận bảo vệ & hình thức trình bày	CLO3	- Thể hiện năng lực “trình bày và bảo vệ kế hoạch” thông qua văn phong thuyết phục, lập luận sắc bén chứng minh tính hiệu quả của kế hoạch - Bố cục tiêu luận logic, chuẩn mực hình thức; trích dẫn minh bạch.	3.5 đ
Tổng				10.0 đ

b. Rubric đánh giá bài tiêu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Áp dụng kiến thức tổng quan để diễn giải và mô tả quy trình tổ chức sự kiện	15%	CLO1	Diễn giải sâu sắc, chính xác kiến thức tổng quan; mô tả chi tiết, logic và xuyên suốt	Diễn giải đúng kiến thức tổng quan; mô tả rõ ràng, khá đầy đủ các bước	Có diễn giải kiến thức và quy trình nhưng nội dung còn sơ sài, thiếu	Không diễn giải được kiến thức cơ bản; mô tả quy trình tổ chức lộn xộn,

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				toàn bộ quy trình từ khâu chuẩn bị, triển khai đến khi kết thúc.	cơ bản trong quy trình 3 giai đoạn của sự kiện.	một số bước quan trọng trong 3 giai đoạn cốt lõi.	sai lệch.
2	Phân tích các vấn đề pháp lý và truyền thông	15%	CLO2	Phân tích sắc bén, toàn diện các vấn đề pháp lý (giấy phép, bản quyền...) và chiến lược truyền thông; gắn kết chặt chẽ với đặc thù riêng của sự kiện.	Phân tích đúng hướng và khá đầy đủ các vấn đề pháp lý, truyền thông cơ bản cần có cho sự kiện lựa chọn.	Có đề cập đến pháp lý và truyền thông nhưng phân tích còn chung chung, mang tính liệt kê lý thuyết, thiếu gắn kết thực tế.	Bỏ sót hoặc phân tích hoàn toàn sai lệch các vấn đề pháp lý và truyền thông.
3	Quản trị rủi ro, dự báo và xử lý tình	20%	CLO2	Dự báo nhạy bén, toàn	Dự báo được các nhóm	Nhận diện rủi ro chưa đầy đủ;	Không dự báo được rủi ro

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	huống phát sinh			diện các rủi ro; vận dụng xuất sắc kỹ năng để đề xuất phương án xử lý tình huống cực kỳ khả thi, chủ động và linh hoạt.	rủi ro chính; đề xuất được phương án xử lý tình huống hợp lý, có tính khả thi trong thực tiễn.	các phương án xử lý tình huống phát sinh còn rập khuôn, lúng túng hoặc gượng ép.	hoặc phương án xử lý tình huống hoàn toàn phi thực tế, sai nguyên tắc quản trị.
4	Xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện (Proposal)	35%	CLO3	Xây dựng kế hoạch hoàn hảo, chuyên nghiệp; các hạng mục (mục tiêu, nội dung, nhân sự, ngân sách, triển khai) liên kết	Xây dựng bản kế hoạch khả hoàn chỉnh, bao quát đủ các hạng mục cốt lõi theo yêu cầu; nội dung	Bản kế hoạch còn sơ sài, chấp vá, thiếu một số hạng mục quan trọng (như ngân sách, nhân sự); tính	Không thiết kế được kế hoạch hoặc kế hoạch thiếu logic, hoàn toàn không có khả năng triển khai.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				chặt chẽ, sáng tạo và tối ưu hóa nguồn lực.	logic và có thể triển khai thực tế.	liên kết giữa các phần chưa cao.	
5	Lập luận bảo vệ kế hoạch và hình thức tiểu luận	15%	CLO3	Lập luận bảo vệ kế hoạch cực kỳ sắc bén, thuyết phục; cấu trúc tiểu luận chặt chẽ, văn phong học thuật chuẩn mực, trích dẫn minh bạch.	Lập luận bảo vệ kế hoạch rõ ràng, hợp lý; tiểu luận tuân thủ đúng cấu trúc, trình bày sạch đẹp, ít lỗi văn bản.	Có lập luận bảo vệ nhưng lý lẽ chưa đủ sức thuyết phục; tiểu luận trình bày còn rời rạc, mắc nhiều lỗi diễn đạt.	Không có lập luận bảo vệ kế hoạch; tiêu luận vi phạm nghiêm trọng quy chuẩn trình bày hoặc có dấu hiệu đạo văn.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (Thang điểm 10):

• **Mức Xuất sắc (8.5 - 10 điểm):** Làm chủ quy trình, ý tưởng đột phá, thể hiện tầm nhìn về quản trị rủi ro và sử dụng ngân sách hiệu quả. Văn phong chuyên nghiệp, truyền thông nhạy bén.

• **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Ý tưởng khả thi, nắm vững nghiệp vụ và pháp lý. Trình bày chín chu, truyền thông hiệu quả.

• **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Kịch bản dàn trải, ý tưởng rập khuôn. Kế hoạch sơ sài, thiếu thực tế trong dự toán và pháp lý.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Kịch bản phi logic, sao chép. Sai lệch nghiêm trọng về nghiệp vụ, bỏ qua thủ tục pháp lý. Vi phạm đạo đức học thuật (đạo văn).

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện:

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				hoàn hảo.			nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Andrea Driessen (Trần Văn Khánh dịch), *Event Planning - Tổ chức sự kiện nâng tầm thương hiệu*, NXB Dân trí, 2023.

- Nguyễn Thị Mỹ Thanh, *Giáo trình quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, NXB Lao động - Xã hội, 2015.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Andrea Driessen (Trần Văn Khánh dịch), *Lập kế hoạch tổ chức sự kiện chuyên nghiệp*, NXB Dân trí, 2021.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Đình Huy

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Kỹ năng tổ chức sự kiện**
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phản trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần: **Kỹ năng tổ chức sự kiện**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Áp dụng kiến thức tổng quan để diễn giải và mô tả quy trình tổ chức sự kiện	15%	CLO1	Diễn giải sâu sắc, chính xác kiến thức tổng quan; mô tả chi tiết, logic và xuyên suốt toàn bộ quy trình từ khâu chuẩn bị, triển khai đến khi kết thúc.	Diễn giải đúng kiến thức tổng quan; mô tả rõ ràng, khá đầy đủ các bước cơ bản trong quy trình 3 giai đoạn của sự kiện.	Có diễn giải kiến thức và quy trình nhưng nội dung còn sơ sài, thiếu một số bước quan trọng trong 3 giai đoạn cốt lõi.	Không diễn giải được kiến thức cơ bản; mô tả quy trình tổ chức lộn xộn, sai lệch.	
2	Phân tích các vấn đề pháp lý và truyền thông	15%	CLO2	Phân tích sắc bén, toàn diện các vấn đề pháp lý (giấy phép, bản quyền...) và chiến lược truyền thông; gắn kết chặt chẽ với đặc thù riêng của sự kiện.	Phân tích đúng hướng và khá đầy đủ các vấn đề pháp lý, truyền thông cơ bản cần có cho sự kiện lựa chọn.	Có đề cập đến pháp lý và truyền thông nhưng phân tích còn chung chung, mang tính liệt kê lý thuyết, thiếu gắn kết thực tế.	Bỏ sót hoặc phân tích hoàn toàn sai lệch các vấn đề pháp lý và truyền thông.	
3	Quản trị rủi ro, dự báo và xử lý tình huống phát sinh	20%	CLO2	Dự báo nhạy bén, toàn diện các rủi ro; vận dụng xuất sắc kỹ năng để đề xuất phương án xử lý tình huống cực kỳ	Dự báo được các nhóm rủi ro chính; đề xuất được phương án xử lý tình huống hợp lý, có tính khả thi trong thực	Nhận diện rủi ro chưa đầy đủ; các phương án xử lý tình huống phát sinh còn rập khuôn, lúng túng hoặc	Không dự báo được rủi ro hoặc phương án xử lý tình huống hoàn toàn phi thực tế, sai nguyên tắc	



STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
				khả thi, chủ động và linh hoạt.	tiền.	gượng ép.	quản trị.	
4	Xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện (Proposal)	35%	CLO3	Xây dựng kế hoạch hoàn hảo, chuyên nghiệp; các hạng mục (mục tiêu, nội dung, nhân sự, ngân sách, triển khai) liên kết chặt chẽ, sáng tạo và tối ưu hóa nguồn lực.	Xây dựng bản kế hoạch khá hoàn chỉnh, bao quát đủ các hạng mục cốt lõi theo yêu cầu nội dung logic và có thể triển khai thực tế.	Bản kế hoạch còn sơ sài, chấp vá, thiếu một số hạng mục quan trọng (như ngân sách, nhân sự); tính liên kết giữa các phần chưa cao.	Không thiết kế được kế hoạch hoặc kế hoạch thiếu logic, hoàn toàn không có khả năng triển khai.	
5	Lập luận bảo vệ kế hoạch và hình thức tiêu luận	15%	CLO3	Lập luận bảo vệ kế hoạch cực kỳ sắc bén, thuyết phục; cấu trúc tiêu luận chặt chẽ, văn phong học thuật chuẩn mực, trích dẫn minh bạch.	Lập luận bảo vệ kế hoạch rõ ràng, hợp lý; tiêu luận tuân thủ đúng cấu trúc, trình bày sạch đẹp, ít lỗi văn bản.	Có lập luận bảo vệ nhưng lý lẽ chưa đủ sức thuyết phục; tiêu luận trình bày còn rời rạc, mắc nhiều lỗi diễn đạt.	Không có lập luận bảo vệ kế hoạch; tiêu luận vi phạm nghiêm trọng quy chuẩn trình bày hoặc có dấu hiệu đạo văn.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Báo cáo chuyên đề thực tiễn (Seminar on topical reports)**
- Mã học phần: **LIT424**
- Số tín chỉ: **1**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **01** ; Số giờ: **50** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **15 Giờ**
 - + Giờ giảng: **10 Giờ**
 - + Thảo luận: **5 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **5 Giờ**
 - Giờ tự học: **30 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Huỳnh Thị Mai Trinh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8.00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918807812**
- Email: **TrinhHTM@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm hai nội dung chính: một là hướng dẫn sinh viên thực hiện một báo cáo thực tiễn, hai là ứng dụng kiến thức đã học cũng như kỹ năng đã được rèn luyện, tích lũy vào một hoạt động cụ thể của ngành Văn học. Trong đó, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về công tác báo cáo chuyên đề, mục đích cũng như khâu tổ chức. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp làm việc nhóm và phối hợp giữa các đơn vị chức năng. Với các kiến thức học được, sinh viên có thể vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập cũng như làm các công việc cụ thể ngoài xã hội.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung báo cáo chuyên đề thực tiễn;
- Hệ thống hóa về mặt lý thuyết và thực hành;
- Biết vận dụng các kỹ năng và phương pháp vào một hoạt động ngành học;
- Phát triển kỹ năng xử lý văn bản, kịch bản, nội dung và những vấn đề phát sinh.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO 1	Vận dụng được kiến thức và phương pháp của ngành Văn học để xây dựng kế hoạch, thiết kế nội dung và triển khai hoạt động hoặc báo cáo chuyên đề thực tiễn.	Mức 3 (Vận dụng)
2	CLO 2	Phối hợp linh hoạt các kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề để hoàn thành sản phẩm hoặc nhiệm vụ thực tiễn trong môi trường thực tế.	Mức 4 (Phối hợp)
3	CLO 3	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, ý thức tự học và chủ động phát triển năng lực nghề nghiệp trong quá trình thực hiện chuyên đề.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2			X	X	X			
CLO3							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Cơ sở về báo cáo chuyên đề thực tiễn
1.1.	Khái niệm, mục đích và vai trò của báo cáo chuyên đề
1.2.	Một số thuật ngữ và đặc trưng của báo cáo chuyên đề
1.3.	Cấu trúc và yêu cầu của một báo cáo chuyên đề
1.4.	Quy trình thực hiện báo cáo chuyên đề thực tiễn
Chương 2.	Thực hành xây dựng và trình bày báo cáo chuyên đề
2.1.	Lựa chọn đề tài và xây dựng đề cương báo cáo chuyên đề
2.2.	Thu thập, xử lý tư liệu và triển khai nội dung báo cáo
2.3.	Kỹ năng trình bày, thuyết trình báo cáo chuyên đề

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học xây dựng qui trình ban hành văn bản theo yêu cầu của giảng viên
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
Chương 1	Cơ sở về báo cáo chuyên đề thực tiễn	5	0	0	10	15
Chương 2	Thực hành xây dựng và trình bày báo cáo chuyên đề	5	5	5	20	35
Tổng		10	5	5	30	50

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Vai trò của báo cáo chuyên đề thực tiễn trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp ngành Văn học.

- Quy trình xây dựng kế hoạch và tổ chức một hoạt động thực tiễn gắn với chuyên ngành Văn học.
- Kỹ năng xây dựng kịch bản, nội dung và phân công nhiệm vụ trong triển khai một chương trình chuyên đề.
- Phương pháp phối hợp giữa các cá nhân và đơn vị chức năng trong quá trình tổ chức hoạt động thực tiễn.
- Kỹ năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình hoặc sản phẩm truyền thông.
- Ứng dụng kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Văn học vào các hoạt động giáo dục, truyền thông và văn hóa.
- Vai trò của làm việc nhóm trong tổ chức các hoạt động thực tiễn của ngành Văn học.
- Kỹ năng xây dựng và trình bày báo cáo kết quả thực hiện một chuyên đề thực tiễn.
- Đánh giá hiệu quả của một hoạt động thực tiễn hoặc sản phẩm truyền thông gắn với lĩnh vực Văn học.
- Tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện chuyên đề thực tiễn.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Cơ sở về báo cáo chuyên đề thực tiễn	X	X		X
Chương 2: Thực hành xây dựng và trình bày báo cáo chuyên đề	X	X	X	X

8. Phương pháp dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Phát vấn	X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và chuẩn bị nội dung theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia đầy đủ các buổi học, thảo luận, hướng dẫn thực hành và báo cáo tiến độ (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời lượng học phần theo quy định).
- Đọc tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo do giảng viên giới thiệu; chủ động tìm kiếm và cập nhật các nguồn tư liệu phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch, kịch bản và triển khai hoạt động thực tiễn.
- Hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ nhóm, bao gồm xây dựng kế hoạch, xử lý văn bản, xây dựng kịch bản, chuẩn bị nội dung và phối hợp triển khai hoạt động thực tiễn hoặc sản phẩm truyền thông.
- Tham gia đầy đủ các buổi báo cáo tiến độ, thuyết trình, phản biện và đánh giá kết quả thực hiện chuyên đề.
- Thực hiện nghiêm túc bài thi thực hành hoặc báo cáo sản phẩm cuối kỳ theo yêu cầu của học phần.
- Tuân thủ quy định về tác phong học tập, tinh thần hợp tác, trách nhiệm nghề nghiệp và các chuẩn mực đạo đức trong quá trình thực hiện chuyên đề thực tiễn..

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình -Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học/ Assessments	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú/ Notes
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	20%	Kiến thức và vận dụng	Tuần cuối	Chấm sản phẩm thực hành / Kế hoạch thực hiện	Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức ngành Văn học để xây dựng kế hoạch, nội dung và triển khai chuyên đề thực tiễn
	CLO2	40%	Kỹ năng nghề nghiệp	Tuần cuối	Chấm sản phẩm thực hành / Báo cáo sản phẩm	Đánh giá khả năng thực hiện sản phẩm, giải quyết vấn đề và phối hợp triển khai hoạt động thực tiễn
Phần II. Quá trình	CLO1	30%	Kiến thức và vận dụng	Giữa học kỳ	Chấm báo cáo tiến độ, kế hoạch, kịch bản	Đánh giá mức độ hoàn thiện kế hoạch, nội dung và công tác chuẩn bị
	CLO3	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần và theo dõi quá trình thực hiện	Đánh giá tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc, ý thức tự học và khả năng phối hợp nhóm

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Rubric đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Tiêu chí 1: Xây dựng kế hoạch, văn bản và kịch bản thực hiện (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Kế hoạch hoặc kịch bản sơ sài; nội dung thiếu logic; không xác định được mục tiêu, tiến độ hoặc nhiệm vụ cụ thể.	Đạt từ 1.5 – 2.0 điểm. Xây dựng được kế hoạch và kịch bản cơ bản nhưng còn thiếu tính khả thi; phân công nhiệm vụ và tiến độ chưa rõ ràng.	Đạt từ 2.1 – 2.5 điểm. Kế hoạch và kịch bản tương đối đầy đủ; nội dung hợp lý; có khả năng triển khai trong thực tế.	Đạt từ 2.6 – 3.0 điểm. Kế hoạch và kịch bản chặt chẽ, khoa học; phân công hợp lý; thể hiện khả năng tổ chức và điều phối hiệu quả hoạt động thực tiễn.
Tiêu chí 2: Năng lực triển khai và giải quyết vấn đề (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không xử lý được các tình huống phát sinh; quá trình thực hiện bị gián đoạn hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.	Đạt từ 1.5 – 2.0 điểm. Nhận diện được một số vấn đề nhưng giải pháp còn đơn giản; hiệu quả triển khai chưa cao.	Đạt từ 2.1 – 2.5 điểm. Giải quyết được các tình huống cơ bản; có khả năng điều chỉnh kế hoạch và phối hợp thực hiện tương đối hiệu quả.	Đạt từ 2.6 – 3.0 điểm. Xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh; đề xuất giải pháp hợp lý và hiệu quả, thể hiện năng lực tổ chức, điều phối và quản lý tốt.
Tiêu chí 3: Chất lượng sản phẩm và kỹ năng báo cáo (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Sản phẩm hoặc báo cáo không hoàn chỉnh; nội dung trình bày thiếu rõ ràng, không đạt yêu cầu cơ bản	Đạt từ 1.0 – 1.3 điểm. Sản phẩm hoàn thành ở mức tối thiểu; báo cáo còn thiếu mạch lạc hoặc thiếu minh chứng.	Đạt từ 1.4 – 1.6 điểm. Sản phẩm đáp ứng yêu cầu; báo cáo rõ ràng; minh chứng đầy đủ; trình bày tương đối thuyết phục	Đạt từ 1.7 – 2.0 điểm. Sản phẩm có chất lượng tốt; báo cáo logic, thuyết phục; thể hiện rõ hiệu quả của hoạt động thực tiễn hoặc sản phẩm truyền thông.
Tiêu chí 4: Trách nhiệm, tác phong và phối hợp nhóm (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Thiếu trách nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ được giao; phối hợp nhóm kém.	Đạt từ 1.0 – 1.3 điểm. Có tham gia thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; tinh thần hợp tác chưa cao.	Đạt từ 1.4 – 1.6 điểm. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ; phối hợp nhóm tốt, thể hiện thái độ làm việc	Đạt từ 1.7 – 2.0 điểm. Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao; chủ động hỗ trợ nhóm; tác phong chuyên nghiệp;

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHẢ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
			nghiêm túc.	phối hợp hiệu quả trong toàn bộ quá trình thực hiện chuyên đề.

*Mô tả mức năng lực tổng quát (theo thang điểm 10):

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên vận dụng thành thạo kiến thức và kỹ năng tổ chức báo cáo chuyên đề để xây dựng kế hoạch, xử lý văn bản, thiết kế kịch bản và triển khai hiệu quả một hoạt động thực tiễn hoặc sản phẩm truyền thông. Thể hiện năng lực giải quyết vấn đề linh hoạt, xử lý tốt các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện. Báo cáo và sản phẩm có tính logic, sáng tạo, khả thi và đạt chất lượng cao. Đồng thời, sinh viên thể hiện tinh thần trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, khả năng phối hợp nhóm hiệu quả và ý thức nghề nghiệp tốt.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Sinh viên nắm vững các yêu cầu cơ bản của công tác tổ chức báo cáo chuyên đề và vận dụng tương đối hiệu quả vào việc xây dựng kế hoạch, kịch bản và triển khai hoạt động thực tiễn. Có khả năng xử lý được các tình huống thường gặp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo và sản phẩm được trình bày rõ ràng, đáp ứng yêu cầu học phần. Thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm và thái độ làm việc nghiêm túc.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Sinh viên thực hiện được các yêu cầu cơ bản của hoạt động báo cáo chuyên đề nhưng việc vận dụng kiến thức và kỹ năng còn mang tính khuôn mẫu. Khả năng xử lý tình huống và điều phối công việc còn hạn chế. Kế hoạch, kịch bản hoặc sản phẩm thực hiện đạt yêu cầu tối thiểu nhưng còn thiếu tính chặt chẽ và hiệu quả. Ý thức trách nhiệm và khả năng phối hợp nhóm được thể hiện ở mức cơ bản.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Sinh viên không nắm được quy trình tổ chức và triển khai báo cáo chuyên đề; kế hoạch hoặc sản phẩm thực hiện thiếu tính khả thi hoặc không hoàn thành yêu cầu. Không xử lý được các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Thiếu tinh thần trách nhiệm, phối hợp nhóm kém hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Báo cáo và sản phẩm không đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của học phần.

b. Rubric đánh giá bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHẢ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Tiêu chí 1:	Đạt dưới 1.5	Đạt từ 1.5 - 2.0	Đạt từ 2.1 -	Đạt từ 2.6 - 3.0

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Nội dung kế hoạch và kịch bản thực hiện (3.0 điểm)	điểm. Nội dung sơ sài; kế hoạch hoặc kịch bản thiếu mục tiêu, tiến độ và phân công nhiệm vụ; không thể hiện được tính khả thi của chuyên đề.	điểm. Xây dựng được kế hoạch cơ bản nhưng còn thiếu chi tiết; nội dung chưa thật sự phù hợp với mục tiêu hoạt động.	2.5 điểm. Kế hoạch và kịch bản tương đối đầy đủ; nội dung rõ ràng, có tính khả thi và phù hợp với yêu cầu chuyên đề.	điểm. Kế hoạch và kịch bản được xây dựng khoa học, sáng tạo; mục tiêu, tiến độ và phương án triển khai rõ ràng, khả thi và hiệu quả.
Tiêu chí 2: Kỹ năng trình bày và giải quyết vấn đề (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Trình bày thiếu mạch lạc; không giải thích được phương án thực hiện; lúng túng khi xử lý câu hỏi hoặc tình huống.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Trình bày được nội dung nhưng còn phụ thuộc tài liệu; giải pháp xử lý tình huống còn đơn giản.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Trình bày rõ ràng, tự tin; giải thích hợp lý các phương án thực hiện và xử lý được các tình huống cơ bản.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Trình bày thuyết phục; lập luận logic; xử lý linh hoạt các câu hỏi và tình huống phát sinh; thể hiện năng lực điều phối và tổ chức tốt.
Tiêu chí 3: Hình thức báo cáo và minh chứng thực hiện (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Slide hoặc tài liệu minh họa sơ sài; thiếu minh chứng; hình thức trình bày nhiều lỗi.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Có minh chứng nhưng còn hạn chế; hình thức trình bày chưa thật sự rõ ràng hoặc hấp dẫn.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Báo cáo được trình bày rõ ràng; minh chứng tương đối đầy đủ; hỗ trợ tốt cho nội dung thuyết trình.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Hình thức trình bày chuyên nghiệp; minh chứng phong phú, xác thực; góp phần làm nổi bật hiệu quả của chuyên đề hoặc sản phẩm thực hiện.
Tiêu chí 4: Trách	Đạt dưới 1.0 điểm. Không	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Có tham	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Chủ

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
nhiệm, phối hợp và tác phong làm việc nhóm (2.0 điểm)	hoàn thành nhiệm vụ; thiếu hợp tác; không tham gia phản biện hoặc hỗ trợ nhóm.	gia thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thụ động; phối hợp nhóm chưa hiệu quả.	Tham gia đầy đủ; phối hợp tốt với các thành viên; có tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.	động, trách nhiệm cao; phối hợp nhóm hiệu quả; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và khả năng hỗ trợ, điều phối công việc trong nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Hoàng Phong Tuấn, *Văn học – Người đọc – Định chế tiếp nhận*, NXB Khoa học xã hội, 2017.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, 2019..
- Lưu Hồng Sơn, Từ hành động đọc đến hành động hư cấu: nhân học văn học của Wolfgang Iser, Trần Thị Hoàng Tân (biên tập), *Vượt qua những ranh giới của văn chương*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2019.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	3
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	4
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	3
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin học phần**

- Tên học phần: **Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese folk literature)**
- Mã số học phần: **LIT324**
- Số tín chỉ: **2**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại hình học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: 02; Số giờ: 100, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thực hành: 10 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 00 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Đặng Quốc Minh Dương**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908 479 220**
- Email: **duongdqm@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Huỳnh Thị Mai Trinh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918807812**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học dân gian Việt Nam, nhằm giúp người học nhận thức được các đặc trưng của VHĐG Việt Nam. Đặc biệt, học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của từng thể loại VHĐG, từ truyện kể, ca dao, tục ngữ đến các hình thức diễn xướng. Qua đó, người học có khả năng phân tích, so sánh, vận dụng và đánh giá các tác phẩm văn học dân gian trong bối cảnh văn hóa – lịch sử cụ thể.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trình bày và giải thích về đặc trưng, quá trình hình thành, hệ thống thể loại, giá trị nội dung – nghệ thuật cũng như vị trí của VHĐG trong đời sống văn hóa dân tộc. Học phần rèn luyện năng lực nhận diện, phân tích, so sánh, lý giải các tác phẩm/thể loại văn học dân gian trong bối cảnh văn hóa – lịch sử; đồng thời bước đầu vận dụng chất liệu, motif, thi pháp và tư duy nghệ thuật dân gian vào hoạt động giảng dạy Ngữ văn, biên tập, truyền thông văn hóa hoặc sáng tạo nội dung. Qua đó, học phần bồi dưỡng thái độ trân trọng di sản, ý thức bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao trách nhiệm học thuật và tinh thần tự học của sinh viên.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Trình bày được đặc trưng cơ bản, vai trò và giá trị của văn học dân gian Việt Nam trong đời sống văn hóa dân tộc.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Giải thích được đặc điểm nội dung, nghệ thuật và thi pháp của một số thể loại, tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu trong bối cảnh văn hóa – lịch sử.	Mức 2 (Hiểu)
3	CLO3	Mô tả được khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian trong học tập và một số định hướng nghề nghiệp của ngành Văn học.	Mức 2 (Hiểu)
4	CLO4	Thể hiện ý thức trân trọng di sản văn học dân gian, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

CLO/PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					

CLO/PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
CHƯƠNG 1	NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG
1.	VHDG vừa là văn học vừa là văn hóa
2.	Đặc trưng của VHDG
3.	Vấn đề phân loại trong nghiên cứu VHDG
4.	Quá trình phát triển hoàn thiện các thể loại VHDG
CHƯƠNG 2	HỆ THỐNG THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM
1.	THẦN THOẠI
1.1.	Những vấn đề chung về thể loại
1.2.	Thần thoại các dân tộc Việt Nam
2.	TRUYỀN THUYẾT
2.1	Những vấn đề chung về thể loại
2.2	Truyền thuyết các dân tộc Việt Nam
3.	TRUYỆN CỔ TÍCH
3.1	Những vấn đề chung về thể loại
3.2	Đặc trưng của truyện cổ tích
3.3	Nội dung và nghệ thuật của các tiểu loại cổ tích
4.	TRUYỆN CƯỜI
4.1	Những vấn đề chung về thể loại
4.2	Đặc trưng của truyện cười
4.3	Nội dung của truyện cười
4.4	Nghệ thuật truyện cười
5.	TRUYỆN NGỤ NGÔN
5.1	Những vấn đề chung về thể loại
5.2	Đặc trưng của truyện ngụ ngôn
5.3	Nội dung của truyện ngụ ngôn
5.4	Nghệ thuật truyện ngụ ngôn
6.	CÁ DAO
6.1	Khái niệm và đặc trưng thể loại

Chương	Nội dung
6.2	Nội dung ca dao
6.3	Nghệ thuật ca dao
7.	TỤC NGŨ
7.1	Những vấn đề chung về thể loại
7.2	Nội dung của tục ngữ
7.3	Nghệ thuật của tục ngữ
8.	CÂU ĐỐ
8.1	Những vấn đề chung về thể loại
8.2	Nội dung, ý nghĩa của câu đố
8.3	Hình thức nghệ thuật của câu đố
9.	VẼ
9.1	Những vấn đề chung về thể loại
9.2	Đặc trưng của vẽ
9.3	Nghệ thuật của vẽ
10.	SỬ THI DÂN GIAN
10.1	Những vấn đề chung về thể loại
10.2	Đặc trưng của sử thi
10.3	Giá trị của sử thi
11.	TRUYỆN THƠ
11.1	Những vấn đề chung về thể loại
11.2	Phương thức lưu truyền và cung cách diễn xướng
11.3	Những nét chính về nội dung và nghệ thuật
CHƯƠNG 3	GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT CHUYÊN THỂ TỬ VĂN HỌC DÂN GIAN
1	Trò diễn dân gian
2	Chèo dân gian truyền thống
3	Một số loại hình khác

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học: đọc trước nội dung bài học, chuẩn bị các tác phẩm liên quan đến

	Nội dung
	bài học
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Giờ giảng	Giờ thực hành	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Những vấn đề chung	5	0	5	0	10	20
2	Hệ thống thể loại văn học dân gian Việt Nam	5	0	5	0	15	25
3	Giới thiệu một số loại hình nghệ thuật chuyển thể từ văn học dân gian	10	10	5	0	30	55
Tổng		20	10	15	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU CHUẨN

- Chọn 01 truyện truyền thuyết để phân tích các đặc trưng của thể loại.
- Chọn 01 truyện cổ tích thần kỳ để phân tích các đặc trưng của thể loại.
- Chọn 01 truyện cười dân gian để phân tích các đặc trưng của thể loại.
- Chọn phân tích 01 bài ca dao/hoặc một vấn đề nào đó của ca dao để làm rõ các đặc trưng của thể loại.
- Trình bày và giới thiệu các thể thơ của ca dao. Ứng dụng thể loại lục bát cho lớp.
- Trình bày và giới thiệu các đặc trưng chủ đề tình yêu – hôn nhân trong ca dao người Việt.
- Trình bày và giới thiệu các đặc trưng ngôn ngữ trong ca dao người Việt.
- Trình bày và giới thiệu các đặc trưng của thể loại tục ngữ.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Khái niệm chung về văn học dân gian(Khái niệm, đặc trưng cơ bản, hệ thống thể loại và lịch sử nghiên cứu)	X	X		
Chương 2: Các thể loại truyện kể dân gian(Thần thoại, truyền thuyết,		X	X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười)				
Chương 3: Các thể loại thơ ca dân gian và sân khấu dân gian(Tục ngữ, câu đố, ca dao; chèo cổ, tuồng gian, múa rối nước)		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Hướng dẫn tự học
- Thuyết trình -thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu		X	X	X
Hướng dẫn tự học	X	X	X	X
Thuyết trình - thảo luận nhóm	X	X	X	

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình –	40%

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
		Phản biện nhóm (30%)	
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%	Kiến thức	Tuần 6	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1: Trình bày đặc trưng và vai trò VHDG. CLO2: Giải thích nội dung, nghệ thuật và thi pháp. CLO3: Mô tả khả năng vận dụng trong học tập và nghề nghiệp. CLO4: Thể hiện khả năng trân trọng di sản văn	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						hóa dân tộc	
Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3-5	Rubric thuyết trình nhóm	CLO2: Mức độ hiểu và trình bày tác phẩm, thể loại VHDG. CLO3: Liên hệ và mô tả khả năng ứng dụng kiến thức.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
Chuyên cần	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Ý thức học tập, tinh thần tự học và trách nhiệm bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	Nội dung đánh giá chi tiết	Mức độ nhận thức / Kỹ năng	CLO tương ứng	Điểm thành phần (10 đ)
Phần 1: Hình thức, Trách nhiệm & đạo đức nghiên cứu	- Trình bày đúng quy chuẩn tiểu luận đại học (font, lề, giãn dòng). - Trích dẫn nguồn tài liệu chuẩn xác, minh bạch, không vi phạm đạo văn (thể hiện ý thức trách nhiệm). - Văn phong học thuật, nghiêm túc.	Mức 2 (Đáp ứng)	CLO 4	1.5 đ
Phần 2: Nội dung cốt lõi (Cấu trúc 3 chương)				8.5 đ
Chương 1: Đặt vấn đề & Hướng tiếp cận	- Xác định rõ lý do chọn tác phẩm/thể loại VHDG để nghiên cứu. - Nêu rõ góc nhìn/hướng ứng dụng	Khởi động cho CLO 2 & CLO 3	Hỗ trợ CLO 2, 3	1.5 đ
Chương 2:	- Chỉ ra và phân tích giá trị nội dung	Mức 3 (Vận	CLO 2	4.0 đ

Cấu trúc bài làm	Nội dung đánh giá chi tiết	Mức độ nhận thức / Kỹ năng	CLO tương ứng	Điểm thành phần (10 đ)
Phân tích giá trị tác phẩm (Trọng tâm 1)	của tác phẩm/thể loại đã chọn. - Phân tích đặc sắc nghệ thuật (thi pháp, biểu tượng...). - Lập luận chặt chẽ, có trích dẫn văn bản gốc làm minh chứng xác đáng.	dụng)		
Chương 3: Ứng dụng thực tiễn & Đánh giá (Trọng tâm 2)	- Trình bày phương án vận dụng chất liệu/thi pháp của tác phẩm vào thực tiễn (VD: Ý tưởng thiết kế bài giảng Ngữ văn; Kịch bản sân khấu hóa; Kế hoạch truyền thông văn hóa...). - Thái độ & Trân trọng: Đưa ra kết luận thể hiện sự thấu hiểu và thái độ trân trọng đối với các giá trị tư tưởng, nhân văn của di sản cha ông.	Mức 3 (Chuẩn hóa) & Mức 2 (Đáp ứng)	CLO 3, CLO 4	3.0 đ
Tổng cộng				10.0 đ

b. Rubric đánh giá bài tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Xác định đúng vấn đề, thể loại, tác phẩm và bối cảnh văn hóa – lịch sử	15%	CLO1	Xác định cực kỳ chính xác vấn đề nghiên cứu; hệ thống hóa rõ ràng đặc trưng cơ bản của thể loại; tái hiện bối cảnh văn hóa - lịch sử một cách sâu sắc, toàn diện.	Xác định đúng vấn đề, thể loại và tác phẩm; trình bày tương đối rõ ràng bối cảnh văn hóa - lịch sử nhưng chưa đào sâu sự tác động của bối cảnh đến tác phẩm.	Xác định được vấn đề và tác phẩm nhưng còn nhầm lẫn về đặc trưng cơ bản; bối cảnh văn hóa - lịch sử trình bày sơ sài, chung chung.	Xác định sai vấn đề, thể loại hoặc tác phẩm; không nêu được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn về bối cảnh văn hóa - lịch sử.
2	Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật	30%	CLO2	Giải thích và phân tích xuất sắc, có tính phát	Phân tích đúng và khá đầy đủ các đặc điểm nội	Có giải thích nội dung, nghệ thuật nhưng	Phân tích sai lệch nội dung, nghệ thuật;

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	thuật, mô típ, thi pháp và đặc trưng thể loại			hiện về đặc điểm nội dung, nghệ thuật, mô típ và thi pháp; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng đắt giá làm nổi bật đặc trưng thể loại.	dung, nghệ thuật, mô típ và thi pháp; bám sát đặc trưng thể loại nhưng hệ thống dẫn chứng chưa thật sự sâu sắc.	thiên về kể lể cốt truyện; việc phân tích mô típ và thi pháp còn lúng túng, chưa làm bật được đặc trưng thể loại.	không hiểu về mô típ, thi pháp và hoàn toàn bỏ qua đặc trưng thể loại của tác phẩm văn học dân gian.
3	Đề xuất hướng vận dụng chất liệu VHDG vào giảng dạy, biên tập, truyền thông văn hóa hoặc sáng tạo nội dung	25%	CLO3	Mô tả xuất sắc, sáng tạo khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian; phương án bám sát thực tiễn và định hướng nghề nghiệp của ngành Văn học.	Mô tả được khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian phù hợp với định hướng nghề nghiệp nhưng tính đột phá hoặc khả năng thực thi ở mức khá.	Có nêu ý tưởng vận dụng chất liệu VHDG nhưng phương án đề xuất còn sơ sài, chung chung, thiếu tính thực tế hoặc chưa gắn kết với định hướng ngành Văn học.	Không đưa ra được hướng vận dụng hoặc đề xuất phương án sai lệch, không liên quan đến chất liệu nghệ thuật dân gian và định hướng nghề nghiệp.
4	Trình bày học thuật, lập luận, trích dẫn, tuân thủ liên chính học thuật	15%	CLO4	Thể hiện tinh thần tự học xuất sắc: Cấu trúc bài chặt chẽ; văn phong học thuật chuẩn mực; trích dẫn tài liệu đa dạng, chính xác tuyệt đối; hoàn toàn tuân thủ liên chính.	Có tinh thần tự học nghiêm túc: Bài viết logic, rõ ràng; văn phong phù hợp; trích dẫn tài liệu đầy đủ dù đôi chỗ còn mắc lỗi nhỏ về hình thức quy chuẩn.	Bổ cục bài viết còn lỏng lẻo; diễn đạt lúng túng; thiếu tinh thần tự nghiên cứu sâu (trích dẫn tài liệu chưa đầy đủ hoặc mắc nhiều lỗi định dạng văn bản).	Bài viết lộn xộn, thiếu logic; diễn đạt kém hoặc vi phạm nghiêm trọng liên chính học thuật (sao chép, đạo văn), thiếu tinh thần tự học.
5	Thể hiện thái độ	15%	CLO4	Thể hiện sâu sắc, chân	Thể hiện thái độ đúng đắn,	Có nhắc đến việc bảo	Hoàn toàn không thể

SIT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	trân trọng di sản và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị VHĐG			thực ý thức trân trọng di sản; đưa ra những nhận định mang tính định hướng cao về trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc.	trân trọng đối với di sản VHĐG; thể hiện được trách nhiệm bảo tồn nhưng các nhận định đánh giá giá trị chưa thật sự mang tính gợi mở.	tôn, phát huy di sản nhưng mang tính sáo rỗng, hô khẩu hiệu, chưa gắn kết logic với các giá trị văn hóa dân tộc đã phân tích.	hiện được ý thức trân trọng di sản, hoặc có những nhận định sai lệch, hạ thấp giá trị văn hóa dân tộc.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Xuất sắc (8.5 – 10):** Sinh viên làm chủ hoàn toàn kiến thức nền tảng và tư duy thi pháp VHĐG; có góc nhìn độc lập, sắc bén và khả năng phát hiện vấn đề mới. Đề xuất nghề nghiệp mang tính đột phá và khả thi cao. Thể hiện tinh thần tự học vượt trội, kỹ năng nghiên cứu chuẩn mực, tuyệt đối tôn trọng liêm chính học thuật và có ý thức sâu sắc về trách nhiệm cá nhân đối với di sản dân tộc.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Sinh viên nắm vững lý thuyết, giải thích đúng các đặc trưng nội dung và nghệ thuật của tác phẩm trong bối cảnh văn hóa - lịch sử. Lập luận mạch lạc, kết cấu bài rõ ràng; có ý tưởng ứng dụng thực tiễn phù hợp với ngành học. Tuân thủ tốt quy chuẩn học thuật và thể hiện thái độ trân trọng di sản, dù bài viết đôi chỗ cần tăng tính sắc sảo hoặc độ sâu tri thức.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Sinh viên đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của học phần nhưng phân tích còn dừng lại ở mức mô tả, diễn xuôi cốt truyện hoặc liệt kê kiến thức. Ý tưởng vận dụng nghề nghiệp còn sơ sài, chung chung. Kỹ năng trình bày và lập luận học thuật chưa hoàn thiện (còn lỗi format, trích dẫn chưa chuẩn); nhận thức về bảo tồn di sản còn mang tính hình thức.
- **Mức Yếu (<5.0):** Sinh viên hổng kiến thức nền tảng, hiểu sai lệch về thể loại hoặc bối cảnh văn hóa - lịch sử. Bài viết thiếu cấu trúc, lập luận rời rạc, không đưa ra được phương án ứng dụng. Thiếu tinh thần tự học, kỹ năng trình bày yếu hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy chuẩn về liêm chính học thuật (sao chép, đạo văn).

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Thị Huế, *Văn học dân gian Việt Nam*, tập 1, Nxb Văn học, 2023.
- Lê Đức Luận, *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB ĐHQG-Hà Nội, 2019
- Vũ Anh Tuấn chủ biên, *Giáo trình Văn học dân gian*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014

12.2. Tài liệu tham khảo

- Lê Chí Quế, *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Đinh Gia Khánh chủ biên, *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2001.

- Đỗ Bình Trị, *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1991.
- Bùi Mạnh Nhị chủ biên, *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục 2000.
- Bùi Mạnh Nhị chủ biên, *Văn học dân gian – những tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục 2000.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đặng Quốc Minh Dương

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần:
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần:
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Xác định đúng vấn đề, thể loại, tác phẩm và bối cảnh văn hóa – lịch sử	15%	CLO1	Xác định cực kỳ chính xác vấn đề nghiên cứu; hệ thống hóa rõ ràng của đặc trưng cơ bản của thể loại; tái hiện bối cảnh văn hóa - lịch sử một cách sâu sắc, toàn diện.	Xác định đúng vấn đề, thể loại và tác phẩm; trình bày tương đối rõ ràng bối cảnh văn hóa - lịch sử nhưng chưa đào sâu sự tác động của bối cảnh đến tác phẩm.	Xác định được vấn đề và tác phẩm nhưng còn nhầm lẫn về đặc trưng cơ bản; bối cảnh văn hóa - lịch sử trình bày sơ sài, chung chung.	Xác định sai vấn đề, thể loại hoặc tác phẩm; không nêu được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn về bối cảnh văn hóa - lịch sử.	
2	Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật, mô típ, thi pháp và	30%	CLO2	Giải thích và phân tích xuất sắc, có tính phát hiện về đặc điểm nội dung, nghệ thuật, mô típ và thi pháp; lập luận chặt	Phân tích đúng và khá đầy đủ các đặc điểm nội dung, nghệ thuật, mô típ và thi pháp; bám sát đặc trưng thể loại nhưng	Có giải thích nội dung, nghệ thuật nhưng thiên về kể lể cốt truyện; việc phân tích mô típ và thi pháp còn lúng túng,	Phân tích sai lệch nội dung, nghệ thuật; không hiểu về mô típ, thi pháp và hoàn toàn bỏ qua đặc trưng thể	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	đặc trưng thể loại			chế, dẫn chứng đắt giá làm nổi bật đặc trưng thể loại.	hệ thống dẫn chứng chưa thật sự sâu sắc.	chưa làm bật được đặc trưng thể loại.	loại của tác phẩm văn học dân gian.	
3	Đề xuất hướng vận dụng chất liệu VHĐG vào giảng dạy, biên tập, truyền thông văn hóa hoặc sáng tạo nội dung	25%	CLO3	Mô tả xuất sắc, sáng tạo khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian; phương án bám sát thực tiễn và định hướng nghề nghiệp của ngành Văn học.	Mô tả được khả năng vận dụng chất liệu và tư duy nghệ thuật dân gian phù hợp với định hướng nghề nghiệp nhưng tính đột phá hoặc khả năng thực thi ở mức khá.	Có nêu ý tưởng vận dụng chất liệu VHĐG nhưng phương án đề xuất còn sơ sài, chung chung, thiếu tính thực tế hoặc chưa gắn kết với hướng ngành Văn học.	Không đưa ra được hướng vận dụng hoặc đề xuất phương án sai lệch, không liên quan đến chất liệu nghệ thuật dân gian và định hướng nghề nghiệp.	
4	Trình bày học thuật, lập luận, trích dẫn, tuân thủ liên chính học thuật	15%	CLO4	Thể hiện tinh thần tự học xuất sắc: Cấu trúc bài chặt chẽ; văn phong học thuật chuẩn mực; trích dẫn tài liệu đa dạng, chính xác tuyệt đối; hoàn toàn tuân thủ liên chính.	Có tinh thần tự học nghiêm túc: Bài viết logic, rõ ràng; văn phong phù hợp; trích dẫn tài liệu đầy đủ dù đôi chỗ còn mắc lỗi nhỏ về hình thức quy chuẩn.	Bộ cục bài viết còn lỏng lẻo; diễn đạt lủng lẳng; thiếu tinh thần tự nghiên cứu sâu (trích dẫn tài liệu chưa đầy đủ hoặc mắc nhiều lỗi định dạng văn bản).	Bài viết lộn xộn, thiếu logic; diễn đạt kém hoặc vi phạm nghiêm trọng liên chính học thuật (sao chép, đạo văn), thiếu tinh thần tự học.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
5	Thể hiện thái độ trân trọng di sản và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị VHĐG	15%	CLO4	Thể hiện sâu sắc, chân thực ý thức trân trọng di sản; đưa ra những nhận định mang tính định hướng cao về trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc.	Thể hiện thái độ đúng đắn, trân trọng đối với di sản VHĐG; thể hiện được trách nhiệm bảo tồn nhưng các nhận định đánh giá giá trị chưa thật sự mang tính gợi mở.	Có nhắc đến việc bảo tồn, phát huy di sản nhưng mang tính sáo rỗng, hồ khẩu hiệu, chưa gắn kết logic với các giá trị văn hóa dân tộc đã phân tích.	Hoàn toàn không thể hiện được ý thức trân trọng di sản, hoặc có những nhận định sai lệch, hạ thấp giá trị văn hóa dân tộc.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
-------------------------	--------------------------	--------------------------	-----------------------------

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin học phần

- Tên học phần: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII
(Vietnamese Literature from 10th century to 18th century)
- Mã học phần: LIT327
- Số tín chỉ: 2
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại hình học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT324, LIT325
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Dương Khắc Minh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918365444
- Email: Minhldk@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trương Thị Thúy Hằng
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8 00 -16-00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0902420589

- Email: HangTTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nền tảng văn học viết gắn liền với chế độ phong kiến Việt Nam từ chặng đường hình thành đến phát triển cực thịnh và bắt đầu bước vào giai đoạn suy thoái. Học phần còn giới thiệu về hình thức thể loại, chữ viết, các khuynh hướng sáng tác; Giới thiệu và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu về tác giả và tác phẩm tiêu biểu; Khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học viết Việt Nam giai đoạn đầu với những đặc trưng tiếp biến từ văn hoá, văn học Trung Hoa.

4. Mục tiêu của học phần

- Nắm được có hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII: quy luật sinh thành, phát triển qua từng giai đoạn văn học cụ thể; những nội dung, chủ đề, cảm hứng chính; những tác gia tác phẩm tiêu biểu của từng giai đoạn.

- Trang bị cho SV những phương pháp và kỹ năng phân tích, giảng bình, cảm thụ tác phẩm văn học; tự nghiên cứu từng giai đoạn văn học, một hiện tượng văn học, một tác gia văn học, một tác phẩm văn học cụ thể...

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được tiến trình phát triển, đặc điểm và những thành tựu cơ bản của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được đặc điểm nội dung, nghệ thuật và sự vận động thi pháp của một số tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu thuộc giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Sử dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu, phân tích và trình bày một vấn đề thuộc văn học trung đại Việt Nam.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu và phát triển năng lực nghiên cứu trong quá trình học tập học phần.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO3		X	X					
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Khái quát về văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII
1.1.	Bối cảnh thời đại lịch sử
1.2.	Cơ sở ý thức xã hội
1.3.	Tên gọi và vấn đề phân kỳ văn học trung đại
1.4.	Những thành tựu tiêu biểu từng giai đoạn
1.5	Đặc điểm cơ bản của văn học trung đại Việt Nam
1.6	Hệ thống thể loại và đặc trưng thi pháp văn học trung đại Việt Nam
Chương 2.	Văn học thế kỷ X – đầu thế kỷ XV (Văn học Lý - Trần)
2.1	Bối cảnh lịch sử xã hội Lý - Trần
2.2	Đặc trưng thời đại Lý - Trần
2.3	Đặc điểm văn học Lý - Trần
2.4	Thành tựu văn học thế kỷ X – XII (chủ yếu là đời Lý)
2.5	Thành tựu văn học thế kỷ XIII – đầu XV (đời Trần - Hồ)
Chương 3.	Văn học đầu thế kỷ XV – XVIII (Văn học Lê - Mạc, Nam Bắc phân tranh)
3.1	Thời đại xã hội
3.2	Thành tựu văn học
3.3	Nguyễn Trãi
3.4	Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn
3.5	Nguyễn Dữ và Truyền kỳ mạn lục
3.6	Nguyễn Bỉnh Khiêm

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2 1	Bài tập cá nhân
	Người học: đọc trước nội dung bài học, chuẩn bị các tác phẩm liên quan đến bài học

	Nội dung
6.2.2.	Bài tập nhóm
	Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ dạy	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Khái quát về văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVIII	5	5	0	20	30
2	Văn học thế kỷ X – đầu thế kỷ XV (Văn học Lý - Trần)	5	5	0	25	35
3	Văn học đầu thế kỷ XV – XVII (Văn học Lê - Mạc, Nam Bắc phân tranh)	5	5	0	25	35
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Tìm hiểu thi pháp một tác phẩm thuộc VHTĐVN (tự chọn).
2. So sánh một vấn đề về thi pháp VHTĐVN (tự chọn), thuộc hai giai đoạn khác nhau, của VHTĐVN.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVIII	X	X		
Chương 2. Văn học thế kỷ X – đầu thế kỷ XV (Văn học Lý - Trần)		X	X	X
Chương 3. Văn học đầu thế kỷ XV – XVII (Văn học Lê - Mạc, Nam Bắc phân tranh)		X	X	X

8. Phương pháp dạy – học:

- Thuyết trình.
- Vấn đáp.
- Hướng dẫn tự học: Học viên đọc, tóm lược nội dung tài liệu, làm bài tập.
- Thảo luận nhóm.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp		X	X	
Hướng dẫn tự học	X	X		
Thảo luận nhóm			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.

Kết thúc môn: Tiểu luận.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
tập (CLO4)	hoạt động học tập.	bài rất hạn chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận (11.3.a)	CLO1: Khả năng giải thích tiến trình phát triển, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. CLO2: Khả năng phân tích đặc điểm nội dung, nghệ thuật và sự vận động thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu, phân tích và trình bày một vấn	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						đề thuộc văn học trung đại Việt Nam.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b)	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm và trao đổi học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Tinh thần tự học, chủ động tìm kiếm tài liệu và phát triển năng lực nghiên cứu trong quá trình học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
Phần mở đầu & Hình thức	Nền tảng chung	- Lý do chọn đề tài, mục tiêu, phạm vi nghiên cứu. - Quy chuẩn trình bày (bố cục, font, lề, danh mục tài liệu tham khảo và trích dẫn chuẩn học thuật).	1.0 đ

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
Chương 1: Bối cảnh lịch sử văn học & Khung lý thuyết thi pháp	CLO 1	- Khái quát ngắn gọn tri thức cơ bản về tiến trình lịch sử văn học/bối cảnh thời đại liên quan đến tác giả/tác phẩm được chọn. - Giới thiệu/định nghĩa các khái niệm thi pháp học trung đại sẽ dùng để nghiên cứu (ví dụ: tư duy thể loại, ước lệ tượng trưng, thời gian/không gian nghệ thuật...).	2.0 đ
Chương 2: Phân tích sự vận động thể loại và nội dung tác phẩm	CLO 2	- Phân tích diện mạo, đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Chỉ ra được vị trí của tác phẩm trong tiến trình vận động về thi pháp của thể loại đó (từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII). - Vận dụng tốt kỹ năng cảm thụ, giảng bình văn học trung đại.	3.5 đ
Chương 3: Vận dụng lý thuyết thi pháp học & So sánh đối chiếu	CLO 3	- Vận dụng thi pháp học: Thao tác hóa các khái niệm thi pháp học đã nêu ở Chương 1 vào việc bóc tách cấu trúc nghệ thuật của tác phẩm. - So sánh thể loại: Thực hiện so sánh đặc điểm thi pháp của tác phẩm/thể loại đang nghiên cứu với một tác phẩm/thể loại cùng thời (hoặc giai đoạn trước/sau trong biên độ thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII) để thấy nét tương đồng/khác biệt.	3.5 đ
Tổng cộng			10.0 đ

b. Rubric đánh giá bài tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Giải thích tiến trình phát triển và bối cảnh văn học	15%	CLO1	Giải thích tường minh, mạch lạc và có hệ thống tiến trình phát triển	Giải thích đúng và rõ ràng mốc tiến trình phát triển của giai	Nêu được tiến trình phát triển cơ bản nhưng nội dung trình	Trình bày sai lệch hoặc hoàn toàn không giải thích được tiến

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII; kết nối sâu sắc giữa sự vận động văn học với bối cảnh lịch sử - văn hóa.	đoạn văn học này; có liên hệ bối cảnh lịch sử - văn hóa nhưng nội dung chưa thật sự sâu sắc.	bây còn rời rạc, thiếu tính hệ thống; việc lý giải mối liên hệ với bối cảnh còn chung chung.	trình phát triển của giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.
2	Khái quát đặc điểm và các thành tựu cơ bản của giai đoạn	15%	CLO1	Khái quát đầy đủ, chính xác và khoa học các đặc điểm cốt lõi cùng những thành tựu văn học cơ bản; có khả năng hệ thống hóa tốt và mở rộng vấn đề sâu sắc.	Trình bày đúng các đặc điểm và thành tựu văn học cơ bản của giai đoạn; giải thích rõ ràng nhưng năng lực khái quát hóa hoặc mở rộng vấn đề ở mức vừa phải.	Liệt kê được một số đặc điểm và thành tựu nhưng nội dung còn thiếu sót, chưa làm rõ được các giá trị cốt lõi của giai đoạn văn học.	Không nắm được hoặc trình bày sai lệch các đặc điểm và thành tựu cơ bản của giai đoạn văn học này.
3	Phân tích đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm/thể loại	25%	CLO2	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tính phát hiện về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đối tượng tiêu biểu được chọn; lập luận sắc bén, dẫn chứng đắt giá.	Phân tích đúng, khá đầy đủ đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại; lập luận rõ ràng, có hệ thống dẫn chứng minh họa phù hợp.	Nội dung phân tích còn đơn giản, chủ yếu thiên về diễn xuôi, kể lể tình tiết bài thơ/văn xuôi; chưa làm nổi bật được đặc trưng nghệ thuật; dẫn chứng chưa	Không phân tích được hoặc hiểu sai lệch nghiêm trọng về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đối tượng được chọn nghiên cứu.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
						thuyết phục.	
4	Phân tích sự vận động thi pháp văn học	20%	CLO2	Chỉ ra và lý giải một cách xuất sắc, khoa học sự vận động thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu; thể hiện tư duy lý luận văn học vững chắc.	Phân tích đúng hướng sự vận động thi pháp của đối tượng nghiên cứu; lập luận tương đối rõ ràng nhưng việc đào sâu bản chất thi pháp trung đại chưa thật sắc sảo.	Có nhắc đến các yếu tố thi pháp nhưng chưa chỉ ra hoặc lý giải được sự vận động của chúng; phân tích còn gượng ép và mơ hồ.	Hoàn toàn bỏ qua hoặc hiểu sai lệch bản chất về sự vận động thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại trong giai đoạn này.
5	Vận dụng phương pháp nghiên cứu và trình bày vấn đề	25%	CLO3	Vận dụng thành thạo, linh hoạt kiến thức và các phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu và giải quyết triệt để vấn đề; trình bày mạch lạc, cấu trúc tiêu luận logic, chuẩn mực học thuật.	Vận dụng tương đối tốt kiến thức và phương pháp nghiên cứu vào bài viết; quá trình tìm hiểu, phân tích và trình bày vấn đề rõ ràng, bố cục hợp lý, trích dẫn đúng quy chuẩn.	Có cố gắng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu nhưng còn lúng túng; cấu trúc trình bày vấn đề chưa thật chặt chẽ, lập luận còn rời rạc hoặc còn sót lỗi hình thức.	Không biết vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học; trình bày lộn xộn, không làm rõ được vấn đề thuộc văn học trung đại hoặc vi phạm liên chính học thuật.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Xuất sắc (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các hiện tượng văn

học, tác giả và tác phẩm. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý; sử dụng dẫn chứng phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phản biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. Có khả năng trình bày và nhận diện vấn đề nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, không có hoặc sử dụng không phù hợp dẫn chứng văn học.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				tốt; kiểm soát thời gian quả	chưa tự tin hoàn toàn.		
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phân biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

1/ Trần Nho Thìn, *Văn học Việt Nam. từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

2/ Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIX: Những vấn đề lí luận và lịch sử*, NXB Giáo dục, 2007.

12.2 Tài liệu tham khảo

1/ Nguyễn Đăng Na (chủ biên) (2007), *Văn học trung đại Việt Nam*, 2 tập, NXB ĐHSP HN, HN.

2/ Đoàn Thị Thu Vân (chủ biên) (2008), *Văn học trung đại Việt Nam*, NXB GD, tại TP HCM.

Cần đọc : Các tác phẩm của các tác giả: Thơ văn Lý - Trần, Nguyễn Trãi *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*, *Bình Ngô đại cáo*; Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn *Hồng Đức quốc âm thi tập*; Nguyễn Bỉnh Khiêm *Bạch Vân thi tập*, *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*; Nguyễn Dữ *Truyền kỳ mạn lục*, Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm *Chinh phụ ngâm khúc*, Nguyễn Gia Thiều *Cung oán ngâm khúc*; Hồ Xuân Hương *Thơ Nôm*; Nguyễn Du *Đoạn trường tân thanh*, 3 tập thơ chữ Hán *Thanh Hiên thi tập*; *Bắc hành tạp lục*; *Nam trung tạp ngâm* và *Văn tế thập loại chúng sinh*, Ngô gia văn phái *Hoàng Lê nhất thống chí*; Lê Hữu Trác *Thượng kinh ký sự*; Phạm Thái Sơ *kính tân trang*, *Văn tế Trương Quỳnh Như*; Bà huyện Thanh Quan *6 bài thơ Nôm*; Nguyễn Công Trứ *Thơ, hát nói, phú*, Cao

Bá Quát *Thơ chữ Hán, hát nói, phú*; Nguyễn Đình Chiểu 3 *truyện thơ, Văn tế, thơ luật Đường chữ Nôm...*

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Dương Khắc Minh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần:
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm thành phần
1	Giải thích tiến trình phát triển và bối cảnh văn học	15%	CLO1	Giải thích tương minh, mạch lạc và có hệ thống tiến trình phát triển của văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII; kết nối sâu sắc giữa sự vận động văn học với bối cảnh lịch sử - văn hóa.	Giải thích đúng và rõ ràng mốc tiến trình phát triển của giai đoạn văn học này; có liên hệ bối cảnh lịch sử - văn hóa nhưng nội dung chưa thật sự sâu sắc.	Nêu được tiến trình phát triển cơ bản nhưng nội dung trình bày còn rời rạc, thiếu tính hệ thống; việc lý giải mối liên hệ với bối cảnh còn chung chung.	Trình bày sai lệch hoặc hoàn toàn không giải thích được tiến trình phát triển của giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVIII.	
2	Khái quát đặc điểm và các thành tựu cơ bản	15%	CLO1	Khái quát đầy đủ, chính xác và khoa học các đặc điểm cốt lõi cùng những thành tựu văn học cơ bản; có khả năng hệ	Trình bày đúng các đặc điểm và thành tựu văn học cơ bản của giai đoạn; giải thích rõ ràng những năng lực khái quát	Liệt kê được một số đặc điểm và thành tựu nhưng nội dung còn thiếu sót, chưa làm rõ được các giá trị cốt lõi của giai đoạn văn học.	Không nắm được hoặc trình bày sai lệch các đặc điểm và thành tựu cơ bản của giai đoạn văn học này.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm thành phần
	của giai đoạn			thống hóa tốt và mở rộng vấn đề sâu sắc.	hóa hoặc mở rộng vấn đề ở mức vừa phải.			
3	Phân tích đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm/thể loại	25%	CLO2	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tính phát hiện về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đối tượng tiêu biểu được chọn; lập luận sắc bén, dẫn chứng đắt giá.	Phân tích đúng, khá đầy đủ đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại; lập luận rõ ràng, có hệ thống dẫn chứng minh họa phù hợp.	Nội dung phân tích còn đơn giản, chủ yếu thiên về diễn xuôi, kể lể tình tiết bài thơ/văn xuôi; chưa làm nổi bật được đặc trưng nghệ thuật; dẫn chứng chưa thuyết phục.	Không phân tích được hoặc hiểu sai lệch nghiêm trọng về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đối tượng được chọn nghiên cứu.	
4	Phân tích sự vận dụng thi pháp văn học	20%	CLO2	Chỉ ra và lý giải một cách xuất sắc, khoa học sự vận dụng thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu; thể hiện tư duy lý luận văn học vững chắc.	Phân tích đúng hướng sự vận dụng thi pháp của đối tượng nghiên cứu; lập luận tương đối rõ ràng nhưng việc đào sâu bản chất thi pháp trung đại chưa thật sắc sảo.	Có nhắc đến các yếu tố thi pháp nhưng chưa chỉ ra hoặc lý giải được sự vận động của chúng; phân tích còn gượng ép và mơ hồ.	Hoàn toàn bỏ qua hoặc hiểu sai lệch bản chất về sự vận động thi pháp của tác giả, tác phẩm hoặc thể loại trong giai đoạn này.	
5	Vận dụng phương	25%	CLO3	Vận dụng thành thạo, linh hoạt kiến thức và	Vận dụng tương đối tốt kiến thức và	Có cố gắng vận dụng kiến thức và phương	Không biết vận dụng kiến thức và	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm thành phần
	pháp nghiên cứu và trình bày vấn đề			các phương pháp nghiên cứu văn học để tìm hiểu và giải quyết triệt để vấn đề; trình bày mạch lạc, cấu trúc tiểu luận logic, chuẩn mực học thuật.	phương pháp nghiên cứu vào bài viết; quá trình tìm hiểu, phân tích và trình bày vấn đề rõ ràng, bố cục hợp lý, trích dẫn đúng quy chuẩn.	pháp nghiên cứu nhưng còn lúng túng; cấu trúc trình bày vấn đề chưa thật chặt chẽ, lập luận còn rời rạc hoặc còn sót lỗi hình thức.	phương pháp nghiên cứu văn học; trình bày lộn xộn, không làm rõ được vấn đề thuộc văn học trung đại hoặc vi phạm kiểm chính học thuật.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin học phần

- Tên học phần: Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX
(Vietnamese literature from 18th to 19th century)
- Mã học phần: LIT328
- Số tín chỉ: 2
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại hình học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT327
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Dương Khắc Minh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918365444
- Email: Minhlkd@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trương Thị Thúy Hằng
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0902420589
- Email: HangTTT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về giai đoạn phát triển nhất của văn học trung đại Việt Nam (từ thế kỷ XVIII – XIX). Người học được giới thiệu về thành tựu thể loại tiêu biểu gồm truyện thơ Nôm, ngâm khúc, hát nói và một số thành tựu thơ văn chữ Hán khác; cung cấp kiến thức về các tác gia tiêu biểu như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương; hướng dẫn nghiên cứu nội dung văn chương qua những tác phẩm tiêu biểu như *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, *Hoàng Lê nhất thống chí*,... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu thêm một số nội dung văn học Trung Quốc để người học đối chiếu, so sánh quá trình tiếp biến để hình thành, phát triển nền văn học dân tộc Việt Nam.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho người học những kiến thức chung về văn học sử giai đoạn thế kỷ XVIII – XIX nhằm giúp người học vận dụng hiểu biết về lịch sử - xã hội, văn hóa - tư tưởng để nghiên cứu các tác phẩm văn học cụ thể;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quy luật vận động, hình thức và đặc trưng thẩm mỹ của các thể loại văn học, giá trị nội dung, nghệ thuật và quá trình phát triển đến đỉnh cao của văn học viết Việt Nam thời trung đại;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và trình bày đúng, hay, hiệu quả đối với từng nội dung học tập, nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được tiến trình phát triển, đặc điểm và những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và tư tưởng của thời đại.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật, đặc điểm phong cách và sự vận động thi pháp của các tác gia, tác phẩm hoặc thể loại tiêu biểu thuộc giai đoạn văn học từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Sử dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, so sánh, lý giải các hiện	Mức 3 (Chuẩn hóa)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		trọng văn học trung đại Việt Nam và bước đầu liên hệ với hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc nghề nghiệp phù hợp.	
4	CLO4	Thể hiện trách nhiệm học tập, tinh thần chủ động nghiên cứu, ý thức phát triển năng lực chuyên môn và thái độ nghiêm túc trong các hoạt động học thuật.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX
1.1.	Đặc điểm về hoàn cảnh lịch sử
1.2.	Tình hình văn học
Chương 2	Những thể loại, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX
2.1.	Truyện thơ Nôm với tác phẩm <i>Truyện Kiều</i>
2.2.	Ngâm khúc với tác phẩm <i>Chinh phụ ngâm</i> , <i>Cung oán ngâm khúc</i>
2.3.	Thơ Nôm Đường luật với các tác phẩm của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan
2.4.	Hát nói với các tác phẩm của Nguyễn Công Trứ
2.5.	Thể loại tiểu thuyết chương hồi với tác phẩm <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>
2.6.	Một số thành tựu thể loại khác (phú Nôm, văn tế, thơ chữ Hán)
Chương 3	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX
3.1.	Khái quát
3.2.	Khuynh hướng văn học yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu

Chương	Nội dung
3.3.	Khuynh hướng tố cáo hiện thực của Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Tìm hiểu về một tác gia tiêu biểu giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	Thuyết trình về một thể loại văn học/ một khuynh hướng văn học tiêu biểu thế kỷ XVIII – XIX.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Giờ dạy	Thảo luận	Thực hành	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Khái quát về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX	5	5	0	0	15	25
2	Những thể loại, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX	5	5	10	0	20	40
3	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	5	5	5	0	20	35
Tổng		15	15	15	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Tìm hiểu thi pháp một tác phẩm thuộc VHTĐVN (tự chọn).
2. So sánh một vấn đề về thi pháp VHTĐVN (tự chọn), thuộc hai giai đoạn khác nhau, của VHTĐVN.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX	X	X		

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 2. Những thể loại, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX		X	X	X
Chương 3. Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX		X	X	X

8. Phương pháp dạy – học

- Thuyết trình.
- Vấn đáp.
- Hướng dẫn tự học: Học viên đọc, tóm lược nội dung tài liệu, làm bài tập.
- Thảo luận nhóm.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp		X	X	
Hướng dẫn tự học	X	X		
Thảo luận nhóm			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Kết thúc môn Tự luận.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Thi tự luận (11.3.a)	CLO1: Khả năng giải thích tiến trình phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. CLO2:	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật, phong cách và sự vận động thi pháp của các tác gia, tác phẩm tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, so sánh và lý giải các hiện tượng văn học trung đại Việt Nam.	
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b)	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác phẩm, tác gia hoặc thể loại văn học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm và trao đổi học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu)

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận	Thông	Vận	Tổng
--------	--------------------	-----	------	-------	-----	------

			biết (L1)	hiểu (L2)	dụng (L3)	số câu
Chương 1	Khái quát về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX	CLO1		Câu 1		1
Chương 2	Những thể loại, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX	CLO2, CLO3			Câu 2	1
Chương 3	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX	CLO2, CLO3			Câu 2*	1*
TỔNG				1 câu	1 câu	2 câu

*Lưu ý: Câu 2 sẽ thay đổi theo từng dạng đề

Ghi chú về độ khó và trọng số:

- CLO1 (Thông hiểu – L2): trọng số 40%, là câu phần đánh giá nền tảng lý luận và lịch sử văn học. Ở mức độ Thông hiểu, sinh viên cần vượt qua việc học thuộc lòng thông thường để có khả năng khái quát hóa, lý giải được bối cảnh thời đại và những đặc điểm mang tính quy luật của văn học giai đoạn này.
- CLO2, CLO3 (Vận dụng – L3): trọng số 60%, là câu phần đánh giá năng lực thực hành chuyên môn (phân tích, giảng bình, cảm thụ và đối chiếu). Sinh viên phải biết dùng phương pháp và lý luận khoa học để phân tích văn bản nghệ thuật.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất ít kiến thức về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.	Nhận biết được một số kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX nhưng còn rời rạc, thiếu hệ thống; trình bày đơn giản, chưa đầy đủ.	Trình bày tương đối đầy đủ, đúng các kiến thức văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX; có khả năng giải thích nhưng chưa thật sâu sắc.	Trình bày đầy đủ, chính xác, hệ thống hóa tốt kiến thức văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX; có khả năng khái quát và mở rộng vấn đề.

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO2	Không nhận diện hoặc nhận diện sai văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX; không có khả năng phân tích.	Nhận diện được một số vấn đề văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX nhưng phân tích còn sơ sài; chủ yếu kể lại nội dung, ít đánh giá giá trị nghệ thuật và tư tưởng.	Phân tích được đặc điểm văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX; có dẫn chứng và bước đầu đánh giá đóng góp nhưng chưa thật sâu sắc.	Phân tích sâu sắc, toàn diện đặc điểm văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX; đánh giá thuyết phục đóng góp; có so sánh và góc nhìn tổng hợp.
CLO3	Không vận dụng được kiến thức; bài phân tích rời rạc, thiếu cấu trúc, không có hoặc sai dẫn chứng; không thể hiện kỹ năng cảm thụ văn học.	Vận dụng kiến thức ở mức cơ bản; bài viết có bố cục nhưng còn đơn giản, lập luận chưa chặt chẽ; cảm thụ và phân tích còn hạn chế.	Vận dụng khá tốt kiến thức để phân tích và cảm thụ tác phẩm; bài viết có cấu trúc rõ ràng, lập luận hợp lý, có dẫn chứng phù hợp; bước đầu liên hệ thực tiễn.	Vận dụng thành thạo kiến thức để phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm; bài viết chặt chẽ, logic, giàu cảm xúc và học thuật; có khả năng liên hệ tốt với thực tiễn nghề nghiệp (giảng dạy, biên tập, viết tin...).

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các hiện tượng văn học, tác giả và tác phẩm. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý; sử dụng dẫn chứng phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phân biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX. Có

khả năng trình bày và nhận diện vấn đề nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về văn học Việt Nam thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, không có hoặc sử dụng không phù hợp dẫn chứng văn học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ ràng nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục;	Trả lời đúng trọng tâm	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.		trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Trần Nho Thìn, *Văn học Việt Nam: từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Lã Nhâm Thìn (chủ biên), *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam* (tập 1), Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015.

- Nguyễn Đăng Na (chủ biên), *Văn học trung đại Việt Nam* (tập 2), Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013.

- Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, 2007.

- Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X – XIX, những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, 2007.

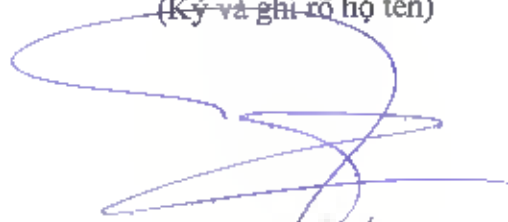
Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoi ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Dương Khắc Minh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	4.0
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	2.0
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	3.0
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng chưa	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	1.0



STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Thông tin về học phần**

Tên học phần: Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930 (Vietnamese literature from 1900 to 1930)

- Mã học phần: LIT318
- Số tín chỉ: 02
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT328
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: Quốchv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Trọng Thiệu
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918 438 058

- Email: ThieuDT@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm 03 chương, cung cấp những kiến thức về văn học sử, về đặc điểm, tính chất giao thời của giai đoạn văn học 1900 – 1930, về những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này. Bên cạnh đó, người học cũng được rèn kỹ năng phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học, sử dụng các kiến thức văn học để phục vụ cho những công việc khác nhau trong thực tế.

4. Mục tiêu của học phần

- Hệ thống hóa các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học Việt Nam trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến hết thập niên 30;
- Giải thích được đặc điểm, tính chất giao thời của văn học giai đoạn 1900 – 1930;
- Vận dụng kiến thức văn học vào việc phân tích, nghiên cứu tác phẩm văn học cụ thể thuộc giai đoạn 1900 – 1930;
- Phát triển kỹ năng đọc, viết và trình bày các vấn đề văn học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930, bao gồm bối cảnh lịch sử, đặc điểm giao thời và các khuynh hướng văn học tiêu biểu.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc văn học Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học và liên hệ với các hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc nghề nghiệp phù hợp.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Thể hiện trách nhiệm học tập, tinh thần chủ động nghiên cứu, ý thức phát triển năng lực chuyên môn và thái độ nghiêm túc trong các hoạt động học thuật.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát chung
1.1.	Bối cảnh lịch sử và những thay đổi trong đời sống xã hội
1.2.	Văn học giai đoạn 1900 – 1930 trong tiến trình văn học viết Việt Nam
1.3.	Tính chất giao thời
Chương 2	Quá trình phát triển và thành tựu
2.1.	Quá trình phát triển
2.2.	Thành tựu văn học: - Văn học của các nhà Nho - Văn học Quốc ngữ/ Mới
Chương 3	Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu
3.1.	Phan Bội Châu và <i>Bài ca chúc Tết thanh niên</i>
3.2.	Tản Đà và bài thơ <i>Tổng biệt</i>
3.3.	Hồ Biểu Chánh và tiểu thuyết <i>Ngon cô gió dừa</i>
3.4.	Hoàng Ngọc Phách và tiểu thuyết <i>Tổ Tâm</i>

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Hồ Biểu Chánh thuộc khuynh hướng lãng mạn hay hiện thực.
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Thuyết trình về một tác giả tiêu biểu được chọn - Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm và đặt câu hỏi/ tranh luận với nhóm khác về các vấn đề của bài học.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				Tổng
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	
1	Khái quát chung	5	0	0	15	20
2	Quá trình phát triển và thành tựu	5	0	0	15	20
3	Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	10	10	0	40	60
	Tổng	20	10	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Khái niệm về văn học giao thời.
2. Vai trò của Tản Đà, Hồ Biểu Chánh trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam.
3. Đánh giá những đóng góp của các tác giả, tác phẩm văn học giai đoạn 1900 - 1930.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát chung	x	x		
Chương 2. Quá trình phát triển và thành tựu		x	x	
Chương 3. Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu		x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình - phản biện

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề			X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình - phản biện		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi tự luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình và phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận (11.3.a)	CLO1: Khả năng giải thích đặc điểm giao thời, bối cảnh lịch sử và các khuynh hướng văn học tiêu biểu giai đoạn 1900–1930. CLO2: Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, đánh giá tác phẩm và liên hệ thực tiễn.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Thi cuối kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình (11.3.b)	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác phẩm văn học. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm và trao đổi học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên	Chuyên cần, chăm chỉ, năng nổ	Lấy dữ liệu đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					cần		

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 60 phút; Số câu: 02 câu

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Khái quát chung	CLO1	1.0	0.5	1.0	2.5
Chương 2	Quá trình phát triển và thành tựu	CLO2, CLO3	0.5	1.0	2.0	3.5
Chương 3	Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	CLO2, CLO3	0.5	1.5	2.0	4.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.0đ	3.0đ	5.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- CLO1 (Nhận biết - L1): Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- CLO2 (Thông hiểu - L2): Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- CLO3 (Vận dụng - L3): Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất mơ hồ về bối cảnh lịch sử, đặc điểm và tính chất giao thời của văn học Việt Nam 1900–1930; trình bày sai hoặc thiếu	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn học 1900–1930 nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống hoặc còn thiếu chính xác	Trình bày tương đối đầy đủ, đúng các kiến thức về bối cảnh, đặc điểm và tính chất giao thời của văn học 1900–1930; có khả năng khái	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống; phân tích và khái quát sâu sắc bối cảnh, đặc điểm và tính chất giao thời của văn học Việt Nam

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	ý chính.	ở một số nội dung.	quát cơ bản.	1900–1930, có liên hệ hợp lý.
CLO2	Không nhận diện hoặc nhận diện sai tác giả, tác phẩm tiêu biểu; phân tích nội dung và nghệ thuật thiếu cơ sở.	Nhận diện được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhưng phân tích còn đơn giản, chưa đầy đủ và thiếu chiều sâu.	Nhận diện và phân tích khá rõ đặc điểm nội dung, nghệ thuật và giá trị của một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu giai đoạn 1900–1930.	Phân tích sâu sắc, có hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật và vai trò trong tiến trình văn học.
CLO3	Không hoặc rất hạn chế vận dụng kiến thức để phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm; lập luận rời rạc, thiếu minh chứng.	Bước đầu vận dụng được kiến thức để phân tích tác phẩm nhưng còn đơn giản, thiếu chiều sâu và chưa chặt chẽ trong lập luận.	Vận dụng tương đối tốt kiến thức văn học sử để phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm văn học 1900–1930.	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức văn học sử và lý luận; phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ, có cảm thụ và đánh giá thuyết phục về tác phẩm.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa tốt kiến thức về văn học Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930, bao gồm bối cảnh lịch sử, đặc điểm giao thời và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; có khả năng phân tích sâu sắc, cảm thụ tinh tế và đánh giá thuyết phục tác phẩm văn học, đồng thời vận dụng linh hoạt kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu và trình bày khá đầy đủ kiến thức về văn học Việt Nam 1900 – 1930; biết phân tích tác giả, tác phẩm tiêu biểu và vận dụng kiến thức để cảm thụ, đánh giá tác phẩm ở mức tương đối tốt, dù chiều sâu lập luận chưa thật toàn diện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được những kiến thức nền tảng về văn học Việt Nam 1900 – 1930; bước đầu biết nhận diện và phân tích tác giả, tác phẩm nhưng còn đơn giản, cảm thụ và đánh giá chưa sâu, lập luận còn hạn chế.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam 1900 – 1930, không hoặc rất hạn chế trong việc phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm văn học; bài làm thiếu logic và minh chứng.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần**12.1. Tài liệu chính**

- Trần Đăng Suyền – Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), *Văn học Việt Nam. Từ đầu thế kỉ XX đến 1945*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 – 1930*, NXB Giáo dục và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1988.
- Cao Thị Hào, *Giáo trình Văn xuôi hiện đại Việt Nam giai đoạn 1900 - 1932*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- Các tác phẩm văn học Việt Nam thuộc giai đoạn 1900 – 1930.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHÂN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiếu vế liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phân biện	3.0	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phân biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	



STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 (Vietnamese literature from 1930 to 1945)

- Mã học phần: LIT330
- Số tín chỉ: 3
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT328
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:

- Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
- Giờ kiểm tra: 0 Giờ
- Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0934976916
- Email: huongpt@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, cụ thể là những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng tác động đến văn học cũng như các chặng đường phát triển, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam giai đoạn này. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận về các khuynh hướng văn học tiêu biểu ở Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần bao gồm các mục tiêu:

- Trình bày những tác động của chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng đến sự biến đổi, phát triển của văn học giai đoạn 1930 – 1945;

- Cung cấp những kiến thức khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945, cụ thể là các giai đoạn phát triển và nội dung chính của từng giai đoạn, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của giai đoạn văn học này;

- Cung cấp những kiến thức chuyên sâu, có tính lý luận về các khuynh hướng văn học tiêu biểu ở Việt Nam giai đoạn này, đó là khuynh hướng văn học lãng mạn, hiện thực phê phán và cách mạng;

- Giới thiệu về các tổ chức, phong trào và các tác gia văn học nổi bật như: Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Hồ Chí Minh, Tố Hữu;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được đặc điểm bối cảnh lịch sử – văn hóa, các giai đoạn phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945 trong tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được đặc điểm tư duy nghệ thuật, quan niệm thẩm mỹ và những đóng góp của các khuynh hướng văn học lãng mạn, hiện thực phê phán và cách mạng trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Phân tích và so sánh được phong cách nghệ thuật, giá trị nội dung và đóng góp của các tác gia, nhóm văn học và phong trào tiêu biểu trong	Mức 4 (Phân tích)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945.	
4	CLO4	Vận dụng được kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, bình luận và đánh giá các tác phẩm hoặc hiện tượng văn học thuộc giai đoạn 1930–1945.	Mức 3 (Vận dụng)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X					
CLO4			X	X				

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
1.1.	Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tư tưởng
1.2.	Ba chặng đường phát triển của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
1.3.	Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
1.4.	Thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
Chương 2.	Trào lưu văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
2.1.	Chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
2.2.	Tự lực văn đoàn
2.3.	Tác giả Thạch Lam
2.4.	Tác giả Nguyễn Tuân
2.5.	Phong trào Thơ mới
2.6.	Tác giả Xuân Diệu
Chương 3.	Trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930 -

Chương	Nội dung
	1945
3.1.	Chủ nghĩa hiện thực (phê phán) và chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
3.2.	Đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
3.3.	Tác giả Vũ Trọng Phụng
3.4.	Tác giả Nam Cao
Chương 4.	Trào lưu văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945
4.1.	Cơ sở hình thành và các chặng đường phát triển của văn học cách mạng Việt Nam
4.2.	Thơ ca trong tù - bộ phận ưu tú nhất của văn học cách mạng
4.3.	<i>Nhật kí trong tù</i> của Hồ Chí Minh
4.4.	<i>Từ ấy</i> của Tố Hữu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học đọc tài liệu theo hướng dẫn của người dạy
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện các đề tài thuyết trình theo yêu cầu của người dạy - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	4	4	0	20	28
2	Trào lưu văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	4	4	0	20	28
3	Trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	4	4	0	20	28
4	Trào lưu văn học cách mạng Việt	3	3	0	10	16

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
	Nam giai đoạn 1930 - 1945					
	Tổng	15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Trào lưu văn học lãng mạn giai đoạn 1930 - 1945: Tự lực văn đoàn, Phong trào Thơ mới.
2. Trào lưu văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930 - 1945: Tác giả Vũ Trọng Phụng và Nam Cao.
3. Trào lưu văn học Cách mạng giai đoạn 1930 - 1945: Tác giả Hồ Chí Minh và Tố Hữu.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	X	X		
Chương 2. Trào lưu văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945		X	X	X
Chương 3. Trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945		X	X	X
Chương 4. Trào lưu văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	X

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
			xuân.		hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận	CLO1: Khả năng giải thích bối cảnh lịch sử – văn hóa, các giai đoạn phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930–1945. CLO2: Khả năng phân tích đặc điểm tư duy nghệ thuật, quan niệm thẩm mỹ và các khuynh hướng văn học tiêu biểu. CLO3: Khả năng phân tích, so sánh phong cách nghệ thuật và đóng góp của các tác gia, nhóm văn học, phong trào văn học tiêu biểu.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3, CLO4	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm.	CLO2: Nội dung phân tích và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					Rubric đánh giá bài thuyết trình	so sánh, đánh giá tác gia và hiện tượng văn học. CLO4: Khả năng vận dụng kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu để bình luận, đánh giá tác phẩm cụ thể.	CLO4
	Hỗ trợ toàn bộ CLO	10%	Tham gia học tập	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Theo dõi mức độ tham gia học tập, chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập.	Dữ liệu hỗ trợ đánh giá học phần

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 60 phút; Số câu: 02

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	CLO1	1.0	0.5	0.5	2.0
Chương 2	Trào lưu văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.5	3.0
Chương 3	Trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.5	3.0
Chương 4	Trào lưu văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	CLO2, CLO3	0.0	0.5	1.5	2.0

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
TỔNG	02 câu (100%)		2.0đ	3.0đ	5.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- **CLO2 (Thông hiểu - L2):** Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- **CLO3 (Vận dụng - L3):** Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng)

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Sai hoặc thiếu kiến thức cơ bản.	Thiếu 1 - 2 nội dung chính, trình bày rời rạc.	Trình bày đúng ý chính, tương đối đầy đủ.	Trình bày đầy đủ, hệ thống bối cảnh – đặc điểm – thành tựu, logic rõ ràng.
CLO2	Nhầm hoặc không phân biệt được trào lưu.	Chủ yếu liệt kê, ít phân tích.	Phân tích đúng nhưng còn đơn giản, thiếu chiều sâu.	Phân tích sâu, có so sánh và dẫn chứng tác phẩm.
CLO3	Không thực hiện được so sánh.	Chủ yếu mô tả, thiếu đối chiếu.	So sánh đúng nhưng còn khái quát	So sánh rõ ràng, có lập luận và đánh giá giá trị nghệ thuật.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ kiến thức học phần; phân tích sâu, lập luận chặt chẽ; vận dụng tốt vào tác phẩm và bối cảnh; có so sánh, đánh giá và dẫn chứng chính xác, thuyết phục. Diễn đạt rõ ràng, mang tính học thuật cao.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Hiểu và nắm được phần lớn kiến thức trọng tâm; phân tích đúng nhưng chưa thật sâu; có vận dụng và dẫn chứng nhưng chưa nổi bật; lập luận tương đối logic, còn một số thiếu sót nhỏ.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Hiểu kiến thức ở mức cơ bản; trình bày còn thiên về liệt kê, thiếu phân tích sâu; vận dụng hạn chế; dẫn chứng chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác; diễn đạt còn rời rạc.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm vững kiến thức cơ bản; hiểu sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm; không phân tích được vấn đề; bài làm thiếu logic, thiếu hoặc sai dẫn chứng, không đáp ứng yêu cầu đề bài.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Trần Đăng Suyễn – Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), *Văn học Việt Nam: Từ đầu thế kỉ XX đến 1945*, NXB Đại học Sư phạm, 2020.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàng Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức, *Văn học Việt Nam 1900 - 1945*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2022.

- Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam hiện đại, tiến trình - thể loại - tác giả - tác phẩm*, NXB Đại học Sư phạm, 2024.

- Trần Đình Sử (chủ biên), *Lược sử văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021.

- Trần Đình Sử, *Văn học Việt Nam từ những mảnh ghép*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2023.

- Viện Ngôn ngữ và Văn hoá Phương Đông, *Từ văn học kháng chiến đến văn học đổi mới: Phê bình phong cách học*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2021.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHÂN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phân biện	3.0	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phân biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 (Vietnamese literature from 1945 to 1975)
- Mã học phần: LIT332
- Số tín chỉ: 02
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT318
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành: 30 Giờ
 - + Thảo luận: 0 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0934976916

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm 04 chương, cung cấp những kiến thức về văn học sử, về đặc điểm và thành tựu văn học qua thể loại chính từ 1945 đến 1975. Học phần này cũng giới thiệu, phân tích một số tác giả tiêu biểu như Tố Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... để khẳng định những đóng góp của họ cho sự phát triển của văn học dân tộc. Bên cạnh đó, người học cũng được rèn kỹ năng phân tích, cảm thụ, đánh giá tác phẩm văn học, sử dụng các kiến thức văn học để phục vụ cho những công việc khác nhau trong thực tế (giảng dạy, biên tập, viết tin...).

4. Mục tiêu của học phần

- Hệ thống hóa các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học Việt Nam trong giai đoạn từ 1945 đến 1975;

- Giải thích được đặc điểm lịch sử, hoàn cảnh chiến tranh/ đất nước bị chia cắt 2 miền đã ảnh hưởng đến văn học giai đoạn 1945 – 1975;

- Vận dụng được kiến thức văn học vào việc phân tích, đánh giá tác phẩm văn học cụ thể thuộc giai đoạn 1945 – 1975;

- Phát triển kỹ năng đọc, viết và trình bày các vấn đề văn học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Giải thích được đặc điểm, quá trình phát triển và những thành tựu nổi bật của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 trong bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa của đất nước.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật và những đóng góp của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 đối với sự phát triển của nền văn học dân tộc.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức văn học sử và phương pháp nghiên cứu văn học để phân tích, đánh giá, so sánh các tác phẩm văn học; bước đầu ứng dụng vào các hoạt động học tập, giảng dạy, biên tập hoặc truyền thông nội dung.	Mức 3 (Chuẩn hóa)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
4	CLO4	Thể hiện trách nhiệm học tập, thái độ trân trọng các giá trị tư tưởng, nhân văn của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 và ý thức nghiêm túc trong các hoạt động học thuật.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X	X				
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1. Khái quát chung	
1.1.	Bối cảnh lịch sử và những thay đổi trong đời sống xã hội
1.2.	Văn học giai đoạn 1945 – 1975 trong tiến trình văn học viết Việt Nam
1.3.	Các đặc điểm cơ bản của văn học
Chương 2. Quá trình phát triển và thành tựu	
2.1.	Quá trình phát triển
2.2.	Thành tựu văn học + Thơ kháng chiến + Văn xuôi
Chương 3. Phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	
3.1.	Thơ thời kỳ chống Pháp (1945 – 1954)
3.2.	Văn xuôi thời kỳ chống Pháp (1945 – 1954)
3.3.	Văn học thời kỳ chống Mỹ ở miền Bắc
3.4.	Văn học thời kỳ 54 – 75 ở miền Nam

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	- Hình tượng người lính trong thơ kháng chiến 1945 – 1975 - Hình tượng Bác Hồ trong thơ 1945 - 1975
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Thuyết trình về một tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này. - Phân tích các tác phẩm văn học thuộc giai đoạn 1945 - 1975. - Thực hành các thao tác triển khai đề tài, biết cách nhận xét, đánh giá phản biện.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ					
		Giờ giảng	Giờ thực hành	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát chung	3	10	0	0	10	23
2	Quá trình phát triển và thành tựu	5	10	0	0	20	35
3	Phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	7	10	0	0	25	42
	Tổng	15	30	0	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

- Chủ đề đau thương, mất mát trong chiến tranh thể hiện qua 3 bài thơ: *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan, *Núi đôi* của Vũ Cao, *Quê hương* của Giang Nam.
- Nhận xét về thơ không vần của Nguyễn Đình Thi.
- Đánh giá những đóng góp của các nhà văn, nhà thơ trẻ thời chống Mỹ.
- Nhận xét về văn học miền Nam giai đoạn 1954 - 1975.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát chung	x	x		
Chương 2. Quá trình phát triển và thành tựu		x	x	x
Chương 3. Phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu		x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện
- Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X
Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu		X	X	

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi vấn đáp kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Vấn đáp gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: tổng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi vấn đáp (Ngân hàng câu hỏi vấn đáp)	CLO1: Khả năng giải thích đặc điểm, quá trình phát triển và thành tựu của văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975. CLO2: Khả năng phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật và đóng góp của các tác giả tiêu biểu. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức văn học sử để phân tích, so sánh, đánh giá tác phẩm	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						văn học và liên hệ thực tiễn nghề nghiệp.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích, lập luận và đánh giá tác giả, tác phẩm. CLO3: Kỹ năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm, so sánh và phân biện học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần trách nhiệm học tập, thái độ tham gia học tập, ý thức chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi vấn đáp; Thời gian: 10-15 phút/ sinh viên; Số câu: 2 câu

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Khái quát chung	CLO1	1.0	1.0	0	2.0
Chương 2	Quá trình phát triển và thành tựu	CLO2, CLO3	1.0	2.0	1.0	4.0
Chương 3	Phân tích một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	CLO2, CLO3	0.5	2.0	1.5	4.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.5đ	5.0đ	2.5đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- CLO1 (Nhận biết - L1): Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- CLO2 (Thông hiểu - L2): Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- CLO3 (Vận dụng - L3): Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất ít kiến thức về văn học Việt Nam 1945–1975; trình bày sai, thiếu hoặc nhầm lẫn các giai đoạn, thể loại và đặc điểm cơ bản.	Nhận biết được một số kiến thức cơ bản về bối cảnh, đặc điểm và thành tựu văn học nhưng còn rời rạc, thiếu hệ thống; trình bày đơn giản, chưa đầy đủ.	Trình bày tương đối đầy đủ, đúng các kiến thức văn học sử, đặc điểm và thành tựu theo thể loại; có khả năng giải thích nhưng chưa thật sâu sắc.	Trình bày đầy đủ, chính xác, hệ thống hóa tốt kiến thức văn học 1945–1975; giải thích rõ mối quan hệ giữa bối cảnh – đặc điểm – thành tựu; có khả năng khái quát và mở rộng vấn đề.
CLO2	Không nhận diện hoặc nhận diện sai tác giả và tác phẩm tiêu biểu (Tố Hữu, Quang Dũng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài...); không có khả năng phân tích.	Nhận diện được một số tác giả/tác phẩm nhưng phân tích còn sơ sài; chủ yếu kể lại nội dung, ít đánh giá giá trị nghệ thuật và tư tưởng.	Phân tích được đặc điểm tư tưởng, nghệ thuật của tác giả tiêu biểu; có dẫn chứng và bước đầu đánh giá đóng góp nhưng chưa thật sâu sắc.	Phân tích sâu sắc, toàn diện đặc điểm tư tưởng và nghệ thuật của tác giả tiêu biểu; đánh giá thuyết phục đóng góp của họ đối với văn học dân tộc; có so sánh và góc nhìn tổng hợp.
CLO3	Không vận dụng được kiến thức; bài phân tích rời rạc, thiếu cấu trúc, không có hoặc sai	Vận dụng kiến thức ở mức cơ bản; bài viết có bố cục nhưng còn đơn giản,	Vận dụng khá tốt kiến thức để phân tích và cảm thụ tác phẩm; bài	Vận dụng thành thạo kiến thức để phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm; bài viết chặt chẽ, logic, giàu

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	dẫn chứng; không thể hiện kỹ năng cảm thụ văn học.	lập luận chưa chặt chẽ; cảm thụ và phân tích còn hạn chế.	viết có cấu trúc rõ ràng, lập luận hợp lý, có dẫn chứng phù hợp; bước đầu liên hệ thực tiễn.	cảm xúc và học thuật; có khả năng liên hệ tốt với thực tiễn nghề nghiệp (giảng dạy, biên tập, viết tin...).

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975, bao gồm bối cảnh lịch sử – xã hội, đặc điểm, thành tựu theo thể loại và các tác giả tiêu biểu. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các hiện tượng văn học, tác giả và tác phẩm. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt với tiến trình văn học dân tộc.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về văn học 1945–1975 và các vấn đề trọng tâm của học phần. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý các tác giả, tác phẩm và đặc điểm văn học; sử dụng dẫn chứng phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phân biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về văn học Việt Nam 1945 – 1975. Có khả năng trình bày và nhận diện tác giả, tác phẩm, đặc điểm văn học nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về văn học giai đoạn 1945–1975. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích, cảm thụ và đánh giá tác phẩm. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, không có hoặc sử dụng không phù hợp dẫn chứng văn học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Văn học Việt Nam: Từ sau Cách Mạng tháng 8 – 1945*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2023.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Bá Thành, *Toàn cảnh thơ Việt Nam 1945 – 1975*; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

- Trần Đình Sử (Chủ biên), *Lược sử văn học Việt Nam*; NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021.

- Các tác phẩm văn học Việt Nam thuộc giai đoạn 1945 – 1975.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%*)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiếu về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	4.0
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	2.0
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	3.0
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng chưa	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	1.0

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm chành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Việt Nam từ sau 1975 (Vietnamese literature after 1975)
- Mã học phần: LIT321
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT332
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn.
- Số tín chỉ: 02, Số giờ: 100, trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0934976916
- Email: huongpt@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quá trình vận động, phát triển, các đặc điểm cơ bản và thành tựu của văn học Việt Nam từ sau 1975. Học phần cũng giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn này. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp thêm những kiến thức về lý luận, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn sau 1975 nhằm giúp sinh viên nắm bắt được đặc điểm, vấn đề, sự kiện tiêu biểu của phê bình văn học Việt giai đoạn này.

4. Mục tiêu của học phần

- Nắm được những kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam hiện đại giai đoạn sau 1975, cụ thể: các giai đoạn phát triển và nội dung chính của từng giai đoạn, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của giai đoạn văn học này;

- Có kỹ năng nhận diện vấn đề, kỹ năng phân tích, kỹ năng tổng hợp và chọn lọc tư liệu khoa học, trình bày vấn đề, ...;

- Rèn luyện tinh thần khoa học khách quan, cởi mở, chân thực để tiếp cận đối tượng từ nhiều quan điểm, nhiều góc nhìn khoa học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được quá trình vận động, phát triển, đặc điểm và những thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ sau năm 1975 trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật, những đổi mới tư duy nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu và các khuynh hướng phát triển của văn học Việt Nam sau 1975, bao gồm cả lĩnh vực lý luận và phê bình văn học.	Mức5 (Đánh giá)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức văn học, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề học thuật hoặc nghề nghiệp liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu, biên tập và truyền thông văn hóa.	Mức 3 (Vận dụng)
4	CLO4	Thể hiện trách nhiệm học thuật, tinh thần tự học và chủ động cập nhật các vấn đề mới của văn học, lý luận và phê bình văn học Việt Nam đương đại trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3			X	X				
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Khái quát về văn học Việt Nam từ sau 1975
1.1.	Bối cảnh lịch sử - xã hội và yêu cầu đổi mới văn học
1.2.	Những chặng đường vận động, phát triển của văn học sau 1975
1.3.	Đặc điểm chung của văn học Việt Nam giai đoạn từ sau 1975
Chương 2.	Diện mạo và những đổi mới căn bản của văn xuôi Việt Nam từ sau 1975
2.1.	Các chặng đường vận động
2.2.	Một số khuynh hướng chính
2.3.	Những đổi mới cơ bản
2.4.	Một số tác giả tiêu biểu
Chương 3.	Diện mạo và những đổi mới căn bản của thơ Việt Nam từ sau 1975
3.1.	Các chặng đường vận động
3.2.	Một số khuynh hướng chính
3.3.	Những đổi mới cơ bản
3.4.	Một số tác giả tiêu biểu
Chương 4.	Phê bình văn học từ sau năm 1975
4.1.	Diễn biến và diện mạo
4.2.	Thành tựu và hạn chế

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập kiểm tra kiến thức trên lớp.

	Nội dung
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Nhóm thực hiện một đề tài thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát về văn học Việt Nam từ sau 1975	5	0	0	10	15
2	Diện mạo và những đổi mới căn bản của văn xuôi Việt Nam từ sau 1975	5	4	0	25	34
3	Diện mạo và những đổi mới căn bản của thơ Việt Nam từ sau 1975	5	4	0	25	34
4	Phê bình văn học từ sau năm 1975	5	2	0	10	17
	Tổng	20	10	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Những đổi mới của văn xuôi sau năm 1975
2. Những đổi mới của thơ sau năm 1975

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ sau 1975	X	X		
Chương 2. Diện mạo và những đổi mới căn bản của văn xuôi Việt Nam từ sau 1975		X	X	X
Chương 3. Diện mạo và những đổi mới căn bản của thơ Việt Nam từ sau 1975		X	X	X
Chương 4. Phê bình văn học từ sau năm 1975		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Vấn đáp
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Vấn đáp	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi tự luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và vận dụng	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi tự luận (11.3.a)	CLO1: Khả năng phân tích quá trình vận động, phát triển, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam sau 1975. CLO2: Khả năng đánh giá giá trị nội dung, nghệ thuật, những đổi mới tư duy nghệ thuật và các khuynh hướng phát triển của văn học Việt Nam sau 1975. CLO3: Khả năng vận dụng	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						kiến thức văn học, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phân tích để giải quyết các vấn đề học thuật hoặc nghề nghiệp liên quan.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung phân tích, đánh giá và lập luận học thuật. CLO3: Khả năng vận dụng kiến thức, trình bày quan điểm, phản biện và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm học thuật, tinh thần tự học, chủ động cập nhật tri thức mới và tham gia các hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 60 phút; Số câu: 02

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Khái quát về văn học Việt Nam từ sau 1975	CLO1	1.0	0.5	0.5	2.0
Chương 2	Diện mạo và những đổi mới căn bản của văn xuôi Việt Nam từ sau	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.5	3.0

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
	1975					
Chương 3	Diện mạo và những đổi mới căn bản của thơ Việt Nam từ sau 1975	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.5	3.0
Chương 4	Phê bình văn học từ sau năm 1975	CLO2, CLO3	0.0	0.5	1.5	2.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.0đ	3.0đ	5.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- **CLO2 (Thông hiểu - L2):** Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- **CLO3 (Vận dụng - L3):** Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Không nắm hoặc nắm rất mơ hồ về tiến trình, đặc điểm và thành tựu văn học Việt Nam sau 1975; trình bày rời rạc, sai hoặc thiếu ý chính.	Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam sau 1975 nhưng chưa hệ thống, còn thiếu hoặc nhầm lẫn một số nội dung.	Trình bày tương đối đầy đủ, đúng kiến thức về quá trình vận động, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam sau 1975; có khả năng khái quát cơ bản.	Trình bày đầy đủ, chính xác, có hệ thống; khái quát sâu sắc được tiến trình, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam sau 1975, có liên hệ và mở rộng tốt.
CLO2	Không nhận diện hoặc nhận diện sai tác giả, tác phẩm và các vấn đề lý	Nhận diện được một số tác giả, tác phẩm và vấn đề lý luận – phê	Nhận diện và phân tích khá rõ các tác giả, tác phẩm tiêu biểu và một số vấn	Phân tích sâu sắc, có hệ thống; đánh giá được đặc điểm,

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	luận – phê bình văn học sau 1975; phân tích thiếu cơ sở.	bình cơ bản nhưng phân tích còn đơn giản, chưa sâu.	đề lý luận – phê bình văn học sau 1975.	giá trị và vấn đề lý luận – phê bình văn học sau 1975; có khả năng so sánh, liên hệ.
CLO3	Không vận dụng được hoặc vận dụng rất hạn chế kiến thức để phân tích tác phẩm/hiện tượng văn học; lập luận rời rạc, thiếu minh chứng.	Bước đầu vận dụng được kiến thức để phân tích nhưng còn đơn giản, thiếu chiều sâu và liên kết lập luận chưa chặt chẽ.	Vận dụng tương đối tốt kiến thức văn học và lý luận – phê bình để phân tích, đánh giá tác phẩm/hiện tượng văn học sau 1975.	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức lý luận và thực tiễn; lập luận chặt chẽ, thuyết phục, có quan điểm và đánh giá sâu sắc về hiện tượng văn học.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa tốt kiến thức về văn học Việt Nam sau 1975, bao gồm đặc điểm, thành tựu, tác giả – tác phẩm tiêu biểu và vấn đề lý luận – phê bình; có khả năng phân tích sâu sắc, lập luận chặt chẽ, vận dụng linh hoạt kiến thức để đánh giá hiện tượng văn học một cách toàn diện và thuyết phục.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu và trình bày khá đầy đủ các nội dung cơ bản của văn học Việt Nam sau 1975; biết phân tích tác giả, tác phẩm và một số vấn đề lý luận – phê bình; vận dụng kiến thức tương đối tốt trong phân tích và đánh giá, dù mức độ khái quát và chiều sâu chưa cao.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được những kiến thức nền tảng về văn học Việt Nam sau 1975; bước đầu biết nhận diện và phân tích tác giả, tác phẩm và vấn đề văn học, nhưng lập luận còn đơn giản, thiếu hệ thống và chưa có chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam sau 1975; không hoặc rất hạn chế trong việc nhận diện, phân tích và vận dụng kiến thức lý luận – phê bình; bài làm thiếu logic và minh chứng.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phần biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý	Có tương tác nhưng chưa chủ	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	tác và thái độ học thuật			kiến thức, hợp tác tốt.	động.		hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Bình, *Văn xuôi Việt Nam 1975-1995 những đổi mới cơ bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- Phan Cự Đệ, *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam sau 1975 và việc giảng dạy trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.
- Đặng Thu Thủy, *Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỷ 80 đến nay- Những đổi mới cơ bản*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2015.
- Trần Đình Sử (chủ biên), *Lược sử văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021.
- Trần Đình Sử, *Phê bình văn học Việt Nam hiện đại - Lịch sử và chân dung*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2023.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Việt Nam từ sau 1975

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiếu về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phản biện	3.0	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng chưa	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHẤM
 (Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Văn học phương Đông (Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc) (Eastern countries' Literature (India, Japan, Korea))
- Mã học phần: LIT423
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành, thí nghiệm: 30 Giờ
 - + Thảo luận: 0 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 5 Giờ
 - Giờ tự học: 50 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Văn học - Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM
- Điện thoại: 038 4598 728
- Email: baotramnn@hcmussh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 091 880 7812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học phương Đông, các khu vực văn học phương Đông, nhằm giúp người học nhận diện được các nền văn học tiêu biểu của văn học phương Đông trong mối quan hệ với văn học Việt Nam. Người học được giới thiệu cơ bản về những đặc trưng cơ bản của văn học phương Đông (dân tộc, ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, tiến trình, v.v.). Để tiếp cận di sản văn học phương Đông, học phần giới thiệu các đại diện tiêu biểu của các nền văn học quan trọng gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học phương Đông
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các khu vực văn học Nam Á, Đông Á và các đặc trưng tư tưởng, văn tự, dân tộc.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc (các thể loại cổ điển, các di sản tiêu biểu).
- Trang bị kiến thức về lịch sử văn học phương Đông, tiến trình và di sản và mối quan hệ giao lưu với văn học Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được các đặc trưng cơ bản về tư tưởng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn tự và tiến trình phát triển của các nền văn học thuộc khu vực Nam Á và Đông Á trong bối cảnh văn hóa – lịch sử đặc thù.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được kiến thức về các nền văn học Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc để phân tích, so sánh và lý giải giá trị của các di sản văn học tiêu biểu trong mối quan hệ giao lưu, tiếp biến với văn học Việt Nam.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Trình bày và bảo vệ được quan điểm học thuật về các vấn đề văn học phương Đông bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện năng lực đọc hiểu, phân tích và tư duy liên văn hóa trong học tập và nghiên cứu.	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, tự nghiên cứu và hợp tác hiệu quả trong hoạt động nhóm; thể hiện ý thức tôn trọng, bảo tồn và phát	Mức 3 (Hình thành giá trị)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		huy các giá trị văn hóa – văn học phương Đông trong học tập và đời sống.	

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3					X			
CLO4								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về văn học phương Đông
1.1.	Văn học phương Đông
1.2.	Khu vực văn học Nam Á và văn học Ấn Độ
1.3.	Khu vực văn học Đông Á và văn học Nhật Bản, Hàn Quốc
Chương 2	Văn học Ấn Độ
2.1.	Tụng ca Veda
2.2.	Sử thi và sử thi <i>Ramayana</i>
2.3	Sân khấu cổ điển và <i>Shakuntala</i>
2.4	Rabindranath Tagore và thời đại Phục hưng Ấn Độ
Chương 3	Văn học Nhật Bản
3.1.	Thơ tanka và thơ haiku
3.2.	<i>Truyện Genji</i> và khởi nguyên tiểu thuyết
3.3.	Kawabata Yasunari và trường phái tân cảm giác
Chương 4	Văn học Hàn Quốc
4.1.	Thơ Sijo
4.2.	Tiểu thuyết pansori và <i>Xuân Hương truyện</i>
4.3.	Tiểu thuyết mộng du lục và <i>Cửu vân mộng</i>

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học viết 1 số bài kiểm tra ngắn (3 bài) trong quá trình diễn ra môn học.

	Nội dung
	Người học tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi trong quá trình diễn ra môn học.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học tham gia làm bài nhóm, thực hiện các đề tài do giảng viên gợi ý. Thực hành các thao tác triển khai đề tài, biết cách nhận xét, đánh giá phản biện. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số giờ					
		Giờ giảng	Giờ thực hành	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về văn học phương Đông	3	0	0	2	5	10
2	Văn học Ấn Độ	4	10	0	1	15	30
3	Văn học Nhật Bản	4	10	0	1	15	30
4	Văn học Hàn Quốc	4	10	0	1	15	30
	Tổng	15	30	0	5	50	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Văn học phương Đông và đặc điểm các khu vực văn học phương Đông
2. Đặc điểm tôn giáo trong văn học Ấn Độ
3. Lý tưởng Dharma trong sử thi *Ramayana*
4. Thi pháp rasa và sân khấu Ấn Độ
5. Thi pháp dung hợp trong sáng tác của Tagore
6. Đặc điểm trữ tình trong văn học Nhật Bản
7. Thi pháp thơ truyền thống Nhật Bản
8. Mối quan hệ giữa văn hóa dân gian và văn học thành văn trong văn học Korea.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tổng quan về văn học phương Đông	X			X
Chương 2: Văn học Ấn Độ	X	X	X	X
Chương 3: Văn học Nhật Bản	X	X	X	X
Chương 4: Văn học Hàn Quốc	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Tự học có hướng dẫn
- Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu
- Học tập theo dự án
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu		X	X	
Học tập theo dự án		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu; chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo bổ trợ để mở rộng nền tảng kiến thức văn hóa, phục vụ cho việc đối sánh giao lưu với văn học Việt Nam.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá:

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận 2 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Cuối học kỳ	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Phân tích đặc trưng tư tưởng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn tự và tiến trình văn học phương Đông. CLO2: Phân tích, so sánh giá trị các di sản văn học Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc trong mối quan hệ với văn học Việt Nam.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình Chuyên cần	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và Kỹ năng	Tuần 2 - 7	Rubrics đánh giá thuyết trình, báo cáo	CLO2: Chất lượng nội dung phân tích, đối sánh tác phẩm và hiện tượng văn học. CLO3: Kỹ năng trình bày, lập luận,	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					thực hành, bài tập phân tích	tư duy liên văn hóa và phản biện học thuật.	
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập, tích cực tham gia hoạt động nhóm, có ý thức tự học và tôn trọng các giá trị văn hóa – văn học phương Đông.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Tổng quan về văn học phương Đông	CLO1	Câu 1	Câu 1		Câu 1
Chương 2	Văn học Ấn Độ	CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 3	Văn học Nhật Bản	CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 4	Văn học Hàn Quốc	CLO2			Câu 2	Câu 2
TỔNG	2 câu (100%)		Câu 1	Câu 1	Câu 2	Câu 2

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết & Thông hiểu - 4.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 40% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn, đánh giá năng lực ghi nhớ và lý giải các nền tảng tư tưởng, lịch sử.
- **CLO2 (Vận dụng - 6.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 60% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng điểm phân loại năng lực thẩm định và đối sánh văn học của sinh viên. Đề thi dành quỹ điểm lớn nhất (2.0 điểm) đối với nền văn học Ấn Độ, đòi hỏi sinh viên phải xác lập được ảnh hưởng sâu rộng của nền văn học này đối với khu vực. Thành phần điểm còn lại được chia đều để vận dụng đánh giá các di sản mang tính khu biệt của văn học Nhật Bản và Hàn Quốc.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích đặc trưng và tiến trình (1 câu)	Đạt dưới 2.0 điểm. Không phân tích được hoặc sai lệch hoàn toàn về bối cảnh tôn giáo, lịch sử; không nắm được tiến trình phát triển của văn học phương Đông.	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm. Phân tích được bối cảnh lịch sử, tôn giáo ở mức sơ lược. Trình bày được tiến trình văn học nhưng còn thiếu sót, lập luận chưa chặt chẽ.	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm. Phân tích rõ ràng bối cảnh và các đặc trưng nền tảng. Trình bày khá hệ thống tiến trình văn học; văn phong mạch lạc, hiểu đúng vấn đề.	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm. Phân tích tốt, đa chiều về sự chi phối của tôn giáo, lịch sử đến tiến trình văn học. Lập luận chặt chẽ, tư duy bao quát và hệ thống.
CLO2: Làm rõ giá trị di sản và xác lập đối sánh (1 câu)	Đạt dưới 3.0 điểm. Không làm rõ được giá trị tác phẩm; chỉ diễn xuôi văn bản. Không có khả năng liên hệ, đối sánh với văn học Việt Nam hoặc đối sánh gượng ép, lạc đề.	Đạt từ 3.0 - 4.1 điểm. Làm rõ được giá trị di sản ở mức cơ bản. Có xác lập đối sánh với văn học Việt Nam nhưng còn gượng ép, thiếu chiều sâu và dẫn chứng văn bản.	Đạt từ 4.2 - 5.0 điểm. Phân tích, làm rõ giá trị thẩm mỹ của tác phẩm. Chỉ ra được những điểm tương đồng/dị biệt với văn học Việt Nam, dẫn chứng thuyết phục.	Đạt từ 5.1 - 6.0 điểm. Phân tích, làm rõ các đặc trưng thẩm mỹ của từng nền văn học một cách khoa học. Xác lập mối quan hệ liên văn bản sắc bén, có tư duy nghiên cứu độc lập và giọng văn mang đậm dấu ấn cá nhân.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên nắm vững và phân tích chuyên sâu các tiền đề tôn giáo, lịch sử hình thành nên diện mạo văn học phương Đông. Thể hiện năng lực tư duy bậc cao khi mổ xẻ, làm rõ giá trị các di sản văn học cổ điển (đặc biệt là khối văn học Ấn Độ). Xác lập được hệ hình đối sánh logic, đa chiều với các hiện tượng văn học Việt Nam. Bài viết có tư duy phản biện độc lập, lập luận sắc bén và có ngôn ngữ khoa học.
- Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Có khả năng phân tích rõ ràng, mạch lạc tiến trình và các đặc trưng cơ bản. Vận dụng tốt lý thuyết để thẩm định, làm rõ giá trị của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Thiết lập được mối quan hệ giao lưu văn hóa với văn học dân tộc ở mức độ thuyết phục. Bố cục bài làm logic, dẫn chứng chuẩn xác nhưng góc nhìn cá nhân chưa thực sự đột phá.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu ở mức độ nhận diện và hiểu cơ bản về bối cảnh phương Đông. Kỹ năng làm rõ giá trị tác phẩm còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở việc diễn giải nội dung bề mặt. Việc đối sánh với văn học Việt Nam đôi chỗ còn khiên cưỡng, lý lẽ thiếu chặt chẽ hoặc dẫn chứng chưa đủ sức nặng.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng, không nắm được các đặc trưng cốt lõi của khu vực Nam Á, Đông Á. Lạc đề, diễn đạt lúng túng; hoàn toàn không có khả năng phân tích tác phẩm hay đối sánh văn hóa. Vi phạm quy cách hành văn khoa học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp "cơ chế" nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

12.1. Tài liệu chính

- Đỗ Thu Hà, *Giáo trình Văn học Ấn Độ*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2015.

- Nhật Chiêu, *Ba nghìn thế giới thơm*, NXB Văn học, 2024.
- Lam Anh, *Văn học Nhật Bản - Về đẹp mong manh và bất tận*, Nxb Tổng hợp, 2021.
- Kwon Young Min, *Tìm hiểu văn học hiện đại Hàn Quốc* (Nguyễn Lệ Thu dịch), Nxb Hội nhà văn, 2022

12.2. Tài liệu tham khảo

- Edward Wadie Said, *Đông phương luận* (Lưu Đoàn Huynh, Phạm Xuân Ri, Trần Văn Tuy dịch; Trần Tiến Cao Đăng hiệu đính), NXB Tri Thức, 2014
- Paul Brunton, *Đông phương huyền bí* (Nguyễn Hữu Kiệt dịch), NXB Văn hóa thông tin, 2008

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoi ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học phương Đông (Ân Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc)

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng hợp phối & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nguyên lý lý luận văn học (Principles for Literature Studies)
- Mã học phần: LIT304
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 05 Giờ
 - Giờ tự học: 65 Giờ

**2. Thông tin về giảng viên****Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Đoàn Trọng Thiệu
- Chức danh, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918438058
- Email: ThieuDT@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16.00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 07 chương, cung cấp cho sinh viên các quan điểm, khái niệm, phạm trù cơ bản, khái quát nhất của lý luận văn học Mác-xít, trọng tâm là những vấn đề như: Bản chất xã hội của văn học, bản chất thẩm mỹ của văn học, đặc điểm của hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học. Học phần góp phần rèn luyện kỹ năng vận dụng các quan điểm, khái niệm, phạm trù lý luận văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể cho người học.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho sinh viên các quan điểm, khái niệm, phạm trù cơ bản, khái quát nhất của lý luận văn học Mác-xít, trọng tâm là những vấn đề như: Bản chất xã hội của văn học, bản chất thẩm mỹ của văn học, đặc điểm của hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học;
- Giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức lý luận văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể;
- Hình thành ý thức tự giác lựa chọn và vận dụng tri thức lý luận văn học vào thực tiễn học tập, nghiên cứu văn học;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được các quan điểm, khái niệm và phạm trù cơ bản của lý luận văn học Mác-xít về bản chất xã hội, bản chất thẩm mỹ của văn học, hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được các khái niệm và nguyên lý lý luận văn học để phân tích, lý giải và đánh giá các hiện tượng, tác phẩm văn học cụ thể.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Chủ động khai thác, cập nhật và vận dụng tri thức lý luận văn học trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp liên quan; thể hiện năng lực tự học và phát triển chuyên môn.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3								X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Nhập môn
1.1.	Khoa Nghiên cứu văn học
1.2.	Đối tượng, nhiệm vụ của Lý luận văn học (LLVH)
1.3.	Lược sử các quan niệm văn học (mỹ học)
1.4	Phương pháp nghiên cứu, học tập LLVH
Chương 2	Nghệ thuật, một hình thái ý thức thẩm mỹ
2.1.	Đối tượng và nội dung của nghệ thuật
2.2.	Tư duy nghệ thuật
2.3.	Hình tượng nghệ thuật
Chương 3	Văn học và đời sống xã hội
3.1.	Văn học với hiện thực
3.2.	Chức năng của văn học
Chương 4	Tính khuynh hướng trong văn học
4.1.	Tính giai cấp của văn học
4.2.	Tính nhân dân của văn học
4.3.	Tính dân tộc của văn học
Chương 5	Văn học, nghệ thuật ngôn từ
5.1	Khái niệm văn học
5.2	Ngôn từ, chất liệu của văn học
5.3	Đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ
Chương 6	Hoạt động sáng tạo văn học
6.1	Chủ thể sáng tạo văn học
6.2	Quá trình sáng tạo văn học
6.3	Cá tính sáng tạo và sự đổi mới của văn học

Chương	Nội dung
Chương 7	Tiếp nhận văn học
7.1	Khái niệm tiếp nhận văn học
7.2	Đặc điểm của tiếp nhận văn học
7.3	Vai trò của người đọc trong tiếp nhận văn học

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước
	Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước
	- Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Nhập môn	2	1	0	6	9
2	Nghệ thuật, một hình thái ý thức thẩm mỹ	3	1	0	10	14
3	Văn học và đời sống xã hội	3	2	0	10	15
4	Tính khuynh hướng trong văn học	3	1	2	9	15
5	Văn học, nghệ thuật ngôn từ	3	2	0	10	15
6	Hoạt động sáng tạo văn học	3	2	0	10	15
7	Tiếp nhận văn học	3	1	3	10	17
	Tổng cộng	20	10	5	65	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

- Đối tượng và nội dung của nghệ thuật.
- Hình tượng nghệ thuật.
- Chức năng của văn học.
- Đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ.

- Đặc điểm của tiếp nhận văn học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Nhập môn	X		
Chương 2: Nghệ thuật, một hình thái ý thức thẩm mỹ	X	X	
Chương 3: Văn học và đời sống xã hội		X	X
Chương 4: Tính khuynh hướng trong văn học			
Chương 5: Văn học, nghệ thuật ngôn từ			X
Chương 6: Hoạt động sáng tạo văn học			
Chương 7: Tiếp nhận văn học	X		

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Vấn đáp
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Vấn đáp	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tự luận	CLO1: Mức độ phân tích các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của lý luận văn học Mác-xít. CLO2:	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						Mức độ vận dụng lý luận văn học để phân tích, lý giải hiện tượng văn học.	
Quá trình Chuyên cần	CLO2	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 3 - 6	Thuyết trình, phản biện, kiểm tra giữa kỳ	CLO2: Nội dung báo cáo, khả năng vận dụng lý luận văn học, kỹ năng lập luận và phản biện.	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 - 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chủ động học tập, tích cực tham gia thảo luận, có ý thức tự học và phát triển năng lực nghiên cứu.	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Nhập môn	CLO1	0.5	0.0	0.0	0.5
Chương 2	Nghệ thuật, một hình thái ý thức thẩm mỹ	CLO1	0.5	0.5	0.0	1.0
Chương 3	Văn học và đời sống xã hội	CLO1, CLO2	0.0	1.0	0.0	1.0
Chương 4	Tính khuynh hướng trong văn học	CLO1, CLO2	0.0	0.5	0.0	0.5
Chương 5	Văn học, nghệ thuật ngôn từ	CLO1, CLO2	0.5	0.5	0.0	1.0
Chương 6	Hoạt động sáng tạo văn học	CLO2	0.0	0.0	3.0	3.0

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 7	Tiếp nhận văn học	CLO2	0.0	0.0	3.0	3.0
TỔNG	2 câu (100%)		1.5đ	2.5đ	6.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

• **CLO1 (Thông hiểu – L2 - 4 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 40% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn cho sinh viên nắm vững lý thuyết, có khả năng tái hiện, trình bày và lý giải các kiến thức, quan điểm cơ bản của lý luận văn học Mác-xít (như bản chất xã hội, bản chất thẩm mỹ, đặc trưng ngôn từ của văn học).

• **CLO2 (Vận dụng - L3 - 6 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 60% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần phân loại sinh viên, đòi hỏi khả năng tư duy hiểu sâu, nắm chắc vấn đề và biết cách áp dụng hệ quy chiếu lý thuyết vào việc phân tích, đánh giá thực tiễn một hiện tượng văn học cụ thể (như đặc điểm của hoạt động sáng tạo và cơ chế tiếp nhận văn học).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1, CLO2, CLO3

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Trình bày kiến thức cơ bản về lý luận văn học (Tối đa 4.0 điểm)	Đạt dưới 2.0 điểm: Không trình bày được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn lý thuyết cơ bản; không có ví dụ minh họa.	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm: Trình bày được một phần lý thuyết nhưng còn thiếu sót; diễn đạt lủng củng, ví dụ chưa rõ ràng.	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm: Trình bày đầy đủ, chính xác lý thuyết nền tảng; có ví dụ minh họa nhưng chưa phân tích sâu.	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm: Trình bày xuất sắc, hiểu sâu sắc bản chất lý luận; có ví dụ minh họa và lý giải vô cùng chặt chẽ.
CLO2: Vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá hiện tượng	Đạt dưới 3.0 điểm: Không biết cách vận dụng, phân tích sai lạc hoàn toàn	Đạt từ 3.0 - 4.1 điểm: Vận dụng được một phần; phân tích hiện tượng văn học còn hời hợt, chưa gắn	Đạt từ 4.2 - 5.0 điểm: Phân tích khá tốt, lập luận rõ ràng, bám sát lý thuyết nhưng	Đạt từ 5.1 - 6.0 điểm: Phân tích xuất sắc, lập luận sắc bén; vận dụng lý thuyết nhuần nhuyễn để

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
văn học (Tối đa 6.0 điểm)	hoặc chỉ diễn xuôi văn bản, lạc đề.	kết chặt chẽ với hệ quy chiếu lý luận.	chưa thật sự sâu sắc hoặc thiếu góc nhìn cá nhân.	đánh giá hiện tượng văn học có chiều sâu, sáng tạo.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Nắm vững và hiểu rất sâu sắc tri thức nền tảng của lý luận văn học. Thể hiện tư duy phản biện khi vận dụng lý thuyết vào việc phân tích, đánh giá hiện tượng văn học thực tiễn. Lập luận chặt chẽ, văn phong học thuật mạch lạc và có góc nhìn cá nhân độc đáo.

- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Hiểu rõ các nguyên lý lý luận văn học cơ bản. Có khả năng áp dụng tốt hệ quy chiếu lý thuyết vào việc phân tích văn bản hoặc hiện tượng văn học. Bố cục bài làm logic, lập luận rõ ràng nhưng chưa có nhiều đột phá cá nhân hoặc diễn đạt đôi chỗ chưa thật sự sắc sảo.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Trình bày được lý thuyết ở mức độ cơ bản, thi thoảng còn nhầm lẫn khái niệm. Kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn còn hạn chế, chủ yếu phân tích hồi hợt hoặc diễn xuôi tác phẩm mà thiếu đi sự soi chiếu của lý luận. Hành văn còn mắc lỗi cấu trúc.

- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn bản chất của các phạm trù lý luận văn học. Không có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành đánh giá. Bài làm lan man, rời rạc, lạc đề hoặc thiếu sót quá nhiều nội dung trọng tâm.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO2) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO do lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO2 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide;

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	việc truyền tải nội dung.	diễn chưa chuyên nghiệp.	không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO2 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO2 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Phương Lưu (chủ biên), Nguyễn Nghĩa Trọng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh, *Lý luận văn học*, Tập I, *Văn học, nhà văn, bạn đọc*, NXB ĐHSP, 2014.

- Huỳnh Như Phương, *Lý luận văn học (Nhập môn)*, NXB ĐHQG TP. HCM, 2010

11.2. Tài liệu tham khảo

- Hà Minh Đức (chủ biên), *Lý luận văn học*, NXB GD, 2003.

- G.N. Pospelov (chủ biên), (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Nghĩa Trọng dịch), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, tập I, NXB GD, 1985.

- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB GD, 2004.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đoàn Trọng Thiệu

PHIẾU CHẤM THUÝẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIẾN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO2

Học phần: Nguyên lý lý luận văn học.

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học (Literary works, genres and development)**
- Mã học phần: LIT310
- Số tín chỉ: 3
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT304**
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 01 ; Số giờ: 150 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 40 Giờ
 - + Thảo luận: 5 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 5 Giờ
 - Giờ tự học: 100 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đoàn Trọng Thiệu
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến

- Điện thoại: 0918438058
- Email: thieudt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tác phẩm văn học, về các thể loại văn học cũng như sự vận động phát triển của văn học qua tiến trình của nó. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức chuyên sâu về tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ với các thành tố cấu thành cơ bản như chủ đề, đề tài, giọng điệu trong thơ trữ tình, vấn đề nhân vật, tính cách, kết cấu, cốt truyện trong tác phẩm tự sự; Ba phương thức biểu đạt chính của văn học (tự sự, trữ tình, kịch), nguồn gốc, quá trình hình thành của các thể loại văn học, những khái niệm về thể loại qua những thời đại lịch sử khác nhau; Cung cấp các kiến thức, khái niệm, phạm trù về tiến trình văn học làm cơ sở tìm hiểu sự vận động, giao lưu, biến đổi văn học trong quá trình lịch sử.

4. Mục tiêu của học phần

- Sinh viên vận dụng được kiến thức về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học vào việc phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học cụ thể;
- Có ý thức tự giác lựa chọn và vận dụng tư thức LLVH vào thực tiễn học tập, nghiên cứu văn học;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO 1	Phân tích được các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận cơ bản về tác phẩm văn học, phương thức biểu đạt, thể loại và tiến trình văn học.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO 2	Hệ thống hóa được các khái niệm và công cụ lý luận văn học để phân tích tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố cấu thành (chủ đề, nhân vật, kết cấu, giọng điệu, cốt truyện...).	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO 3	Vận dụng được tri thức về thể loại và tiến trình văn học để đánh giá các hiện tượng văn học, sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học trong tiến trình lịch sử.	Mức 3 (Vận dụng)
4	CLO 4	Thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu học thuật thông qua việc xây dựng luận điểm, tình bày lập luận logic, phân tích tài liệu và tuân	Mức 3 (Hình thành giá trị)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		thủ các yêu cầu về trung thực học thuật trong quá trình thực hiện tiểu luận.	

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3			X	X				
CLO4				X				

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tác phẩm văn học
1.1.	Văn bản và tác phẩm
1.2.	Kết cấu của tác phẩm văn học
1.3.	Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm văn học
Chương 2.	Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật
2.1.	Thế giới nghệ thuật
2.2.	Sự kiện, cốt truyện
2.3.	Trần thuật
Chương 3.	Nhân vật văn học
3.1.	Nhân vật văn học và vị trí của nhân vật trong tác phẩm
3.2.	Loại hình nhân vật văn học
3.3.	Các phương thức, phương tiện và biện pháp thể hiện nhân vật
Chương 4.	Thể loại tác phẩm văn học
4.1.	Khái niệm thể loại tác phẩm văn học
4.2.	Sự phân chia thể loại tác phẩm văn học
Chương 5.	Thơ ca
5.1.	Đặc trưng
5.2.	Phân loại

Chương	Nội dung
5.3.	Tổ chức của một bài thơ trữ tình
Chương 6.	Truyện và tiểu thuyết
6.1.	Khái niệm
6.2.	Đặc trưng
6.3.	Các thể loại của truyện và tiểu thuyết
Chương 7.	Kịch
7.1.	Khái niệm văn học kịch
7.2.	Đặc trưng
7.3.	Phân loại
Chương 8.	Tiến trình văn học
8.1.	Khái niệm
8.2.	Tiến trình văn học là một bộ phận của tiến trình lịch sử xã hội
8.3.	Phân kì lịch sử của tiến trình văn học
Chương 9.	Thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác, phong cách văn học
9.1.	Thời đại văn học
9.2.	Trào lưu văn học
9.3.	Phương pháp sáng tác
9.4.	Phong cách
Chương 10.	Một số phương pháp sáng tác trong văn học phương Tây
10.1.	Chủ nghĩa hiện thực thời Phục hưng
10.2.	Chủ nghĩa cổ điển
10.3.	Chủ nghĩa lãng mạn
10.4.	Chủ nghĩa hiện thực (Thế kỉ XIX, XX)
10.5.	Chủ nghĩa hiện đại

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học xây dựng qui trình ban hành văn bản theo yêu cầu của giảng viên
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
Chương 1	Tác phẩm văn học	4	0	0	10	15
Chương 2	Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật	4	1	1	10	30
Chương 3	Nhân vật văn học	4	1	0	10	
Chương 4	Thể loại tác phẩm văn học	3	1	0	8	9
Chương 5	Thơ ca	5	0	1	12	17
Chương 6	Truyện và tiểu thuyết	5	0	1	12	18
Chương 7	Kịch	5	0	1	12	18
Chương 8	Tiến trình văn học	3	0	0	8	9
Chương 9	Thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác, phong cách văn học	4	1	1	10	15
Chương 10	Một số phương pháp sáng tác trong văn học phương Tây	3	1	0	8	9
Tổng		40	5	5	100	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Đặc trưng của tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ.
2. Vai trò của chủ đề, đề tài, nhân vật, kết cấu và giọng điệu trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học.
3. Đặc điểm của ba phương thức biểu đạt cơ bản trong văn học: tự sự, trữ tình và kịch.
4. Đặc trưng của các thể loại văn học (thơ, truyện, kịch) và sự khác biệt trong phương thức phản ánh hiện thực.
5. Sự hình thành, vận động và biến đổi của thể loại văn học trong tiến trình lịch sử.
6. Mối quan hệ giữa thể loại văn học và bối cảnh lịch sử – văn hóa của từng thời đại.
7. Tiến trình văn học như một quá trình vận động, kế thừa và đổi mới.
8. Giao lưu văn học và sự tiếp biến văn hóa trong tiến trình phát triển của văn học dân tộc.
9. Ảnh hưởng của một trào lưu hoặc khuynh hướng văn học đối với sáng tác của một tác giả tiêu biểu.
10. Phân tích một hiện tượng văn học cụ thể dưới góc nhìn thể loại và tiến trình văn học.

11. Giá trị của tri thức lý luận về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn hiện nay.
12. Vận dụng lý thuyết về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học để phân tích một tác phẩm văn học cụ thể.

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tác phẩm văn học	X	X		X
Chương 2: Thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật	X	X		X
Chương 3: Nhân vật văn học	X	X		X
Chương 4: Thể loại tác phẩm văn học	X		X	X
Chương 5: Thơ ca	X	X	X	X
Chương 6: Truyện và tiểu thuyết	X	X	X	X
Chương 7: Kịch	X	X	X	X
Chương 8: Tiến trình văn học	X		X	X
Chương 9: Thời đại, trào lưu, phương pháp sáng tác, phong cách văn học	X		X	X
Chương 10: Một số phương pháp sáng tác trong văn học phương Tây	X		X	X

8. Phương pháp dạy – học:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Thảo luận nhóm
- Phân tích văn bản/tác phẩm mẫu
- Tự học có hướng dẫn

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Nêu vấn đề	X	X	X	
Giải quyết vấn đề	X	X		
Thảo luận nhóm		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu và chuẩn bị nội dung học tập theo yêu cầu của học phần.

- Tham gia đầy đủ các buổi học, thảo luận và thuyết trình trên lớp (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời lượng học phần theo quy định).

- Đọc đầy đủ tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo do giảng viên giới thiệu; chủ động tìm kiếm thêm các nguồn tư liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và phân tích các hiện tượng văn học.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài đọc bắt buộc và các nhiệm vụ học tập được giao trong suốt học kỳ.

- Tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, phân tích tác phẩm, trao đổi học thuật và trình bày các vấn đề liên quan đến tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học.

- Thực hiện nghiêm túc bài kiểm tra giữa kỳ, bài thuyết trình và tiểu luận cuối kỳ theo yêu cầu của học phần.

- Tuân thủ các quy định về trích dẫn tài liệu, tôn trọng bản quyền, bảo đảm tính trung thực học thuật và đạo đức nghiên cứu trong quá trình học tập và thực hiện tiểu luận.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình -Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
(CLO4)	hoạt động học tập.	chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	15%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá phần cơ sở lý luận về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	20%	Phân tích (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá năng lực phân tích tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Vận dụng (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá khả năng vận dụng tri thức thể loại và tiến trình văn học để lý giải hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO3
	CLO4	10%	Kỹ năng (L4)	Tuần cuối	Bài Tiểu luận	Đánh giá năng lực xây dựng luận điểm, lập luận, trình bày học thuật và chuẩn trích dẫn	Lấy dữ liệu đo CLO4
Phần II: Quá trình	CLO2, CLO3, CLO4	30%	Kiến thức và kỹ năng	Giữa học kỳ	Chấm báo cáo tiến độ / Thuyết	Đánh giá hướng nghiên cứu, khả năng vận dụng lý thuyết, kỹ năng	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3, CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					trình đề cương	trình bày và phản biện	CLO4
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần	Ý thức tự học, tinh thần hợp tác, trách nhiệm và tính trung thực học thuật	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc / Tiêu chí đánh giá	CDR tương ứng (CLOs)	Nội dung yêu cầu chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
1. Cơ sở lý luận (Tổng quan và Hệ thống hóa)	CLO 1	- Trình bày, hệ thống hóa rõ ràng các kiến thức lý luận chuyên sâu liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu. - Làm rõ các phương thức biểu đạt, đặc trưng thể loại và bối cảnh tiến trình văn học làm khung tham chiếu cho bài viết.	1.0 đ
2. Phân tích tác phẩm và Khảo sát văn bản	CLO 2	- Phân tích tác phẩm văn học với tư cách là một chỉnh thể thẩm mỹ (bóc tách chi tiết chủ đề, nhân vật, kết cấu, giọng điệu...). - Phạm vi đối tượng nghiên cứu: Các đề tài khảo sát nên tập trung vào các hiện tượng văn học có độ lùi lịch sử nhất định sẽ giúp sinh viên phân tích cấu trúc thẩm mỹ một cách trọn vẹn và khách quan nhất.	2.0 đ
3. Bàn luận, Đánh giá sự vận động của văn học	CLO 3	- Vận dụng tri thức lý luận (thể loại, tiến trình) để tổng hợp, đánh giá giá trị của các hiện tượng văn học đã khảo sát ở phần trên. - Khái quát được sự vận động, biến đổi của văn học trong lịch sử thông qua trường hợp	3.5 đ

Cấu trúc / Tiêu chí đánh giá	CĐR tương ứng (CLOs)	Nội dung yêu cầu chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
		nghiên cứu, từ đó đưa ra kết luận cho vấn đề nghiên cứu.	
4. Cấu trúc văn bản và Kỹ năng lập luận học thuật	CLO 4	- Trình bày hệ thống luận điểm một cách logic, mạch lạc, có tính thuyết phục cao. Thể hiện được tư duy độc lập và giọng văn cá nhân mang đậm tính học thuật. - Tổ chức văn bản tiểu luận đúng chuẩn (cấu trúc mở đầu, nội dung, kết luận, tài liệu tham khảo). - Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc đạo đức học thuật (trích dẫn chuẩn xác, rõ ràng minh bạch các nguồn tham khảo).	3.5 đ
Tổng			10.0 đ

b. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận cơ bản	20%	CLO 1	Phân tích tường minh, chính xác và có hệ thống các khái niệm, phạm trù, tri thức lý luận cơ bản về tác phẩm văn học, phương thức biểu đạt, thể loại và tiến trình văn học; có khả năng khái quát cao.	Phân tích đúng và rõ ràng các khái niệm, phạm trù, tri thức lý luận cơ bản; tuy nhiên một số phương diện lý thuyết hoặc hệ thống hóa kiến thức chưa thật sự sâu sắc.	Nhận biết và trình bày được một số khái niệm, tri thức lý luận cơ bản nhưng nội dung còn rời rạc, phân tích còn sơ sài, chưa rõ bản chất lý thuyết.	Hiểu sai lệch hoặc hoàn toàn không phân tích được các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận văn học cơ bản theo yêu cầu.
2	Vận dụng	30%	CLO	Vận dụng	Vận dụng	Vận dụng	Không

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	khái niệm, công cụ lý luận phân tích tác phẩm văn học		2	thành thạo, linh hoạt các khái niệm và công cụ lý luận để phân tích sâu sắc tác phẩm như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố (chủ đề, nhân vật, kết cấu, giọng điệu, cốt truyện...); dẫn chứng đắt giá.	tốt các khái niệm và công cụ lý luận để phân tích tác phẩm như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố cấu thành; lập luận rõ ràng, dẫn chứng phù hợp.	lý luận ở mức cơ bản; phân tích các thành tố còn đơn giản, thiên về diễn xuôi hoặc kể lể nội dung; mối liên kết giữa các thành tố làm nên chỉnh thể chưa rõ.	biết vận dụng khái niệm, công cụ lý luận; phân tích sai lệch các thành tố cấu thành hoặc hiểu sai hoàn toàn bản chất chỉnh thể thẩm mỹ của tác phẩm.
3	Vận dụng tri thức thể loại và tiến trình để đánh giá các hiện tượng văn học	20%	CLO 3	Vận dụng xuất sắc tri thức về thể loại và tiến trình văn học để đánh giá sâu sắc hiện tượng văn học; lý giải một cách khoa học sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học trong tiến trình lịch sử.	Vận dụng đúng tri thức thể loại và tiến trình văn học để đánh giá hiện tượng văn học; giải thích được sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học nhưng lập luận chưa thật sắc sảo.	Có sử dụng tri thức về thể loại và tiến trình nhưng đánh giá hiện tượng văn học còn chung chung; chưa làm rõ hoặc lý giải còn gượng ép sự vận động, giao lưu và biến đổi trong lịch sử.	Hoàn toàn bỏ qua hoặc hiểu sai lệch tri thức thể loại, tiến trình văn học; không đánh giá được các hiện tượng văn học hoặc nhận định sai lệch lịch sử.
4	Nhiệm vụ nghiên cứu: Xây dựng luận điểm và	15%	CLO 4	Xây dựng hệ thống luận điểm khoa học, rõ ràng và có tính	Luận điểm rõ ràng, xác đáng; trình bày lập luận	Luận điểm còn mơ hồ, chưa rõ trọng tâm bài	Không xây dựng được luận điểm nghiên cứu

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	lập luận logic			phát hiện; trình bày lập luận logic chặt chẽ, mạch lạc và thuyết phục xuyên suốt cấu trúc bài tiểu luận.	tương đối logic và hợp lý, bố cục bài tiểu luận mạch lạc, dễ theo dõi.	viết; lập luận chưa chặt chẽ, các ý trình bày còn lỏng lẻo và thiếu tính liên kết logic.	cứu; lập luận lộn xộn, rời rạc, kết cấu bài tiểu luận thiếu logic và rất khó theo dõi.
5	Phân tích tài liệu và tuân thủ trung thực học thuật	15%	CLO 4	Phân tích, xử lý nguồn tài liệu tham khảo phong phú và sâu sắc; tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về trung thực học thuật, trích dẫn chính xác, minh bạch theo đúng quy chuẩn.	Khai thác và phân tích tài liệu tương đối tốt; có ý thức tuân thủ trung thực học thuật, trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu dù đôi chỗ còn mắc lỗi nhỏ về hình thức quy chuẩn.	Phân tích tài liệu còn hạn chế, sơ sài; trích dẫn tài liệu chưa đầy đủ hoặc còn nhiều sai sót về quy cách trình bày nguồn tham khảo.	Hoàn toàn thiếu phân tích tài liệu; vi phạm nghiêm trọng các yêu cầu về trung thực học thuật (sao chép, đạo văn) hoặc không trích dẫn nguồn.

*Mô tả mức năng lực tổng quát (theo thang điểm 10):

- **Mức Xuất sắc (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên nắm vững và hệ thống hóa sâu sắc các kiến thức lý luận về tác phẩm văn học, thể loại văn học và tiến trình văn học. Có khả năng phân tích tác phẩm văn học như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố cấu thành như chủ đề, nhân vật, kết cấu, cốt truyện, giọng điệu và phương thức biểu đạt. Vận dụng linh hoạt tri thức lý luận để đánh giá các hiện tượng văn học, sự vận động của thể loại và tiến trình văn học trong lịch sử. Bài viết thể hiện tư duy phân biện, khả năng nghiên cứu độc lập, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực và văn phong học thuật chuẩn mực. Đồng thời, sinh viên thể hiện ý thức tự học, tinh thần nghiên cứu nghiêm túc và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc trung thực học thuật.

- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của học phần và vận dụng tương đối hiệu quả vào việc phân tích tác phẩm, thể loại và hiện tượng văn học. Có khả năng lý giải các vấn đề văn học trên cơ sở lý luận phù hợp. Bài viết có bố cục hợp lý, lập luận rõ ràng, dẫn chứng tương đối đầy đủ và thể hiện được

khả năng trình bày học thuật. Thể hiện ý thức nghiên cứu và thái độ học tập nghiêm túc.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản về tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học nhưng việc hệ thống hóa và vận dụng lý luận còn hạn chế. Khả năng phân tích tác phẩm và đánh giá hiện tượng văn học chủ yếu dừng ở mức mô tả hoặc diễn giải đơn giản. Bài viết đạt yêu cầu tối thiểu về cấu trúc nhưng lập luận chưa thật chặt chẽ, dẫn chứng còn đơn giản và khả năng khái quát vấn đề chưa cao. Ý thức học tập và nghiên cứu được thể hiện ở mức cơ bản.

- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Sinh viên không nắm được các khái niệm và nội dung cốt lõi của học phần; kiến thức thiếu hệ thống hoặc sai lệch. Không vận dụng được lý luận để phân tích tác phẩm hay đánh giá hiện tượng văn học. Bài viết thiếu lập luận, dẫn chứng không phù hợp hoặc lạc đề; hình thức trình bày chưa đáp ứng yêu cầu học thuật. Thiếu ý thức tự học, nghiên cứu hoặc vi phạm các nguyên tắc trung thực học thuật.

b. Rubric đánh giá bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Tiêu chí 1: Nội dung lý luận và chiều sâu học thuật (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Nội dung thiếu chính xác; không nắm được các khái niệm cơ bản về tác phẩm, thể loại hoặc tiến trình văn học; trình bày rời rạc, thiếu trọng tâm.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Trình bày được các nội dung cơ bản nhưng còn thiếu về mô tả; chưa làm rõ được các vấn đề lý luận hoặc hiện tượng văn học được lựa chọn.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Hệ thống hóa được các luận điểm chính; giải thích và phân tích được vấn đề nghiên cứu trên cơ sở lý luận phù hợp.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Nội dung có chiều sâu học thuật; vận dụng tốt lý luận văn học để phân tích, đánh giá hiện tượng văn học; thể hiện tư duy nghiên cứu và khả năng khái quát vấn đề tốt.
Tiêu chí 2: Kỹ năng trình bày và lập luận học thuật (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Trình bày thiếu mạch lạc; phụ thuộc hoàn toàn vào tài liệu; lập luận rời rạc và khó theo dõi.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Trình bày được nội dung nhưng còn thiếu tự tin; lập luận chưa thật chặt chẽ; khả năng diễn đạt còn hạn	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Diễn đạt rõ ràng, tự tin; biết tổ chức luận điểm và sử dụng dẫn chứng phù hợp; lập luận	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Trình bày thuyết phục; lập luận logic và sắc bén; làm chủ nội dung; có khả năng dẫn dắt, trao đổi và phân biện học

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
		chế.	tương đối thuyết phục.	thuật hiệu quả.
Tiêu chí 3: Hình thức trình bày và sử dụng tư liệu minh họa (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Slide hoặc tài liệu minh họa sơ sài; nhiều lỗi trình bày; không hỗ trợ cho nội dung báo cáo.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Hình thức trình bày đạt yêu cầu cơ bản nhưng còn đơn điệu; tư liệu minh họa còn hạn chế.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Slide rõ ràng, bố cục hợp lý; sử dụng được sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu hoặc trích dẫn để hỗ trợ nội dung.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Hình thức trình bày chuyên nghiệp; tư liệu minh họa phong phú, phù hợp; góp phần làm nổi bật các luận điểm nghiên cứu và tăng sức thuyết phục cho bài trình bày.
Tiêu chí 4: Tinh thần nghiên cứu, phản biện và phối hợp nhóm (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Thiếu tinh thần hợp tác; không tham gia thảo luận hoặc không trả lời được câu hỏi phản biện; không thể hiện trách nhiệm trong công việc được giao.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Có tham gia hoạt động nhóm nhưng còn thụ động; trả lời phản biện còn lúng túng; mức độ đóng góp còn hạn chế.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Tham gia tích cực; trả lời được các câu hỏi cơ bản; phối hợp tương đối hiệu quả với các thành viên trong nhóm.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Thể hiện tinh thần nghiên cứu nghiêm túc; phản biện thuyết phục; chủ động trao đổi học thuật; phối hợp nhóm hiệu quả và có trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Phương Lưu, *Lí luận văn học. Tiến trình văn học (T3)*, NXB ĐHSP, 2017.
- Huỳnh Như Phương, *Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2017.
- Trần Đình Sử, *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Đình Sử và cộng sự, *Lí luận văn học. Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB ĐHSP, 2011.

- Khoa Văn học, *Lý luận – Phê bình Văn học: tìm hiểu và ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2023.

- Lộc Phương Thúy (Chủ biên), *Lí luận – Phê bình văn học thế giới thế kỷ XX*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẦN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	3
2	Năng lực phân biện thực tiếp	4	Phân xá cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phân biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	4
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phân biện.	Phân công, rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	3
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
Điểm chữ
Xếp loại
Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua các CLO

Học phần: **Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận cơ bản	20%	CLO 1	Phân tích tường minh, chính xác và có hệ thống các khái niệm, phạm trù, tri thức lý luận cơ bản về tác phẩm văn học, phương thức biểu đạt, thể loại và tiến trình văn học; có khả năng khái quát cao.	Phân tích đúng và rõ ràng các khái niệm, phạm trù, tri thức lý luận cơ bản; tuy nhiên một số phương diện lý thuyết hoặc hệ thống hóa kiến thức chưa thật sự sâu sắc.	Nhận biết và trình bày được một số khái niệm, tri thức lý luận cơ bản nhưng nội dung còn rời rạc, phân tích còn sơ sài, chưa rõ bản chất lý thuyết.	Hiểu sai lệch hoặc hoàn toàn không phân tích được các khái niệm, phạm trù và tri thức lý luận văn học cơ bản theo yêu cầu.	
2	Vận dụng khái niệm, công cụ lý luận phân tích tác phẩm văn học	30%	CLO 2	Vận dụng thành thạo, linh hoạt các khái niệm và công cụ lý luận để phân tích sâu sắc tác phẩm như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố (chủ đề, nhân vật, kết cấu, giọng điệu, cốt truyện...); dẫn	Vận dụng tốt các khái niệm và công cụ lý luận để phân tích tác phẩm như một chỉnh thể thẩm mỹ thông qua các thành tố cấu thành; lập luận rõ ràng, dẫn chứng phù hợp.	Vận dụng lý luận ở mức cơ bản; phân tích các thành tố còn đơn giản, thiên về diễn xuôi hoặc kể lể nội dung; mối liên kết giữa các thành tố làm nên chỉnh thể chưa rõ.	Không biết vận dụng khái niệm, công cụ lý luận; phân tích sai lệch các thành tố cấu thành hoặc hiểu sai hoàn toàn bản chất chỉnh thể thẩm mỹ của tác phẩm.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
				chứng đạt giá, Vận dụng xuất sắc tri thức về thể loại và tiến trình văn học để đánh giá sâu sắc hiện tượng văn học; lý giải một cách khoa học sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học trong tiến trình lịch sử.	Vận dụng đúng tri thức thể loại và tiến trình văn học để đánh giá hiện tượng văn học; giải thích được sự vận động, giao lưu và biến đổi của văn học nhưng lập luận chưa thật sắc sảo.	Có sử dụng tri thức về thể loại và tiến trình nhưng đánh giá hiện tượng văn học còn chung chung; chưa làm rõ hoặc lý giải còn gượng ép sự vận động, giao lưu và biến đổi trong lịch sử.	Hoàn toàn bỏ qua hoặc hiểu sai lệch tri thức thể loại, tiến trình văn học; không đánh giá được các hiện tượng văn học hoặc nhận định sai lệch lịch sử.	
3	Vận dụng tri thức thể loại để đánh giá các hiện tượng văn học	20%	CLO 3	Xây dựng hệ thống luận điểm khoa học, rõ ràng và có tính phát hiện; trình bày lập luận logic chặt chẽ, mạch lạc và thuyết phục xuyên suốt cấu trúc bài tiểu luận.	Luận điểm rõ ràng, xác đáng; trình bày lập luận tương đối logic và hợp lý, bố cục bài tiểu luận mạch lạc, dễ theo dõi.	Luận điểm còn mơ hồ, chưa rõ trọng tâm bài viết; lập luận chưa chặt chẽ, các ý trình bày còn lỏng lẻo và thiếu tính liên kết logic.	Không xây dựng được luận điểm nghiên cứu; lập luận lộn xộn, rời rạc, kết cấu bài tiểu luận thiếu logic và rất khó theo dõi.	
4	Nhiệm vụ nghiên cứu: Xây dựng luận điểm và lập luận logic	15%	CLO 4	Phân tích, xử lý nguồn tài liệu tham khảo phong phú và sâu sắc; tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về trung thực học thuật, trích dẫn chính xác, minh bạch theo đúng quy chuẩn.	Khai thác và phân tích tài liệu tương đối tốt; có ý thức tuân thủ trung thực học thuật, trích dẫn đầy đủ đôi nguồn tài liệu dù đôi chỗ còn mắc lỗi nhỏ về hình thức quy chuẩn.	Phân tích tài liệu còn hạn chế, sơ sài; trích dẫn tài liệu chưa đầy đủ hoặc còn nhiều sai sót về quy cách trình bày nguồn tham khảo.	Hoàn toàn thiếu phân tích tài liệu; vi phạm nghiêm trọng các yêu cầu về trung thực học thuật (sao chép, đạo văn) hoặc không trích dẫn nguồn.	
5	Phân tích tài liệu và tuân thủ trung thực học thuật	15%	CLO 4					



STT	Tiêu chí đánh giá	Tổng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
			
GIẢNG VIÊN CHẤM			
(Ký và ghi rõ họ tên)			



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Văn học (English for Literature)
- Mã học phần: LIT406
- Số tín chỉ: 2
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: ENG202
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 00 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Kiều Vân
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903909699
- Email: vanltk@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Đồng Thị Khánh Duyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại:
- Email: DuyenDTK@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành Văn học* cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh cơ bản dùng trong lĩnh vực văn học và khoa học nhân văn. Nội dung học phần tập trung vào kỹ năng đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành, nhận diện các khái niệm nền tảng như văn học, đọc – viết như một hành vi xã hội, hư cấu, truyện ngắn, bối cảnh, xung đột, nhân vật, điểm nhìn, chủ đề, tiểu sử và tự truyện. Các bài học được thiết kế theo hướng phát triển vốn từ vựng, đọc hiểu, thảo luận và viết ngắn về các chủ đề thuộc văn học và nhân văn.

Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức phù hợp để đọc, trình bày, trao đổi và viết ngắn về các vấn đề văn học; đồng thời phát triển năng lực giao tiếp học thuật, tư duy phản hồi và khả năng tự học tiếng Anh chuyên ngành. Học phần góp phần hỗ trợ sinh viên ngành Văn học hình thành năng lực sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, phê bình, giảng dạy và các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến văn học, ngôn ngữ, truyền thông và văn hóa.

4. Mục tiêu của học phần

- Phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trong học tập, đọc hiểu, trao đổi và thực hành học thuật liên quan đến lĩnh vực Văn học. \

- Giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, hiểu và sử dụng các thuật ngữ, cụm từ, mẫu câu thông dụng trong lĩnh vực văn học, đồng thời thực hiện được một số nhiệm vụ học tập và giao tiếp chuyên ngành ở mức độ phù hợp với năng lực ngoại ngữ của người học.

- Hiểu và sử dụng thuật ngữ văn học thông dụng; đọc hiểu thông tin chính từ các văn bản tiếng Anh ngắn về văn học; trao đổi, trình bày ý kiến và nhận xét cơ bản về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề hoặc thông điệp văn học; viết đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh về một nội dung văn học; đồng thời phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp học thuật phù hợp với bối cảnh chuyên ngành Văn học.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Trình bày được các thuật ngữ, cụm từ và mẫu câu tiếng Anh thông dụng liên quan đến văn học, thể loại văn học và các yếu tố cơ bản của văn bản văn học.	Mức 2 (Hiểu)
2	CLO2	Giải thích được nội dung chính, thông tin chi tiết và ý nghĩa cơ bản của các văn bản tiếng Anh ngắn về văn học, nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề, tiểu sử và tự truyện.	Mức 2 (Hiểu)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
3	CLO3	Sử dụng được từ vựng, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, trao đổi, trình bày và viết đoạn văn ngắn về một chủ đề hoặc văn bản văn học ở mức độ có hướng dẫn.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Đóng góp tích cực vào hoạt động học tập, trao đổi trên lớp; thể hiện tinh thần hợp tác, ý thức tự học và phong cách giao tiếp phù hợp trong môi trường học thuật chuyên ngành Văn học.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3					X			
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát về văn học và đọc hiểu văn bản văn học bằng tiếng Anh – Introduction to Literature and Reading Literary Texts in English
1.1.	Khái niệm văn học; vai trò của văn học trong đời sống, văn hóa và khoa học nhân văn.
1.2.	Từ vựng, thuật ngữ và mẫu câu tiếng Anh cơ bản dùng để giới thiệu, mô tả và trao đổi về văn học.
1.3.	Kỹ năng đọc hiểu văn bản văn học ngắn bằng tiếng Anh: xác định ý chính, thông tin chi tiết, từ khóa và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.
Chương 2	Đọc và viết như một hành vi xã hội – Reading and Writing as a Social Act
2.1.	Vai trò của đọc và viết trong giao tiếp học thuật, văn hóa và xã hội.
2.2.	Từ vựng và mẫu câu dùng để trình bày quan điểm, cảm nhận và phản hồi về văn bản.

Chương	Nội dung
2.3.	Thực hành đọc lấy ý chính, tóm tắt ngắn và trao đổi ý kiến về một văn bản văn học/nhân văn.
Chương 3	Hư cấu và các thể loại tự sự ngắn – Fiction and Short Narrative Genres
3.1.	Reading Fiction: đặc điểm cơ bản của văn bản hư cấu; phân biệt fiction và nonfiction.
3.2.	Fable và Parable: đặc điểm, cấu trúc, thông điệp và bài học đạo đức trong truyện ngụ ngôn/truyện dụ ngôn.
3.3.	Short Story: đặc điểm truyện ngắn; cốt truyện, tình huống truyện và ý nghĩa của chi tiết trong truyện ngắn.
Chương 4	Các yếu tố cơ bản của văn bản tự sự – Basic Elements of Narrative Texts
4.1.	Setting: bối cảnh thời gian, không gian và vai trò của bối cảnh trong việc tạo nghĩa cho văn bản.
4.2.	Conflict: xung đột bên trong, xung đột bên ngoài và vai trò của xung đột trong phát triển cốt truyện.
4.3.	Character: nhân vật, đặc điểm nhân vật, hành động, lời nói và cách nhận diện tính cách nhân vật trong văn bản.
Chương 5	Điểm nhìn, chủ đề và diễn giải ý nghĩa văn bản – Point of View, Theme, and Interpretation of Meaning
5.1.	Point of View: người kể chuyện, điểm nhìn trần thuật và ảnh hưởng của điểm nhìn đến cách hiểu văn bản.
5.2.	Theme: chủ đề, thông điệp và ý nghĩa khái quát của văn bản văn học.
5.3.	Cách trình bày nhận xét ngắn bằng tiếng Anh về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn hoặc chủ đề văn học.
Chương 6	Văn bản phi hư cấu, tiểu sử và tự truyện – Nonfiction, Biography, and Autobiography
6.1.	Nonfiction: đặc điểm văn bản phi hư cấu và sự khác biệt giữa nonfiction và fiction.
6.2.	Biography and Autobiography: khái niệm, đặc điểm, mục đích và các yếu tố tự sự trong tiểu sử/tự truyện.
6.3.	Thực hành đọc hiểu và tóm tắt ngắn nội dung một văn bản tiểu sử/tự truyện bằng tiếng Anh.
Chương 7	Từ vựng học thuật và cấu trúc diễn đạt trong lĩnh vực nhân văn – Academic Vocabulary and Expression in Humanities

Chương	Nội dung
7.1.	Từ vựng học thuật thông dụng trong văn học và khoa học nhân văn: definition, feature, element, context, theme, narrative, interpretation, significance.
7.2.	Cấu trúc câu dùng để mô tả, giải thích, so sánh và nêu nhận xét về văn bản văn học.
7.3.	Thực hành sử dụng từ vựng và mẫu câu để trả lời câu hỏi đọc hiểu, trình bày ý kiến và viết đoạn văn ngắn.
Chương 8	Tích hợp kỹ năng đọc, viết và trình bày về văn học bằng tiếng Anh – Integrated Reading, Writing, and Presentation in Literary Studies
8.1.	Ôn tập hệ thống thuật ngữ, khái niệm và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành Văn học.
8.2.	Hướng dẫn viết đoạn văn ngắn về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề hoặc thông điệp văn học.
8.3.	Hướng dẫn thuyết trình/đọc diễn cảm/nhập vai ngắn bằng tiếng Anh về một văn bản hoặc chủ đề văn học.

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước: người học chuẩn bị câu trả lời, thuật ngữ, từ vựng và mẫu câu theo các chủ đề đã học.
6.2.2	Thực hành đọc hiểu và phân tích văn bản văn học ngắn bằng tiếng Anh: xác định ý chính, nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề và thông điệp cơ bản.
6.2.3	Thực hành viết ngắn: viết đoạn văn bằng tiếng Anh về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề, thông điệp hoặc cảm nhận cá nhân.
6.2.4	Thảo luận nhóm và phản hồi ý kiến: trao đổi, trình bày quan điểm và trả lời câu hỏi về văn bản/chủ đề văn học.
6.2.5	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước: chuẩn bị và trình bày bằng tiếng Anh về một nội dung liên quan đến văn học.
6.2.6	Ôn tập và thực hành tích hợp kỹ năng: đọc hiểu, sử dụng thuật ngữ, trả lời câu hỏi, tóm tắt, viết ngắn và trình bày nhận xét bằng tiếng Anh.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Tên chương	Số tiết tín chỉ					
	Giờ giảng	Thực hành	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
Chương 1: Khái quát về văn học và đọc hiểu văn bản văn học bằng tiếng Anh – <i>Introduction to Literature and Reading Literary Texts in English</i>	2	0	2	0	6	10
Chương 2: Đọc và viết như một hành vi xã hội – <i>Reading and Writing as a Social Act</i>	2	4	2	0	6	14
Chương 3: Hư cấu và các thể loại tự sự ngắn – <i>Fiction and Short Narrative Genres</i>	2	0	2	0	8	12
Chương 4: Các yếu tố cơ bản của văn bản tự sự – <i>Basic Elements of Narrative Texts</i>	2	0	2	0	7	11
Chương 5: Điểm nhìn, chủ đề và diễn giải ý nghĩa văn bản – <i>Point of View, Theme, and Interpretation of Meaning</i>	2	0	2	0	7	11
Chương 6: Văn bản phi hư cấu, tiểu sử và tự truyện – <i>Nonfiction, Biography, and Autobiography</i>	2	4	2	0	8	16
Chương 7: Từ vựng học thuật và cấu trúc diễn đạt trong lĩnh vực nhân văn – <i>Academic Vocabulary and Expression in Humanities</i>	2	4	2	0	7	15
Chương 8: Tích hợp kỹ năng đọc, viết và trình bày về văn học bằng tiếng Anh – <i>Integrated Reading, Writing, and Presentation in Literary Studies</i>	1	3	1	0	6	11
Tổng	15	15	15	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. **What is Literature?** – Văn học là gì? Vai trò của văn học trong đời sống và khoa học nhân văn.
2. **Reading and Writing as a Social Act** – Đọc và viết như một hành vi xã hội.
3. **Fiction and Nonfiction** – Phân biệt văn bản hư cấu và phi hư cấu.
4. **The Characteristics of a Short Story** – Đặc điểm cơ bản của truyện ngắn.

5. **Fable and Parable** – Đặc điểm, thông điệp và bài học đạo đức trong truyện ngụ ngôn và truyện dụ ngôn.
6. **Setting in Literary Texts** – Vai trò của bối cảnh thời gian và không gian trong văn bản văn học.
7. **Conflict in Narrative Texts** – Xung đột trong văn bản tự sự và vai trò của xung đột đối với cốt truyện.
8. **Character and Characterization** – Nhân vật và cách xây dựng nhân vật trong truyện.
9. **Point of View in Fiction** – Điểm nhìn trần thuật và ảnh hưởng của điểm nhìn đến cách hiểu văn bản.
10. **Theme and Message in Literary Texts** – Chủ đề và thông điệp trong văn bản văn học.
11. **Biography and Autobiography** – Đặc điểm của tiểu sử và tự truyện.
12. **Presenting a Short Literary Text in English** – Trình bày bằng tiếng Anh về một truyện ngắn, nhân vật, chủ đề hoặc thông điệp văn học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Khái quát về văn học và đọc hiểu văn bản văn học bằng tiếng Anh – Introduction to Literature and Reading Literary Texts in English	X	X	X	X
Chương 2: Đọc và viết như một hành vi xã hội – Reading and Writing as a Social Act	X	X	X	X
Chương 3: Hư cấu và các thể loại tự sự ngắn – Fiction and Short Narrative Genres	X	X	X	X
Chương 4: Các yếu tố cơ bản của văn bản tự sự – Basic Elements of Narrative Texts	X	X	X	X
Chương 5: Điểm nhìn, chủ đề và diễn giải ý nghĩa văn bản – Point of View, Theme, and Interpretation of Meaning	X	X	X	X
Chương 6: Văn bản phi hư cấu, tiểu sử và tự truyện – Nonfiction, Biography, and Autobiography	X	X	X	X
Chương 7: Từ vựng học thuật và cấu trúc diễn đạt trong lĩnh vực nhân văn – Academic Vocabulary and Expression in Humanities	X	X	X	X
Chương 8: Tích hợp kỹ năng đọc, viết và trình bày về văn học bằng tiếng Anh – Integrated	X	X	X	X

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Reading, Writing, and Presentation in Literary Studies				

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm
- Thảo luận nhóm
- Thực hành đọc hiểu văn bản văn học
- Thực hành viết ngắn bằng tiếng Anh
- Đọc diễn cảm/nhập vai theo văn bản văn học

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	X
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X
Thực hành đọc hiểu văn bản văn học	X	X	X	
Thực hành viết ngắn bằng tiếng Anh		X	X	
Đọc diễn cảm/nhập vai theo văn bản văn học		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học; ôn tập từ vựng, thuật ngữ, mẫu câu và nội dung tiếng Anh chuyên ngành Văn học.

- Tham gia đầy đủ các giờ học, thảo luận, thực hành đọc hiểu, viết ngắn, làm việc nhóm và thuyết trình; sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần.

- Đọc tài liệu bắt buộc, chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài đọc hiểu, bài viết ngắn và nhiệm vụ thuyết trình nhóm.

- Tích cực tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh chuyên ngành như trả lời câu hỏi, tóm tắt văn bản, trao đổi ý kiến và trình bày nhận xét về văn bản văn học.

- Thể hiện tinh thần hợp tác, thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự học và phong cách giao tiếp học thuật phù hợp.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Đề thi tổng hợp (90 phút)	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0–3.9)	Mức D (4.0–5.4)	Mức C (5.5–6.9)	Mức B (7.0–8.4)	Mức A (8.5–10)	
Chuyên cần CLO4	Không đi học hoặc tham gia dưới 30% thời lượng học phần; không thực hiện nhiệm vụ học tập. (<30%)	Đi học kém chuyên cần, tham gia dưới 50% thời lượng học phần; ít chuẩn bị bài và ít tham gia hoạt động	Đi học khá chuyên cần, tham gia từ 50% đến 70% thời lượng học phần; hoàn thành một số nhiệm vụ học tập cơ bản. (<70%)	Đi học chuyên cần, tham gia từ 70% đến 90% thời lượng học phần; có chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và	Đi học đầy đủ, tham gia tích cực, chuẩn bị bài tốt, hợp tác trong nhóm và chủ động sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động học tập.	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0–3.9)	Mức D (4.0–5.4)	Mức C (5.5–6.9)	Mức B (7.0–8.4)	Mức A (8.5–10)	
		lớp. (<50%)		thực hành. (<90%)	(100%)	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%.

Tiêu chí đánh giá	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5–10	Trọng số
Nội dung chủ đề văn học CLO2	Nội dung không phù hợp hoặc không thể hiện được chủ đề văn học.	Nội dung sơ sài, thiếu ý chính, chưa xác định được yếu tố văn học trọng tâm.	Nội dung cơ bản phù hợp, xác định được một số ý chính hoặc yếu tố văn học đơn giản.	Nội dung rõ, đúng chủ đề, có nhận xét khá phù hợp về nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn hoặc chủ đề.	Nội dung đầy đủ, rõ trọng tâm, có ví dụ phù hợp và thể hiện khả năng hiểu văn bản/chủ đề văn học.	25%
Sử dụng thuật ngữ, từ vựng và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành CLO1, CLO3	Sử dụng rất hạn chế thuật ngữ và mẫu câu; nhiều lỗi gây khó hiểu.	Có sử dụng một số từ vựng/mẫu câu nhưng còn nhiều lỗi, diễn đạt chưa rõ.	Sử dụng được thuật ngữ và mẫu câu cơ bản, ý nghĩa nhìn chung hiểu được.	Sử dụng khá phù hợp thuật ngữ, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành Văn học.	Sử dụng tốt thuật ngữ, mẫu câu và cấu trúc tiếng Anh; diễn đạt tương đối rõ ràng, phù hợp nội dung văn học.	25%
Kỹ năng trình bày bằng tiếng Anh CLO3	Trình bày rời rạc, phát âm khó nghe, không hoàn thành phần	Trình bày còn phụ thuộc nhiều vào văn bản, phát âm và diễn đạt còn hạn	Trình bày được nội dung chính, tốc độ và phát âm ở mức chấp nhận	Trình bày rõ, có bố cục, phát âm khá, giao tiếp tương đối	Trình bày mạch lạc, tự tin, có minh họa phù hợp và biết tương tác với	25%

Tiêu chí đánh giá	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5–10	Trọng số
	trình bày.	chế.	được.	tự tin.	người nghe.	
Làm việc nhóm và phản hồi câu hỏi CLO4	Không phối hợp nhóm hoặc không tham gia trả lời câu hỏi.	Phối hợp nhóm yếu, trả lời câu hỏi còn rất hạn chế.	Có tham gia nhóm và trả lời được một số câu hỏi đơn giản.	Phối hợp nhóm khá tốt, trả lời được câu hỏi cơ bản liên quan đến nội dung trình bày.	Phối hợp nhóm hiệu quả, phản hồi câu hỏi rõ ràng, thể hiện thái độ tích cực và phong cách giao tiếp phù hợp.	25%
Tổng						100%

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 9	Bài thi tổng hợp	CLO1: Thuật ngữ, cụm từ và mẫu câu chuyên ngành. CLO2: Đọc hiểu và giải thích nội dung văn bản. CLO3: Viết ngắn, diễn đạt ý kiến và vận dụng tiếng Anh chuyên ngành.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Giữa kỳ	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 6–8	Thuyết trình – phản biện nhóm	CLO2: Nội dung báo cáo và khả năng đọc hiểu. CLO3: Kỹ năng	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						trình bày, trao đổi và phản hồi bằng tiếng Anh chuyên ngành.	
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Tuần 1–9	Bảng kiểm soát chuyên cần và hồ sơ học tập (Portfolio)	Chuyên cần, chuẩn bị bài, tự học, hợp tác và tham gia hoạt động học tập.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tổng hợp kết thúc học phần

Phần thi	Nội dung trọng tâm	CLO	Hình thức đánh giá	Mức độ đánh giá	Điểm
I. Vocabulary & Key Terms	Thuật ngữ, từ vựng và cụm từ chuyên ngành Văn học: literature, fiction, nonfiction, short story, fable, parable, setting, conflict, character, point of view, theme, biography, autobiography, narrative, message, interpretation.	CLO1	Trắc nghiệm chọn đáp án đúng; nối thuật ngữ với định nghĩa; điền từ/cụm từ phù hợp.	Nhận biết – Thông hiểu	20
II. Language Focus	Cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu thông dụng dùng để mô tả, giải thích và nhận xét văn bản văn học: định nghĩa khái niệm, mô tả nhân vật/bối cảnh, trình	CLO1; CLO2	Bài tập chọn đáp án đúng; hoàn thành câu; chọn mẫu câu phù hợp với ngữ	Thông hiểu – Vận dụng	20

Phần thi	Nội dung trọng tâm	CLO	Hình thức đánh giá	Mức độ đánh giá	Điểm
	bày ý chính, nêu nhận xét, so sánh và diễn đạt ý kiến cá nhân.		cảnh văn học.		
III. Reading Comprehension	Đọc hiểu văn bản tiếng Anh ngắn về văn học, truyện hư cấu, truyện ngắn, nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề, tiểu sử hoặc tự truyện.	CLO2; CLO3	Câu hỏi đọc hiểu; xác định ý chính, thông tin chi tiết, nghĩa của từ trong ngữ cảnh; trả lời câu hỏi ngắn.	Thông hiểu – Vận dụng	40
IV. Writing	Viết đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh về một nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề, thông điệp hoặc cảm nhận cá nhân đối với một văn bản/chủ đề văn học.	CLO2; CLO3	Viết đoạn văn ngắn khoảng 100–150 từ theo chủ đề/câu hỏi cho trước.	Vận dụng	10
Translation	Dịch đoạn văn tiếng Anh chuyên ngành Văn học sang tiếng Việt, bảo đảm đúng ý, đúng thuật ngữ và diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh văn học.	CLO1; CLO3	Dịch chuyên ngành Anh – Việt.	Thông hiểu – Vận dụng	10
Tổng		CLO1; CLO2; CLO3			100

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1:** Được đo qua khả năng xác định thuật ngữ, từ vựng, cụm từ và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành Văn học.

- **CLO2:** Được đo qua khả năng giải thích nội dung chính, thông tin chi tiết và ý nghĩa cơ bản của văn bản tiếng Anh về văn học.
- **CLO3:** Được đo qua khả năng vận dụng tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, viết đoạn văn ngắn, dịch thuật ngữ/ngữ đoạn và diễn đạt nhận xét cơ bản về văn bản hoặc chủ đề văn học.
- Đề thi được thiết kế phù hợp với trình độ tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ, tập trung vào nhận biết thuật ngữ, hiểu văn bản ngắn và vận dụng tiếng Anh ở mức có hướng dẫn.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU 0–4.9	Mức 2: TRUNG BÌNH 5.0–6.9	Mức 3: KHÁ 7.0–8.4	Mức 4: GIỎI 8.5–10
CLO1: Xác định thuật ngữ, từ vựng, cụm từ và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành Văn học	Xác định được rất ít thuật ngữ, từ vựng và mẫu câu; nhầm lẫn nhiều khái niệm văn học cơ bản.	Xác định được một số thuật ngữ, từ vựng và mẫu câu cơ bản nhưng vẫn còn nhầm lẫn trong ngữ cảnh sử dụng.	Xác định khá đúng thuật ngữ, cụm từ và mẫu câu liên quan đến văn học, thể loại và yếu tố văn bản văn học.	Xác định đúng và tương đối đầy đủ thuật ngữ, cụm từ, mẫu câu; hiểu được ngữ cảnh sử dụng trong văn bản/chủ đề văn học.
CLO2: Giải thích nội dung chính, thông tin chi tiết và ý nghĩa cơ bản của văn bản tiếng Anh về văn học	Hiểu nội dung văn bản rất hạn chế; trả lời sai hoặc bỏ sót nhiều ý chính, thông tin chi tiết và các yếu tố văn học.	Hiểu được một số ý chính và thông tin cơ bản, nhưng phần giải thích còn đơn giản, thiếu chính xác hoặc thiếu liên hệ với yếu tố văn học.	Giải thích khá đúng ý chính, cung cấp thông tin chi tiết và một số yếu tố như nhân vật, bối cảnh, xung đột, điểm nhìn, chủ đề.	Giải thích rõ ràng, đúng trọng tâm, có khả năng liên hệ các yếu tố văn học và nêu được ý nghĩa cơ bản của văn bản.
CLO3: Vận dụng tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, viết ngắn, dịch và diễn đạt nhận xét về văn bản/chủ đề	Diễn đạt rời rạc, nhiều lỗi gây khó hiểu; chưa đáp ứng yêu cầu viết, dịch hoặc trả lời bằng tiếng Anh.	Hoàn thành yêu cầu ở mức tối thiểu; còn có lỗi từ vựng, ngữ pháp, thuật ngữ và diễn đạt nhưng ý chính có thể hiểu được.	Vận dụng khá phù hợp từ vựng, cấu trúc và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành; viết/dịch/trả lời tương đối rõ ý.	Vận dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, đúng thuật ngữ và phù hợp với bối cảnh văn học.

CLO	Mức 1: YẾU 0–4.9	Mức 2: TRUNG BÌNH 5.0–6.9	Mức 3: KHÁ 7.0–8.4	Mức 4: GIỎI 8.5–10
văn học				

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Người học xác định đúng thuật ngữ, hiểu tốt nội dung văn bản và vận dụng tiếng Anh chuyên ngành rõ ràng, phù hợp trong đọc hiểu, viết ngắn và dịch.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Người học hiểu khá tốt nội dung chính, sử dụng được thuật ngữ và diễn đạt tương đối rõ trong các nhiệm vụ tiếng Anh chuyên ngành Văn học.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Người học đạt yêu cầu tối thiểu; hiểu được một số nội dung cơ bản nhưng còn lỗi về từ vựng, ngữ pháp, thuật ngữ và diễn đạt.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa đạt yêu cầu; hiểu hạn chế thuật ngữ và nội dung văn bản, chưa vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong các nhiệm vụ học tập cơ bản.

b. Rubric đánh giá thuyết trình – phân biệt nhóm

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5–10
Nội dung chủ đề văn học	CLO2	25%	Nội dung không phù hợp hoặc không thể hiện được chủ đề.	Nội dung sơ sài, thiếu ý chính.	Nội dung cơ bản phù hợp, có một số ý chính.	Nội dung rõ, đúng chủ đề, có nhận xét phù hợp.	Nội dung đầy đủ, rõ trọng tâm, có ví dụ minh họa phù hợp.
Sử dụng thuật ngữ và mẫu câu tiếng Anh chuyên ngành	CLO1 ; CLO3	25%	Sử dụng rất hạn chế, nhiều lỗi gây khó hiểu.	Có sử dụng một số từ vựng nhưng còn nhiều lỗi.	Sử dụng được thuật ngữ và mẫu câu cơ bản.	Sử dụng khá phù hợp thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh.	Sử dụng tốt thuật ngữ, mẫu câu và diễn đạt tương đối tự nhiên
Kỹ năng trình bày	CLO3	25%	Trình bày rời	Phụ thuộc nhiều vào	Trình bày được	Trình bày rõ,	Trình bày mạch lạc,

Tiêu chí đánh giá	CLO	Trọng số	Mức F 0–3.9	Mức D 4.0–5.4	Mức C 5.5–6.9	Mức B 7.0–8.4	Mức A 8.5–10
bằng tiếng Anh			rạc, khó nghe, không hoàn thành.	văn bản, phát âm còn hạn chế.	ý chính, tốc độ và phát âm chấp nhận được.	có bố cục, khá tự tin.	tự tin, có tương tác với người nghe.
Làm việc nhóm và phản hồi câu hỏi	CLO4	25%	Không phối hợp nhóm hoặc không trả lời câu hỏi.	Phối hợp nhóm yếu, trả lời hạn chế.	Có phối hợp và trả lời được câu hỏi đơn giản	Phối hợp khá tốt, trả lời được câu hỏi cơ bản	Phối hợp hiệu quả, phản hồi rõ ràng, thái độ tích cực.
Tổng		100%					

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Azizy, M. (2013). *English for Students of Humanities 1*. Herat University Press. Selected chapters on literature.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Adkins, J., & Lackovic, M. (2020). *English A: Literature for the IB Diploma* (2nd ed.). Pearson Education Limited.

- Baldick, C. (2015). *The Oxford Dictionary of Literary Terms* (4th ed.). Oxford University Press.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Thị Kiều Vân

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành Văn học**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phần biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:



Điểm số

.....

Điểm chữ

.....

Xếp loại

.....

Mức đạt CLO

.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Nga (Russian Literature)
- Mã học phần: LIT314
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 05 Giờ
 - Giờ tự học: 65 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Văn học và Ngôn ngữ học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 038 4598 728
- Email: baotramnn@hcmussh.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 091 880 7812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 8 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học Nga, nhằm giúp người học nhận diện được văn học Nga trong khu vực văn hóa Slav. Người học được giới thiệu cơ bản về những đặc trưng cơ bản của văn học Nga (dân tộc, ngôn ngữ, văn tự, tôn giáo, tiến trình, v.v.). Học phần giới thiệu các đại diện tiêu biểu đã đóng góp cho văn học Nga và thế giới di sản văn chương đồ sộ (Pushkin, Gogol, Dostoevsky, Tolstoy, Chekhov và Gorky).

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học Nga văn hóa Slav
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bối cảnh văn hóa, tiến trình văn học Nga.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về các tác gia, tác phẩm tiêu biểu, thi pháp, thành tựu văn học.
- Trang bị kiến thức về lịch sử văn học Nga và mối quan hệ giữa văn học Nga và văn học thế giới, các ảnh hưởng của văn học Nga đến văn học Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được các đặc trưng cơ bản, tiến trình phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học Nga thế kỷ XIX–XX trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử, văn hóa và không gian văn hóa Slav.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được kiến thức văn hóa – văn học để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác gia, tác phẩm tiêu biểu (Pushkin, Gogol, Dostoevsky, Tolstoy, Chekhov, Gorky...); đồng thời lý giải ảnh hưởng của văn học Nga đối với văn học thế giới và văn học Việt Nam.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Trình bày, thảo luận và bảo vệ được các quan điểm học thuật về văn học Nga bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng lập luận, thuyết trình và giao tiếp học thuật hiệu quả.	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần tự học, chủ động nghiên cứu, ý thức tôn trọng sự thật khoa học và tuân thủ các nguyên tắc trung thực, liêm chính học thuật	Mức 3 (Hình thành giá trị)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		trong học tập và nghiên cứu văn học Nga.	

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3					X			
CLO4					X			

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về văn học Nga và khu vực văn hóa Slav
1.1.	Khu vực văn hóa Slav
1.2.	Dân tộc và ngôn ngữ Slav
1.3.	Phân kỳ văn học Nga
Chương 2	Văn học Nga cổ trung đại
2.1.	Thần thoại và sử thi dân gian,
2.2.	Văn học tôn giáo
2.3.	Văn học thành văn
Chương 3	Pushkin – mặt trời thơ ca Nga
3.1.	Cuộc đời và phong cách Pushkin
3.2.	Thơ trữ tình
3.3.	Truyện thơ <i>Evgeny Onegin</i> và khởi đầu của chủ nghĩa hiện thực
Chương 4	Gogol và nghệ thuật trào phúng
4.1.	Cuộc đời và phong cách Gogol
4.2.	<i>Chiếc áo khoác</i> và hình tượng con người nhỏ bé
4.3.	Tiểu thuyết <i>Những linh hồn chết</i>
Chương 5	Dostoevsky và chủ nghĩa hiện thực
5.1.	Cuộc đời và phong cách
5.2.	<i>Những đêm trắng</i> và con người mộng mơ
5.3.	Tiểu thuyết <i>Tội ác và hình phạt</i>

Chương	Nội dung
Chương 6	Tolstoy và phép biện chứng tâm hồn
6.1.	Cuộc đời và phong cách
6.2.	Truyện ngắn
6.3	Tiểu thuyết <i>Anna Karenina</i>
Chương 7	Chekhov và những cách tân
7.1.	Cuộc đời và phong cách
7.2.	Truyện ngắn
7.3.	Kịch và thủ pháp kịch
Chương 8	Maxim Gorky và bão táp cách mạng
8.1.	Cuộc đời và phong cách
8.2	Truyện ngắn Gorky và chủ nghĩa lãng mạn mới
8.3	Tiểu thuyết <i>Người mẹ</i> và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước
	Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước
	- Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ tự học	Tổng
1	Tổng quan về văn học Nga và khu vực văn hóa Slav	2	0	0	5	7
2	Văn học Nga cổ trung đại	2	0	0	5	7
3	Pushkin – mặt trời thơ ca Nga	3	2	0	10	15
4	Gogol và chủ nghĩa hiện thực	2	1	0	7	10
5	Dostoevsky và chủ nghĩa hiện thực	3	2	2	11	18
6	Tolstoy và phép biện chứng	3	2	0	10	15

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ tự học	Tổng
	tâm hồn					
7	Chekhov và những cách tân	3	2	0	10	15
8	Maxim Gorky và bão táp cách mạng	2	1	3	7	13
	Tổng	20	10	5	65	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Các hình tượng phổ biến trong văn học Nga (con người thừa, con người nhỏ bé, con người nổi loạn, con người viết hoa)
2. Các phương thức sáng tác văn học trong văn học Nga (chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn mới, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa).
3. Pushkin và những khởi đầu của văn học hiện thực Nga
4. Thủ pháp trào tiêu trong tác phẩm của Gogol
5. Vấn đề tâm lý tội phạm trong tác phẩm của Dostoevsky
6. Hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Tolstoy
7. Những cách tân thi pháp truyện ngắn của Chekhov
8. Con người mới trong tác phẩm của Gorky

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Tổng quan về văn học Nga và khu vực văn hóa Slav	X			X
Chương 2: Văn học Nga cổ trung đại	X			
Chương 3: Pushkin – mặt trời thơ ca Nga	X	X	X	
Chương 4: Gogol và chủ nghĩa hiện thực	X	X	X	
Chương 5: Dostoevsky và chủ nghĩa hiện thực	X	X	X	
Chương 6: Tolstoy và phép biện chứng tâm hồn	X	X	X	
Chương 7: Chekhov và những cách tân	X	X	X	
Chương 8: Maxim Gorky và bão táp cách mạng	X	X	X	

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng

- Vấn đáp
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 2 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên; trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Cuối học kỳ (Theo lịch thi của nhà trường)	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tiến trình văn học Nga. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức văn hóa – văn học để phân tích tác gia, tác phẩm. CLO3: Kỹ năng lập luận và trình bày học thuật bằng văn bản.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2 – 5	Rubrics đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Chiều sâu nội dung phân tích tác phẩm/tác gia. CLO3: Kỹ năng thuyết trình, phản biện và trình bày quan điểm học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 6)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Mức độ tự giác, trách nhiệm học tập, ý thức tự học và trung thực học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Tổng quan về văn học Nga và khu vực văn hóa Slav	CLO1	Câu 1	Câu 1		Câu 1
Chương 2	Văn học Nga cổ trung đại	CLO1	Câu 1	Câu 1		Câu 1
Chương 3	Pushkin – mặt trời thơ ca Nga	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 4	Gogol và chủ nghĩa hiện thực	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 5	Dostoevsky và chủ nghĩa hiện thực	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 6	Tolstoy và phép biện chứng tâm hồn	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 7	Chekhov và những cách tân	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
Chương 8	Maxim Gorky và báo cáo cách mạng	CLO2 CLO3			Câu 2	Câu 2
TONG	2 câu (100%)		Câu 1	Câu 1	Câu 2	Câu 2

*Câu 2 sẽ được thay đổi linh hoạt cho từng nội dung dựa trên số lượng mã đề thi cung cấp cho sinh viên.

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (4.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 40% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn, có mức độ khó vừa phải, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững lý thuyết nền tảng, nêu được cái nhìn tổng quan về văn học Nga và khu vực văn học Slav. Trong đó, sinh viên phải phân biệt được các đặc trưng về thể loại, motif...

- **CLO2 và CLO3 (6.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 60% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng tâm mang tính phân loại năng lực cao. Mức độ khó này đòi hỏi sinh viên không chỉ diễn xuôi tác phẩm mà phải bậc lộ năng lực lập luận logic, tư duy độc lập, biết vận dụng lý thuyết văn hóa học để thẩm định và làm rõ sâu sắc giá trị thẩm mỹ của các kiệt tác cũng như di sản của các tác gia trong lịch sử văn học.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích tiến trình và phân loại đặc trưng (Trọng số: 4.0 điểm)	Đạt dưới 2.0 điểm. Không phân tích được các đặc trưng trong tiến trình văn học Nga. Nhận diện sai lệch những mâu chốt về tinh thần dân tộc, tôn giáo của nền văn học này trong không gian văn hóa Slav.	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm. Phân tích được tiến trình văn học ở mức bề mặt. Nhận diện đúng nhưng chưa phân loại hệ thống được các tinh thần cơ bản.	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm. Phân tích mạch lạc tiến trình văn học. Phân loại và làm rõ khá tốt các đặc trưng thể loại; hiểu đúng bản chất lịch sử.	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm. Phân tích xuất sắc, đa chiều quy luật vận động của văn học sử. Hệ thống hóa và phân loại cực kỳ sắc bén các thể loại.
CLO2: Vận dụng lý thuyết làm rõ giá trị di sản (Trọng số: 4.0 điểm)	Đạt dưới 2.0 điểm. Chỉ diễn xuôi văn bản, không vận dụng được lăng kính văn hóa học để nghiên cứu di sản của các tác gia tiêu biểu.	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm. Có vận dụng lý thuyết nhưng gượng ép. Làm rõ được nội dung tác phẩm ở mức cơ bản, thiếu chiều sâu thẩm mỹ.	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm. Vận dụng tốt lý thuyết để phân tích hiện tượng văn học. Làm rõ được các giá trị nghệ thuật tiêu biểu, có dẫn chứng phù hợp.	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm. Vận dụng lý thuyết nhuần nhuyễn. Ngôn ngữ lý luận có hàm lượng khoa học, nhận định được giá trị di sản của các tác gia lịch sử (đã khuất). Có tư duy nghiên cứu cao.
CLO3: Kỹ năng triển khai lập luận và diễn đạt (Trọng số: 2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Lạc đề, bố cục lộn xộn. Lập luận thiếu logic, hành văn lủng tung, vi phạm nghiêm trọng lỗi diễn đạt khoa học.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Bài viết có bố cục rõ ràng nhưng lập luận chưa chặt chẽ. Lý lẽ đôi chỗ mâu thuẫn, văn phong còn khô khan.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Triển khai lập luận mạch lạc, logic. Ngôn từ có tính thuyết phục, thể hiện được kỹ năng nghị	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Cấu trúc lập luận cực kỳ chặt chẽ, sắc bén. Sử dụng ngôn từ tinh tế, giàu cảm xúc, mang đậm dấu ấn học thuật và giọng văn cá nhân.

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
			luận văn học khá tốt.	

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

• **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc và bao quát về quy luật vận động của tiến trình văn học Nga. Vận dụng lăng kính văn hóa – văn học để nghiên cứu di sản của các tác gia tiêu biểu (Pushkin, Dostoevsky, Tolstoy...) trong mối quan hệ ảnh hưởng đối với văn học Việt Nam. Bài viết bộc lộ tư duy nghiên cứu độc lập, cấu trúc lập luận cực kỳ chặt chẽ, sắc bén. Điểm sáng ở mức năng lực này là việc sinh viên duy trì văn phong khoa học mang màu sắc cá nhân.

• **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững và phân tích mạch lạc các giai đoạn văn học Nga và không gian văn hóa Slav cùng đặc trưng nghệ thuật của các tác gia tiêu biểu. Có khả năng vận dụng tốt lý thuyết để làm rõ giá trị của các hiện tượng văn học. Cấu trúc bài làm logic, dẫn chứng chuẩn xác, diễn đạt trôi chảy và có ý thức bảo vệ quan điểm. Tuy nhiên, góc nhìn cá nhân và các phát hiện thẩm mỹ chưa thực sự mang tính đột phá xuất sắc. Đảm bảo tốt các yêu cầu về văn phong khoa học.

• **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu cơ bản về việc nhận diện các mốc lịch sử trong tiến trình văn học Nga (thế kỷ XIX - XX). Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành phân tích còn hạn chế; bài làm chủ yếu thiên về diễn xuôi, tóm tắt nội dung bề mặt thay vì thẩm định sâu sắc giá trị nghệ thuật. Mạch lập luận đôi chỗ còn thiếu logic, thiếu dẫn chứng, văn phong thô cứng hoặc còn phụ thuộc nhiều vào cách diễn đạt của tài liệu tham khảo.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Có lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng về không gian văn hóa Slav; nhầm lẫn các giai đoạn trong tiến trình văn học Nga (thế kỷ XIX - XX). Bài làm lạc đề, diễn đạt lủng tung, hoàn toàn không có khả năng phân tích văn bản hay triển khai lập luận. Không thể hiện được ý thức trách nhiệm trong việc xử lý các nhiệm vụ học tập.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác	Diễn đạt lủng tung; chủ yếu là đọc lại slide;

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	việc truyền tải nội dung.	trình diễn chưa chuyên nghiệp.	không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Trần Thị Phương Phương (2018), *Văn học Nga hiện đại - Những vấn đề lý thuyết và lịch sử*, Nxb Tổng hợp, 2018.
- Đỗ Hồng Chung (chủ biên), *Lịch sử văn học Nga*, Nxb Giáo dục.

12.2. Tài liệu tham khảo

Đỗ Hải Phong, *Giáo trình văn học Nga*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHÂN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học Nga
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lủng lủng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phân biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lủng lủng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phân biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phân biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học Trung Quốc (Chinese Literature)
- Mã học phần: LIT317
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 05 Giờ
 - Giờ tự học: 65 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Lê Đình Khanh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nghệ thuật – Trường Đại học Sài Gòn
- Điện thoại:
- Email: ldkhanh@sgu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn – Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 091 880 7812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn



3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về nền văn học Trung Quốc, nhằm giúp người học biết được những thành tựu nổi bật có ảnh hưởng sâu rộng đối với đời sống văn học trong khu vực cũng như trên thế giới. Người học được giới thiệu cơ bản về các thể loại văn học và các tác gia tiêu biểu trong mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển văn học Trung Quốc.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về lịch sử văn học Trung Quốc.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại trong nền văn học Trung Quốc.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về tác phẩm, tác gia tiêu biểu của mỗi thể loại, của mỗi thời kỳ văn học Trung Quốc.
- Được trang bị các kiến thức trên, SV không chỉ hiểu biết về một trong những nền văn học lớn trên thế giới mà còn có thêm cơ sở để hiểu hơn về văn học Việt Nam.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được đặc điểm nổi bật, tiến trình phát triển, hệ thống thể loại và những thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Quốc từ Tiên Tần đến đương đại.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được kiến thức văn hóa – văn học để phân tích, đánh giá các hiện tượng, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc; đồng thời lý giải ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam và văn học khu vực.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Trình bày, thảo luận và bảo vệ được các quan điểm học thuật về văn học Trung Quốc bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng lập luận, thuyết trình và giao tiếp học thuật hiệu quả.	Mức 4 (Phối hợp)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3					X			

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát văn học Trung Quốc
1.1.	Đôi nét về đất nước, con người, văn hóa Trung Quốc
1.2.	Khái niệm văn học Trung Quốc
1.3.	Các bộ phận cấu thành nền văn học Trung Quốc
1.4.	Các thời kỳ phát triển nền văn học Trung Quốc
Chương 2	Văn học cổ đại Trung Quốc
2.1.	Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa
2.2.	<i>Kinh thi</i> (Không Từ san định)
2.3.	Tản văn Tiên Tần (Chư tử)
2.4.	<i>Sở từ</i> (Khuất Nguyên)
Chương 3	Văn học trung đại Trung Quốc
3.1.	Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa
3.2.	Thơ Đường (thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị)
3.3.	Tiểu thuyết Minh Thanh (<i>Tam quốc diễn nghĩa, Tây du ký, Hồng lâu mộng</i>)
Chương 4	Văn học hiện - đương đại Trung Quốc
4.1.	Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa
4.2.	Truyện ngắn của Lỗ Tấn
4.3.	Tiểu thuyết của Mạc Ngôn

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước
	Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2.	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước
	- Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát văn học Trung Quốc	2	0	0	5	7
2	Văn học cổ đại Trung Quốc	5	3	2	17	27
3	Văn học trung đại Trung Quốc	7	4	2	23	34
4	Văn học hiện - đương đại Trung Quốc	6	3	1	20	32
	Tổng	20	10	5	65	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUYỆN

1. Sự hình thành và phát triển của khuynh hướng thơ hiện thực: Từ *Kinh thi* đến thơ Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.
2. Sự hình thành và phát triển của khuynh hướng thơ lãng mạn: Từ *Số tử* đến thơ Lý Bạch.
3. *Tam quốc diễn nghĩa* - Lá cờ đầu của dòng tiểu thuyết lịch sử Trung Quốc.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Khái quát văn học Trung Quốc	X		
Chương 2: Văn học cổ đại Trung Quốc	X	X	X
Chương 3: Văn học trung đại Trung Quốc	X	X	X
Chương 4: Văn học hiện - đương đại Trung Quốc	X	X	

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Vấn đáp
- Thảo luận nhóm
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Vấn đáp	X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá:

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận 2 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Cuối học kỳ (Theo lịch thi của nhà trường)	Rubrics chấm thi tự luận	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tiến trình văn học Trung Quốc. CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức văn hóa – văn học để phân tích tác gia, tác phẩm và hiện tượng văn học.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 2 - 5	Rubrics đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Chiều sâu nội dung phân tích tác phẩm/tác gia. CLO3: Kỹ năng lập luận, thuyết trình và bảo vệ quan điểm học thuật.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát	Mức độ tự giác, trách nhiệm học tập, tham gia thảo	Lấy dữ liệu đo CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần	luận và chuẩn bị bài.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số điểm
Chương 1	Khái quát văn học Trung Quốc	CLO1	Câu 1	Câu 1		Câu 1
Chương 2	Văn học cổ đại Trung Quốc	CLO1			Câu 2	Câu 2
Chương 3	Văn học trung đại Trung Quốc	CLO1, CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 4	Văn học hiện - đương đại Trung Quốc	CLO1, CLO2			Câu 2	Câu 2
TỔNG	02 câu (100%)		Câu 1	Câu 1	Câu 2	Câu 2

*Câu 2 sẽ được thay đổi linh hoạt cho từng nội dung dựa trên số lượng mã đề thi cung cấp cho sinh viên.

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (4.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 40% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn, có mức độ khó vừa phải, đòi hỏi sinh viên phải nắm vững lý thuyết nền tảng, phân tích được tiến trình văn học sử và phân loại rõ ràng các đặc trưng thể loại, motif nhân vật tiêu biểu từ thời Tiên Tần đến giai đoạn hiện đại.

- **CLO2 (6.0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 60% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng tâm mang tính phân loại năng lực cao. Mức độ khó này đòi hỏi sinh viên không chỉ diễn xuôi tác phẩm mà phải bộc lộ năng lực lập luận logic, tư duy độc lập, biết vận dụng lý thuyết văn hóa học để thẩm định và làm rõ sâu sắc giá trị thẩm mỹ của các kiệt tác cũng như di sản của các tác gia trong lịch sử văn học.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích tiến trình và phân	Đạt dưới 2.0 điểm. Không phân tích được tiến	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm. Phân tích được tiến trình văn học	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm. Phân tích mạch lạc tiến trình	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm. Phân tích xuất sắc, đa chiều quy

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
loại đặc trưng (Trọng số: 4.0 điểm)	trình văn học sử. Nhận diện sai lệch các đặc trưng thể loại hoặc motif nhân vật cơ bản.	ở mức bề mặt. Nhận diện đúng nhưng chưa phân loại hệ thống được các thể loại tiêu biểu.	văn học. Phân loại và làm rõ khá tốt các đặc trưng thể loại; hiểu đúng bản chất lịch sử.	luật vận động của văn học sử. Hệ thống hóa và phân loại cực kỳ sắc bén các thể loại.
CLO2: Vận dụng lý thuyết làm rõ giá trị di sản (Trọng số: 6.0 điểm)	Đạt dưới 2.0 điểm. Chỉ diễn xuôi văn bản, không vận dụng được lăng kính văn hóa học. Không bóc tách được giá trị của các tác gia lịch sử.	Đạt từ 2.0 - 2.7 điểm. Có vận dụng lý thuyết nhưng gượng ép. Làm rõ được nội dung tác phẩm ở mức cơ bản, thiếu chiều sâu thẩm mỹ.	Đạt từ 2.8 - 3.3 điểm. Vận dụng tốt lý thuyết để phân tích hiện tượng văn học. Làm rõ được các giá trị nghệ thuật tiêu biểu, có dẫn chứng phù hợp.	Đạt từ 3.4 - 4.0 điểm. Vận dụng lý thuyết nhuần nhuyễn. Thẩm định sắc bén, sâu sắc giá trị di sản của các tác gia lịch sử (đã khuất). Có tư duy nghiên cứu cao.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên thể hiện sự thấu hiểu sâu sắc và bao quát về quy luật vận động của tiến trình văn học sử Trung Quốc. Vận dụng lăng kính văn hóa học để phân tích các giá trị thẩm mỹ từ di sản của các tác gia lịch sử. Bài viết bộc lộ tư duy nghiên cứu độc lập, cấu trúc lập luận cực kỳ chặt chẽ, sắc bén. Điểm sáng ở mức năng lực này là việc sinh viên duy trì văn phong khoa học mang màu sắc cá nhân.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững và phân tích mạch lạc các giai đoạn văn học sử cùng hệ thống đặc trưng thể loại. Có khả năng vận dụng tốt lý thuyết để làm rõ giá trị của các hiện tượng văn học và tác gia kinh điển. Cấu trúc bài làm logic, dẫn chứng chuẩn xác, diễn đạt trôi chảy và có ý thức bảo vệ quan điểm. Tuy nhiên, góc nhìn cá nhân và các phát hiện thẩm mỹ chưa thực sự mang tính đột phá xuất sắc. Đảm bảo tốt các yêu cầu về văn phong khoa học.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu cơ bản về việc nhận diện các mốc lịch sử và thể loại văn học. Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành phân tích còn hạn chế; bài làm chủ yếu thiên về diễn xuôi, tóm tắt nội dung bề mặt thay vì thẩm định sâu sắc giá trị nghệ thuật. Mạch lập luận đôi chỗ còn thiếu logic, lý lẽ mỏng, văn phong thô cứng hoặc còn phụ thuộc nhiều vào cách diễn đạt của tài liệu tham khảo.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Có lỗ hổng kiến thức nghiêm trọng; nhầm lẫn các giai đoạn lịch sử văn học hoặc đặc trưng thể loại. Bài làm lạc đề, diễn đạt lúng túng, hoàn

toàn không có khả năng phân tích văn bản hay triển khai lập luận. Không thể hiện được ý thức trách nhiệm trong việc xử lý các nhiệm vụ học tập.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

- Diêu Đan, Đặng Cẩm Huy và Vương Phong, *Văn học Trung Quốc* (Đặng Thúy Thúy dịch), NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2013.

- Vương Nghiêu, *Văn học đương đại Trung Quốc* (Đỗ Văn Hiểu dịch), NXB Khoa học xã hội, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo

Nguyễn Thị Mai Chanh và Nguyễn Thị Mai Liên (chủ biên), *Thế loại và tác giả tiêu biểu văn học phương Đông*, NXB Đại học Sư phạm, 2022.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Đình Khanh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Văn học Trung Quốc**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn vể.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong	Các thành viên có tham gia nhưng tương	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
	tác nhóm		trong phần biện.	phần trình bày.	tác còn yếu.	làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

.....

.....

.....

.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Nghệ thuật thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ**
(Skills for office work)
- Mã học phần: LIT401
- Số tín chỉ: 2
- Cấp độ đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thực hành: 30 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Vân
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 097 228 5353
- Email: vannt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến.

- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 4 chương, trang bị cho sinh viên những nguyên tắc, nghiệp vụ, kỹ năng của một người thư ký văn phòng; các kiến thức cơ bản về tác phong giao tiếp trong văn phòng; Các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một thư ký văn phòng. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng trong việc xây dựng, ban hành, xử lý, giải quyết văn bản, các qui trình giải quyết công việc của cơ quan nhanh chóng, đúng tiến độ, hiệu quả, đúng chính sách, đúng chế độ và bảo mật...Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm bao gồm: giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tế liên quan đến các quy trình xử lý công việc, xử lý các tình huống phát sinh trong công việc;
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và có khả năng Tổ chức công tác lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ;
- Trang bị kiến thức để hiểu rõ đạo đức nghề nghiệp cũng như trách nhiệm của từng vị trí việc làm tương ứng.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ; mô tả được quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ trong cơ quan, doanh nghiệp.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước và kiến thức chuyên môn để đánh giá, xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh trong công tác văn thư – lưu trữ.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu; đồng thời vận dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề trong môi trường văn phòng.	Mức 3 (Phối hợp)
4	CLO4	Tuân thủ quy định pháp luật, đạo đức nghề	Mức 3 (Hình thành

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		nghiệp, nguyên tắc bảo mật thông tin và trách nhiệm nghề nghiệp trong công tác thư ký văn phòng và văn thư – lưu trữ.	giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X				
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ THƯ KÝ VĂN PHÒNG
1.1	Khái niệm về văn phòng và nghiệp vụ thư ký văn phòng
1.2	Chức năng, nhiệm vụ thư ký văn phòng
Chương 2	KỸ NĂNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ VĂN THƯ
2.1	Ý nghĩa vai trò của công tác văn thư
2.2	Các yêu cầu đối với thư ký văn thư
2.3	Quản lý nhà nước về công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội
2.4	Nội dung công tác văn thư
2.5	Công tác lập hồ sơ và nộp vào lưu trữ cơ quan
Chương 3	TỔ CHỨC CÔNG TÁC LƯU TRỮ VÀ KHAI THÁC SỬ DỤNG HỒ SƠ
3.1	Các vấn đề lý luận chung về công tác lưu trữ
3.2	Tổ chức hoạt động công tác lưu trữ
Chương 4	THỰC HÀNH
4.1.	Xây dựng qui trình ban hành văn bản
4.2.	Xem xét thể thức, ghi số, ghi ngày tháng

Chương	Nội dung
4.3.	Đăng kí văn bản đi
4.4.	Đóng dấu văn bản đi

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học xây dựng qui trình ban hành văn bản theo yêu cầu của giảng viên
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thực hành	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
Chương 1	Các vấn đề chung về nghiệp vụ thư ký văn phòng	5	0	0	5	15
Chương 2	Kỹ năng tổ chức quản lý và xử lý văn thư	5	0	0	10	20
Chương 3	Tổ chức công tác lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ	5	0	0	10	20
Chương 4	Thực hành	0	30	0	30	45
Tổng		15	30	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Các tổ chức cần có của một thư ký văn phòng?
2. Thư ký văn phòng với nghiệp vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động lãnh đạo, quản lý.
3. Thư ký văn phòng với nghiệp vụ sắp xếp, quản lý văn bản, hồ sơ tài liệu.
4. Vẽ MINDMAP chân dung thư ký văn phòng và thư ký văn phòng đối ngoại. (Gợi ý: Năng lực; Kỹ năng; Phẩm chất)
5. Vị trí, vai trò của công tác văn thư trong hoạt động của cơ quan.
6. Nguyên tắc, yêu cầu về nghiệp vụ công tác văn thư.
7. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác lưu trữ và bố trí nhân sự làm công tác lưu trữ trong các cơ quan hiện nay.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Các vấn đề chung về nghiệp vụ thư ký văn phòng	X	X		
Chương 2. Kỹ năng tổ chức quản lý và xử lý văn thư		X	X	X
Chương 3. Tổ chức công tác lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ		X	X	X
Chương 4. Thực hành		X	X	X

8. Phương pháp dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình -Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu về vai trò, quy trình công tác văn thư – lưu trữ. CLO2: Mức độ phân tích các vấn đề pháp lý, chính sách và thực tiễn ngành nghề. CLO3: Mức độ vận dụng quy	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						trình nghiệp vụ để giải quyết tình huống thực tế.	
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm. Rubric đánh giá bài thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo, khả năng phân tích vấn đề nghiệp vụ. CLO3: Kỹ năng xử lý tình huống, phối hợp nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tuân thủ quy định, ý thức trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, tinh cần trọng và bảo mật trong công việc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
Phần mở đầu & Hình thức	Nền tảng chung	- Xác định rõ mục tiêu, phạm vi khảo sát công tác văn thư lưu trữ tại cơ quan/đoanh nghiệp cụ thể. - Đúng quy chuẩn hình thức tiểu luận (bố cục, font, lề, danh mục tài liệu).	1.0 đ
Chương 1: Cơ sở lý luận và Khung	CLO 1 CLO 2	- Trình bày được ý nghĩa, vai trò của tài liệu lưu trữ và công tác văn thư đối với tổ chức. - Hệ thống hóa các quy định pháp lý, chính sách hiện hành của Nhà nước về văn thư lưu	2.0 đ

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
pháp lý về công tác Văn thư - Lưu trữ		trữ. - Mô tả (trên lý thuyết) quy trình chuẩn về quản lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ.	
Chương 2: Thực trạng công tác Văn thư - Lưu trữ tại cơ quan/doanh nghiệp khảo sát	CLO 2 CLO 3	- Phân tích hiện trạng thực tế công tác văn thư lưu trữ tại đơn vị (những cơ hội, thách thức trong bối cảnh thực tế). - Khảo sát chi tiết cách thức cơ quan đang thực hiện: quy trình xử lý công văn đi/đến, việc sử dụng con dấu và việc lập hồ sơ hiện hành tại đơn vị.	3.5 đ
Chương 3: Vận dụng giải pháp kiểm soát và tổ chức khoa học quy trình Văn thư - Lưu trữ	CLO 3	- Đánh giá ưu/nhược điểm và chỉ ra các điểm nghẽn, rủi ro trong quy trình thực tế của đơn vị. - Vận dụng kiến thức chuyên môn để đề xuất giải pháp tối ưu hóa, kiểm soát khoa học quy trình xử lý văn bản, quản lý con dấu và lập danh mục hồ sơ đưa vào lưu trữ hiện hành/ lịch sử cho đơn vị đó.	3.5 đ
Tổng			10.0 đ

b. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích vai trò, chức năng của công	15%	CLO1	Phân tích một cách xuất sắc, sâu sắc	Phân tích đúng và khá đầy đủ vai trò, chức	Trình bày được vai trò, chức năng ở mức	Hiểu sai lệch, mơ hồ hoặc hoàn toàn

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ			và toàn diện vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ; liên hệ chặt chẽ và làm rõ tầm quan trọng đối với tổ chức.	năng của công tác thư ký, văn thư – lưu trữ; lập luận rõ ràng nhưng một số khía cạnh lý luận chưa thật sự đào sâu.	độ cơ bản nhưng nội dung còn sơ sài, mang tính liệt kê, chưa thể hiện rõ năng lực phân tích bản chất nghiệp vụ.	không trình bày được vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ.
2	Mô tả quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ	20%	CLO1	Mô tả xuất sắc, chính xác và có hệ thống toàn bộ quy trình quản lý, xử lý văn bản cùng việc tổ chức lưu trữ hồ sơ;	Mô tả đúng và đầy đủ các bước trong quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ; cấu trúc bài	Mô tả được quy trình nhưng còn thiếu sót một vài bước nội dung còn rời rạc, chưa gắn kết tốt với	Mô tả sai lệch các bước cốt lõi hoặc hoàn toàn không nắm được quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				sơ đồ hóa quy trình khoa học, rõ ràng.	viết rõ ràng, mạch lạc.	thực tiễn hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp.	hồ sơ.
3	Vận dụng pháp luật, chính sách và kiến thức chuyên môn để đánh giá, xử lý tình huống	25%	CLO2	Vận dụng thành thạo, linh hoạt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước và kiến thức chuyên môn; đánh giá khách quan và xử lý tình huống nghiệp vụ phát sinh xuất sắc, tính khả thi cao.	Vận dụng đúng các quy định pháp luật, chính sách hiện hành và kiến thức chuyên môn để đánh giá, đưa ra hướng xử lý phù hợp cho tình huống nghiệp vụ phát sinh.	Có cố gắng vận dụng các văn bản pháp luật và kiến thức chuyên môn nhưng việc đánh giá tình huống chưa toàn diện, giải pháp xử lý còn gượng ép, thiếu thực tế.	Không biết vận dụng quy định pháp luật, chính sách; đưa ra phương án xử lý tình huống sai nghiệp vụ hoặc vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
4	Thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản và lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu	25%	CLO3	Thực hiện một cách xuất sắc, chính xác các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu; đề xuất được các biểu mẫu, minh chứng chuyên nghiệp.	Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu; thao tác bảo đảm đúng quy chuẩn nghiệp vụ.	Quá trình thực hiện nghiệp vụ còn lúng túng, còn mắc sai sót nhỏ trong việc quản lý văn bản đi – đến hoặc quy trình lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu chưa thật khoa học.	Không thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản; thao tác sai hoàn toàn quy chuẩn văn thư – lưu trữ hoặc hồ sơ, tài liệu sắp xếp lộn xộn.
5	Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề và trình bày văn bản trong môi	15%	CLO3	Thể hiện tư duy giải quyết vấn đề sắc bén; kỹ năng trình bày mạch lạc, logic,	Giải quyết tốt vấn đề đặt ra trong bài; cấu trúc tiểu luận rõ ràng, diễn đạt trôi	Giải quyết vấn đề ở mức đơn giản; kỹ năng trình bày bài tiểu luận còn lỏng	Không giải quyết được vấn đề; hình thức trình bày câu thả, lộn xộn, vi phạm nghiêm

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	trường văn phòng			ngôn từ chuẩn mực văn phòng; cấu trúc bài tiểu luận chuyên nghiệp và thẩm mỹ.	chảy; tuân thủ đúng các quy chuẩn về kỹ thuật trình bày văn bản hành chính văn phòng.	lẻo, còn mắc nhiều lỗi chính tả hoặc lỗi định dạng văn bản lặp lại nhiều lần.	trọng các quy định cơ bản về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

*Mô tả mức năng lực tổng quát (theo thang điểm 10):

■ **Mức Xuất sắc (8.5 - 10 điểm):** Làm chủ hoàn toàn kiến thức nghiệp vụ thư ký và quy trình luân chuyển, lưu trữ văn bản. Thể hiện tư duy phản biện sắc sảo, nhận diện rủi ro quản trị cực kỳ nhạy bén và đề xuất được các giải pháp thực tiễn, tối ưu hóa nguồn lực cho cơ quan. Cấu trúc tiểu luận logic hoàn hảo, văn phong hành chính sắc bén, chuẩn mực. Đặc biệt, sinh viên bộc lộ nhận thức xuất sắc về đạo đức nghề nghiệp, đề cao tính liêm chính, tinh thần trách nhiệm và tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc bảo mật thông tin.

■ **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững nền tảng nghiệp vụ chuyên môn và vận dụng khá linh hoạt vào việc thiết kế, mô tả các quy trình xử lý công việc. Phân tích tình huống logic và đưa ra được hướng giải quyết hợp lý, khả thi. Bài tiểu luận có bố cục chặt chẽ, trình bày sạch đẹp và văn phong đúng quy chuẩn hành chính. Thể hiện rõ thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ đúng pháp luật và có ý thức tốt về nguyên tắc bảo mật trong môi trường công sở.

■ **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Trình bày được lý thuyết cơ bản nhưng sự vận dụng vào thực tế tổ chức văn phòng còn rập khuôn, máy móc. Khả năng phân tích tình huống và giải quyết sự cố chỉ dừng ở mức bề mặt, thiếu chiều sâu. Bài làm đạt cấu trúc cơ bản nhưng vẫn còn lỗi diễn đạt, văn phong chưa đủ độ trang trọng cần thiết. Nhận thức về trách nhiệm công việc còn hời hợt, chưa bộc lộ rõ ý thức kỷ luật hay sự nhạy cảm với các nguyên tắc bảo mật hành chính.

☞ **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Kiến thức nghiệp vụ sai lệch, không nắm được các nguyên tắc hành chính, văn thư cốt lõi. Hoàn toàn lúng túng, không có khả năng phân tích hay xử lý các tình huống công sở. Trình bày sai thể thức văn bản, lỗi cấu trúc và chính tả nghiêm trọng. Thiếu ý thức kỷ luật lao động, vi phạm đạo đức học thuật (sao chép bài) hoặc đề xuất những hướng giải quyết đi ngược lại với quy định pháp luật.

c. Rubric đánh giá bài thuyết trình

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: Xuất sắc (8.5 - 10)
Tiêu chí 1: Cấu trúc và Chiều sâu nội dung (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Nội dung lan man, lạc đề. Không có mở đầu hoặc kết luận rõ ràng. Thông tin thiếu chính xác, không đưa ra được các thông điệp cốt lõi của bài báo cáo.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Cấu trúc bài nói cơ bản đủ phần nhưng các ý chuyển tiếp còn rời rạc. Nội dung đúng nhưng chủ yếu mang tính liệt kê bề mặt, thiếu sự phân tích sâu sắc.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Trình bày nội dung logic, mạch lạc. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có căn cứ thuyết phục. Thông điệp truyền tải bám sát trọng tâm và giải quyết được vấn đề.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Nội dung xuất sắc, có tính phát hiện cao. Bố cục dẫn dắt người nghe cực kỳ lôi cuốn. Lập luận sắc bén, đa chiều và có chiều sâu tri thức vượt trội.
Tiêu chí 2: Kỹ năng diễn đạt và Phong thái (3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Nói quá nhỏ, khó nghe hoặc đều đều gây nhàm chán. Không có giao tiếp bằng mắt, phụ thuộc hoàn toàn vào tài liệu/màn hình. Phong thái rụt rè.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Âm lượng vừa đủ nghe nhưng thiếu điểm nhấn. Thi thoảng có tương tác mắt nhưng ngôn ngữ cơ thể còn gượng gạo. Đôi lúc ngập ngừng hoặc lúng túng.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Diễn đạt trôi chảy, tự tin. Sử dụng giọng điệu linh hoạt để nhấn mạnh các ý quan trọng. Kết hợp hài hòa ngôn ngữ cơ thể và duy trì kết nối tốt với khán giả.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Phong thái cực kỳ chuyên nghiệp, đỉnh đặc và làm chủ sân khấu. Khả năng truyền cảm hứng cao, lôi cuốn khán giả hoàn toàn vào câu chuyện đang trình bày.
Tiêu chí 3: Thiết kế trực quan và Công cụ hỗ trợ (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Slide quá nhiều chữ, rối mắt hoặc lỗi font. Không	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Slide cơ bản, đọc được nhưng thiết kế thiếu thẩm mỹ.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Slide thiết kế đẹp, bố cục gọn gàng, làm nổi bật được	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Thiết kế mang tính thẩm mỹ cao, đồng bộ và chuyên nghiệp.

Tiêu chí đánh giá / Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: Xuất sắc (8.5 - 10)
	có hình ảnh minh họa hoặc sử dụng công cụ hỗ trợ sai mục đích gây phân tâm.	Mức độ trực quan hóa dữ liệu (biểu đồ, hình ảnh) còn hạn chế, chủ yếu là copy/paste văn bản.	từ khóa. Ứng dụng tốt các phương tiện trực quan để hỗ trợ cho việc giải thích các nội dung phức tạp.	Trực quan hóa dữ liệu xuất sắc, công cụ hỗ trợ trở thành điểm nhấn hoàn hảo cho bài thuyết trình.
Tiêu chí 4: Miễn Trách nhiệm, Thái độ và Phối hợp (2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Quá giờ quy định nghiêm trọng. Thái độ bảo thủ, trốn tránh trả lời câu hỏi. Không có tinh thần hợp tác nhóm, đùn đẩy trách nhiệm khi gặp sự cố.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Quản lý thời gian chưa tốt (hơi lố giờ). Trả lời câu hỏi còn phòng thủ. Có làm việc nhóm nhưng ranh giới rời rạc, thiếu sự bọc lót, hỗ trợ lẫn nhau.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Bảo đảm đúng thời lượng. Thể hiện tinh thần cầu thị khi lắng nghe phản biện. Phối hợp nhóm nhịp nhàng, có ý thức chia sẻ diễn đàn với đồng đội.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Quản lý thời gian hoàn hảo. Thái độ cực kỳ chuyên nghiệp, tôn trọng ý kiến trái chiều và có trách nhiệm giải trình cao. Tinh thần đồng đội xuất sắc, bọc lót tuyệt vời.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Luật số: 33/2024/QH15 Luật Lưu trữ, ngày 21 tháng 06 năm 2024.
- Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, ngày 05 tháng 02 năm 2020.
- Phạm Thị Lan Anh – Phan Thị Hiền Thu – Nguyễn Hoài Thu, *Bài giảng Nghiệp vụ văn phòng*, NXB Lao động, 2019.
- Vũ Thị Phụng, *Nghiệp vụ thư ký văn phòng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Phan Đình Nham, Bùi Loan Thùy. *Lưu trữ học đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh, 2015.
- Lê Văn In, Nghiêm Kỳ Hồng, Nguyễn Văn Báu (2012). *Nghiệp vụ thư ký giúp việc cho lãnh đạo các cơ quan, doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia, Tp, HCM.
- Vũ Thị Kim Thanh. *Các văn bản hướng dẫn hiện hành mới nhất về công tác văn thư, lưu trữ và hành chính văn phòng*. Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 2014.
- Nguyễn Hữu Thân, *Quản trị hành chính văn phòng*, NXB Lao động – Xã hội, 2012.

- Vương Đình Quyền. *Lý luận và phương pháp công tác văn thư lưu trữ*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Thị Vân

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Nghệ thuật thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ**
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua các CLO

Học phần: Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ	15%	CLO1	Phân tích một cách sâu sắc và toàn diện vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ; liên hệ chặt chẽ và làm rõ tầm quan trọng đối với tổ chức.	Phân tích đúng và khá đầy đủ vai trò, chức năng của công tác thư ký, văn thư – lưu trữ; lập luận rõ ràng nhưng một số khía cạnh lý luận chưa thật sự sâu.	Trình bày được vai trò, chức năng ở mức độ cơ bản nhưng nội dung còn sơ sài, mang tính liệt kê, chưa thể hiện rõ năng lực phân tích bản chất nghiệp vụ.	Hiệu sai lệch, mơ hồ hoặc hoàn toàn không trình bày được vai trò, chức năng của công tác thư ký văn phòng, văn thư – lưu trữ.	
2	Mô tả quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ	20%	CLO1	Mô tả xuất sắc, chính xác và có hệ thống toàn bộ quy trình quản lý, xử lý văn bản cùng việc tổ chức lưu trữ hồ sơ; sơ đồ hóa quy trình khoa học, rõ ràng.	Mô tả đúng và đầy đủ các bước trong quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ; cấu trúc bài viết rõ ràng, mạch lạc.	Mô tả được quy trình nhưng còn thiếu sót một vài bước phụ, nội dung còn rời rạc, chưa gắn kết tốt với thực tiễn hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp.	Mô tả sai lệch các bước cốt lõi hoặc hoàn toàn không nắm được quy trình quản lý, xử lý văn bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ.	
3	Vận dụng pháp luật,	25%	CLO2	Vận dụng thành thạo, linh hoạt các quy định	Vận dụng đúng các quy định pháp luật,	Có cố gắng vận dụng các văn bản pháp	Không biết vận dụng quy định pháp luật,	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	chính sách và kiến thức chuyên môn để đánh giá, xử lý tình huống			pháp luật, chính sách của Nhà nước và kiến thức chuyên môn; đánh giá khách quan và xử lý tình huống nghiệp vụ phát sinh xuất sắc, tính khả thi cao.	chính sách hiện hành và kiến thức chuyên môn để đánh giá, đưa ra hướng xử lý phù hợp cho tình huống nghiệp vụ phát sinh.	luật và kiến thức chuyên môn nhưng việc đánh giá tình huống chưa toàn diện, giải pháp xử lý còn gượng ép, thiếu thực tế.	chính sách; đưa ra phương án xử lý tình huống sai nghiệp vụ hoặc vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước.	
4	Thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản và lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu	25%	CLO3	Thực hiện một cách xuất sắc, chính xác các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu; đề xuất được các biểu mẫu, minh chứng chuyên nghiệp.	Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình các nghiệp vụ cơ bản về quản lý văn bản đi – đến, lập hồ sơ và lưu trữ tài liệu; thao tác bảo đảm đúng quy chuẩn nghiệp vụ.	Quá trình thực hiện nghiệp vụ còn lúng túng, còn mắc sai sót nhỏ trong việc quản lý văn bản đi – đến hoặc quy trình lập hồ sơ, lưu trữ tài liệu chưa thật khoa học.	Không thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản; thao tác sai hoàn toàn quy chuẩn văn thư – lưu trữ hoặc hồ sơ, tài liệu sắp xếp lộn xộn.	
5	Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề và trình bày văn bản trong môi trường văn phòng	15%	CLO3	Thế hiện tư duy giải quyết vấn đề sắc bén; kỹ năng trình bày mạch lạc, logic, ngắn từ chuẩn mực văn phòng; cấu trúc bài tiểu luận chuyên nghiệp và thẩm mỹ.	Giải quyết tốt vấn đề đặt ra trong bài; cấu trúc tiểu luận rõ ràng, diễn đạt trôi chảy; tuân thủ đúng các quy chuẩn về kỹ thuật trình bày văn bản hành chính văn phòng.	Giải quyết vấn đề ở mức đơn giản; kỹ năng trình bày bài tiểu luận còn lỏng lẻo, còn mắc nhiều lỗi chính tả hoặc lỗi định dạng văn bản lặp lại nhiều lần.	Không giải quyết được vấn đề; hình thức trình bày cấu trúc, lộn xộn, vi phạm nghiêm trọng các quy định cơ bản về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.	
TỔNG ĐIỂM								



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản (Advanced word processing skills)**
- Mã học phần: LIT402
- Số tín chỉ: 2
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 2 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thực hành: 30 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Vân
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 097 228 5353
- Email: vannt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến.

- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học các kỹ năng, kỹ thuật trình bày một văn bản theo quy chuẩn của nhà nước; Thực hành soạn thảo và trình bày văn bản chuyên nghiệp trong doanh nghiệp; Biết cách lập các nội dung của từng loại văn bản chuyên nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu các qui định mới của nhà nước về công tác soạn thảo và ban hành văn bản của các cơ quan, doanh nghiệp; Các mẫu văn bản mới ban hành tại các cơ quan, doanh nghiệp.

4. Mục tiêu của học phần

- Giúp sinh viên hiểu biết về văn bản, hệ thống văn bản quản lý nhà nước, các yêu cầu về nội dung, thể thức, quy trình, văn phong trong công tác soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nhà nước;

- Nắm rõ các quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành soạn thảo các loại văn bản hành chính của các cơ quan, doanh nghiệp;

- Rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản để có thể biên tập một số loại văn bản hành chính thông thường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, phục vụ mục tiêu phát triển của cơ quan, đơn vị.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được hệ thống văn bản quản lý nhà nước, các yêu cầu về nội dung, thể thức, quy trình và văn phong trong công tác soạn thảo, ban hành văn bản hành chính.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được các quy định hiện hành để nhận diện, lựa chọn và xây dựng đúng cấu trúc, thể thức của các loại văn bản hành chính thông dụng trong cơ quan, doanh nghiệp.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Thực hiện thành thạo việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện các loại văn bản hành chính; sử dụng hiệu quả các phần mềm văn phòng và công cụ văn phòng điện tử trong xử lý công việc.	Mức 3 (Phối hợp)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng, ý thức bảo mật thông tin và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong công tác hành chính – văn phòng.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết giữa PLOs và CLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X	X				
CLO3			X		X	X		
CLO4						X	X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Khái quát về văn bản quản lý nhà nước
1.1.	Khái niệm về văn bản và văn bản quản lý nhà nước
1.2	Chức năng của văn bản
Chương 2	Hệ thống văn bản quản lý nhà nước
2.1.	Khái niệm về hệ thống và hệ thống văn bản quản lý nhà nước
2.2.	Phân loại văn bản quản lý nhà nước
2.3	Phân loại bản sao văn bản
2.4.	Hiệu lực của văn bản
Chương 3	Những yêu cầu về nội dung văn bản - Thể thức văn bản – Văn phong và ngôn ngữ văn bản
3.1.	Những yêu cầu về nội dung của văn bản
3.2.	Những yêu cầu về thể thức của văn bản
3.3.	Văn phong và ngôn ngữ văn bản
Chương 4	Soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường
4.1	Trình tự soạn thảo và ban hành văn bản
4.2	Soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Sinh viên làm bài trắc nghiệm
	Thực hành soạn thảo các loại văn bản hành chính đúng thể thức và nội dung yêu cầu.
6.2.2.	Bài tập nhóm

	Nội dung
	Những lỗi thường gặp về thể thức văn bản và cách khắc phục

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ giảng	Thực hành	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát về văn bản quản lý nhà nước	4	0	0	5	9
2	Hệ thống văn bản quản lý nhà nước	4	0	0	10	14
3	Những yêu cầu về nội dung văn bản - Thể thức văn bản – Văn phong và ngôn ngữ văn bản	4	10	0	10	24
4	Soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường	3	20	0	30	53
Tổng		15	30	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Các loại văn bản hành chính nhà nước?
2. Thể thức trình bày văn bản hành chính?
3. Quy tắc viết hoa trong văn bản hành chính?
4. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính?
5. Một số lưu ý trong việc soạn thảo văn bản hành chính?
6. Quy trình soạn thảo văn bản là gì? Tại sao khi soạn thảo và ban hành văn bản phải tuân theo quy trình?
7. Trình bày một số quy tắc ngữ pháp sử dụng trong soạn thảo văn bản.
8. Nhận biết các lỗi phổ biến về văn phong tiếng Việt trong văn bản và cách khắc phục.
9. Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản có gì khác so với ngôn ngữ sử dụng hàng ngày? Nêu các phong cách ngôn ngữ cơ bản trong tiếng Việt.
10. Tại sao phải phân loại văn bản quản lý nhà nước trong hoạt động hành chính?
11. Tác động của chuyển đổi số đến quy trình soạn thảo và quản lý văn bản nhà nước?
Những kỹ năng cần thiết cho người soạn thảo văn bản trong bối cảnh mới?

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát về văn bản quản lý nhà nước	X	X		
Chương 2. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước		X	X	X
Chương 3. Những yêu cầu về nội dung văn bản - Thể thức văn bản – Văn phong và ngôn ngữ văn bản		X	X	X
Chương 4 Soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	- Chuyên cần (10%) - Kiểm tra (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	- Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra: trọng số 30% (Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn)

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2; CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá tiểu luận	CLO1: Mức độ hiểu về hệ thống văn bản, thể thức và quy trình ban hành văn bản CLO2: Mức độ vận dụng các quy định hiện hành để xây	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						dụng văn bản đúng chuẩn. CLO3: Mức độ thực hiện và hoàn thiện các loại văn bản hành chính, ứng dụng công nghệ văn phòng trong xử lý công việc.	
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 5 – Tuần 7	Rubric đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm	CLO2: Mức độ vận dụng kiến thức, nội dung báo cáo và xử lý tình huống nghiệp vụ. CLO3: Kỹ năng soạn thảo văn bản, phối hợp nhóm, thuyết trình và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Chăm chỉ, năng nổ, chủ động trong công việc; ý thức bảo mật thông tin; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp hành chính – văn phòng.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
Phần mở đầu & Hình thức	Nền tảng chung	- Lý do chọn loại văn bản hành chính nghiên cứu, mục tiêu, phạm vi khảo sát thực tế.	1.0 đ

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
		- Quy chuẩn trình bày tiểu luận (font, lề, bố cục, cách xếp danh mục tài liệu tham khảo).	
Chương 1: Khung pháp lý và Lý luận về công tác soạn thảo văn bản QLNN	CLO 1	- Trình bày được các tri thức nền tảng về hệ thống văn bản quản lý nhà nước hiện hành (ví dụ: bám sát Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư...).	2.0 đ
		- Hệ thống hóa các yêu cầu bắt buộc về: nội dung, thể thức, quy trình và đặc trưng văn phong hành chính công vụ.	
Chương 2: Phân tích cấu trúc và đặc điểm khuôn mẫu của văn bản hành chính thực tế	CLO 2	- Khảo sát và bóc tách cấu trúc thực tế của một (hoặc một nhóm) văn bản hành chính thông thường cụ thể (như Quyết định, Công văn, Tờ trình, Biên bản...) tại một cơ quan/doanh nghiệp.	3.5 đ
		- Đối chiếu, phân tích để xác định các đặc điểm về thể thức, nội dung văn bản	
Chương 3: Đánh giá thực trạng và Đề xuất giải pháp hoàn thiện văn bản	CLO 2	- Đánh giá tổng quan về ưu điểm và những lỗi sai, hạn chế thường gặp của loại văn bản hành chính đã khảo sát tại cơ quan (sai thể thức, văn phong chưa chuẩn, quy trình ban hành...).	3.5 đ
		- Vận dụng kiến thức để đề xuất giải pháp, hoàn thiện biểu mẫu hoặc trực tiếp sửa đổi lỗi sai để văn bản đảm bảo tính khuôn mẫu chuẩn hóa.	
			10.0 đ

b. Rubric đánh giá bài tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích hệ thống văn bản quản lý	15%	CLO1	Phân tích xuất sắc, chính xác và có hệ thống về hệ thống	Phân tích đúng và rõ ràng về hệ thống văn bản quản lý	Trình bày được hệ thống văn bản và quy trình ban	Hiểu sai lệch hoặc hoàn toàn không phân tích được

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	nhà nước và quy trình ban hành			văn bản quản lý nhà nước cùng quy trình ban hành văn bản hành chính; lập luận khoa học, mạch lạc.	nhà nước và quy trình ban hành văn bản; nội dung lý giải tương đối rõ ràng nhưng chưa thật sự đào sâu bối cảnh.	hành ở mức cơ bản nhưng nội dung còn sơ sài, mang tính liệt kê và thiếu tính phân tích hệ thống.	hệ thống văn bản quản lý nhà nước cũng như quy trình ban hành văn bản hành chính.
2	Phân tích các yêu cầu về nội dung, thể thức và văn phong hành chính	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện các yêu cầu cốt lõi về nội dung, thể thức và đặc trưng văn phong trong công tác soạn thảo văn bản hành chính, dẫn chứng sắc bén.	Phân tích đúng và khá đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thể thức và văn phong hành chính; lập luận rõ ràng, có dẫn chứng phù hợp trong bài viết.	Nêu được các yêu cầu về nội dung, thể thức, văn phong nhưng phân tích còn chung chung, gượng ép, chưa làm rõ được đặc thù của văn phong hành chính.	Không nắm được hoặc phân tích sai lệch các yêu cầu cơ bản về nội dung, thể thức và văn phong trong công tác soạn thảo văn bản hành chính.
3	Vận dụng quy định hiện hành để nhận diện và lựa chọn văn bản	20%	CLO2	Vận dụng nhuần nhuyễn các quy định pháp lý hiện hành để nhận diện tình huống và lựa chọn chính xác loại văn bản hành chính thông dụng phù hợp nhất với thực tế cơ	Vận dụng đúng các quy định hiện hành để nhận diện và lựa chọn đúng loại văn bản hành chính thông dụng, đáp ứng được yêu cầu xử lý công việc.	Nhận diện và lựa chọn được loại văn bản hành chính nhưng còn lúng túng, chưa bám sát hoặc chưa lý giải chặt chẽ dựa trên các quy định hiện hành.	Nhận diện sai tình huống dẫn đến lựa chọn sai loại văn bản hành chính, hoặc hoàn toàn không biết áp dụng các quy định hiện hành.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				quan, doanh nghiệp.			
4	Vận dụng quy định hiện hành để xây dựng cấu trúc và thể thức văn bản	25%	CLO2	Vận dụng xuất sắc quy định hiện hành để xây dựng cấu trúc và thể thức văn bản chính xác tuyệt đối; bố cục bài làm/văn bản mẫu cân đối, chuyên nghiệp.	Xây dựng đúng cấu trúc và thể thức của các loại văn bản hành chính thông dụng theo quy định hiện hành; lỗi hình thức không đáng kể.	Xây dựng được cấu trúc văn bản nhưng thể thức còn nhiều sai sót, chưa tuân thủ đầy đủ hoặc chưa cập nhật các quy định hiện hành.	Xây dựng cấu trúc lộn xộn, sai thể thức nghiêm trọng hoặc hoàn toàn không hiểu quy định về cấu trúc, thể thức văn bản hành chính.
5	Thực hiện soạn thảo, biên tập văn bản và sử dụng các công cụ văn phòng điện tử	25%	CLO3	Thực hiện thành thạo, hoàn hảo việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện văn bản hành chính; chứng minh được việc sử dụng tối ưu, hiệu quả các phần mềm và công cụ văn phòng điện tử.	Thực hiện tốt việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện các loại văn bản hành chính; sử dụng đúng quy trình các phần mềm văn phòng và công cụ văn phòng điện tử trong xử lý công việc.	Soạn thảo và biên tập được văn bản nhưng còn mắc nhiều lỗi điển đạt, hoàn thiện văn bản chưa tốt; việc ứng dụng phần mềm và công cụ văn phòng điện tử còn hạn chế.	Không thực hiện được việc soạn thảo, biên tập văn bản; không biết sử dụng các phần mềm, công cụ văn phòng điện tử hoặc vi phạm nghiêm trọng tính trung thực học thuật.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (Thang điểm 10):

• **Mức Xuất sắc (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác hệ thống kiến thức về quản lý nhà nước, quy trình ban hành văn bản, và các tiêu chuẩn thể thức theo pháp luật hiện hành (Nghị định 30/2020/NĐ-CP). Có khả năng định biên, phân loại chính xác và xây dựng hoàn chỉnh các loại văn bản hành chính phức tạp với ngôn phong chuẩn mực, đơn nghĩa và tư duy lập luận sắc bén. Thao tác cực kỳ thành thạo các tính năng nâng cao của phần mềm Office và ứng dụng văn phòng số để tối ưu hóa quy trình luân chuyển dữ liệu. Bài làm thực hành/bài tập nhóm thể hiện kỹ năng tự động hóa văn bản

xuất sắc, tính cẩn trọng tối đa, bảo mật thông tin và tinh thần chủ động, có đạo đức nghề nghiệp vượt trội.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức nền tảng về thể thức, văn phong và quy trình soạn thảo văn bản hành chính thông thường. Có khả năng xử lý và giải quyết tốt các tình huống giả định của đề bài; sử dụng từ ngữ hành sự mạch lạc, cấu trúc văn bản rõ ràng, sai sót thể thức không đáng kể. Áp dụng tương đối tốt các công cụ tin học văn phòng và môi trường văn phòng số để hoàn thành văn bản đúng tiến độ. Bài làm có tư duy tổ chức, phối hợp nhóm hiệu quả và có ý thức trách nhiệm công việc nhưng nội dung giải quyết tình huống đôi chỗ chưa thật sự sâu sắc, toàn diện hoặc thao tác kỹ thuật vẫn còn vài điểm thủ công.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học chỉ nắm được các kiến thức cơ bản về thể thức và văn phong hành chính nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống. Có khả năng nhận diện và biên soạn được các văn bản thông thường ở mức tối thiểu nhưng nội dung còn đơn giản, thiên về sao chép máy móc theo khuôn mẫu có sẵn, giải quyết tình huống thực tế chưa sát. Văn bản còn mắc nhiều lỗi kỹ thuật (sai phong chữ, định lề sai, khoảng cách không đều). Kỹ năng ứng dụng công nghệ văn phòng, xử lý dữ liệu số và làm việc nhóm còn lúng túng, thụ động; lập luận trong văn bản chưa chặt chẽ và thiếu tính cẩn trọng đặc thù của công tác văn thư.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều quy định bắt buộc về thể thức pháp lý và ngôn ngữ hành sự. Không hoặc rất hạn chế khả năng biên soạn một văn bản hành chính hoàn chỉnh; nội dung văn bản loang lổ, thiếu cấu trúc, lập luận yếu và không giải quyết được tình huống đặt ra. Kỹ năng tin học văn phòng quá kém, không ứng dụng được văn phòng điện tử vào công việc. Thiếu hẳn tinh thần chủ động, tương tác nhóm rời rạc, không có ý thức kỷ luật, trách nhiệm và vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp hành chính văn phòng.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện:

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2022.

- Chính phủ, Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư, có hiệu lực từ 05/03/2020.

- Đoàn Thị Tố Uyên, *Giáo trình kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng*, Nxb Tư pháp, 2007.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Học viện Hành chính Quốc gia - Khoa Văn bản và Công nghệ hành chính, *Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản*, nhà xuất bản Giáo dục, 2006.

- Vương Đình Quyền, *Lý luận và phương pháp công tác văn thư*, nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006.

- Lưu Kiếm Thanh, *Hướng dẫn soạn thảo văn bản quản lý hành chính nhà nước*, nhà xuất bản Thống kê, 2006.

- Vương Thị Kim Thanh, *Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản*, nhà xuất bản Thống kê, 2006.

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Kỹ thuật xây dựng văn bản*, nhà xuất bản Công an nhân dân, 2004.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoi ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn Thị Vân

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
------------------	-------------------	-------------------	----------------------

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần: **Nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích hệ thống văn bản quản lý nhà nước và quy trình ban hành	15%	CLO1	Phân tích xuất sắc, chính xác và có hệ thống về hệ thống văn bản quản lý nhà nước cùng quy trình ban hành văn bản hành chính; lập luận khoa học, mạch lạc.	Phân tích đúng và rõ ràng về hệ thống văn bản quản lý nhà nước và quy trình ban hành văn bản; nội dung lý giải tương đối rõ ràng nhưng chưa thật sự sâu sắc, bối cảnh.	Trình bày được hệ thống văn bản và quy trình ban hành ở mức cơ bản nhưng nội dung còn sơ sài, mang tính liệt kê và thiếu tính phân tích hệ thống.	Hiểu sai lệch hoặc hoàn toàn không phân tích được hệ thống văn bản quản lý nhà nước cũng như quy trình ban hành văn bản hành chính.	
2	Phân tích các yêu cầu về nội dung, thể thức và văn phong hành chính	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện các yêu cầu cốt lõi về nội dung, thể thức và đặc trưng văn phong trong công tác soạn thảo văn bản hành chính; dẫn chứng sắc bén.	Phân tích đúng và khá đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thể thức và văn phong hành chính; lập luận rõ ràng, có dẫn chứng phù hợp trong bài viết.	Nêu được các yêu cầu về nội dung, thể thức, văn phong nhưng phân tích còn chung chung, gượng ép, chưa làm rõ được đặc thù của văn phong hành chính.	Không nắm được hoặc phân tích sai lệch các yêu cầu cơ bản về nội dung, thể thức và văn phong trong công tác soạn thảo văn bản hành chính.	
3	Vận dụng quy định	20%	CLO2	Vận dụng nhuần nhuyễn các quy định	Vận dụng đúng các quy định hiện hành để	Nhận diện và lựa chọn được loại văn bản	Nhận diện sai tình huống dẫn đến lựa	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	hiện hành để nhận diện và lựa chọn văn bản			pháp lý hiện hành để nhận diện tình huống và lựa chọn chính xác loại văn bản hành chính thông dụng phù hợp nhất với thực tế cơ quan, doanh nghiệp.	nhận diện và lựa chọn đúng loại văn bản hành chính thông dụng, đáp ứng được yêu cầu xử lý công việc.	hành chính nhưng còn lúng túng, chưa bám sát hoặc chưa lý giải chặt chẽ dựa trên các quy định hiện hành.	chọn sai loại văn bản hành chính, hoặc hoàn toàn không biết áp dụng các quy định hiện hành.	
4	Vấn dụng quy định để xây dựng cấu trúc và thể thức văn bản	25%	CLO2	Vấn dụng xuất sắc quy định hiện hành để xây dựng cấu trúc và thể thức văn bản chính xác tuyệt đối; bố cục bài làm/văn bản mẫu cân đối, chuyên nghiệp.	Xây dựng đúng cấu trúc và thể thức của các loại văn bản hành chính thông dụng theo quy định hiện hành; lỗi hình thức không đáng kể.	Xây dựng được cấu trúc văn bản nhưng thể thức còn nhiều sai sót, chưa tuân thủ đầy đủ hoặc chưa cập nhật các quy định hiện hành.	Xây dựng cấu trúc lộn xộn, sai thể thức nghiêm trọng hoặc hoàn toàn không hiểu quy định về cấu trúc, thể thức văn bản hành chính.	
5	Thực hiện soạn thảo, biên tập văn bản và sử dụng các công cụ văn phòng điện tử	25%	CLO3	Thực hiện thành thạo, hoàn hảo việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện văn bản hành chính; chứng minh được việc sử dụng tối ưu, hiệu quả các phần mềm và công cụ văn phòng điện tử.	Thực hiện tốt việc soạn thảo, biên tập và hoàn thiện các loại văn bản hành chính; sử dụng đúng quy trình các phần mềm văn phòng và công cụ văn phòng điện tử trong xử lý công việc	Soạn thảo và biên tập được văn bản nhưng còn mắc nhiều lỗi diễn đạt, hoàn thiện văn bản chưa tốt; việc ứng dụng phần mềm và công cụ văn phòng điện tử còn hạn chế.	Không thực hiện được việc soạn thảo, biên tập văn bản; không biết sử dụng các phần mềm, công cụ văn phòng điện tử hoặc vi phạm nghiêm trọng tính trung thực học thuật.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
------------------	-------------------	-------------------	----------------------

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin học phần**

- Tên học phần: Văn phòng điện tử (Electronic Office (E-Office))
- Mã học phần: LIT444
 - Số tín chỉ: 2
 - Cấp đào tạo: Đại học
 - Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
 - Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
 - Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
 - Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:

- Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
- Giờ kiểm tra: 0 Giờ
- Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Nguyễn A Say
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Trung tâm Thông tin và Truyền thông, Trường ĐH Văn Hiến
- Điện thoại: 0789593962
- Email: SayNA@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường ĐH Văn Hiến
- Điện thoại: 0934976916
- Email: huongpt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 03 chương, cung cấp cho sinh viên cách thức vận dụng các tiện ích của mạng máy tính nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc. Nội dung trọng tâm bao gồm thống nhất và tin học hóa các quy trình hoạt động tác nghiệp; các hình thức tiếp nhận, lưu trữ, trao đổi, tìm kiếm và xử lý thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong môi trường làm việc hiện đại, hỗ trợ công tác điều hành của lãnh đạo và hoạt động chuyên môn của cán bộ, chuyên viên.

4. Mục tiêu của học phần

- Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản về công tác văn thư và lưu trữ trong môi trường số.
- Cung cấp các khái niệm và giải pháp về văn phòng điện tử, hạ tầng kỹ thuật và quy trình triển khai mô hình E-office.
- Giúp sinh viên nắm vững quy trình số hóa tài liệu, các giải pháp quản lý văn bản, quản lý quy trình công việc, email và tin nhắn nội bộ trong hệ thống Chính phủ điện tử.
- Hình thành năng lực vận dụng các phần mềm văn phòng điện tử hiện nay để tối ưu hóa hiệu suất làm việc và đảm bảo an toàn thông tin.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Vận dụng được các nguyên tắc và quy định pháp luật hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ để xử lý các nghiệp vụ hành chính cơ bản trong cơ quan, doanh nghiệp	Mức 3 (Vận dụng)
2	CLO2	Phân tích được quy trình hoạt động và hiệu quả ứng dụng của hệ thống văn phòng điện tử trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Phối hợp linh hoạt các kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo, ban hành, lưu trữ văn bản) và công nghệ văn phòng để điều phối, kiểm soát hiệu quả quy trình tác nghiệp trong môi trường thực tế	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, cam kết tuân thủ trách nhiệm công việc và đạo đức nghề nghiệp; chủ động tổ chức, điều chỉnh quá trình tự học và phát triển bản thân	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X	X				
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Tổng quan về công tác văn thư
1.1.	Một số khái niệm cơ bản về văn bản
1.2.	Thể thức trình bày văn bản
1.3.	Sơ đồ bố trí trình bày văn bản
1.4.	Văn phong và ngôn ngữ văn bản
1.5.	Công tác văn thư
1.6.	Công tác văn thư lưu trữ
Chương 2	Tổng quan về văn phòng điện tử
2.1.	Một số khái niệm văn phòng điện tử
2.2.	Chính phủ điện tử
2.3.	Số hóa tài liệu
2.4.	Giải pháp triển khai văn phòng điện tử
Chương 3	Các giải pháp của văn phòng điện tử
3.1.	Quản lý văn bản, công văn
3.2.	Quản lý công việc, quy trình
3.3.	Cổng thông tin điện tử
3.4.	Quản lý tài liệu
3.5.	Truyền thông nội bộ

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học hiểu và nắm rõ khác biệt giữa mô hình văn phòng truyền thống so với văn phòng điện tử
6.2.2.	Bài tập nhóm

	Nội dung
	- Người học làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tín chỉ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về công tác văn thư	5	0	0	10	15
2	Tổng quan về văn phòng điện tử	5	0	0	20	25
3	Các giải pháp của văn phòng điện tử	5	5	0	20	30
4	Thực hành	0	10	0	20	30
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Văn phòng điện tử và các vấn đề cần giải quyết để xây dựng văn phòng điện tử.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng văn phòng điện tử.
3. Lập kế hoạch tổ chức và triển khai văn phòng điện tử cho Doanh nghiệp.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về công tác văn thư	X	X		
Chương 2. Tổng quan về văn phòng điện tử		X	X	X
Chương 3. Các giải pháp của văn phòng điện tử		X	X	X
Chương 4. Thực hành		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia làm tiểu luận thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5- 10)	
			thường xuyên.	cực.	đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra: trọng số 30% (Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn)

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi của nhà trường	Rubric đánh giá bài tiểu luận	CLO1: Hiểu công tác văn thư, lưu trữ và văn phòng điện tử. CLO2: Phân tích, vận dụng quy trình và giải pháp E-office. CLO3: Thực hiện nghịệp vụ số hóa tài liệu, quản lý văn bản và công cụ văn phòng điện tử.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung báo cáo, phân tích giải pháp E-office. CLO3: Kỹ năng thực hành nghịệp vụ văn phòng điện tử và xử lý tình huống.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm, bảo mật thông tin, hợp tác nhóm và chủ động cập nhật công nghệ mới.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLOs

a. Ma trận đặc trưng bài tiểu luận

STT	Nội dung trọng tâm của tiểu luận	Chuẩn đầu ra	Yêu cầu cần đạt	Điểm thành phần (Thang 10)
1	Phần 1: Cơ sở lý luận	CLO1	- Hệ thống hóa được các khái niệm, nguyên tắc và vai trò của công tác văn thư - Trình bày rõ các kiến thức cốt lõi về quy trình văn thư lưu trữ tài liệu trong tổ chức/doanh nghiệp.	1.0 đ
2	Phần 2: Phân tích thực trạng / mô hình	CLO2	- Nhận diện và bóc tách được các hoạt động cấu thành của văn phòng điện tử. - Phân tích và giải thích được cơ chế tối ưu hóa hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp thông qua hệ thống văn phòng điện tử.	2.0 đ
3	Phần 3: Giải quyết vấn đề / tình huống	CLO3	- Thiết lập và kiểm soát được quy trình soạn thảo, ban hành văn bản hành chính đúng thể thức. - Kiểm soát, giám sát quy trình tác nghiệp và lưu trữ văn bản của nhân viên bảo đảm tính chuyên nghiệp, thành thạo và bảo mật.	3.5 đ
4	Phần 4: Hình thức trình bày	CLO1, CLO2, CLO3	- Bố cục tiểu luận logic, mạch lạc; văn phong hành chính/học thuật chuẩn mực. - Trích dẫn tài liệu tham khảo đúng quy định, không đạo văn.	3.5 đ
Tổng				10.0 đ

b. Rubric đánh giá bài tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Vận dụng các nguyên tắc và quy định pháp luật	15%	CLO1	Vận dụng xuất sắc, linh hoạt và trích dẫn chuẩn xác các quy định	Vận dụng đúng và khá đầy đủ các nguyên tắc, pháp luật hiện	Có vận dụng quy định pháp luật nhưng còn gượng ép; xử lý nghiệp vụ	Không vận dụng được hoặc áp dụng sai lệch hoàn toàn

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	về công tác văn thư			pháp luật hiện hành để xử lý tối ưu các nghiệp vụ hành chính về văn thư trong cơ quan, doanh nghiệp.	hành để giải quyết hợp lý các nghiệp vụ hành chính về văn thư.	văn thư cơ bản nhưng chưa bám sát hoàn toàn vào nguyên tắc hiện hành.	các nguyên tắc, quy định pháp luật về công tác văn thư.
2	Vận dụng các nguyên tắc và quy định pháp luật về công tác lưu trữ	15%	CLO1	Vận dụng một cách khoa học, chuyên sâu các nguyên tắc và luật lưu trữ hiện hành; quy trình xử lý nghiệp vụ lưu trữ bảo đảm tính hệ thống và an toàn thông tin tuyệt đối.	Vận dụng đúng các nguyên tắc cơ bản và quy định pháp luật để thực hiện nghiệp vụ lưu trữ tài liệu một cách rõ ràng, đúng chuẩn.	Vận dụng được nguyên tắc lưu trữ nhưng quy trình thực hiện còn lỏng lẻo, chưa tối ưu hóa việc phân loại và bảo quản tài liệu.	Không nắm được nguyên tắc lưu trữ; sắp xếp và xử lý tài liệu lộn xộn, vi phạm quy định về lưu trữ hiện hành.
3	Phân tích quy trình và hiệu quả ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử (E-office)	25%	CLO2	Phân tích sâu sắc, đa chiều quy trình hoạt động của hệ thống văn phòng điện tử; chứng minh thuyết phục hiệu quả ứng dụng của hệ thống văn phòng điện tử.	Phân tích rõ ràng, đúng trọng tâm quy trình hoạt động; đánh giá khá tốt hiệu quả ứng dụng của hệ thống văn phòng điện tử.	Nhận diện được quy trình hoạt động nhưng phân tích còn hời hợt; chưa làm nổi bật được hiệu quả thực sự của văn phòng điện tử đối	Không phân tích được quy trình hoạt động hoặc hiểu sai bản chất, không thấy được vai trò của hệ thống văn

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				thống này trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.	từ trong quản trị điều hành.	với quản trị điều hành.	phòng điện tử.
4	Phối hợp kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo, ban hành, lưu trữ) và công nghệ văn phòng	25%	CLO3	Phối hợp cực kỳ linh hoạt, thuần thục các kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo đúng chuẩn thể thức, ban hành, lưu trữ) kết hợp xuất sắc với công nghệ văn phòng hiện đại.	Phối hợp tốt các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản; văn bản soạn thảo và ban hành đúng thể thức; ứng dụng công nghệ văn phòng hợp lý, hiệu quả.	Có sự phối hợp kỹ năng và công nghệ nhưng còn lúng túng; văn bản soạn thảo/ban hành còn mắc lỗi thể thức; sử dụng công nghệ chưa thật sự tối ưu.	Không thể phối hợp các kỹ năng; sai sót nghiêm trọng trong soạn thảo/ban hành văn bản; không biết ứng dụng công nghệ văn phòng.
5	Điều phối, kiểm soát quy trình tác nghiệp và hình thức trình bày tiểu luận	20%	CLO3	Điều phối và kiểm soát quy trình tác nghiệp trong môi trường thực tế cực kỳ nhạy bén, hiệu quả; cấu trúc tiểu luận logic, lập luận chặt chẽ, văn	Đưa ra được cách thức điều phối, kiểm soát quy trình tác nghiệp hợp lý; tiểu luận trình bày rõ ràng, đúng quy chuẩn	Cách thức điều phối, kiểm soát tác nghiệp còn rời rạc, tính khả thi chưa cao; tiểu luận mắc nhiều lỗi format, diễn đạt đôi chỗ thiếu mạch	Không đưa ra được giải pháp kiểm soát quy trình tác nghiệp; tiểu luận trình bày cấu trúc, vô tổ chức

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				phong chuẩn mực học thuật.	hình thức văn bản, ít lỗi diễn đạt.	lạc.	hoặc vi phạm liên chính học thuật.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (Thang điểm 10):

▣ **Mức Xuất sắc (8.5 - 10 điểm):** Làm chủ toàn diện nền tảng lý thuyết và hạ tầng kỹ thuật của Văn phòng điện tử. Đề xuất các giải pháp số hóa xuất sắc, kiến tạo các luồng tác nghiệp đột phá giúp tối ưu hóa triệt để hiệu suất cơ quan. Báo cáo được tổ chức khoa học, trực quan hóa dữ liệu công nghệ chuyên nghiệp. Đặc biệt, sinh viên bộc lộ tư duy an toàn thông tin sắc bén, thiết lập các quy trình bảo mật dữ liệu nghiêm ngặt và tuân thủ tuyệt đối liên chính học thuật.

▣ **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Nắm vững nguyên lý vận hành và ứng dụng khá thành thạo nền tảng công nghệ vào việc thiết kế các quy trình luân chuyển văn bản số. Cấu trúc bài làm logic, mạch lạc và có sử dụng sơ đồ mô phỏng luồng công việc hợp lý. Thể hiện ý thức rõ ràng về văn hóa số, nhận diện tốt các rủi ro an ninh mạng cơ bản, có phương án phân quyền truy cập và bảo đảm tính minh bạch trong nghiên cứu.

▣ **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Hiểu được các khái niệm cơ bản về E-office nhưng sự liên kết với hệ thống Chính phủ điện tử còn hạn chế. Đề xuất quy trình số hóa tài liệu còn nặng tính lý thuyết, chưa tận dụng tốt các tiện ích phần mềm để tối ưu hiệu suất. Báo cáo đáp ứng cấu trúc cơ bản nhưng thiếu tính trực quan và lập luận mờ nhạt. Nhận thức về bảo mật thông tin nội bộ và an toàn không gian mạng còn hời hợt.

▣ **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Lỗi hổng kiến thức nghiêm trọng, không phân biệt được phương thức quản lý truyền thống và môi trường số. Không có khả năng vận dụng công cụ công nghệ, đề xuất quy trình luân chuyển luồng công việc phi logic. Bài làm lỏng lẻo, mắc lỗi định dạng nặng. Thiếu hoàn toàn tư duy bảo mật (gây rủi ro rò rỉ dữ liệu) hoặc vi phạm đạo đức học thuật (sao chép tiểu luận).

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện:

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	Nhóm có sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phản biện.	Các thành viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1 Tài liệu chính

- Bộ Nội vụ, *Quy định số 30/2020/QĐ-CP về công tác văn thư*, Hà Nội, 2020.

13.2 Tài liệu tham khảo

- Lưu Kiến Thanh, *Công tác hành chính văn phòng trong các cơ quan nhà nước*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2009.

- Nguyễn Văn Thâm, *Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý nhà nước*, NXB CTQG, Hà Nội, 1999.
- Võ Thành Vi, *Quản lý hành chính văn phòng*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 1998.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Nguyễn A Say

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Văn phòng điện tử**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyển nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vắn vỏi.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN
Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần: **Vấn phòng điện tử**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Vận dụng các nguyên tắc và quy định pháp luật về công tác văn thư	15%	CLO1	Vận dụng xuất sắc, linh hoạt và trích dẫn chuẩn xác các quy định pháp luật hiện hành để xử lý tối ưu các nghiệp vụ hành chính về văn thư trong cơ quan, doanh nghiệp.	Vận dụng đúng và khá đầy đủ các nguyên tắc, pháp luật hiện hành để giải quyết hợp lý các nghiệp vụ hành chính về văn thư.	Có vận dụng quy định pháp luật nhưng còn gượng ép; xử lý nghiệp vụ văn thư cơ bản nhưng chưa bám sát hoàn toàn vào nguyên tắc hiện hành.	Không vận dụng được hoặc áp dụng sai lệch hoàn toàn các nguyên tắc, quy định pháp luật về công tác văn thư.	
2	Vận dụng các nguyên tắc và quy định pháp luật về công tác lưu trữ	15%	CLO1	Vận dụng một cách khoa học, chuyên sâu các nguyên tắc và luật lưu trữ hiện hành; quy trình xử lý nghiệp vụ lưu trữ bảo đảm tính hệ thống và an toàn thông tin tuyệt đối.	Vận dụng đúng các nguyên tắc cơ bản và quy định pháp luật để thực hiện nghiệp vụ lưu trữ tài liệu một cách rõ ràng, đúng chuẩn.	Vận dụng được nguyên tắc lưu trữ nhưng quy trình thực hiện còn lỏng lẻo, chưa tối ưu hóa việc phân loại và bảo quản tài liệu.	Không nắm được nguyên tắc lưu trữ; sắp xếp và xử lý tài liệu lộn xộn, vi phạm quy định về lưu trữ hiện hành.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
3	Phân tích quy trình và hiệu quả ứng dụng hệ thống văn phòng điện tử (E-office)	25%	CLO2	Phân tích sâu sắc, đa chiều quy trình hoạt động của hệ thống văn phòng điện tử; chứng minh thuyết phục hiệu quả ứng dụng của hệ thống này trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.	Phân tích rõ ràng, đúng trọng tâm quy trình hoạt động; đánh giá khá tốt hiệu quả ứng dụng của hệ thống văn phòng điện tử trong quản trị điều hành.	Nhận diện được quy trình hoạt động nhưng phân tích còn hơi hời hợt; chưa làm nổi bật được hiệu quả thực sự của văn phòng điện tử đối với quản trị điều hành.	Không phân tích được quy trình hoạt động hoặc hiểu sai bản chất, không thấy được vai trò của hệ thống văn phòng điện tử.	
4	Phối hợp kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo, ban hành, lưu trữ) và công nghệ văn phòng	25%	CLO3	Phối hợp cực kỳ linh hoạt, thuần thục các kỹ năng nghiệp vụ (soạn thảo, đúng chuẩn thể thức, ban hành, lưu trữ) kết hợp xuất sắc với công nghệ văn phòng hiện đại.	Phối hợp tốt các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản; văn bản soạn thảo và ban hành đúng thể thức; ứng dụng công nghệ văn phòng hợp lý, hiệu quả.	Có sự phối hợp kỹ năng và công nghệ nhưng còn lúng túng; văn bản soạn thảo/ban hành còn mắc lỗi thể thức; sử dụng công nghệ chưa thật sự tối ưu.	Không thể phối hợp các kỹ năng; sai sót nghiêm trọng trong soạn thảo/ban hành văn bản; không biết ứng dụng công nghệ văn phòng.	
5	Điều phối, kiểm soát quy trình nghiệp vụ và hình thức trình bày tiểu luận	20%	CLO3	Điều phối và kiểm soát quy trình tác nghiệp trong môi trường thực tế cực kỳ nhạy bén, hiệu quả; cấu trúc tiểu luận logic, lập luận chặt chẽ, văn phong chuẩn	Đưa ra được cách thức điều phối, kiểm soát quy trình tác nghiệp hợp lý; tiểu luận trình bày rõ ràng, đúng quy chuẩn hình thức văn bản, ít lỗi diễn đạt.	Cách thức điều phối, kiểm soát tác nghiệp còn rời rạc, tính khả thi chưa cao; tiểu luận mắc nhiều lỗi format, diễn đạt đôi chỗ thiếu mạch lạc.	Không đưa ra được giải pháp kiểm soát quy trình tác nghiệp; tiểu luận trình bày cầu thả, vô tổ chức hoặc vi phạm nghiêm chỉnh học thuật.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
				Xuất sắc (8.5 – 10) mức học thuật.				
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông (Methods of teaching literature & Linguistics at high schools)**
- Mã học phần: LIT403
- Số tín chỉ: 2
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Tự chọn
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0984155809
- Email: loitt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Dương Khắc Minh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8.00 -16:00)

- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918365444
- Email: Minhldk@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. Bên cạnh đó, học phần sẽ cung cấp cho sinh viên một số phương pháp dạy học Ngữ văn, các biện pháp dạy đọc văn bản và tạo lập văn bản ở trường phổ thông. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho sinh viên thực hiện một số hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong nhà trường phổ thông.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn và chương trình Ngữ văn mới.
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn bản, phân loại văn bản và đặc điểm của hoạt động đọc văn bản ở trường phổ thông.
- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông và một số biện pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông và hướng dẫn sinh viên cách đánh giá năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản cho học sinh.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về môn Ngữ văn, chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành; giải thích được vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.	Mức 3 (Vận dụng)
2	CLO2	Phân tích được những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; đánh giá được hiệu quả của một số phương pháp dạy học trong những tình huống cụ thể.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được các phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn để thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động đọc hiểu và tạo lập văn bản;	Mức 4 (Phối hợp)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		đồng thời sử dụng hiệu quả các kỹ năng giao tiếp sư phạm, trình bày và giải quyết các tình huống trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.	
4	CLO4	Thể hiện tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nhà giáo và tích cực tham gia các hoạt động học tập, làm việc nhóm.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Một số vấn đề chung về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông
1.1.	Đặc điểm môn Ngữ văn ở trường phổ thông
1.2.	Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể môn Ngữ văn trung học cơ sở, trung học phổ thông
1.3.	Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của môn Ngữ văn trong Chương trình giáo dục phổ thông mới
Chương 2	Một số vấn đề về phương pháp dạy học đọc văn bản ở trường phổ thông
2.1.	Văn bản và các loại văn bản
2.2.	Đặc điểm của hoạt động đọc văn bản
2.3.	Một số phương pháp, biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông
2.4.	Kế hoạch bài dạy

Chương	Nội dung
Chương 3	Một số vấn đề về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông
3.1.	Những nguyên tắc và yêu cầu về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông
3.2.	Một số phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông
Chương 4	Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá trong dạy học ngữ văn
4.1.	Khái quát về kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn ở trường phổ thông
4.2.	Cách thức đánh giá
4.3.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Ngữ văn

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân Người học sẽ thực hiện các bài tập về đọc diễn cảm, viết bảng...tại lớp
6.2.2.	Bài tập nhóm Người học thực hiện bài tập nhóm, chuẩn bị nội dung thuyết trình về phương pháp giảng dạy tích cực, biện pháp dạy học...

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Giờ giảng	Thực hành	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Một số vấn đề chung về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	3	0	0	0	10	13
2	Một số vấn đề về phương pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông	3	5	5	0	15	28
3	Một số vấn đề về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông	5	5	5	0	15	30
4	Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá trong dạy học ngữ văn	4	5	5	0	15	29
Tổng		15	15	15	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Một số biện pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông?
2. Đặc điểm hoạt động đọc văn bản?
3. Phương pháp giảng dạy tích cực? Kể tên 5 phương pháp?
4. Một số biện pháp để khơi gợi kiến thức nền cho học sinh trong giờ đọc hiểu văn bản?
5. Dạy học lấy người học làm trung tâm?
6. Biện pháp hướng dẫn học sinh tưởng tượng, suy đoán?
7. Bài tập nhật ký đọc sách?
8. Xây dựng đề thi?

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Một số vấn đề chung về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	x	x		
Chương 2. Một số vấn đề về phương pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông		x	x	x
Chương 3. Một số vấn đề về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông		x	x	x
Chương 4. Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá trong dạy học ngữ văn		x	x	x

8. Phương pháp dạy – học

- Thuyết trình
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Giao bài đọc về nhà
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	
Tự học, tự nghiên cứu		X	X	X
Thảo luận nhóm			X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Kết thúc học phần: Tiểu luận

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần. trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức và kỹ năng	Theo lịch thi	Rubric tiểu luận	CLO1 hiểu CT Ngữ văn; CLO2 phân tích PPDH; CLO3 vận dụng thiết kế hoạt động dạy học	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, thực hành thiết kế bài dạy	Đánh giá phương pháp, kế hoạch bài dạy, xử lý tình huống sư phạm	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần	Trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo, tự học	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Một số vấn đề chung về môn Ngữ văn và việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông	CLO1	0	0	0	0
Chương 2	Một số vấn đề về phương pháp dạy đọc văn bản ở trường phổ thông	CLO2, CLO3	1.0	2.0	1.0	4.0
Chương 3	Một số vấn đề về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông	CLO2, CLO3	0.5	2.0	1.0	3,5
Chương 4	Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá trong dạy	CLO2, CLO3	1,0	1,0	0,5	2,5

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
	học ngữ văn					
TỔNG			2.5đ	5.0đ	2.5đ	10.0đ

b. Rubrics đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Xác định kiến thức cơ bản và chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành	15%	CLO1	Xác định một cách xuất sắc, chính xác, toàn diện kiến thức cơ bản và hệ thống hóa khoa học chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành (Chương trình 2018).	Xác định đúng và khá đầy đủ kiến thức cơ bản cũng như nắm vững cấu trúc chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành.	Xác định được một số kiến thức cơ bản và chương trình phổ thông nhưng nội dung trình bày còn rời rạc, thiếu tính hệ thống.	Không xác định được hoặc hiểu sai lệch nghiêm trọng kiến thức cơ bản và chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành.
2	Giải thích vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn	15%	CLO1	Giải thích sâu sắc, thuyết phục và có góc nhìn mở rộng về vị trí, vai trò, yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông; lập luận chặt chẽ.	Giải thích rõ ràng, đúng trọng tâm về vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.	Có giải thích về vị trí, vai trò và yêu cầu dạy học Ngữ văn nhưng lý lẽ còn chung chung, sơ sài, thiên về hô khẩu hiệu thay vì phân tích bản chất.	Giải thích sai lệch hoặc hoàn toàn không giải thích được vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn.
3	Phân tích phương pháp và	20%	CLO2	Phân tích sắc bén, toàn diện và sâu sắc	Phân tích đúng hướng, khá đầy đủ	Phân tích còn đơn giản, chủ yếu dừng ở	Không phân tích được hoặc hiểu sai

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	biện pháp dạy học Ngữ văn			những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; dẫn chứng lý luận vững chắc.	những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn; diễn đạt mạch lạc, rõ ràng.	mức liệt kê các phương pháp, biện pháp dạy học mà chưa làm rõ được bản chất hay cách thức tiến hành.	lệch bản chất của các phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn.
4	Đánh giá hiệu quả của phương pháp dạy học trong tình huống cụ thể	20%	CLO2	Đánh giá một cách xuất sắc, khách quan và khoa học hiệu quả của các phương pháp dạy học được chọn trong những tình huống cụ thể; tư duy phản biện tốt.	Đánh giá hợp lý, đúng hướng và khá thuyết phục hiệu quả của một số phương pháp dạy học trong những tình huống cụ thể của bài luận.	Có đánh giá hiệu quả phương pháp nhưng lập luận còn gượng ép, nhận định còn cảm tính và chưa gắn chặt với các tình huống cụ thể.	Đánh giá sai lệch hoặc hoàn toàn không biết cách đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học trong các tình huống thực tiễn.
5	Vận dụng thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động và kỹ năng trình bày	30%	CLO3	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương pháp để thiết kế xuất sắc kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động đọc hiểu/tao lập văn bản; giải quyết tình huống sắc bén; trình bày tiểu luận	Vận dụng đúng phương pháp để thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động hợp lý; giải quyết tình huống khả thi; tiểu luận trình bày rõ ràng, trích	Vận dụng phương pháp còn lúng túng khi thiết kế kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động đọc hiểu/tao lập văn bản chưa tối ưu; tiểu luận còn mắc nhiều lỗi trình	Không biết vận dụng thiết kế kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động sai quy trình phương pháp; không giải quyết được tình huống hoặc tiểu luận vi phạm

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				logic, chuẩn học thuật.	dẫn đúng quy chuẩn.	bày, diễn đạt.	nghiêm trọng quy chuẩn trình bày.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Xuất sắc (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các phương pháp. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt với tiến trình văn học dân tộc.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông và các vấn đề trọng tâm của học phần. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý các phương pháp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phân biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Có khả năng trình bày và nhận diện các phương pháp nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu, không có hoặc sử dụng không phù hợp dẫn chứng văn học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	còn hạn chế chiều sâu.	phân tích.	
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian quá	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Trần Thị Lợi, *Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông*, Tập bài giảng (luu hành nội bộ), Trường Đại học Văn Hiến.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hồng Nam, Dương Thị Hồng Hiếu, *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, NXB. ĐH Cần Thơ, 2016.

- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Phương pháp dạy đọc hiểu văn học*, NXB. Giáo dục Việt Nam, 2020.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Thị Lợi

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHÂN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phân biện	3.0	Phân biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phân biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	1.0	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
GIẢNG VIÊN CHÁM (Ký và ghi rõ họ tên)			

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua các CLO

Học phần: **Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Xác định kiến thức cơ bản và chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành	15%	CLO1	Xác định một cách xuất sắc, chính xác, toàn diện kiến thức cơ bản và hệ thống hóa khoa học chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành (Chương trình 2018).	Xác định đúng và khá đầy đủ kiến thức cơ bản cũng như nắm vững cấu trúc chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành.	Xác định được một số kiến thức cơ bản và chương trình nội dung trình bày còn rời rạc, thiếu tính hệ thống.	Không xác định được hoặc hiểu sai lệch nghiêm trọng kiến thức cơ bản và chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành.	
2	Giải thích vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn	15%	CLO1	Giải thích sâu sắc, thuyết phục và có góc nhìn mở rộng về vị trí, vai trò, yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông; lập luận chặt chẽ.	Giải thích rõ ràng, đúng trọng tâm về vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông.	Có giải thích về vị trí, vai trò và yêu cầu dạy học Ngữ văn nhưng lý lẽ còn chung chung, sơ sài, thiên về hô khẩu hiệu thay vì phân tích bản chất.	Giải thích sai lệch hoặc hoàn toàn không giải thích được vị trí, vai trò và yêu cầu của việc dạy học Ngữ văn.	
3	Phân tích phương pháp và biện pháp dạy học	20%	CLO2	Phân tích sắc bén, toàn diện và sâu sắc những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn ở trường	Phân tích đúng hướng, khá đầy đủ những vấn đề cơ bản về phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn; diễn đạt	Phân tích còn đơn giản, chủ yếu dừng ở mức liệt kê các phương pháp, biện pháp dạy học chưa	Không phân tích được hoặc hiểu sai lệch bản chất của các phương pháp và biện pháp dạy học Ngữ văn.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	Ngữ văn			phổ thông; dẫn chứng lý luận vững chắc.	mạch lạc, rõ ràng.	làm rõ được bản chất hay cách thức tiến hành.		
4	Đánh giá hiệu quả của phương pháp dạy học trong tình huống cụ thể	20%	CLO2	Đánh giá một cách xuất sắc, khách quan và khoa học hiệu quả của các phương pháp dạy học được chọn trong những tình huống sư phạm cụ thể; tư duy phản biện tốt.	Đánh giá hợp lý, đúng hướng và khá thuyết phục hiệu quả của một số phương pháp dạy học trong những tình huống cụ thể của bài luận.	Có đánh giá hiệu quả phương pháp nhưng lập luận còn gượng ép, nhận định còn cảm tính và chưa gắn chặt với các tình huống cụ thể.	Đánh giá sai lệch hoặc hoàn toàn không biết cách đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học trong các tình huống thực tiễn.	
5	Vận dụng thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động và kỹ năng trình bày	30%	CLO3	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương pháp để thiết kế xuất sắc kế hoạch bài dạy; tổ chức tốt hoạt động đọc hiểu/tao lập văn bản; giải quyết tình huống sắc bén; trình bày tiêu luận logic, chuẩn học thuật.	Vận dụng đúng phương pháp để thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động hợp lý; giải quyết tình huống khá thú; tiêu luận trình bày rõ ràng, trích dẫn đúng quy chuẩn.	Vận dụng phương pháp còn lúng túng khi thiết kế kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động đọc hiểu/tao lập văn bản chưa tối ưu; tiêu luận còn mắc nhiều lỗi trình bày, diễn đạt.	Không biết vận dụng thiết kế kế hoạch bài dạy; tổ chức hoạt động sai quy trình phương pháp; không giải quyết được tình huống hoặc tiêu luận vi phạm nghiêm trọng quy chuẩn trình bày.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII) (Western countries' Literature I)**
- Mã học phần: LIT315
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 90 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 7 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 3 Giờ
 - Giờ tự học: 60 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: QuocHV@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học cổ đại Hi-La (Thần thoại, Sử thi, Kịch...), văn học châu Âu qua các thời kì: Phục hưng, Cổ điển, Ánh sáng. Qua việc miêu tả, phân tích, lý giải các sự kiện, hiện tượng, thành tựu văn



học gắn liền với các cơ sở văn hóa trong phạm vi khu vực, đất nước ở từng thời kỳ. Người học được giới thiệu, tiếp cận bức tranh sinh hoạt văn học đa dạng, nhiều màu sắc với sự đóng góp của các bản sắc văn học, văn hóa vừa thể hiện tính tương đồng, vừa được phân biệt qua những nét riêng. Học phần giới thiệu các thành tựu văn học phương Tây theo tiến trình văn học, đóng góp về giá trị văn học của các quốc gia lớn như Hi Lạp, La Mã, Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Đức, Mỹ...

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học phương Tây
- Hệ thống hoá các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học phương Tây từ cổ đại Hi-La qua Phục hưng, từ Cổ điển đến Ánh sáng.
- Phát triển kỹ năng đọc, phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức văn học phương Tây ở các giai đoạn này vào việc nghiên cứu các tác phẩm văn học phương Tây cụ thể.
- Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức văn học thế giới vào thuyết trình, nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được tiến trình phát triển, đặc điểm và thành tựu tiêu biểu của văn học phương Tây từ cổ đại Hi-La đến Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng trong mối quan hệ với bối cảnh lịch sử, văn hóa và xã hội.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Lý giải được giá trị nội dung, tư tưởng, nghệ thuật của các tác phẩm, trào lưu và hiện tượng văn học phương Tây tiêu biểu trong tiến trình văn học thế giới.	Mức 4 (Phân tích)
3	CLO3	Vận dụng được kiến thức văn học phương Tây để phân tích, so sánh và trình bày một vấn đề văn học cụ thể theo hướng có căn cứ khoa học và tư duy liên văn hóa.	Mức 3 (Vận dụng)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						
CLO3		X	X					

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về văn học phương Tây
1.1.	Giới thuyết về vùng lãnh thổ, văn hóa
1.2.	Đặc thù của văn học phương Tây
1.3.	Các thời đại trong văn học phương Tây
Chương 2.	Văn học cổ đại Hi-La
2.1.	Khái quát về văn hóa Hi-La
2.2.	Thần thoại
2.3.	Sử thi
2.4.	Kịch
Chương 3.	Văn học Phục hưng
3.1.	Khái quát về văn hóa Phục hưng
3.2.	Phục hưng Italia
3.3.	Phục hưng Tây Ban Nha
3.4.	Phục hưng Pháp
3.5.	Phục hưng Anh
Chương 4.	Văn học cổ điển (Pháp)
4.1.	Những tiền đề
4.2.	Thành tựu về thơ, văn xuôi
4.3.	Thành tựu về hài kịch và bi kịch
Chương 5.	Văn học Ánh sáng
5.1.	Tây Âu thế kỉ XVIII
5.2.	Các thuật ngữ
5.3.	Văn học Ánh sáng Anh
5.4.	Văn học Ánh sáng Pháp
5.5.	Văn học Ánh sáng Đức

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1. Bài tập cá nhân	
	Người học viết 1 số bài kiểm tra ngắn (3 bài) trong quá trình diễn ra môn học. Người học tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi trong quá trình diễn ra môn học.
6.2.2. Bài tập nhóm	
	- Người học tham gia làm bài nhóm, thực hiện các đề tài do giảng viên gợi ý. Thực hành các thao tác triển khai đề tài, biết cách nhận xét, đánh giá phản biện. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về văn học phương Tây	4	2	0	12	18
2	Văn học cổ đại Hi-La	4	1	1	12	18
3	Văn học Phục hưng	4	1	1	12	18
4	Văn học cổ điển (Pháp)	4	1	1	12	18
5	Văn học Ánh sáng	4	2	0	12	18
	Tổng	20	7	3	60	90

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LIÊN

1. Ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử – xã hội đối với sự phát triển của văn học phương Tây từ thời cổ đại Hi-La đến thời kỳ Ánh sáng.
2. Vai trò của thần thoại và sử thi trong việc hình thành nền văn học phương Tây.
3. Tư tưởng nhân văn thời Phục hưng qua một tác phẩm tiêu biểu của William Shakespeare hoặc Miguel de Cervantes.
4. Đóng góp của một tác giả tiêu biểu đối với tiến trình phát triển văn học phương Tây (Homer, Shakespeare, Molière, Goethe, Schiller...).

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Tổng quan về văn học phương Tây	X		
Chương 2: Văn học cổ đại Hi-La	X	X	X
Chương 3: Văn học Phục hưng	X	X	X
Chương 4: Văn học cổ điển (Pháp)	X	X	X
Chương 5: Văn học Ánh sáng	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Tự học có hướng dẫn
- Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu
- Giải thích cụ thể

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu	X	X	X
Giải thích cụ thể	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu; chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo bổ trợ để mở rộng nền tảng kiến thức văn hóa, phục vụ cho việc đối sánh giao lưu với văn học Việt Nam.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá:

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận 2 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	30%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận (Ngân hàng đề)	Đánh giá kiến thức về tiến trình phát triển và thành tựu của văn học phương Tây từ Cổ đại Hi-La đến Ánh sáng	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	30%	Vận dụng (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận (Ngân hàng đề)	Đánh giá năng lực lý giải giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm, hiện tượng văn học phương Tây tiêu biểu	Lấy dữ liệu đo CLO2
Phần II: Quá trình	CLO2	15%	Nhận thức và vận dụng (L3)	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết tự luận	Đánh giá khả năng phân tích tác giả, tác phẩm và hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Kỹ năng (L3)	Giữa học kỳ	Chấm bài tập kỹ năng	Đánh giá năng lực lập luận, trình bày và phân tích vấn đề văn học theo tư duy liên văn	Lấy dữ liệu đo CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					viết / thuyết trình	hóa	
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần	Ý thức đọc tác phẩm, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và thực hiện nhiệm vụ học tập	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Tổng quan về văn học phương Tây	CLO1	Câu 1	Câu 1		Câu 1
Chương 2	Văn học cổ đại Hi-La	CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 3	Văn học Phục hưng	CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 4	Văn học cổ điển (Pháp)	CLO2			Câu 2	Câu 2
Chương 5	Văn học Ánh sáng	CLO2			Câu 2	Câu 2
TỔNG	2 câu (100%)		Câu 1	Câu 1	Câu 2	Câu 2

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết và Thông hiểu – 5,0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 50% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần đánh giá khả năng nhận diện, ghi nhớ và giải thích những đặc điểm cơ bản của văn học cổ đại Hi – La, đặc biệt là hệ thống thần thoại, sử thi và những tiền đề văn hóa của văn học phương Tây.
- **CLO2 (Vận dụng – 5,0 điểm):** Chiếm 50% tổng số câu (1/2 câu) và tương đương 50% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng tâm nhằm đánh giá năng lực phân tích, lý giải giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc các giai đoạn Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng; đồng thời làm rõ những đóng góp của các hiện tượng văn học này đối với tiến trình văn học phương Tây.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích đặc điểm và tiến trình văn học phương Tây từ cổ đại Hi - La đến thế kỷ XVIII (1 câu)	Đạt dưới 2.5 điểm. Không nắm được các đặc điểm cơ bản của văn học cổ đại Hi - La; trình bày sai hoặc thiếu nghiêm trọng kiến thức về thần thoại, sử thi và các hiện tượng văn học tiêu biểu.	Đạt từ 2.5 – 3.4 điểm. Trình bày được các kiến thức cơ bản về văn học cổ đại Hi - La nhưng còn thiếu hệ thống; giải thích được hiện tượng văn học ở mức độ đơn giản, lập luận chưa chặt chẽ.	Đạt từ 3.5 – 4.2 điểm. Phân tích khá rõ đặc điểm của văn học cổ đại Hi - La; làm rõ được vai trò của thần thoại, sử thi và các thành tựu văn học tiêu biểu; diễn đạt tương đối mạch lạc.	Đạt từ 4.3 – 5.0 điểm. Phân tích sâu sắc đặc điểm và giá trị của văn học cổ đại Hi - La; lý giải được mối quan hệ giữa văn học với bối cảnh lịch sử - văn hóa; lập luận chặt chẽ và có tư duy hệ thống.
CLO2: Phân tích giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc các giai đoạn Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng (1 câu)	Đạt dưới 2.5 điểm. Không làm rõ được giá trị của tác phẩm; chủ yếu kể lại nội dung; bài viết thiếu dẫn chứng và không có khả năng phân tích.	Đạt từ 2.5 – 3.4 điểm. Xác định được một số giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm nhưng phân tích còn sơ lược; dẫn chứng chưa đầy đủ và lập luận còn đơn giản.	Đạt từ 3.5 – 4.2 điểm. Phân tích được giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm; chỉ ra được đặc điểm của giai đoạn văn học tương ứng; dẫn chứng tương đối thuyết phục.	Đạt từ 4.3 – 5.0 điểm. Phân tích sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm; làm rõ đóng góp của tác giả, tác phẩm đối với tiến trình văn học phương Tây; có tư duy phân biện và lập luận khoa học.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên nắm vững và phân tích chuyên sâu các tiền đề lịch sử, văn hóa và tư tưởng hình thành nền điện mạo văn học phương Tây từ cổ đại Hi - La đến thế kỷ XVIII. Thể hiện năng lực tư duy bậc cao khi làm rõ giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu thuộc các giai đoạn Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng. Bài viết có tư duy phân biện độc lập, lập luận sắc bén, dẫn chứng xác thực và ngôn ngữ học thuật phù hợp
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Có khả năng phân tích rõ ràng, mạch lạc các đặc điểm cơ bản của tiến trình văn học phương Tây. Vận dụng tốt kiến thức để lý giải giá trị

của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; làm rõ được mối quan hệ giữa tác phẩm với bối cảnh lịch sử – văn hóa và đặc trưng của từng giai đoạn văn học. Bài viết có bố cục hợp lý, dẫn chứng tương đối đầy đủ nhưng chiều sâu phân tích chưa thật sự nổi bật.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu ở mức độ nhận diện và hiểu được những đặc điểm cơ bản của văn học cổ đại Hi – La, văn học Phục hưng, Cổ điển và Ánh sáng. Kỹ năng phân tích tác phẩm còn hạn chế, chủ yếu dừng ở việc trình bày hoặc diễn giải nội dung. Lập luận chưa thật chặt chẽ, dẫn chứng còn đơn giản và khả năng khái quát vấn đề chưa cao.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm được các đặc điểm cốt lõi của tiến trình văn học phương Tây; nhầm lẫn kiến thức về các giai đoạn văn học hoặc các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Bài làm lạc đề, diễn đạt lủng củng, thiếu dẫn chứng và không thể hiện được năng lực phân tích văn học theo yêu cầu học phần.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phân biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Trình bày lưu loát, mạch lạc; phân tích sâu sắc tác giả, tác phẩm hoặc hiện tượng văn học; sử dụng dẫn chứng phù hợp và thuyết phục.	Trình bày rõ ràng; phân tích đúng vấn đề; dẫn chứng tương đối đầy đủ.	Trình bày được nội dung cơ bản nhưng phân tích còn đơn giản; dẫn chứng còn hạn chế.	Trình bày thiếu mạch lạc; hiểu sai vấn đề hoặc không phân tích được nội dung văn học.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản biện nhanh, chính xác; lập luận chặt chẽ; bảo vệ được quan điểm bằng dẫn chứng văn học xác thực.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận tương đối logic; bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Trả lời được câu hỏi nhưng lập luận còn đơn giản; dẫn chứng chưa thuyết phục.	Không trả lời được câu hỏi hoặc lập luận sai lệch, thiếu cơ sở học thuật.
3	Kỹ	30%	CLO3	Các thành	Có sự	Các thành	Hoạt động

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	năng phối hợp & Tương tác nhóm		(Mức 3)	viên phối hợp nhịp nhàng; phân công hợp lý; hỗ trợ nhau hiệu quả trong trình bày và phản biện.	phân công tương đối rõ ràng; phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	viên có tham gia nhưng phối hợp chưa đồng đều; hiệu quả tương tác còn hạn chế.	rời rạc; thiếu sự phối hợp; không thể hiện được vai trò làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

12.1. Tài liệu chính

- Lê Huy Bắc, *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019.
- Nguyễn Văn Khoa, *Thần thoại Hy Lạp*, NXB Văn học, 2023.
- Đặng Anh Đào và cộng sự, *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục, 2009.

12.2. Tài liệu tham khảo

Đỗ Đức Hiểu, *Lịch sử văn học phương Tây: giáo trình giảng tại các trường Đại học Tổng hợp và Sư phạm (Tập 1)*, NXB Giáo dục, 1963.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh



PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phân xá cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

.....

Điểm chữ

.....

Xếp loại

.....

Mức đạt CLO

.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay) (Western countries' Literature II)
- Mã học phần: LIT331
- Số tín chỉ: 2
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT315
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 3 Giờ
 - Giờ tự học: 67 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: QuocHV@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về văn học cổ đại Hi-La (Thần thoại, Sử thi, Kịch...), văn học châu Âu qua các thời kì: Phục hưng, Cổ điển, Ánh sáng. Qua việc miêu tả, phân tích, lý giải các sự kiện, hiện tượng, thành tựu văn học gắn liền với các cơ sở văn hóa trong phạm vi khu vực, đất nước ở từng thời kỳ. Người học được giới thiệu, tiếp cận bức tranh sinh hoạt văn học đa dạng, nhiều màu sắc với sự đóng góp của các bản sắc văn học, văn hóa vừa thể hiện tính tương đồng, vừa được phân biệt qua những nét riêng. Học phần giới thiệu các thành tựu văn học phương Tây theo tiến trình văn học, đóng góp về giá trị văn học của các quốc gia lớn như Hi Lạp, La Mã, Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Anh, Đức, Mỹ...

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về văn học phương Tây
- Hệ thống hoá các đặc điểm, thành tựu, quá trình phát triển của văn học phương Tây từ cổ đại Hi-La qua Phục hưng, từ Cổ điển đến Ánh sáng.
- Phát triển kỹ năng đọc, phân tích, đánh giá, vận dụng kiến thức văn học phương Tây ở các giai đoạn này vào việc nghiên cứu các tác phẩm văn học phương Tây cụ thể.
- Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức văn học thế giới vào thuyết trình, nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể.

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được đặc điểm, tiến trình phát triển và những thành tựu tiêu biểu của văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI; lý giải được đóng góp của các trào lưu, tác gia và hiện tượng văn học tiêu biểu trong tiến trình văn học thế giới.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Vận dụng được kiến thức về các trường phái văn học (lãng mạn, hiện thực, hiện sinh, phi lý, huyền ảo, Tiểu thuyết mới...) để phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học cụ thể.	Mức 3 (Vận dụng)
3	CLO3	Trình bày và bảo vệ được quan điểm học thuật về các vấn đề văn học phương Tây bằng hình thức nói và viết phù hợp; thể hiện kỹ năng đọc, viết, lập luận và trao đổi học thuật hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	Mức 4 (Phối hợp)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3					X			

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XIX
1.1.	Phương Tây thế kỉ XIX
1.2.	Một thế kỉ văn học tâm vóc
Chương 2.	Văn học lãng mạn
2.1.	Văn học lãng mạn Anh
2.2.	Văn học lãng mạn Đức
2.3.	Văn học lãng mạn Mĩ
2.4.	Văn học lãng mạn Pháp
Chương 3.	Văn học hiện thực
3.1.	Văn học hiện thực Pháp
3.2.	Văn học hiện thực Anh
Chương 4.	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XX
4.1.	Diện mạo văn học thay đổi
4.2.	Những tiền đề về kinh tế, chính trị, xã hội ảnh hưởng đến văn học
4.3.	Sự ra đời hàng loạt các chủ nghĩa, trào lưu văn học
Chương 6.	Văn học hiện sinh và Tiểu thuyết Mới
6.1.	Đặc điểm Văn học hiện sinh
6.2.	Đặc điểm của Tiểu thuyết Mới
6.3.	Một số tác giả khác
Chương 7.	Văn học Mĩ, Mĩ - Latinh
7.1.	Giới thiệu chung, thành tựu văn học Mĩ
7.2.	Trường hợp E. Hemingway
7.3.	Giới thiệu chung, thành tựu văn học Mĩ -Latinh
7.4.	Trường hợp Marquez
7.5	Văn học thế kỉ XXI: khái quát và thành tựu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân

	Nội dung
	Người học viết 1 số bài kiểm tra ngắn (3 bài) trong quá trình diễn ra môn học. Người học tham gia thảo luận, trả lời câu hỏi trong quá trình diễn ra môn học.
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học tham gia làm bài nhóm, thực hiện các đề tài do giảng viên gợi ý. Thực hành các thao tác triển khai đề tài, biết cách nhận xét, đánh giá phản biện. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XIX	2	2	0	7	11
2	Văn học lãng mạn	3	1	0	10	14
3	Văn học hiện thực	3	1	1	10	15
4	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XX	3	1	0	10	14
5	Kịch phương Tây thế kỉ XX	3	1	1	10	15
6	Văn học hiện sinh và Tiểu thuyết Mới	3	2	1	10	16
7	Văn học Mỹ, Mỹ – Latinh; Văn học thế kỉ XXI	3	2	0	10	15
	Tổng	20	10	3	67	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Vai trò của bối cảnh lịch sử – xã hội thế kỷ XIX đối với sự hình thành và phát triển của các trào lưu văn học phương Tây hiện đại.
2. So sánh những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa Lãng mạn và chủ nghĩa Hiện thực trong văn học phương Tây thế kỷ XIX.
3. Giá trị hiện thực và nhân đạo trong sáng tác của Honoré de Balzac hoặc Victor Hugo.
4. Đặc điểm của văn học hiện sinh qua sáng tác của Franz Kafka hoặc Albert Camus.
5. Giá trị nhân văn và nguyên lý “tàng băng trôi” trong sáng tác của Ernest Hemingway.

6. Đặc trưng của văn học phi lí qua các tác phẩm tiêu biểu của Samuel Beckett hoặc Eugène Ionesco.
7. Những cách tân nghệ thuật của các trào lưu văn học phương Tây thế kỷ XX và ảnh hưởng của chúng đối với văn học thế giới.
8. Một số khuynh hướng nổi bật của văn học phương Tây đầu thế kỷ XXI qua các tác giả đoạt Giải Nobel Văn học.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3
Chương 1: Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XIX	X		X
Chương 2: học lãng mạn	X	X	X
Chương 3: Văn học hiện thực	X	X	X
Chương 4: Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XX	X		X
Chương 5: Kịch phương Tây thế kỉ XX	X	X	X
Chương 6: Văn học hiện sinh và Tiểu thuyết Mới	X	X	X
Chương 7: Văn học Mỹ, Mỹ – Latinh; Văn học thế kỉ XXI	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Tự học có hướng dẫn
- Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu
- Giải thích cụ thể

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Thực hành phân tích và so sánh đối chiếu		X	X
Giải thích cụ thể	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X	X
Nêu vấn đề	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động tự học theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, thảo luận và thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời lượng học phần theo quy định của Nhà trường).
- Đọc các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo bắt buộc và các tác phẩm văn học do giảng viên giới thiệu; chủ động tìm kiếm, khai thác thêm các nguồn tài liệu học thuật để mở rộng hiểu biết về văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài viết học thuật và các nhiệm vụ học tập được giao.
- Tích cực tham gia thảo luận, trình bày và phản biện các vấn đề liên quan đến các trào lưu, tác giả và tác phẩm văn học phương Tây.
- Tham gia đầy đủ các hình thức kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập và kỳ thi kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá:

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận 3 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO3)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Phần I: Thi cuối kỳ	CLO1	30%	Nhận thức (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận	Đánh giá kiến thức về tiến trình văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI, các trào lưu và hiện tượng văn học tiêu biểu	Lấy dữ liệu đo CLO1
	CLO2	30%	Vận dụng (L3)	Tuần cuối	Đề thi Tự luận	Đánh giá năng lực phân tích, đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm, tác gia và trường phái văn học phương Tây	Lấy dữ liệu đo CLO2
Phần II: Quá trình	CLO2	15%	Nhận thức và vận dụng (L3)	Giữa học kỳ	Kiểm tra viết tự luận	Đánh giá khả năng lý giải các trào lưu văn học và phân tích hiện tượng văn học	Lấy dữ liệu đo CLO2
	CLO3	15%	Kỹ năng (L3)	Giữa học kỳ	Chấm bài tập kỹ năng viết / thuyết trình	Đánh giá kỹ năng trình bày, lập luận, trao đổi và bảo vệ quan điểm học thuật	Lấy dữ liệu đo CLO3
	CLO3	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng điểm chuyên cần	Ý thức đọc tác phẩm, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và tinh thần hợp tác trong học tập	Lấy dữ liệu đo CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận (2 câu); Thời gian: 60 phút; Số câu: 2

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XIX	CLO1		Câu 3		Câu 3
Chương 2	Văn học lãng mạn	CLO2			Câu 3	Câu 3
Chương 3	Văn học hiện thực	CLO2			Câu 3	Câu 3
Chương 4	Khái quát văn học phương Tây thế kỉ XX	CLO1		Câu 2		Câu 2
Chương 5	Kịch phương Tây thế kỉ XX	CLO2		Câu 2		Câu 2
Chương 6	Văn học hiện sinh và Tiểu thuyết Mới	CLO2		Câu 2		Câu 2
Chương 7	Văn học Mỹ, Mỹ – Latinh; Văn học thế kỉ XXI	CLO1	Câu 1			
TỔNG	3 câu (100%)		Câu 1	Câu 2,3	Câu 3	Câu 2,3

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết và Thông hiểu – 5,0 điểm):** Chiếm khoảng 50% trọng số điểm toàn bài. Đánh giá khả năng nhận diện, hệ thống hóa và giải thích các trào lưu, hiện tượng văn học, tác gia và tác phẩm tiêu biểu của văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI. Nội dung được đo thông qua các câu hỏi nhận diện văn học đương đại và mô tả, lý giải các hiện tượng văn học tiêu biểu của thế kỷ XX.
- **CLO2 (Vận dụng – 5,0 điểm):** Chiếm khoảng 50% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần trọng tâm nhằm đánh giá năng lực phân tích, lý giải và vận dụng kiến thức văn học để làm rõ giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm hoặc hiện tượng văn học tiêu biểu thuộc các trào lưu văn học phương Tây hiện đại và đương đại; đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa tác phẩm với bối cảnh lịch sử – xã hội và tiến trình văn học.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Hệ thống hóa các trào lưu, đặc điểm phát	Đạt dưới 2.5 điểm. Không nhận	Đạt từ 2.5 – 3.4 điểm. Nhận diện	Đạt từ 3.5 – 4.2 điểm. Hệ thống hóa khá rõ các	Đạt từ 4.3 – 5.0 điểm. Hệ thống hóa sâu sắc các

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
triển của văn học phương Tây (thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI) và giải thích đóng góp của các tác gia tiêu biểu (Câu 1, Câu 2)	diện được các tác gia, tác phẩm hoặc trào lưu văn học cơ bản; nhầm lẫn kiến thức; trình bày thiếu hệ thống.	được một số tác gia, tác phẩm và hiện tượng văn học tiêu biểu nhưng giải thích còn đơn giản; kiến thức chưa đầy đủ và lập luận còn hạn chế.	đặc điểm và tiến trình phát triển của văn học phương Tây thế kỷ XIX-XXI; giải thích được đóng góp của các tác gia và hiện tượng văn học tiêu biểu.	trào lưu, hiện tượng và tiến trình văn học; làm rõ được vai trò và đóng góp của các tác gia tiêu biểu đối với văn học phương Tây hiện đại và đương đại; lập luận chặt chẽ, có tư duy khái quát và hệ thống.
CLO2: Vận dụng kiến thức về các trường phái và trào lưu văn học để phân tích giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm (Câu 3)	Đạt dưới 2.5 điểm. Không làm rõ được giá trị của tác phẩm hoặc hiện tượng văn học; chủ yếu kể lại nội dung; thiếu dẫn chứng và không có khả năng phân tích.	Đạt từ 2.5 – 3.4 điểm. Xác định được một số giá trị nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm nhưng phân tích còn sơ lược; dẫn chứng chưa đầy đủ và lập luận còn đơn giản.	Đạt từ 3.5 – 4.2 điểm. Phân tích được giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm; vận dụng được kiến thức về trào lưu hoặc bối cảnh lịch sử – xã hội để lý giải hiện tượng văn học; dẫn chứng tương đối thuyết phục.	Đạt từ 4.3 – 5.0 điểm. Phân tích sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm; làm rõ mối quan hệ giữa tác phẩm với trào lưu văn học, bối cảnh lịch sử – xã hội và tiến trình văn học phương Tây; thể hiện tư duy phân biện và lập luận học thuật vững vàng.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Sinh viên nắm vững và phân tích chuyên sâu các tiền đề lịch sử, văn hóa, xã hội và tư tưởng hình thành nên diện mạo văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI. Thể hiện năng lực tư duy bậc cao khi lý giải các trào lưu văn học lớn như chủ nghĩa Lãng mạn, chủ nghĩa Hiện thực, văn học Hiện sinh, Phi lý, Tiểu thuyết Mới và các khuynh hướng văn học đương đại. Phân tích sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; bài viết có tư duy phân biện độc lập, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực và ngôn ngữ học thuật phù hợp.
- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Có khả năng phân tích rõ ràng, mạch lạc các đặc điểm cơ bản của tiến trình văn học phương Tây hiện đại và đương đại. Vận dụng tốt kiến

thức để lý giải giá trị của các tác giả, tác phẩm và hiện tượng văn học tiêu biểu; làm rõ được mối quan hệ giữa tác phẩm với bối cảnh lịch sử – xã hội và đặc trưng của từng trào lưu văn học. Bài viết có bố cục hợp lý, dẫn chứng tương đối đầy đủ nhưng chiều sâu phân tích chưa thật sự nổi bật.

- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu ở mức độ nhận diện và hiểu được những đặc điểm cơ bản của các trào lưu và hiện tượng văn học phương Tây từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XXI. Kỹ năng phân tích tác phẩm còn hạn chế, chủ yếu dừng ở việc trình bày hoặc diễn giải nội dung. Lập luận chưa thật chặt chẽ, dẫn chứng còn đơn giản và khả năng khái quát vấn đề chưa cao.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm được các đặc điểm cốt lõi của tiến trình văn học phương Tây hiện đại và đương đại; nhầm lẫn kiến thức về các trào lưu văn học, tác giả hoặc tác phẩm tiêu biểu. Bài làm lạc đề, diễn đạt lủng tung, thiếu dẫn chứng và không thể hiện được năng lực phân tích văn học theo yêu cầu của học phần.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Trình bày lưu loát, mạch lạc; phân tích sâu sắc tác giả, tác phẩm hoặc hiện tượng văn học; sử dụng dẫn chứng phù hợp và thuyết phục.	Trình bày rõ ràng; phân tích đúng vấn đề; dẫn chứng tương đối đầy đủ.	Trình bày được nội dung cơ bản nhưng phân tích còn đơn giản; dẫn chứng còn hạn chế.	Trình bày thiếu mạch lạc; hiểu sai vấn đề hoặc không phân tích được nội dung văn học.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản biện nhanh, chính xác; lập luận chặt chẽ; bảo vệ được quan điểm bằng dẫn chứng văn học xác thực.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận tương đối logic; bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Trả lời được câu hỏi nhưng lập luận còn đơn giản; dẫn chứng chưa thuyết phục.	Không trả lời được câu hỏi hoặc lập luận sai lệch, thiếu cơ sở học thuật.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
3	Kỹ năng phối hợp & Tương tác nhóm	30%	CLO3 (Mức 3)	Các thành viên phối hợp nhịp nhàng; phân công hợp lý; hỗ trợ nhau hiệu quả trong trình bày và phản biện.	Có sự phân công tương đối rõ ràng; phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.	Các thành viên có tham gia nhưng phối hợp chưa đồng đều; hiệu quả tương tác còn hạn chế.	Hoạt động rời rạc; thiếu sự phối hợp; không thể hiện được vai trò làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

12.1. Tài liệu chính

- Lê Huy Bắc, *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019.
- Đặng Anh Đào và cộng sự, *Văn học phương Tây*, NXB Giáo dục, 2009.

12.2. Tài liệu tham khảo

Đỗ Đức Hiểu, *Lịch sử văn học phương Tây: giáo trình giảng tại các trường Đại học Tổng hợp và Sư phạm (Tập 1)*, NXB Giáo dục, 1963.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM
Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Văn học phương Tây II (từ thế kỷ XIX đến nay)

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lủng tung; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lủng tung; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phản công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phản trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
-------------------	-------------------	-------------------	----------------------

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

Tên học phần: **Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp**

(Class organization on teaching literature and Form Teachers)

- Mã học phần: LIT404
- Số tín chỉ: 2
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT403
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 15 Giờ
 - + Giờ thực hành: 15 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 55 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Dương Khắc Minh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918365444
- Email: Minhlđk@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Thị Lợi
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)

- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
Điện thoại: 0984155809
- Email: loitt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học chuyên ngành Ngữ văn; Về lý thuyết nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp dạy học các phân môn Văn học, Tiếng Việt, Làm văn; Về phương pháp thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học bộ môn. Hiểu biết các phương pháp giảng dạy văn, tiếng Việt ở bậc phổ thông; Hiểu biết về các loại thiết bị, máy móc sử dụng trong trường phổ thông; Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học. Có khả năng nắm bắt, nhìn nhận và xử lý tốt các tình huống sư phạm. Có khả năng xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi học sinh phổ thông. Hiểu biết và ứng dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp sư phạm như: biết lắng nghe, biết cách giải thích và truyền đạt khéo léo tùy theo đối tượng và học sinh, phụ huynh hay người đồng nghiệp... Người học còn biết cách tổ chức và xử lý linh hoạt các hình thức học tập trong một giờ dạy, đồng thời biết cách lựa chọn và kết hợp các ĐDDH vào giờ dạy - học môn Ngữ văn một cách hiệu quả trong quá trình soạn giảng cũng như tổ chức hoạt động học tập; Khai thác phù hợp các giá trị thông tin cũng như nghệ thuật của từng ĐDDH được chọn, góp phần tạo nên một tiết học trực quan, sinh động, dễ hiểu, nâng cao được cảm thụ, nhận thức cho học sinh.

- Công tác chủ nhiệm lớp

Giúp sinh viên nhận thức đúng, đủ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của GVCN lớp ở trường trung học. Phân tích được nội dung và yêu cầu của công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học giai đoạn hiện nay; Xác định được các hoạt động cơ bản trong thực hiện nhiệm vụ chủ nhiệm lớp và cách tiến hành. Người học hình thành các kỹ năng: xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp cụ thể, khả thi; Tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm hiệu quả; Xây dựng các mối quan hệ với cá nhân và tập thể bên trong, bên ngoài nhà trường để phối hợp giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm; kiểm tra đánh giá học sinh khoa học, dân chủ, công bằng; Kiên trì, hợp tác, chủ động, thân thiện... trong thực hiện các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Mục tiêu của học phần

- Biết vận dụng linh hoạt các phương pháp trong giờ dạy Ngữ văn ở trường phổ thông.
- Biết chủ nhiệm, quản lý lớp được phân công chủ nhiệm ở trường phổ thông.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả về các vấn đề giảng dạy và chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức dạy học - giáo dục học sinh phổ thông thông qua các hệ thống phương pháp giảng dạy Ngữ văn và yêu cầu cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Đánh giá được hiệu quả của các phương pháp, kỹ thuật dạy học Ngữ văn và giải pháp chủ nhiệm lớp trong các tình huống sư phạm cụ thể; từ đó biện giải cho các phương án thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp	Mức 5 (Đánh giá)
3	CLO3	Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp sư phạm, làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và xử lý tình huống trong dạy học Ngữ văn cũng như trong công tác chủ nhiệm lớp.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, trách nhiệm nghề nghiệp, chủ động tự học và cập nhật kiến thức; vận dụng phù hợp các nguyên tắc đạo đức nhà giáo trong dạy học và công tác chủ nhiệm.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X	X	X			
CLO3				X	X	X		
CLO4						X	X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông
1.1.	Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông
1.2.	Nội dung công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông
1.3.	Hướng dẫn soạn giáo án chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông

Chương	Nội dung
Chương 2	Kỹ thuật tổ chức dạy học cơ bản
2.1.	Kỹ thuật tổ chức dạy học truyền thống
2.2	Kỹ thuật sử dụng đồ dùng dạy học
2.3.	Kỹ thuật viết bảng
2.4	Kỹ thuật hỏi và trả lời
2.5	Kỹ thuật lập kế hoạch cá nhân
Chương 3	Kỹ thuật tổ chức dạy học tích cực
3.1.	Kỹ thuật động não
3.2.	Kỹ thuật các mảnh ghép
3.3.	Kỹ thuật Khăn trải bàn
3.4.	Kỹ thuật bể cá
3.5.	Kỹ thuật ô bi
3.6	Kỹ thuật học theo dự án
3.7.	Kỹ thuật XYZ
Chương 4	Hướng dẫn soạn giáo án và thực dạy trên lớp
4.1.	Thực hành soạn giáo án một tiết dạy Ngữ văn
4.3.	Thực hành dạy một tiết Ngữ văn với một văn bản cụ thể

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân
	Người học đọc tài liệu theo hướng dẫn của người dạy
6.2.2.	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện các đề tài thuyết trình theo yêu cầu của người dạy - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Tên chương	Số tiết tín chỉ					
	Giờ giảng	Thực hành	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
Chương 1. Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	5	0	0	0	10	15
Chương 2. Kỹ thuật tổ chức dạy học cơ bản	5	0	5	0	15	25
Chương 3. Kỹ thuật tổ chức dạy học tích cực	5	0	5	0	15	25
Chương 4. Hướng dẫn soạn giáo án và thực dạy trên lớp	0	15	5	0	15	35
Tổng	15	15	15	0	55	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Các tình huống nhạy cảm trong Công tác chủ nhiệm lớp.
2. Các tình huống nhạy cảm trong Công tác giảng dạy.
3. Cách quản lý lớp học hiệu quả.
4. Cách giảng dạy Ngữ văn hiệu quả.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	x	x		
Chương 2. Kỹ thuật tổ chức dạy học cơ bản		x	x	x
Chương 3. Kỹ thuật tổ chức dạy học tích cực		x	x	x
Chương 4. Hướng dẫn soạn giáo án và thực dạy trên lớp		x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Trao đổi, vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)
- Giao bài đọc về nhà
- Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Trao đổi, vấn đáp	X	X		
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	
Động não nhanh (bài tập tư duy cá nhân)			X	X
Giao bài đọc về nhà				X
Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	X	X	X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Kết thúc học phần: Tiểu luận

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình -Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của nhà trường	Bài thi vấn đáp	CLO1, CLO2: Mức độ hiểu. CLO3: Mức độ vận dụng kiến thức.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Quá trình	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá	CLO2: Nội dung báo cáo. CLO3: Kỹ năng phối hợp, xử lý tình huống và biện luận.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Trách nhiệm nghề nghiệp, chủ động học	Lấy dữ liệu đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						tập, tinh thần hợp tác.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài thi Tiểu luận

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	CLO1	0	0	0	0
Chương 2	Kỹ thuật tổ chức dạy học cơ bản	CLO2, CLO3	0,5	1,0	0,5	2,0
Chương 3	Kỹ thuật tổ chức dạy học tích cực	CLO2, CLO3	1,0	2,0	1,0	4,0
Chương 4	Hướng dẫn soạn giáo án và thực dạy trên lớp	CLO2, CLO3, CLO4	1,0	2,0	1,0	4,0
TỔNG			2.5đ	5.0đ	2.5đ	10.0đ

b. Rubrics đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Xác định phương pháp giảng dạy Ngữ văn và yêu cầu của công tác chủ nhiệm lớp	15%	CLO1	Xác định một cách xuất sắc, đầy đủ và hệ thống hóa khoa học các phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn cùng các yêu cầu cơ bản của	Xác định đúng trọng tâm và khá đầy đủ các phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn cũng như các yêu cầu cơ bản của công tác	Trình bày được một số phương pháp giảng dạy và yêu cầu công tác chủ nhiệm nhưng nội dung rời rạc, thiên về liệt kê, chưa phân	Không xác định được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn về phương pháp giảng dạy Ngữ văn và các yêu cầu của công tác chủ nhiệm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				công tác chủ nhiệm lớp.	chủ nhiệm lớp.	rõ hệ thống.	
2	Phân tích đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức dạy học, giáo dục học sinh	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tính phân biệt về đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông.	Phân tích đúng hướng, khá đầy đủ về đặc điểm, quy trình và các nguyên tắc tổ chức dạy học, giáo dục học sinh; lập luận rõ ràng.	Có phân tích đặc điểm, quy trình và nguyên tắc nhưng nội dung còn đơn giản, chủ yếu diễn xuôi lý thuyết, chưa thể hiện được chiều sâu tư duy sư phạm.	Hiểu sai bản chất, không phân tích được các đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức dạy học, giáo dục học sinh.
3	Vận dụng phương pháp, kỹ thuật thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn	25%	CLO2	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học xuất sắc, tối ưu và rất phù hợp với thực tiễn.	Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học Ngữ văn để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học hợp lý, bảo đảm tính khả thi.	Việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học còn lúng túng; thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học còn rập khuôn, thiếu tính phù hợp với đối tượng học sinh.	Không biết vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học; thiết kế sai quy trình hoặc các hoạt động dạy học đưa ra hoàn toàn không khả thi.
4	Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động công tác chủ	20%	CLO2	Xây dựng kế hoạch xuất sắc, mang tính khả thi cao và đề xuất cách triển khai linh	Xây dựng được kế hoạch đúng chuẩn và đề xuất cách triển khai các hoạt động cơ	Kế hoạch xây dựng còn sơ sài, mang tính hình thức, các hoạt động triển khai chưa	Không xây dựng được kế hoạch hoặc kế hoạch sai lệch hoàn toàn với yêu cầu và

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	nhiệm lớp			hoạt, khoa học các hoạt động cơ bản trong công tác chủ nhiệm lớp.	bản trong công tác chủ nhiệm lớp một cách hợp lý.	đồng bộ hoặc thiếu hiệu quả thực tế trong công tác chủ nhiệm.	đặc thù của công tác chủ nhiệm lớp.
5	Kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống sư phạm và trình bày tiểu luận	20%	CLO3	Giải quyết vấn đề và xử lý các tình huống (dạy học & chủ nhiệm) cực kỳ nhạy bén, sắc sảo; sử dụng ngôn ngữ sư phạm chuẩn mực; bài tiểu luận có cấu trúc chặt chẽ, chuyên nghiệp.	Giải quyết tốt vấn đề và xử lý tình huống sư phạm hợp lý; sử dụng ngôn ngữ văn bản sư phạm rõ ràng, bài tiểu luận trình bày mạch lạc, tuân thủ hình thức học thuật.	Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết vấn đề sư phạm còn gượng ép; diễn đạt đôi chỗ lủng củng, bài tiểu luận mắc lỗi trình bày hoặc sai sót về hình thức.	Không đưa ra được hướng giải quyết vấn đề hay xử lý tình huống; văn phong thiếu chuẩn mực sư phạm, bài tiểu luận trình bày câu thả, vô tổ chức.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

- **Mức Xuất sắc (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các phương pháp. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt với tiến trình văn học dân tộc.

- **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp và các vấn đề trọng tâm của học phần. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý các phương pháp; sử dụng phương pháp phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phản biện.

- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp. Có khả năng trình bày và nhận diện các phương pháp nhưng phân tích còn đơn giản, thiên về liệt kê, ít dẫn chứng hoặc dẫn chứng chưa phù hợp. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần; hiểu sai hoặc bỏ sót nhiều nội dung quan trọng về Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Phạm Thị Thu Hương (CB), *Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ Văn ở trường phổ thông*, NXB ĐHSP, 2020.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và đào tạo, *Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, ban hành kèm theo quyết định số: 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- Bùi Thị Mùi, *Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
- Hà Nhật Thăng, Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Trọng Hoàn, *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, 2003.
- Phan Trọng Luận, *Thiết kế và dạy tác phẩm văn chương ở nhà trường Phổ thông (tập 2)*, NXB Giáo dục, 2003.
- Nhiều tác giả, *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học văn - tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2003.
- Nhiều tác giả, *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2003.
- Nhiều tác giả, *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên (môn Ngữ văn 10, 11)*, NXB Giáo dục, 2007.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoi ngành

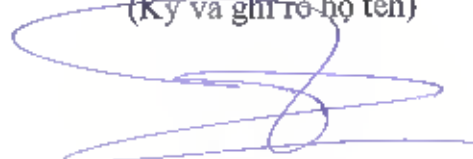
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Dương Khắc Minh

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	1.0	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần: **Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và Công tác chủ nhiệm lớp**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Xác định phương pháp giảng dạy Ngữ văn và yêu cầu của công tác chủ nhiệm lớp	15%	CLO1	Xác định một cách xuất sắc, đầy đủ và hệ thống hóa khoa học các phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn cùng các yêu cầu cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp.	Xác định đúng trọng tâm và khá đầy đủ các phương pháp giảng dạy bộ môn Ngữ văn cũng như các yêu cầu cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp.	Trình bày được một số phương pháp giảng dạy và yêu cầu công tác chủ nhiệm nhưng nội dung rời rạc, thiếu về liệt kê, chưa phân rõ hệ thống.	Không xác định được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn về phương pháp giảng dạy Ngữ văn và các yêu cầu của công tác chủ nhiệm.	
2	Phân tích đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tính phân biện về đặc điểm, quy trình và nguyên tắc tổ chức	Phân tích đúng hướng, khá đầy đủ về đặc điểm, quy trình và các nguyên tắc tổ chức	Có phân tích đặc điểm, quy trình và nguyên tắc nhưng nội dung còn đơn giản, chủ yếu diễn	Hiểu sai bản chất, không phân tích được các đặc điểm, quy trình và nguyên	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	dạy học, giáo dục học sinh			dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông.	dạy học, giáo dục học sinh; lập luận rõ ràng.	xuôi lý thuyết, chưa thể hiện được chiều sâu tư duy sự phạm.	tắc tổ chức dạy học, giáo dục học sinh.	
3	Vận dụng phương pháp, kỹ thuật thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn	25%	CLO2	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học xuất sắc, tối ưu và rất phù hợp với thực tiễn.	Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học Ngữ văn để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học hợp lý, bảo đảm tính khả thi.	Việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học còn lúng túng; thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học còn rập khuôn, thiếu tính phù hợp với đối tượng học sinh.	Không biết vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học; thiết kế sai quy trình hoặc các hoạt động dạy học đưa ra hoàn toàn không khả thi.	
4	Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động công tác chủ nhiệm lớp	20%	CLO2	Xây dựng kế hoạch xuất sắc, mang tính khả thi cao và đề xuất cách triển khai linh hoạt, khoa học các hoạt động cơ bản trong công tác chủ nhiệm lớp.	Xây dựng được kế hoạch đúng chuẩn và đề xuất cách triển khai các hoạt động cơ bản trong công tác chủ nhiệm lớp một cách hợp lý.	Kế hoạch xây dựng còn sơ sài, mang tính hình thức; các hoạt động triển khai chưa đồng bộ hoặc thiếu hiệu quả thực tế trong công tác chủ nhiệm.	Không xây dựng được kế hoạch hoặc kế hoạch sai lệch hoàn toàn với yêu cầu và đặc thù của công tác chủ nhiệm lớp.	
5	Kỹ năng giải quyết	20%	CLO3	Giải quyết vấn đề và xử lý các tình huống	Giải quyết tốt vấn đề và xử lý tình huống sư	Kỹ năng xử lý tình huống và giải quyết	Không đưa ra được hướng giải quyết vấn	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	vấn đề, xử lý tình huống sư phạm và trình bày tiểu luận			(dạy học & chủ nhiệm) cực kỳ nhạy bén, sắc sảo; sử dụng ngôn ngữ sư phạm chuẩn mực; bài tiểu luận có cấu trúc chặt chẽ, chuyên nghiệp.	phạm hợp lý; sử dụng ngôn ngữ văn bản sư phạm rõ ràng, bài tiểu luận trình bày mạch lạc, tuân thủ hình thức học thuật.	vấn đề sư phạm còn gượng ép; diễn đạt đôi chỗ lủng củng, bài tiểu luận mắc lỗi trình bày hoặc sai sót về hình thức.	đề hay xử lý tình huống; văn phong thiếu chuẩn mực sư phạm, bài tiểu luận trình bày cấu thả, vô tổ chức.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
-------------------------	--------------------------	--------------------------	-----------------------------

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Teaching skills)**
- Mã học phần: **LIT405**
- Số tín chỉ: **2**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT403**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **100** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **30 Giờ**
 - + Giờ giảng: **15 Giờ**
 - + Thảo luận: **15 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Trần Thị Lợi**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0984155809**
- Email: **loitt@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Lê Dương Khắc Minh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến.**
- Điện thoại: **0918365444**
- Email: **Minhldk@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: Kỹ năng tìm hiểu hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông; Kỹ năng chuẩn bị hoạt động dạy học; Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học... Bên cạnh đó, học phần còn giúp cho sinh viên nắm được những nguyên tắc ứng xử sư phạm, từ đó giúp các em có kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm một cách hiệu quả.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của người giáo viên và nguyên tắc ứng xử sư phạm.
- Giúp sinh viên nắm được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học đối với một giờ học cụ thể.
- Cung cấp sinh viên những kiến thức, kỹ năng để từ đó các em có thể vận dụng thực hành giảng dạy một đơn vị bài học.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được vị trí, vai trò của người giáo viên, các nguyên tắc ứng xử sư phạm và cấu trúc quy trình tổ chức hoạt động dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh trường phổ thông.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Thiết kế được kế hoạch bài dạy, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm cơ bản; vận dụng được các kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học trong một đơn vị bài học cụ thể.	Mức 6 (Sáng tạo)
3	CLO3	Thực hiện được các kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống trong hoạt động giảng dạy Ngữ văn ở mức cơ bản.	Mức 3 (Chuẩn hóa)
4	CLO4	Thể hiện thái độ nghề nghiệp nghiêm túc, trách nhiệm với công việc giảng dạy; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nhà giáo và chủ động tự bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2			X	X				
CLO3				X	X			
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Kỹ năng tìm hiểu hoạt động dạy học ngữ văn ở trường phổ thông
1.1.	Tìm hiểu về người giáo viên Ngữ văn
1.2.	Tìm hiểu học sinh trong hoạt động học môn Ngữ văn
1.3.	Tìm hiểu về giờ học Ngữ văn
Chương 2	Kỹ năng chuẩn bị hoạt động dạy học
2.1.	Kỹ năng hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài
2.2.	Thiết kế hồ sơ dạy học
2.3.	Chuẩn bị thiết bị, phương tiện dạy học
Chương 3	Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học
3.1.	Kỹ năng giới thiệu bài học
3.2.	Kỹ năng kết thúc bài học
3.3.	Kỹ năng viết bảng
3.4.	Kỹ năng đặt câu hỏi
3.5.	Kỹ năng quan sát, phản hồi
Chương 4	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm đặc thù ngữ văn
4.1.	Khái quát về kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn ở trường phổ thông
4.2.	Cách thức đánh giá
4.3.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Ngữ văn
Chương 5	Thực hành mô phỏng và rèn luyện kỹ năng dạy học

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Bài tập cá nhân Người học thực hiện bài tập cá nhân về: Thiết kế hồ sơ dạy học, hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài...
6.2.2.	Bài tập nhóm Người học thực hiện bài tập nhóm về: xử lý tình huống sư phạm, cách khởi động bài học, kết thúc bài dạy...

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ				
		Giờ dạy	Thảo luận	Kiểm tra	Tự học	Tổng
1	Kỹ năng tìm hiểu hoạt động dạy học ngữ văn ở trường phổ thông	2	0	0	20	22
2	Kỹ năng chuẩn bị hoạt động dạy học	3	2	0	10	15
3	Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học	3	0	0	10	13
4	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm đặc thù ngữ văn	2	3	0	10	15
5	Thực hành	5	10	0	20	35
Tổng		15	15	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LƯỢNG

1. Kỹ năng hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài?
2. Kỹ năng viết bảng?
3. Kỹ năng đặt câu hỏi và xử lý câu trả lời?
4. Kỹ năng mở đầu và kết thúc bài giảng?
5. Xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp?

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Kỹ năng tìm hiểu hoạt động dạy học ngữ văn ở trường phổ thông	x	x		
Chương 2. Kỹ năng chuẩn bị hoạt động dạy học		x	x	x

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 3. Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học		x	x	x
Chương 4. Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm đặc thù nghề văn		x	x	x
Chương 5. Thực hành	x	x	x	x

8. Phương pháp dạy – học

- Thuyết trình
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Giao bài đọc về nhà
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	
Giao bài đọc về nhà	X		X	X
Thảo luận nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Kết thúc học phần: Tiểu luận

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phân biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2	40%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Tiểu luận (11.3.a)	CLO1: Hiểu biết về vai trò giáo viên, nguyên tắc ứng xử và quy trình dạy học. CLO2: Năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						động học tập.	
Thực hành giảng dạy Quá trình	CLO2, CLO3	20%	Kỹ năng nghề nghiệp	Tuần 6-9	Rubric đánh giá tiết dạy mô phỏng	CLO2: Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học. CLO3: Kỹ năng xử lý tình huống và giao tiếp sư phạm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, phân tích tình huống sư phạm; Rubric đánh giá (11.3.b)	CLO2: Nội dung chuyên môn. CLO3: Kỹ năng phối hợp, trình bày và giải quyết vấn đề.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả bài tiểu luận

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
Phần mở đầu & Hình thức	Nền tảng chung	- Xác định mục tiêu, đối tượng học sinh và phạm vi nghiên cứu của đề tài tiểu luận. - Đúng quy chuẩn trình bày văn bản (bố cục, font, lề, danh mục tài liệu tham khảo minh bạch).	1.0 đ
Chương 1: Cơ sở lý luận về người giáo viên và Quy trình dạy học	CLO 1	- Trình bày và làm rõ kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của người giáo viên trong nhà trường hiện đại. - Nêu và giải thích được các nguyên tắc ứng xử sư phạm cốt lõi.	2.5 đ

Cấu trúc bài làm	CLO tương ứng	Nội dung đánh giá chi tiết	Điểm thành phần (Thang 10)
		- Mô tả và giải thích một cách khoa học quy trình các bước để tổ chức một bài dạy tiêu chuẩn.	
Chương 2: Thiết kế kế hoạch và Phân tích hoạt động dạy học một đơn vị bài học	CLO 2	- Minh họa và mô tả cấu trúc thiết kế hoạt động dạy học cho một đơn vị bài học cụ thể. - Phân tích, lý giải tính hợp lý của việc chuẩn bị bài và cách thức sắp xếp các hoạt động đó nhằm rèn luyện kỹ năng tổ chức lớp học. - Nhận diện và giải thích các tình huống sư phạm tiềm ẩn hoặc phát sinh cơ bản khi triển khai đơn vị bài học này.	3.5 đ
Chương 3: Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề và Xử lý tình huống sư phạm trong giảng dạy Ngữ văn	CLO 3	- Đưa ra các tình huống sư phạm giả định hoặc thực tế phức tạp trong giờ học Ngữ văn (học sinh chán học, tranh luận sai hướng, hiểu sai văn bản...) - Vận dụng linh hoạt kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề để đề xuất các kịch bản xử lý cụ thể, tối ưu, đảm bảo tính sư phạm và hiệu quả giảng dạy thực tế.	3.0 đ
Tổng cộng			10.0 đ

b. Rubrics đánh giá bài tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Nhận thức về bối cảnh giáo dục phổ thông, vai trò giáo viên và nguyên tắc ứng xử	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện bối cảnh trường phổ thông hiện nay; định vị xuất sắc vị trí, vai trò người thầy; hệ thống hóa mạch lạc các nguyên tắc ứng xử và cấu trúc quy trình dạy	Trình bày đúng và khá đầy đủ về bối cảnh, vai trò giáo viên và quy trình tổ chức dạy học; tuy nhiên phần phân tích các	Nêu được vai trò giáo viên và quy trình dạy học nhưng nội dung chủ yếu chép lại tài liệu lý thuyết; hiểu còn mơ hồ	Hiểu sai lệch hoặc bỏ sót các nguyên tắc ứng xử sư phạm cốt lõi; không nắm được quy trình tổ chức một hoạt động dạy học Ngữ

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				học Ngữ văn đặc trưng.	nguyên tắc ứng xử sự phạm còn mang tính liệt kê, chưa liên hệ sâu với thực tiễn môn Ngữ văn.	hoặc hời hợt về bối cảnh đời sống giáo dục ở phổ thông.	văn cơ bản.
2	Năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy (Giáo án) môn Ngữ văn	35%	CLO2	Thiết kế giáo án xuất sắc, sáng tạo, bám sát phát triển năng lực; các hoạt động dạy học (đọc/viết/nói-nghe) có cấu trúc quy trình rõ ràng; chuỗi hoạt động logic; phương pháp đánh giá học sinh đa dạng, khả thi.	Giáo án thiết kế đúng quy chuẩn, cấu trúc các hoạt động rõ ràng và phù hợp với đặc trưng thể loại/văn bản Ngữ văn; mục tiêu và phương pháp đánh giá có sự tương thích tốt dù vài hoạt động còn hơi truyền thống.	Giáo án còn thiết kế theo lối mòn (thiên về truyền thụ kiến thức một chiều); quy trình tổ chức các hoạt động dạy học còn lúng túng, thiếu sự liên kết chặt chẽ; phương pháp đánh giá học sinh sơ sài.	Giáo án không đúng cấu trúc quy định; nội dung bài dạy sơ sài hoặc sai kiến thức chuyên môn; không thể hiện được quy trình tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn.
3	Kỹ năng giao tiếp, phân tích và xử lý tình huống sự phạm	30%	CLO2, CLO3	Phân tích tình huống sự phạm cực kỳ sắc bén; đề xuất phương án xử lý và giao tiếp khéo léo, mang tính giáo dục cao, tôn trọng học sinh và giải	Nhận diện đúng vấn đề của tình huống; giải quyết hợp lý, tuân thủ các nguyên tắc giao tiếp	Phương án xử lý tình huống còn mang tính chủ quan, áp đặt hoặc giải quyết bề nổi; kỹ	Không phân tích được tình huống; đưa ra cách xử lý sai nguyên tắc ứng xử sự phạm (gây tổn

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				quyết triệt để tận gốc vấn đề trong giờ học Văn.	sư phạm; phương án xử lý có tính khả thi khá tốt nhưng ứng xử đôi chỗ còn hơi cứng nhắc.	năng giao tiếp sư phạm thể hiện trong bài viết còn vụng về, chưa thuyết phục.	thương học sinh, vi phạm đạo đức nhà giáo) hoặc hoàn toàn bỏ trống phần này.
4	Tư duy giải quyết vấn đề và hình thức văn bản học thuật	15%	CLO3	Lập luận, phân tích vấn đề cực kỳ logic, thuyết phục và có chiều sâu nghề nghiệp; cấu trúc tiêu luận hoàn hảo; văn phong sư phạm chuẩn mực, khách quan; trích dẫn tài liệu chính xác.	Bài viết có kết cấu rõ ràng; tư duy giải quyết vấn đề mạch lạc; văn phong phù hợp với môi trường giáo dục; trích dẫn đầy đủ dù còn vài lỗi nhỏ về định dạng hoặc lỗi chính tả.	Bố cục bài viết chưa cân đối; diễn đạt còn mang tính cảm tính, thiếu ngôn ngữ chuyên môn sư phạm; hệ thống trích dẫn tài liệu tham khảo còn lộn xộn, mắc nhiều lỗi format.	Bài viết lộn xộn, lập luận rời rạc; vi phạm nghiêm trọng liên chính học thuật (sao chép giáo án, đạo văn từ mạng); văn phong cầu thả, không đạt chuẩn văn bản học thuật.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

• **Mức Xuất sắc (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững và hệ thống hóa đầy đủ, chính xác kiến thức về nghiệp vụ sư phạm. Có khả năng phân tích sâu sắc, đánh giá toàn diện và so sánh thuyết phục các vấn đề sư phạm. Bài làm thể hiện tư duy học thuật rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có chiều sâu, sử dụng dẫn chứng chọn lọc, chính xác và biết khái quát, liên hệ tốt với tiến trình văn học dân tộc.

• **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu tương đối đầy đủ kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và các vấn đề trọng tâm của học phần. Có khả năng phân tích và trình bày hợp lý các vấn đề sư phạm; sử dụng dẫn chứng phù hợp. Bài làm có cấu trúc rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ nhưng chưa thật sâu sắc hoặc chưa thể hiện rõ tính khái quát và phản biện.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học nắm được kiến thức cơ bản nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống về nghiệp vụ sư phạm. Có khả năng trình bày và nhận diện vấn đề sư phạm nhưng phân tích còn đơn giản. Lập luận chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm vững kiến thức nền tảng của học phần. Không hoặc rất hạn chế khả năng phân tích vấn đề sư phạm. Bài làm thiếu cấu trúc, lập luận yếu.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				điểm.			
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sử dụng phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông – Môn Ngữ văn – Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông đại trà*, NXB ĐHSP, 2020.

13.2. Tài liệu tham khảo

Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Dạy học phát triển năng lực Ngữ văn trung học phổ thông*, NXB. Đại học Sư phạm, 2020.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Thị Lợi

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	4.0
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	2.0
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	3.0
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng chưa	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	1.0

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%*)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%*)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt	chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
Điểm chữ
Xếp loại
Mức đạt CLO

.....
.....
.....
.....

GIẢNG VIÊN CHĂM
 (Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần:
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Nhận thức về bối cảnh giáo dục phổ thông, vai trò giáo viên và nguyên tắc ứng xử	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện bối cảnh trường phổ thông hiện nay; định vị xuất sắc vị trí, vai trò người thầy; hệ thống hóa mạch lạc các nguyên tắc ứng xử và cấu trúc quy trình dạy học Ngữ văn đặc trưng.	Trình bày đúng và khá đầy đủ về bối cảnh, vai trò giáo viên và quy trình tổ chức dạy học; tuy nhiên phân phân tích các nguyên tắc ứng xử sư phạm còn mang tính liệt kê, chưa liên hệ sâu với thực tiễn môn Ngữ văn.	Nêu được vai trò giáo viên và quy trình dạy học nhưng nội dung chủ yếu chép lại tài liệu lý thuyết; hiểu còn mơ hồ hoặc hơi hợt về bối cảnh đổi mới giáo dục ở phổ thông.	Hiểu sai lệch hoặc bỏ sót các nguyên tắc ứng xử sư phạm cốt lõi; không nắm được quy trình tổ chức một hoạt động dạy học Ngữ văn cơ bản.	
2	Năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy (Giáo án)	35%	CLO2	Thiết kế giáo án xuất sắc, sáng tạo, bám sát phát triển	Giáo án thiết kế đúng quy chuẩn, cấu trúc các hoạt động rõ	Giáo án còn thiết kế theo lối mòn (thiên về truyền thụ kiến	Giáo án không đúng cấu trúc quy định; nội dung bai	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	môn Ngữ văn			năng lực; các hoạt động dạy học (đọc/viết/nói-nghe) có cấu trúc quy trình rõ ràng; chuỗi hoạt động logic; phương pháp đánh giá học sinh đa dạng, khả thi.	ràng và phù hợp với đặc trưng thể loại/văn bản Ngữ văn; mục tiêu và phương pháp đánh giá có sự tương thích tốt dù vài hoạt động còn hơi truyền thống.	thức một chiều); quy trình tổ chức các hoạt động dạy học còn lúng túng, thiếu sự liên kết chặt chẽ; phương pháp đánh giá học sinh sơ sài.	dạy sơ sài hoặc sai kiến thức chuyên môn; không thể hiện được quy trình tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn.	
3	Kỹ năng giao tiếp, phân tích và xử lý tình huống sư phạm	30%	CLO2, CLO3	Phân tích tình huống sư phạm cực kỳ sắc bén; đề xuất phương án xử lý và giao tiếp khéo léo, mang tính giáo dục cao, tôn trọng học sinh và giải quyết triệt để tận gốc vấn đề trong giờ học Văn.	Nhận diện đúng vấn đề của tình huống; giải quyết hợp lý, tuân thủ các nguyên tắc giao tiếp sư phạm; phương án xử lý có tính khả thi khá tốt nhưng ứng xử đôi chỗ còn hơi cứng nhắc.	Phương án xử lý tình huống còn mang tính chủ quan, ập đặt hoặc giải quyết bề nổi; kỹ năng giao tiếp sư phạm thể hiện trong bài viết còn vụng về, chưa thuyết phục.	Không phân tích được tình huống; đưa ra cách xử lý sai nguyên tắc ứng xử sư phạm (gây tổn thương học sinh, vi phạm đạo đức nhà giáo) hoặc hoàn toàn bỏ trống phần này.	
4	Tư duy giải quyết vấn đề và hình thức văn	15%	CLO3	Lập luận, phân tích vấn đề cực kỳ logic, thuyết phục và có	Bài viết có kết cấu rõ ràng; tư duy giải quyết vấn đề mạch	Bố cục bài viết chưa cân đối; diễn đạt còn mang tính cảm tính,	Bài viết lộn xộn, lập luận rời rạc; vi phạm nghiêm trọng	



STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	bản học thuật			chiều sâu nghề nghiệp; cấu trúc tiểu luận hoàn hảo; văn phong su phạm chuẩn mực, khách quan; trích dẫn tài liệu chính xác.	lạc; văn phong phù hợp với môi trường giáo dục; trích dẫn đầy đủ đủ con vại lỗi nhỏ về định dạng hoặc lỗi chính tả.	thiếu ngôn ngữ chuyên môn su phạm; hệ thống trích dẫn tài liệu tham khảo còn lộn xộn, mắc nhiều lỗi format.	liêm chính học thuật (sao chép giáo án, đạo văn từ mạng); văn phong cầu thả, không đạt chuẩn văn bản học thuật.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PR nội bộ và PR cộng đồng/ Internal PR and community PR
- Mã học phần: PUR445
- Số tín chỉ: 3
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: PUR303
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 03 ; Số giờ: 150 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 45 Giờ
 - + Giờ giảng: 30 Giờ
 - + Thảo luận: 15 Giờ
 - Giờ kiểm tra: 0 Giờ
 - Giờ tự học: 105 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Phạm Thị Hương
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0934976916
- Email: huongpt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Thùy
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918058901
- Email: thuynt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu khái niệm và nội dung của PR nội bộ và PR cộng đồng. Mục tiêu, tổ chức, kỹ năng quản lý các hoạt động này trong thực tiễn. Nhận thức về vai trò của PR nội bộ và PR cộng đồng đối với doanh nghiệp, cách thức vận hành và

phát triển hoạt động PR nội bộ và cộng đồng, công cụ để cho hoạt động PR của doanh nghiệp hiệu quả. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, mục tiêu, công cụ và phương thức tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp/tổ chức; đồng thời giúp người học hiểu vai trò của văn hóa doanh nghiệp, quan hệ với giới truyền thông, trách nhiệm xã hội và quản trị truyền thông nội bộ – cộng đồng. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện khả năng xác định đối tượng truyền thông, lựa chọn công cụ phù hợp, xây dựng và tổ chức các hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng, thiết kế kế hoạch truyền thông và sự kiện tương bối cảnh thực tiễn; đồng thời hình thành tinh thần trách nhiệm, tư duy hợp tác và ý thức nghề nghiệp trong xây dựng văn hóa tổ chức, phát triển quan hệ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ (Bloom)
CLO1	Phân tích được các khái niệm, mục tiêu, công cụ, quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng trong doanh nghiệp, tổ chức.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Phân tích được vai trò của văn hóa tổ chức, truyền thông nội bộ, quan hệ cộng đồng, trách nhiệm xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng.	Mức 4 (Phân tích)
CLO3	Vận dụng được các công cụ truyền thông, kỹ năng tổ chức sự kiện và hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng để xây dựng các kế hoạch truyền thông phù hợp với bối cảnh thực tiễn.	Mức 3 (Vận dụng)
CLO4	Phân tích và đề xuất được các giải pháp tăng cường hiệu quả truyền thông nội bộ, phát triển quan hệ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội trong tổ chức.	Mức 4 (Phân tích)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương/Mục	Nội dung
Chương 1.	Khái quát cơ bản PR nội bộ và cộng đồng
1.1	Giới thiệu chung về học phần
1.2	Phương pháp học - Mục tiêu và Các tiêu chí đánh giá
1.3	Khái quát cơ bản PR nội bộ và cộng đồng
Chương 2.	Hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng
2.1	Phân biệt PR dịch vụ, PR nội bộ và PR cộng đồng
2.2	Xác định đối tượng truyền thông mục tiêu
2.3	Các phương thức chuyển tải thông điệp
2.4	Những trở ngại thường gặp với PR nội bộ và PR cộng đồng
Chương 3.	Văn hóa doanh nghiệp
3.1	Vai trò của PR nội bộ và cộng đồng đối với việc hình thành văn hóa doanh nghiệp
3.2	Tim hiệu doanh nghiệp/ tổ chức của bạn
3.3	Một số điển hình về văn hóa doanh nghiệp
Chương 4.	Quan hệ với giới truyền thông
4.1	Cung cấp thông tin cho báo chí
4.2	Theo dõi và xử lý thông tin
4.3	Giao lưu: Giao tiếp với nhà báo
Chương 5.	Quản trị truyền thông nội bộ và cộng đồng
5.1	Vai trò của công tác quản trị
5.2	Những nguyên tắc quản trị hiệu quả
5.3	Những vấn đề liên quan đến Luật pháp
5.4	Chiến lược và chiến thuật PR nội bộ
5.4.1	Chọn đúng chiến lược
5.4.2	Áp dụng chiến thuật nào
5.4.3	Phân tích tình huống
5.5	Vận hành các kênh truyền thông nội bộ
5.5.1	Thiết kế và sản xuất các tài liệu cho PR nội bộ và cộng đồng: Bản tin nội bộ, Trang thông tin nội bộ; Tài liệu dành cho cộng đồng
5.5.2	Tối ưu hóa hiệu quả của các kênh thông tin nội bộ
5.6	PR cộng đồng và kiến thức về trách nhiệm xã hội
5.6.1	Định nghĩa CSR
5.6.2	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và PR cộng đồng

5.6.3	Một số chương trình CSR điển hình
Chương 6.	Xây dựng chiến lược PR nội bộ và cộng đồng
6.1	Chiến lược PR và Thông điệp truyền thông
6.2	Tổ chức sự kiện
6.2.1	PR nội bộ và các sự kiện đối nội, đối ngoại
6.2.2	PR cộng đồng thông qua sự kiện
6.2.3	Cách thức tổ chức sự kiện
6.3	Ngân sách thực hiện
6.4	Đánh giá hiệu quả
6.5	Một số bài học thực tiễn
6.6	Vai trò của truyền thông nội bộ trong xử lý khủng hoảng truyền thông
6.7	Đánh giá quá trình PR
6.7.1	Thu thập – Báo cáo – Đo lường
6.7.2	Làm bài tập trắc nghiệm - Thảo luận

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hành vận dụng kiến thức về PR nội bộ và PR cộng đồng để phân tích một hoạt động truyền thông nội bộ hoặc chương trình PR cộng đồng thực tế của doanh nghiệp/tổ chức. Nội dung bài tập có thể gắn với việc nhận diện mục tiêu truyền thông, đối tượng công chúng, công cụ truyền thông nội bộ/cộng đồng, phân tích hiệu quả hoạt động PR, văn hóa doanh nghiệp hoặc trách nhiệm xã hội (CSR), đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông trong một bối cảnh cụ thể
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Người học thảo luận nhóm theo các câu hỏi, tình huống hoặc yêu cầu do giảng viên giao liên quan đến hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng, văn hóa doanh nghiệp, truyền thông nội bộ, quan hệ cộng đồng, CSR và tổ chức sự kiện truyền thông trong doanh nghiệp/tổ chức. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp, trình bày nhận định, phân tích tình huống hoặc xây dựng kế hoạch PR nội bộ hoặc PR cộng đồng, kế hoạch truyền thông nội bộ, chương trình CSR hoặc hoạt động gắn kết cộng đồng cho một doanh nghiệp/tổ chức giả định hoặc tình huống thực tế

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Khái quát cơ bản PR nội bộ và cộng đồng	5	1	0	10	16
2	Hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng	5	2	0	20	27
3	Văn hóa doanh nghiệp	3	1	0	8	12
4	Quan hệ với giới truyền thông	3	1	0	7	11
5	Quản trị truyền thông nội bộ và cộng đồng	7	5	0	30	42
6	Xây dựng chiến lược PR nội bộ và cộng đồng	7	5	0	30	42
	Tổng	30	15	0	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Vai trò của PR nội bộ trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp
2. PR nội bộ và quản trị nguồn nhân lực: mối quan hệ hỗ trợ
3. Các công cụ và kênh truyền thông nội bộ hiệu quả
4. Ngôn ngữ và phong cách giao tiếp trong PR nội bộ
5. Giải quyết xung đột và khủng hoảng trong nội bộ bằng PR
6. Sự khác biệt giữa PR cộng đồng và hoạt động từ thiện
7. Các hình thức hoạt động PR cộng đồng phổ biến
8. Chiến lược PR cộng đồng gắn với trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)
9. Xử lý khủng hoảng hình ảnh bằng hoạt động PR cộng đồng

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Khái quát cơ bản PR nội bộ và cộng đồng	X	X		

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 2. Hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng	X	X	X	
Chương 3. Văn hóa doanh nghiệp		X	X	X
Chương 4. Quan hệ với giới truyền thông	X	X	X	X
Chương 5. Quản trị truyền thông nội bộ và cộng đồng	X	X	X	X
Chương 6. Xây dựng chiến lược PR nội bộ và cộng đồng		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Hướng dẫn
- Giao nhiệm vụ.

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Nghe giảng
- Thảo luận
- Làm bài tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Hướng dẫn	X	X	X	X
Giao nhiệm vụ.		X	X	X
Nghe giảng	X	X		
Thảo luận		X	X	X
Làm bài tập		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các yêu cầu trong bài làm thuyết trình nhóm.
- Hoàn thành tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch do CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học	CLO1 CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 12-15	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric	Trình bày và phân tích các khái niệm, vai	Lấy dữ liệu đo từ

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
phần (Tiểu luận cuối kỳ)					đánh giá tiểu luận	trò, công cụ, quy trình PR nội bộ và PR cộng đồng; phân tích văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng, CSR hoặc hiệu quả truyền thông trong bối cảnh thực tiễn.	CLO1; CLO2
Quá trình (Thuyết trình – bài tập nhóm)	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 4–11	Bài tập nhóm; thuyết trình – phân biện; Rubric đánh giá thuyết trình	Phân tích tình huống PR nội bộ/PR cộng đồng; vận dụng công cụ truyền thông để xây dựng kế hoạch PR nội bộ, PR cộng đồng, CSR hoặc sự kiện truyền thông.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2; CLO3
Quá trình (Chuyên cần, tham gia học tập)	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm	Suốt học kỳ	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp học; mức độ tham gia thảo luận	Đánh giá tinh thần hợp tác, ý thức cộng đồng, trách nhiệm nghề nghiệp, sự chủ động trong học tập và hoàn thành nhiệm vụ.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Công cụ đo	Minh chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia thảo luận, phản biện, làm việc nhóm và tham gia các hoạt động liên quan đến PR nội bộ, PR cộng đồng, văn hóa doanh nghiệp và CSR trên lớp	CLO4	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp học; câu hỏi phát vấn	Sổ điểm danh; ghi nhận của giảng viên
Thuyết trình nhóm (30%)	Phân tích tình huống PR nội bộ/PR cộng đồng; xây dựng kế hoạch truyền thông nội bộ, chương trình CSR, hoạt động cộng đồng hoặc sự kiện truyền thông	CLO2; CLO3	Rubric thuyết trình & phản biện nhóm	Slide thuyết trình; phiếu đánh giá
Tiểu luận cuối kỳ (60%)	Phân tích hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng hoặc đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông trong doanh nghiệp/tổ chức	CLO1; CLO2	Rubric tiểu luận cuối kỳ	Bài tiểu luận

b. Rubrics đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích khái niệm, mục tiêu và công cụ PR	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, chính xác các khái niệm, mục tiêu và công	Phân tích đúng và khá đầy đủ các khái niệm, mục tiêu và công	Trình bày được các khái niệm và mục tiêu nhưng nội	Hiểu sai khái niệm, mục tiêu hoặc không phân biệt được

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				cụ PR nội bộ & cộng đồng; có sự so sánh, đối chiếu sắc bén.	cụ PR nội bộ & cộng đồng theo lý thuyết hiện đại.	dung còn sơ sài, chưa chỉ ra được sự khác biệt giữa các công cụ PR.	các công cụ PR nội bộ và cộng đồng.
2	Quy trình và hình thức tổ chức hoạt động PR	20%	CLO1	Mô tả xuất sắc, logic quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR; đề xuất được mô hình thực tế có tính khả thi cao.	Mô tả rõ ràng quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR, quy trình các bước có tính logic, hợp lý.	Mô tả được quy trình nhưng còn thiếu sót một số bước quan trọng; các hình thức tổ chức còn mang tính rập khuôn.	Mô tả sai lệch quy trình hoặc không nắm được các hình thức tổ chức hoạt động PR cơ bản.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
3	Vai trò văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ	20%	CLO2	Phân tích xuất sắc mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ; khẳng định được vai trò chủ đạo đối với hiệu quả PR nội bộ.	Phân tích rõ vai trò của văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ đối với hiệu quả hoạt động PR trong doanh nghiệp.	Phân tích còn đơn giản, mối liên hệ giữa văn hóa và truyền thông nội bộ chưa được làm rõ, còn thiếu các minh chứng.	Không phân tích được vai trò của văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ; hiểu sai bản chất vấn đề.
4	Quan hệ cộng đồng và trách nhiệm xã hội (CSR)	20%	CLO2	Phân tích sâu sắc vai trò của quan hệ cộng đồng và trách	Phân tích đúng vai trò của quan hệ cộng đồng và các hoạt	Có đề cập đến quan hệ cộng đồng và CSR nhưng phân	Không nắm được vai trò của quan hệ cộng đồng và trách

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				nhiệm xã hội; có góc nhìn đánh giá tiến bộ về tác động của CSR đến hình ảnh tổ chức.	động trách nhiệm xã hội (CSR) trong tổ chức, doanh nghiệp.	tích còn chung, thiếu sự gắn kết với mục tiêu chiến lược của tổ chức.	nhiệm xã hội; không đưa ra được đánh giá xác đáng.
5	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng & Kỹ năng trình bày	25%	CLO2	Phân tích toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả PR; lập luận sắc bén, logic; tiểu luận trình	Phân tích hợp lý các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả PR; tiểu luận trình bày rõ ràng, cấu trúc mạch lạc,	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng còn rời rạc; tiểu luận trúc lòng lẻo, mắc nhiều lỗi hình thức	Không chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng; tiểu luận bày cầu thả, vô tổ chức hoặc có dấu hiệu đạo văn.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				bày chuyên nghiệp, tuân thủ liên chính học thuật.	trích dẫn đúng quy chuẩn.	hoặc trích dẫn thiếu minh bạch.	

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Xuất sắc (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng trình bày & diễn đạt	30%	Vận dụng được các công cụ, hình thức truyền thông và kỹ năng tổ chức hoạt động PR nội bộ, PR cộng đồng và sự kiên truyền thông trong bối cảnh	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt tự tin; nội dung logic, sử dụng minh chứng và ví dụ phù hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng; nội dung phù hợp nhưng còn thiếu chiều sâu hoặc lỗi nhỏ.	Trình bày được nội dung cơ bản nhưng còn thiếu mạch lạc hoặc diễn đạt chưa tốt.	Trình bày rời rạc, khó hiểu, nội dung thiếu logic.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
			cảnh thực tiễn. (CLO3)				
2	Năng lực phân tích và phản biện trực tiếp	40%	Phân tích được vai trò của văn hóa doanh nghiệp, truyền thông nội bộ, quan hệ cộng đồng, trách nhiệm xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động PR nội bộ và PR cộng đồng. (CLO2)	Phân tích sâu, lập luận logic; phản biện tốt; trả lời câu hỏi chính xác và có dẫn chứng phù hợp.	Phân tích khá rõ; phản biện được phần lớn câu hỏi nhưng chưa thật sự sâu.	Phân tích còn đơn giản; trả lời được một phần câu hỏi nhưng lập luận còn hạn chế.	Không phản biện được hoặc trả lời thiếu căn cứ, thiếu logic.
3	Kỹ năng phối hợp & làm việc nhóm	30%	Đánh giá được vai trò của trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và ý thức cộng đồng trong xây dựng văn hóa tổ chức, quan hệ cộng đồng và hoạt động truyền thông nội bộ. (CLO4)	Nhóm phối hợp hiệu quả; phân công hợp lý; các thành viên tham gia tích cực và hỗ trợ nhau tốt.	Nhóm phối hợp tương đối tốt; phân công khá hợp lý.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều; một số thành viên tham gia hạn chế.	Thiếu phối hợp; phân công không rõ ràng hoặc phụ thuộc vào một vài thành viên.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

Nguyễn Đình Toàn, *Giáo trình Quan hệ công chúng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2024

12.2. Tài liệu tham khảo

- *PR theo kiểu Mỹ - Thúc đẩy PR trong thế giới công nghệ số*. Robert L. Dilenschneider. NXB Lao động – Xã hội, 2011

- *Tổ chức: hành vi, cơ cấu, quy trình*. James L. Gibson. Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2010

- *Corporate Communication: A guide to theory and practice*. Cornelissen, J. SAGE Publications 2009

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

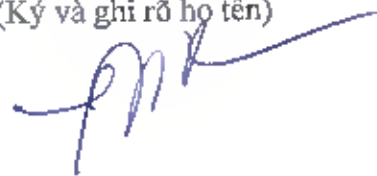
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hồng Thủy

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hương

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHÂN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: PR nội bộ và PR cộng đồng
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm.

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phân biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phân biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phân biện.	Phân công rõ ràng, hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIÊU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiêu luận qua CLO

Học phần: **PR nội bộ và PR cộng đồng**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trong số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích khái niệm, mục tiêu và công cụ PR	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, chính xác các khái niệm, mục tiêu và công cụ PR nội bộ & cộng đồng; có sự so sánh, đối chiếu sắc bén.	Phân tích đúng và khá đầy đủ các khái niệm, mục tiêu và công cụ PR nội bộ & cộng đồng theo lý thuyết hiện đại.	Trình bày được các khái niệm và mục tiêu nhưng nội dung còn sơ sài, chưa chỉ ra được sự khác biệt giữa các công cụ PR.	Hiểu sai khái niệm, mục tiêu hoặc không phân biệt được các công cụ PR nội bộ và cộng đồng.	
2	Quy trình và hình thức tổ chức hoạt động PR	20%	CLO1	Mô tả xuất sắc, logic quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR; đề xuất được mô hình thực tế có tính khả thi cao.	Mô tả rõ ràng quy trình và các hình thức tổ chức hoạt động PR; quy trình các bước có tính logic, hợp lý.	Mô tả được quy trình nhưng còn thiếu sót một số bước quan trọng; các hình thức tổ chức còn mang tính rập khuôn.	Mô tả sai lệch quy trình hoặc không nắm được các hình thức tổ chức hoạt động PR cơ bản.	
3	Vai trò văn hóa tổ chức và	20%	CLO2	Phân tích xuất sắc mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ; khẳng định được	Phân tích rõ vai trò của văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ đối với hiệu quả hoạt động	Phân tích còn đơn giản, mối liên hệ giữa văn hóa và truyền thông nội bộ	Không phân tích được vai trò của văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ; hiểu	



STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	truyền thông nội bộ			vai trò chủ đạo đối với hiệu quả PR nội bộ.	PR trong doanh nghiệp.	chưa được làm rõ, còn thiếu các minh chứng.	sai bản chất vấn đề.	
4	Quan hệ cộng đồng và trách nhiệm xã hội (CSR)	20%	CLO2	Phân tích sâu sắc vai trò của quan hệ cộng đồng và trách nhiệm xã hội; có góc nhìn đánh giá tiến bộ về tác động của CSR đến hình ảnh tổ chức.	Phân tích đúng vai trò của quan hệ cộng đồng và các hoạt động tách nhiệm xã hội (CSR) trong tổ chức, doanh nghiệp.	Có đề cập đến quan hệ cộng đồng và CSR nhưng phân tích còn chung chung, thiếu sự gắn kết với mục tiêu chiến lược của tổ chức.	Không nắm được vai trò của quan hệ cộng đồng và trách nhiệm xã hội; không đưa ra được đánh giá xác đáng.	
5	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng & Kỹ năng trình bày	25%	CLO2	Phân tích toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả PR; lập luận sắc bén, logic; tiêu luận trình bày bay chuyển nghiệp, tuân thủ liên chính học thuật.	Phân tích hợp lý các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả PR; tiêu luận trình bày rõ ràng, cấu trúc mạch lạc, trích dẫn đúng quy chuẩn.	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng còn rời rạc; tiêu luận cấu trúc lỏng lẻo, mắc nhiều lỗi hình thức hoặc trích dẫn thiếu minh bạch.	Không chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng; tiêu luận trình bày câu trả, vô tổ chức hoặc có dấu hiệu đạo văn.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Biên kịch phim ngắn (Short Film Screenwriting)**
- Mã học phần: **MMC405**
- Số tín chỉ: **2**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **Không**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **02** ; Số giờ: **30** , trong đó
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp:
 - + Giờ giảng: **20 Giờ**
 - + Thuyết trình: **10**
 - Giờ kiểm tra: **Giờ**
 - Giờ tự học: **70 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Phạm Thị Hồng Thái**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908272840**
- Email: **ThaiPTH@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Minh Hùng**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Văn Hiến**
- Điện thoại: **0913.150915**
- Email: **minhhung.cm.vtv@gmail.com**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về điện ảnh; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thể loại phim ngắn; cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về kịch bản phim ngắn, về nhân vật, cấu trúc, tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, viết cảnh phim, thoại phim. Ngoài ra, học phần còn trang bị kiến thức về cách trình bày kịch bản phim ngắn trước hội đồng thẩm định.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về biên kịch phim ngắn, ngôn ngữ điện ảnh, đặc điểm phim ngắn và vai trò của kịch bản trong sản xuất phim. Qua đó, sinh viên xây dựng được ý tưởng, nhân vật, tình huống truyện, cấu trúc ba hồi, tóm tắt nội dung, đề cương chi tiết, cảnh phim, thoại phim; hoàn thiện và thuyết trình kịch bản phim ngắn theo chuẩn trình bày chuyên nghiệp. Học phần đồng thời hình thành tinh thần sáng tạo độc lập, chủ động, nghiêm túc; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bản quyền ý tưởng, trách nhiệm của người làm nội dung và thái độ chuyên nghiệp trong môi trường sản xuất phim.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
CLO1	Phân tích được đặc trưng của phim ngắn, ngôn ngữ điện ảnh và các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn như ý tưởng, nhân vật, xung đột, chủ đề và cấu trúc tự sự.	Mức 4 (phân tích)
CLO2	Thiết kế và xây dựng được tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật và các cảnh phim phù hợp với mục tiêu truyền thông và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh.	Mức 6 (Sáng tạo)
CLO3	Vận dụng được kỹ năng trình bày, phản biện, hoàn thiện và bảo vệ ý tưởng kịch bản phim ngắn; sử dụng các công cụ hỗ trợ sáng tạo nội dung trong quá trình xây dựng kịch bản.	Mức 3 (Vận dụng)
CLO4	Thể hiện tinh thần sáng tạo độc lập, trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tôn trọng bản quyền và đạo đức của người làm nội dung trong quá trình xây dựng và phát triển kịch bản phim ngắn.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/trương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1			X					
CLO2				X				
CLO3					X	X		
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim
1.1.	Khái quát về điện ảnh và ngôn ngữ điện ảnh
1.2.	Các yếu tố cơ bản của điện ảnh: hình ảnh, âm thanh, dựng phim, bối cảnh, diễn xuất
1.3.	Đặc điểm của phim ngắn và yêu cầu đối với kịch bản phim ngắn
1.4.	Kịch bản phim là gì và vai trò của kịch bản trong quy trình sản xuất phim
1.5.	Tiêu chí phân tích và đánh giá kịch bản phim ngắn
Chương 2	Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn
2.1.	Thể loại phim và định hướng phong cách kể chuyện
2.2.	Chủ đề, tựa đề và thông điệp của kịch bản
2.3.	Cấu trúc ba hồi trong phim ngắn
2.4.	Xung đột, tình huống truyện và điểm ngoặt
2.5.	Mối quan hệ giữa chủ đề, cấu trúc và cảm xúc người xem
Chương 3	Xây dựng và phát triển nhân vật
3.1.	Nguyên tắc sáng tạo nhân vật trong phim ngắn
3.2.	Mục tiêu, động cơ, xung đột và hành trình phát triển của nhân vật
3.3.	Quan hệ giữa nhân vật chính, nhân vật phụ và bối cảnh truyện
3.4.	Các mô típ nhân vật phổ biến trong điện ảnh
3.5.	Đánh giá tính thuyết phục và chức năng tự sự của nhân vật
Chương 4	Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn
4.1.	Hình thành ý tưởng từ đời sống, trải nghiệm cá nhân và quan sát xã

Chương	Nội dung
	hội
4.2.	Phát triển ý tưởng từ tin tức, báo chí và sự kiện thực tế
4.3.	Phát triển ý tưởng từ tác phẩm nghệ thuật, văn học, nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc
4.4.	Phát triển ý tưởng từ sản phẩm truyền thông và văn hóa đại chúng
4.5.	Lựa chọn, đánh giá và hoàn thiện ý tưởng phù hợp với phim ngắn
Chương 5	Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn
5.1.	Viết tóm tắt nội dung và đề cương chi tiết
5.2.	Viết cảnh phim theo tư duy kể chuyện bằng hình ảnh
5.3.	Viết thoại phim phù hợp với nhân vật, tình huống và nhịp phim
5.4.	Trình bày kịch bản theo chuẩn chuyên nghiệp
5.5.	Chỉnh sửa kịch bản dựa trên phản hồi, tính logic và khả năng sản xuất
Chương 6	Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản
6.1.	Viết logline cho kịch bản phim ngắn
6.2.	Viết synopsis một trang
6.3.	Xây dựng moodboard thể hiện phong cách hình ảnh, màu sắc và cảm xúc phim
6.4.	Xây dựng sơ đồ nhân vật và quan hệ nhân vật
6.5.	Lựa chọn bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu và chất liệu tham khảo
6.6.	Thuyết trình và bảo vệ kịch bản trước hội đồng thẩm định
6.7.	Đạo đức nghề nghiệp, bản quyền ý tưởng và trách nhiệm của người viết kịch bản

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Chuẩn bị các nội dung bài học
	- Đọc tài liệu theo hướng dẫn - Viết ra những nội dung cần trao đổi
6.2.2	Thuyết trình nhóm theo chủ đề
	- Các nhóm chuẩn bị và trình bày trước lớp về hồ sơ ý tưởng kịch bản phim ngắn, gồm logline, synopsis, đề cương chi tiết, mood board, sơ đồ nhân vật, bối cảnh, âm nhạc và hình ảnh mẫu

	- Thực hiện phân biện, đặt câu hỏi và nhận xét chéo giữa các nhóm
--	---

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ			
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ Tự học	Tổng
1	Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim	5	0	6	11
2	Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn	3	2	6	11
3	Xây dựng và phát triển nhân vật	3	2	7	12
4	Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn	3	2	7	12
5	Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn	3	2	7	12
6	Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản	3	2	7	12
	Tổng	20	10	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN/THUYẾT TRÌNH GỢI Ý

- 1/ Phân tích đặc trưng phim ngắn và vai trò của kịch bản trong quy trình sản xuất phim
- 2/ Đánh giá vai trò của thể loại, chủ đề, tựa đề và cấu trúc tự sự trong câu chuyện phim ngắn
- 3/ Thiết kế hệ thống nhân vật cho kịch bản phim ngắn
- 4/ Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn từ đời sống, báo chí, tác phẩm nghệ thuật và sản phẩm truyền thông
- 5/ Xây dựng cảnh phim và thoại phim theo tư duy kể chuyện bằng hình ảnh
- 6/ Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ ý tưởng kịch bản phim ngắn

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Dẫn nhập về điện ảnh, phim ngắn và kịch bản phim	X			X
Chương 2: Phân tích các yếu tố tự sự trong kịch bản phim ngắn	X	X		
Chương 3: Xây dựng và phát triển nhân vật	X	X		

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 4: Phát triển ý tưởng kịch bản phim ngắn		X	X	X
Chương 5: Viết, hoàn thiện và chỉnh sửa kịch bản phim ngắn		X	X	X
Chương 6: Xây dựng hồ sơ, thuyết trình và bảo vệ kịch bản		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy – học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng tích cực
- Phát vấn
- Thảo luận
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy – học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng/ dạy trực tiếp	X			
Phát vấn/câu hỏi gợi mở	X	X		
Thảo luận	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm	X	X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia làm bài và nộp bài tiểu luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình – Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận/Bài tập lớn	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30% theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Kết thúc học phần (Báo cáo tiểu luận)	CLO1, CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận/Sản phẩm	Nội dung tiểu luận gồm các đề mục chính: 1. Giới thiệu vấn đề, chủ đề hoặc ý tưởng phim ngắn được lựa chọn. 2. Trình bày cơ sở lý thuyết hoặc khái niệm liên quan đến điện ảnh, đặc trưng phim ngắn và kịch bản phim ngắn. 3. Phân tích các yếu tố cấu thành kịch bản phim ngắn, gồm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, xung đột và	CLO1 CLO2

Dánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						chủ đề. 4. Thiết kế và phát triển logline, synopsis, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 5. Làm rõ mục tiêu truyền tải thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh qua moodboard, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu hoặc chất liệu tham khảo. 6. Kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục nếu có.	
Quá trình Giữa kỳ	CLO3	30%	Kiến thức, kỹ năng	Tuần 2–5	Thuyết trình, thảo luận–phản biện nhóm	Nội dung thuyết trình gồm các phần chính chủ đề đã nêu ở trên: 1. Trình bày chủ đề hoặc ý tưởng kịch bản phim ngắn được lựa chọn. 2. Giới thiệu logline, synopsis, đề cương chi tiết và hệ thống nhân vật. 3. Phân tích sự phù hợp giữa cốt truyện, nhân vật, chủ đề, xung đột và mục tiêu truyền tải thông điệp. 4. Kỹ năng trình bày sơ đồ nhân vật, bối cảnh, âm nhạc, hình ảnh mẫu, chất lượng slide 5. Sự phối hợp của thành viên nhóm, phản biện hiệu quả	CLO3
Quá trình liên tục	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ Tuần 1–6	Bảng kiểm chuyên cần (11.3.a)	Nội dung theo dõi gồm: 1. Mức độ tham dự đầy đủ các buổi học. 2. Tinh thần chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ học tập. 3. Mức độ tham gia thảo luận, làm việc nhóm và	CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						hoạt động trên lớp. 4. Thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến người khác. 5. Ý thức trách nhiệm, đúng hạn và tuân thủ quy định học tập.	

11.3. Công cụ đo CLO

a. Ma trận công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài	CLO3	Bảng kiểm chuyên cần	Sổ điểm danh của GV, ghi nhận trả lời câu hỏi của SV
Thuyết trình nhóm (30%)	Trình bày và bảo vệ hồ sơ ý tưởng kịch bản phim ngắn gồm logline, synopsis, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật, moodboard, bối cảnh, âm nhạc và hình ảnh mẫu; phân tích sự phù hợp giữa ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh.	CLO1, CLO2,	Rubric thuyết trình & phản biện	Slide, phiếu đánh giá
Tiểu luận (60%)	Phân tích và phát triển hồ sơ kịch bản phim ngắn gồm đề tài, ý tưởng, chủ đề, nhân vật, xung đột, cấu trúc ba hồi, tóm tắt kịch bản, đề cương chi tiết, cảnh phim và thoại phim; đề xuất chỉnh sửa, lý giải đạo đức biên kịch và bản quyền ý tưởng.	CLO1, CLO2,	Rubric tiểu luận	Bài tiểu luận

b. Rubrics đánh giá bài tiểu luận.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích đặc trưng phim ngắn và ngôn ngữ điện ảnh	15%	CLO1	Phân tích xuất sắc, sắc bén đặc trưng phim ngắn và cách sử dụng ngôn ngữ điện ảnh (góc máy, ánh sáng, nhịp điệu) một cách hiệu quả, chuyên nghiệp.	Phân tích rõ đặc trưng phim ngắn và vận dụng đúng các kiến thức về ngôn ngữ điện ảnh trong bài viết.	Trình bày được đặc trưng phim ngắn nhưng việc phân tích ngôn ngữ điện ảnh còn sơ sài, thiếu tính hệ thống và ví dụ minh họa.	Không hiểu đặc trưng phim ngắn; phân tích sai lệch các thành tố của ngôn ngữ điện ảnh.
2	Phân tích các yếu tố cấu thành kịch bản (ý tưởng, xung đột, tự sự)	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, logic sự vận động của ý tưởng, chiều sâu nhân vật, xung đột cao trào và cấu trúc tự sự chặt chẽ, cuốn hút.	Phân tích đúng các yếu tố: ý tưởng, nhân vật, xung đột và cấu trúc tự sự trong kịch bản phim ngắn; lập luận mạch lạc.	Trình bày được các yếu tố cấu thành nhưng phân tích còn mang tính liệt kê, thiếu sự kết nối giữa xung đột và cấu trúc tự sự.	Không phân tích được các yếu tố cấu thành; hiểu sai về vai trò của xung đột hay cấu trúc tự sự trong phim ngắn.
3	Xây dựng hệ thống nhân vật và tóm tắt kịch	20%	CLO2	Xây dựng hệ thống nhân vật có chiều sâu, động cơ	Xây dựng được hệ thống nhân vật rõ nét;	Hệ thống nhân vật còn mờ nhạt, thiếu động	Nhân vật không có tính

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
	bản (Synopsis)			rõ ràng; tóm tắt kịch bản (Synopsis) hấp dẫn, thể hiện tư duy kể chuyện sáng tạo, logic.	bản tóm tắt kịch bản (Synopsis) đảm bảo đầy đủ các sự kiện chính và hướng kể chuyện.	co; bản tóm tắt kịch bản còn rời rạc, chưa làm rõ được cốt truyện chính.	cách; bản tóm tắt không thể hiện được nội dung hoặc mục tiêu kể chuyện.
4	Xây dựng đề cương chi tiết (Treatment) và hệ thống cảnh phim	25%	CLO2	Thiết kế đề cương chi tiết (Treatment) với các cảnh phim được mô tả giàu hình ảnh, nhịp điệu tốt và bám sát mục tiêu truyền thông đề ra.	Xây dựng được đề cương chi tiết (Treatment) với hệ thống cảnh phim logic, đảm bảo đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh.	Đề cương chi tiết còn sơ sài, các cảnh phim thiếu tính liên kết hoặc chưa làm rõ được cách thức thể hiện bằng hình ảnh.	Đề cương không rõ ràng; các cảnh phim rời rạc, không phục vụ cho mục tiêu kể chuyện.
5	Tư duy hình ảnh, hiệu quả truyền thông & Kỹ năng học thuật	20%	CLO2	Kịch bản có khả năng truyền thông cao, tư duy hình ảnh mạnh mẽ; bài tiểu luận trình bày chuyên nghiệp, cấu trúc chặt	Kịch bản phù hợp mục tiêu truyền thông; tiểu luận trình bày rõ ràng, cấu trúc mạch lạc, trích dẫn đúng quy	Tư duy hình ảnh chưa sắc nét; tiểu luận cấu trúc lỏng lẻo, mắc nhiều lỗi định dạng văn bản hoặc lỗi diễn đạt.	Không có tư duy hình ảnh; tiểu luận câu thả, không đạt yêu cầu học

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				chế, tuân thủ nghiêm chỉnh học thuật.	chuẩn hình thức.		thuật hoặc có dấu hiệu đạo văn.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Xuất sắc (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và liên hệ.
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phần biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt và trình bày hồ sơ kịch bản đã tinh chỉnh	30%	CLO3 Mức 3	Diễn đạt trôi chảy, tự tin, có điểm nhấn; trình bày rõ logline, synopsis, đề cương chi tiết, hệ thống nhân vật và các điểm đã tinh chỉnh; sử dụng slide hoặc tư liệu minh họa hiệu quả; làm nổi bật cốt truyện, thông điệp và tư duy kể chuyện bằng hình ảnh của phim	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; nêu được các thành phần chính của hồ sơ kịch bản đã tinh chỉnh; slide tương đối phù hợp; truyền tải được trọng tâm ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng hình ảnh của	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc vào slide hoặc tài liệu; phần trình bày về các điểm tinh chỉnh chưa đầy đủ; diễn đạt chưa liền mạch; liên hệ giữa cốt truyện, nhân vật, thông điệp và hình ảnh kể chuyện	Diễn đạt lúng túng, chủ yếu đọc slide; không làm rõ được logline, synopsis, đề cương, nhân vật hoặc các điểm tinh chỉnh; bài trình bày rời rạc, thiếu trọng tâm, chưa thể hiện yêu cầu của hồ sơ kịch bản phim ngắn.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
				ngắn.	phim ngắn.	còn đơn giản.	
2	Năng lực phân biện và bảo vệ phương án tình chính kịch bản	40%	CLO3 Mức 3	Phản xạ nhanh trước câu hỏi; bảo vệ được phương án tình chính cốt truyện, cấu trúc, xung đột, nhân vật, chủ đề và hình ảnh kể chuyện bằng lập luận có căn cứ; tiếp thu phản hồi chuyên nghiệp; đề xuất hướng điều chỉnh hợp lý, khả thi và phù hợp mục tiêu truyền tải thông điệp.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận khá logic; giải thích được sự phù hợp giữa các điểm tình chính với ý tưởng, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh; có khả năng điều chỉnh quan điểm khi nhận phân biện.	Trả lời được một phần câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; giải thích mối quan hệ giữa phương án tình chính, nhân vật, cấu trúc, thông điệp và hình ảnh kể chuyện còn chung chung.	Không phân biện được hoặc trả lời sai lệch; không bảo vệ được phương án tình chính; thiếu căn cứ khi giải thích nhân vật, cấu trúc, xung đột, chủ đề hoặc đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh của phim ngắn.
3	Kỹ năng phối hợp nhóm và thái độ nghề nghiệp khi thuyết trình, phản	30%	CLO3 Mức 3	Phối hợp nhịp nhàng; phân vai rõ ràng, hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày và phản biện; thể hiện tinh thần tự chủ, trách nhiệm, tôn trọng phản hồi, tuân thủ đạo đức biên	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt; thể hiện thái độ nghiêm túc, hợp tác, có ý thức trách	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế; thái độ hợp tác, trách	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; một số thành viên không tham gia hoặc thiếu trách nhiệm; chưa thể hiện thái độ nghề

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	phản biện			kịch, bản quyền ý tưởng và thái độ nghề nghiệp trong quá trình hoàn thiện kịch bản.	nhiệm và tôn trọng phản hồi trong quá trình trình bày, bảo vệ hồ sơ kịch bản.	nhiệm và tiếp nhận phản hồi chưa ổn định.	nghịệp, tinh thần hợp tác và sự tôn trọng trong thuyết trình, phản biện.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Quang Lập (2022), *Để trở thành nhà biên kịch phim truyện : Cuốn sách không thể thiếu cho những nhà biên kịch tương lai*, Nxb Thế Giới

- Lê Chí Linh (2021), *Hành trình kịch bản triệu view : kiến tạo thương hiệu bạc tỷ từ kịch bản triệu view*, Nxb Dân trí

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hùng (2020), *Những thế giới song hành: từ truyện ngắn đến điện ảnh*, Nxb Huế

- Corrigan, T. (2014) Đ. N. Thắng & T. M. Hiếu, Dịch, *Hướng dẫn viết về phim*, Nxb Tri Thức

- Bruno TOUSSAINT (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình (Nguyễn Thị Hương, Phạm Tố Uyên dịch)*, NXB DIXIT/Jean Pierre FOUGEA – Hội Điện ảnh Việt Nam.

- Mascelli, Joseph V. (1991), *Nghệ thuật quay phim và video (Trần Văn Cang dịch, Lê Dũng chỉnh lý)*, NXB Thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

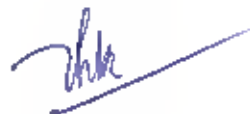
(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thái

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO2

Học phần:
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần:
 Lớp/Nhóm/Cá nhân:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích đặc trưng phim ngắn và ngôn ngữ điện ảnh	15%	CLO1	Phân tích xuất sắc, sắc bén đặc trưng phim ngắn và cách sử dụng ngôn ngữ điện ảnh (góc máy, ánh sáng, nhịp ảnh) một cách hiệu quả, chuyên nghiệp.	Phân tích rõ đặc trưng phim ngắn và vận dụng đúng các kiến thức về ngôn ngữ điện ảnh trong bài viết.	Trình bày được đặc trưng phim ngắn nhưng việc phân tích ngôn ngữ điện ảnh còn sơ sài, thiếu tính hệ thống và ví dụ minh họa.	Không hiểu đặc trưng phim ngắn; phân tích sai lệch các thành tố của ngôn ngữ điện ảnh.	
2	Phân tích các yếu tố cấu thành kịch bản (ý tưởng, xung đột, tự sự)	20%	CLO1	Phân tích sâu sắc, logic sự vận động của ý tưởng, chiều sâu nhân vật, xung đột cao trào và cấu trúc tự sự chặt chẽ, cuốn hút.	Phân tích đúng các yếu tố: ý tưởng, nhân vật, xung đột và cấu trúc tự sự trong kịch bản phim ngắn; lập luận mạch lạc.	Trình bày được các yếu tố cấu thành nhưng phân tích còn mang tính liệt kê, thiếu sự kết nối giữa xung đột và cấu trúc tự sự.	Không phân tích được các yếu tố cấu thành; hiểu sai về vai trò của xung đột hay cấu trúc tự sự trong phim ngắn.	
3	Xây dựng hệ thống nhân vật và	20%	CLO2	Xây dựng hệ thống nhân vật có chiều sâu, động cơ rõ	Xây dựng được hệ thống nhân vật rõ nét; bản tóm tắt kịch	Hệ thống nhân vật còn mờ nhạt, thiếu động cơ; bản tóm tắt	Nhân vật không có tính cách; bản tóm tắt không thể hiện được	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	tóm tắt kịch bản (Synopsis)			ràng; tóm tắt kịch bản (Synopsis) hấp dẫn, thể hiện tư duy kể chuyện sáng tạo, logic.	bản (Synopsis) đảm bảo đầy đủ các sự kiện chính và hướng kể chuyện.	kịch bản còn rời rạc, chưa làm rõ được cốt truyện chính.	nội dung hoặc mục tiêu kể chuyện.	
4	Xây dựng đề cương chi tiết (Treatment) và hệ thống cảnh phim	25%	CL.O2	Thiết kế đề cương chi tiết (Treatment) với các cảnh phim được mô tả giàu hình ảnh, nhịp điệu tốt và bám sát mục tiêu truyền thông đề ra.	Xây dựng được đề cương chi tiết (Treatment) với hệ thống cảnh phim logic, đảm bảo đặc trưng kể chuyện bằng hình ảnh.	Đề cương chi tiết còn sơ sài, các cảnh phim thiếu tính liên kết hoặc chưa làm rõ được cách thức thể hiện bằng hình ảnh.	Đề cương không rõ ràng; các cảnh phim rời rạc, không phục vụ cho mục tiêu kể chuyện.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
Điểm chữ
Xếp loại
Mức đạt CLO

.....
.....
.....
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Các thể loại báo chí (Newspaper)
- Mã học phần: PUR433
- Số tín chỉ: 02
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Tự chọn theo chuyên ngành sâu
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 02 ; Số giờ: 100 , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: 30 Giờ
 - + Giờ giảng: 20 Giờ
 - + Thảo luận: 10 Giờ
 - Giờ kiểm tra: ...Giờ
 - Giờ tự học: 70 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Xuân Tiến
- Chức danh, học vị: Thạc Sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Email: TienTX2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Xuân Mai
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903181493
- Email: maihx@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các thể loại báo chí được thể hiện trong các tác phẩm báo chí thuộc 4 loại hình báo in, phát thanh- truyền hình và báo trực tuyến. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ biết nhận diện các thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận) và biết đánh giá chất lượng một tác phẩm báo chí: đặc điểm về nội dung, hình thức và cách thể hiện của các tác phẩm báo chí ở các loại hình báo chí khác nhau. Phương pháp đánh giá cuối kỳ của học phần là hình thức tiểu luận.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức căn bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng kết cấu, ngôn ngữ và tiêu chí định hình giá trị tin tức của các thể loại báo chí trên các loại hình báo in, báo trực tuyến, phát thanh và truyền hình. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng sáng tạo, biên tập các thể loại báo chí ứng dụng trong quan hệ công chúng như bản tin sự kiện, bộ câu hỏi phỏng vấn, bài phản ánh, phóng sự doanh nghiệp; rèn luyện kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác thông tin đa chiều và vận dụng công cụ đa phương tiện để thiết kế sản phẩm nội dung số. Học phần đồng thời hình thành sự chủ động, nhạy bén với thời sự, tư duy đổi mới sáng tạo, ý thức tuân thủ Luật Báo chí Việt Nam, chuẩn mực đạo đức thông tin, tôn trọng bản quyền và trách nhiệm xã hội trong hoạt động báo chí – truyền thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Miền - Mức độ (Bloom)
CLO1	Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí, đặc trưng và tiêu chí nhận diện các thể loại báo chí trên các loại hình truyền thông.	Mức 4 (Phân tích)
CLO2	Phân tích được đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ, giá trị thông tin và khả năng ứng dụng của các thể loại báo chí trong hoạt động truyền thông và quan hệ công chúng.	Mức 4 (Phân tích)
CLO3	Xây dựng và biên tập được sản phẩm báo chí phù hợp với từng thể loại; vận dụng kỹ năng phát hiện đề tài, khai thác và xử lý thông tin trong môi trường truyền thông đa phương tiện.	Mức 4 (Phối hợp)
CLO4	Đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông thông qua việc lựa chọn và sử dụng phù hợp các thể loại báo chí; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm truyền thông.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2			X					
CLO3				X	X			
CLO4					X			

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÁC PHẨM BÁO CHÍ
1.1	Các quan niệm về tác phẩm báo chí
1.2	Tác phẩm báo chí là một hệ thống chỉnh thể
1.3	Tác phẩm báo chí là chỉnh thể trung tâm của đời sống báo chí
1.4	Yếu tố nội dung của tác phẩm báo chí
1.5	Yếu tố hình thức của tác phẩm báo chí
1.6	Tiêu chí đánh giá chất lượng một tác phẩm báo chí
Chương 2.	NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỂ LOẠI BÁO CHÍ
2.1	Quan niệm về thể loại báo chí
2.2	Tiêu chí nhận diện thể loại báo chí
2.3	Phân chia loại và các thể loại báo chí
2.4	Xu hướng phát triển của thể loại báo chí
Chương 3.	CÁC LOẠI VÀ THỂ LOẠI TÁC PHẨM BÁO CHÍ
3.1	Nhóm thông tấn
	- Tin
	- Phỏng vấn

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	-Viết tin, bài phản ánh, xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn, biên tập nội dung báo chí cho báo in và báo trực tuyến; đồng thời phân tích đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ và giá trị thông tin của các thể loại báo chí ứng dụng trong truyền thông tổ chức.

6.2.2	Bài tập nhóm
	Thực hiện phỏng sự doanh nghiệp, xây dựng kịch bản phỏng vấn, thiết kế bản tin truyền thông cho tổ chức, thuyết trình, phân biện về các vấn đề thời sự báo chí và vận dụng các thể loại báo chí trong xử lý tình huống truyền thông thực tiễn.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Những vấn đề lý luận về tác phẩm báo chí	7	3	0	25	35
2	Những vấn đề lý luận về thể loại báo chí	7	4	0	25	36
3	Các loại và thể loại tác phẩm báo chí	6	3	0	20	29
	Tổng	20	10	0	70	100

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Phân tích đặc trưng và vai trò của các thể loại báo chí trong hoạt động Quan hệ công chúng và truyền thông tổ chức.
2. Tiêu chí đánh giá giá trị tin tức và hiệu quả truyền thông của một tác phẩm báo chí.
3. Nghệ thuật phỏng vấn và kỹ năng xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn trong hoạt động PR.
4. Vai trò của storytelling trong phỏng sự doanh nghiệp và truyền thông thương hiệu.
5. Xu hướng phát triển của báo chí đa phương tiện và ứng dụng trong truyền thông số hiện nay.
6. Đạo đức nghề báo, Luật Báo chí Việt Nam và trách nhiệm xã hội của người làm truyền thông.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Những vấn đề lý luận về tác phẩm báo chí	X	X		

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 2. Những vấn đề lý luận về thể loại báo chí		X	X	
Chương 3. Các loại và thể loại tác phẩm báo chí			X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi trắc nghiệm kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1 Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình –	40%

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
		Phản biện nhóm (30%)	
2	Kết thúc học phần	Tiểu luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp bài đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ (Tiểu luận cuối kỳ)	CLO1 CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 6	Tiểu luận cuối kỳ – Rubric đánh giá tiểu luận	Đánh giá khả năng phân tích thể loại báo chí, vận dụng kiến thức lý luận và xây dựng sản phẩm nội dung báo chí ứng	Lấy dữ liệu đo từ CLO1, CLO2

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
						dụng trong PR..	
Quá trình	CLO2 ; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Tuần 1–5	Bài tập tình huống; thảo luận; thuyết trình – phản biện nhóm	Đánh giá kỹ năng khai thác thông tin, viết và biên tập các thể loại báo chí; kỹ năng trình bày, phản biện và làm việc nhóm.	Lấy dữ liệu đo từ CLO2, CLO3
Quá trình	CLO4	10%	Tự chủ và trách nhiệm học tập	Suốt học kỳ (Tuần 1–6)	Bảng kiểm soát chuyên cần;	Đánh giá tinh thần chủ động, ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và tuân thủ đạo đức nghề báo, truyền thông.	Lấy dữ liệu đo từ CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Công cụ đo	Mình chứng
Chuyên cần & tham gia (10%)	Tham gia học tập, thảo luận, chuẩn bị bài, tinh thần hợp tác và ý thức trách nhiệm trong hoạt động học tập báo chí – truyền thông	CLO4	Bảng kiểm chuyên cần; quan sát lớp; câu hỏi phát vấn	Sổ điểm danh; ghi nhận của GV
Thuyết trình nhóm	Phân tích các thể loại báo chí; kỹ năng xây dựng nội dung, trình bày, phản biện và vận dụng các thể loại	CLO2, CLO3	Rubric thuyết trình & phản biện nhóm	Slide thuyết trình; phiếu đánh giá

Hình thức đánh giá	Nội dung trọng tâm	CLO	Công cụ đo	Minh chứng
(30%)	báo chí trong hoạt động PR.			
Tiểu luận cuối kỳ (60%)	Xây dựng sản phẩm hoặc bài phân tích thể loại báo chí ứng dụng trong Quan hệ công chúng; vận dụng kỹ năng khai thác thông tin, biên tập và thiết kế nội dung truyền thông.	CLO1, CLO2,	Rubric tiểu luận cuối kỳ	Bài tiểu luận;

b. Rubric đánh giá tiểu luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
1	Phân tích lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tư duy phân biện về những vấn đề lý luận cơ bản của tác phẩm báo chí; hệ thống hóa kiến thức logic, chặt chẽ.	Phân tích đúng, rõ ràng và khá đầy đủ những vấn đề lý luận cơ bản của tác phẩm báo chí; lập luận dễ hiểu.	Trình bày được một số vấn đề lý luận cơ bản nhưng phân tích còn hời hợt, chủ yếu dừng ở mức liệt kê, thiếu chiều sâu.	Không phân tích được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí.
2	Phân tích đặc trưng và tiêu chí nhận diện thể loại báo chí	20%	CLO1	Chỉ ra và phân tích xuất sắc, rạch ròi các đặc trưng; vận dụng linh hoạt các tiêu chí để nhận diện và so sánh chính xác các thể loại trên đa dạng loại hình truyền thông.	Phân tích đúng các đặc trưng cơ bản; sử dụng đúng tiêu chí để nhận diện được các thể loại báo chí trên những loại hình truyền thông phổ biến.	Nhận diện được thể loại nhưng chưa phân tích rõ đặc trưng; đôi chỗ còn nhầm lẫn giữa các tiêu chí nhận diện trên một số loại hình truyền thông.	Nhận diện sai thể loại; không nắm được đặc trưng cũng như tiêu chí phân loại tác phẩm báo chí trên các loại hình truyền thông.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
3	Phân tích đặc điểm kết cấu và ngôn ngữ báo chí	20%	CLO2	Phân tích cực kỳ sắc bén, chỉ tiết đặc điểm kết cấu và sự linh hoạt, phù hợp của ngôn ngữ đối với từng thể loại báo chí; có minh chứng bằng tác phẩm thực tế thuyết phục.	Phân tích đúng, khá đầy đủ đặc điểm kết cấu và cách sử dụng ngôn ngữ đặc thù của các thể loại báo chí; có đưa ra ví dụ minh họa hợp lý.	Trình bày được đặc điểm kết cấu và ngôn ngữ nhưng nội dung sơ sài, nặng về lý thuyết, thiếu các dẫn chứng cụ thể từ các tác phẩm báo chí.	Phân tích sai lệch hoặc hoàn toàn không chỉ ra được đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ đặc thù của các thể loại báo chí.
4	Phân tích giá trị thông tin của các thể loại báo chí	20%	CLO2	Phân tích, đánh giá sâu sắc giá trị thông tin (tính thời sự, khách quan, định hướng, nhân văn...); làm nổi bật được chiều sâu thông điệp của thể loại báo chí đang xét.	Phân tích rõ ràng, hợp lý giá trị thông tin của các thể loại báo chí; chỉ ra được các yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị thông điệp của tác phẩm.	Có đề cập đến giá trị thông tin nhưng phân tích còn chung chung, chưa làm rõ được bản chất tin tức và tính định hướng của từng thể loại.	Không phân tích được hoặc đánh giá sai lệch hoàn toàn về giá trị thông tin của các tác phẩm/thể loại báo chí.
5	Khả năng ứng dụng trong truyền thông, PR và hình thức tiểu luận	25%	CLO2	Phân tích xuất sắc tính ứng dụng thực tiễn của thể loại báo chí trong hoạt động truyền thông và PR; tiểu luận có cấu trúc chặt chẽ, văn phong học thuật chuẩn mực, trích dẫn	Phân tích đúng và khả thi về khả năng ứng dụng trong truyền thông, PR; tiểu luận trình bày rõ ràng, ít lỗi	Nhận diện được khả năng ứng dụng nhưng phân tích gượng ép, thiếu thực tế; tiểu luận còn rời rạc, mắc nhiều lỗi format,	Không thấy được khả năng ứng dụng của tác phẩm báo chí trong truyền thông/PR; bài tiểu luận vi phạm nghiêm trọng quy

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)
				minh bạch.	văn bản, đúng quy chuẩn hình thức.	diễn đạt đôi chỗ lủng củng.	chuẩn trình bày hoặc có dấu hiệu đạo văn.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Xuất sắc (8.5 – 10):** Hiểu rõ kiến thức, giải thích, phân tích logic, có khả năng liên hệ thực tiễn.
- **Mức Khá (7.0 – 8.4):** Nắm vững nội dung cơ bản, giải thích, phân tích tương đối đầy đủ.
- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9):** Hiểu ở mức cơ bản, còn hạn chế trong giải thích và phân tích
- **Mức Yếu (<5.0):** Chưa nắm được kiến thức cốt lõi, trả lời thiếu chính xác.

c. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phân xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 3	Diễn đạt trôi chảy, có điểm nhấn; phối hợp hiệu quả lời nói, ánh mắt, cử chỉ và phương tiện trình chiếu; xử lý mạch tư duy linh hoạt khi trình bày nội dung/công cụ truyền thông PR.	Trình bày rõ ràng, mạch lạc; sử dụng ngôn ngữ cơ thể tương đối phù hợp; thao tác tư duy logic, truyền tải được trọng tâm vấn đề.	Nêu được ý chính nhưng còn phụ thuộc nhiều vào slide/tài liệu; diễn đạt chưa thật liên mạch; thao tác tư duy và ví dụ PR còn đơn giản.	Diễn đạt lủng túng, chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói; mạch tư duy rời rạc hoặc trình bày sai lệch nội dung.
2	Năng lực phản	40%	CLO3 Tâm	Phản xạ nhanh trước	Trả lời đúng trọng	Trả lời được một phần	Không phản biện

ST T	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	biện trực tiếp		vận động Mức 3	câu hỏi; trả lời đúng trọng tâm; biện luận sắc sảo, có căn cứ; sử dụng ví dụ PR phù hợp và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục; có thể điều chỉnh câu trả lời khi được hỏi sâu hoặc phân biện thêm.	câu hỏi nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ; ví dụ minh họa chưa thật phù hợp.	được, né tránh câu hỏi hoặc trả lời sai lệch; không bảo vệ được quan điểm khi bị chất vấn trực tiếp.
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	30%	CLO3 Tâm vận động Mức 3	Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; phân vai rõ ràng; hỗ trợ nhau hiệu quả khi trình bày và phân biện; tương tác tích cực với giảng viên và người học.	Nhóm có phân công rõ; chuyển tiếp tương đối mạch lạc; các thành viên hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày và trả lời câu hỏi.	Có phân công nhiệm vụ nhưng phối hợp chưa đồng đều; chuyển tiếp còn rời; một số thành viên tham gia hạn chế trong tương tác và phân biện.	Hoạt động nhóm rời rạc; thiếu phân công hoặc phối hợp; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm trong trình bày và phân biện.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Bài giảng của giảng viên phụ trách học phần
- Tài liệu bài giảng PowerPoint của giảng viên biên soạn

12.2. Tài liệu tham khảo

- Tạ Ngọc Tấn (chủ biên), Tác phẩm báo chí, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995
- Nhiều tác giả, Các thể loại báo chí, Nxb ĐHQG TPHCM, 2005

- Đinh Văn Hường, Các thể loại báo chí thông tấn, Nxb DHQG Hà Nội, 2006
- Dương Xuân Sơn, Các loại hình báo chí truyền thông, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2014
- Đức Dũng, Ký văn học và ký báo chí, Nxb Văn hoá- Thông tin, Hà Nội, 2003

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hồng Thủy

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Tiến

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Các thể loại báo chí
 Lớp/Nhóm:
 Chủ đề:
 Giảng viên chấm:
 Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biến luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN

Đánh giá theo Rubrics đánh giá năng lực làm tiểu luận qua CLO

Học phần: **Các thể loại báo chí**

Lớp/Nhóm/Cá nhân:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khả (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
1	Phân tích lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí	15%	CLO1	Phân tích sâu sắc, toàn diện và có tư duy phân biện về những vấn đề lý luận cơ bản của tác phẩm báo chí; hệ thống hóa kiến thức logic, chặt chẽ.	Phân tích đúng, rõ ràng và khá đầy đủ những vấn đề lý luận cơ bản của tác phẩm báo chí; lập luận để hiểu.	Trình bày được một số vấn đề lý luận cơ bản nhưng phân tích còn hơi hợt, chủ yếu dừng ở mức liệt kê, thiếu chiều sâu.	Không phân tích được hoặc hiểu sai lệch hoàn toàn những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm báo chí.	
2	Phân tích đặc trưng và tiêu chí nhận diện thể loại báo chí	20%	CLO1	Chỉ ra và phân tích xuất sắc, rạch ròi các đặc trưng; vận dụng linh hoạt các tiêu chí để nhận diện và so sánh chính xác các thể loại trên đa dạng loại hình	Phân tích đúng các đặc trưng cơ bản; sử dụng đúng tiêu chí để nhận diện được các thể loại báo chí trên những loại hình truyền thông phổ biến.	Nhận diện được thể loại nhưng chưa phân tích rõ đặc trưng; đôi chỗ còn nhầm lẫn giữa các tiêu chí nhận diện trên một số loại hình truyền thông.	Nhận diện sai thể loại; không nắm được đặc trưng cũng như tiêu chí phân loại tác phẩm báo chí trên các loại hình truyền thông.	

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
3	Phân tích đặc điểm kết cấu và ngôn ngữ báo chí	20%	CLO2	Phân tích cụ thể kỹ sắc bốn, chỉ tiết đặc điểm kết cấu và sự linh hoạt, phù hợp của ngôn ngữ đối với từng thể loại báo chí; có minh chứng bằng tác phẩm thực tế thuyết phục.	Phân tích đúng, khá đầy đủ đặc điểm kết cấu và cách sử dụng ngôn ngữ đặc thù của các thể loại báo chí; có đưa ra ví dụ minh họa hợp lý.	Trình bày được đặc điểm kết cấu và ngôn ngữ nhưng nội dung sơ sài, nặng về lý thuyết, thiếu các dẫn chứng cụ thể từ các tác phẩm báo chí.	Phân tích sai lệch hoặc hoàn toàn không chỉ ra được đặc điểm kết cấu, ngôn ngữ đặc thù của các thể loại báo chí.	
4	Phân tích giá trị thông tin của các thể loại báo chí	20%	CLO2	Phân tích, đánh giá sâu sắc giá trị thông tin (tính thời sự, khách quan, định hướng, nhân văn...); làm nổi bật được chiều sâu thông điệp của thể loại báo chí đang xét.	Phân tích rõ ràng, hợp lý giá trị thông tin của các thể loại báo chí; chỉ ra được các yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị thông điệp của tác phẩm.	Có đề cập đến giá trị thông tin nhưng phân tích còn chung chung, chưa làm rõ được bản chất tin tức và tính định hướng của từng thể loại.	Không phân tích được hoặc đánh giá sai lệch hoàn toàn về giá trị thông tin của các tác phẩm/thể loại báo chí.	
5	Khả năng ứng dụng trong truyền thông, PR	25%	CLO2	Phân tích xuất sắc tính ứng dụng thực tiễn của thể loại báo chí trong hoạt động truyền	Phân tích đúng và khá thi về khả năng ứng dụng trong truyền thông, PR; tiêu luận trình bày	Nhận diện được khả năng ứng dụng nhưng phân tích gương ép, thiếu thực tế; tiêu luận còn rời	Không thấy được khả năng ứng dụng của tác phẩm báo chí trong truyền thông/PR; bài tiểu	



STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lượng	Xuất sắc (8.5 – 10)	Khá (7.0 – 8.4)	Trung bình (5.0 – 6.9)	Yếu (<5.0)	Điểm
	và hình thức tiêu luận			thông và PR; tiêu luận có cấu trúc chặt chẽ, văn phong học thuật chuẩn mực, trích dẫn minh bạch.	rõ ràng, ít lỗi văn bản, đúng quy chuẩn hình thức.	rác, mắc nhiều lỗi format, diễn đạt đôi chỗ lủng củng.	luận vi phạm nghiêm trọng, quy chuẩn trình bày hoặc có dấu hiệu đạo văn.	
TỔNG ĐIỂM								

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số

Điểm chữ

Xếp loại

Mức đạt CLO

GIẢNG VIÊN CHĂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Thực tập tốt nghiệp Văn học (Internship for Graduation)**
- Mã học phần: LIT546
- Số tín chỉ: 5
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: LIT442
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân Văn
- Số tín chỉ: 5 ; Số giờ: 250 Trong đó:
 - Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp: 10 Giờ
 - Thảo luận nhóm: 50 Giờ
 - Thực tập ở cơ sở: 160 Giờ
 - Theo dõi, kiểm tra, đánh giá quá trình TTTN: 30 Giờ

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học XH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Đặng Quốc Minh Dương**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa Khoa học XH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0908479220**
- Email: **Duongdqm@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên ngành Văn học vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng vào môi trường doanh nghiệp như các đơn vị giáo dục trung học phổ thông, trung học cơ sở từ công lập đến tư nhân; cơ quan truyền thông, báo chí; các văn phòng, cơ quan hành chính sự nghiệp... tạo điều kiện để người rèn luyện thực tế. Học phần yêu cầu người học ứng dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp của người học tại các đơn vị lao động theo định hướng vị trí việc làm là giảng dạy ngữ văn phổ thông/chuyên viên truyền thông/nhân viên văn phòng; Thực hành thái độ, tác phong, trách nhiệm của người học trong môi trường làm việc thực tiễn; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, xử lý các tình huống nghiệp vụ năng cao.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Vận dụng tổng hợp và linh hoạt hệ thống kiến thức chuyên ngành Văn học vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở giáo dục, cơ quan truyền thông - báo chí hoặc các tổ chức hành chính sự nghiệp;
- Thực hành và đáp ứng hiệu quả các yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn tương ứng với định hướng vị trí việc làm (bao gồm: nghiệp vụ giảng dạy Ngữ văn, kỹ năng sáng tạo/biên tập nội dung truyền thông, hoặc các thao tác soạn thảo, quản trị văn phòng);
- Phát triển năng lực giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và linh hoạt đưa ra các giải pháp xử lý những tình huống nghiệp vụ năng cao phát sinh tại môi trường làm việc;
- Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động, văn hóa doanh nghiệp và các tiêu chuẩn về đạo đức, liêm chính nghề nghiệp tại cơ sở thực tập;
- Tự đánh giá và đối chiếu năng lực thực tiễn của bản thân với nhu cầu của thị trường lao động, từ đó chủ động xây dựng lộ trình rèn luyện để sẵn sàng hội nhập ngay sau khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Đánh giá được các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình thực tập tại cơ sở giáo dục, cơ quan truyền thông – báo chí hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp theo định hướng nghề nghiệp đã lựa chọn.	Mức 5 (Đánh giá)
2	CLO2	Lập kế hoạch khảo sát và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại cơ sở thực tập; vận dụng được các quy trình nghiệp vụ phù hợp để hoàn thành công việc được giao.	Mức 6 (Sáng tạo)
3	CLO3	Hình thành được kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm	Mức 4 (Phối

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		việc nhóm và phối hợp công việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp thực tế.	hợp)
4	CLO4	Đề xuất và thực hiện được các giải pháp xử lý tình huống nghiệp vụ phát sinh trong quá trình thực tập, bảo đảm tính hiệu quả, hợp lý và phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp.	Mức 5 (Tự nhiên hóa)
5	CLO5	Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp và tự đánh giá được năng lực bản thân để xây dựng định hướng phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp.	Mức 3 (Hình thành giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X	X					
CLO2			X	X				
CLO3				X	X			
CLO4					X	X		
CLO5						X	X	X

5. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
1.	Tổng quan về hoạt động thực tập tốt nghiệp
1.1.	Giới thiệu mục tiêu, yêu cầu thực tập
1.2.	Quy định và quy trình thực tập
1.3.	Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ, CV, kế hoạch thực tập
1.4.	Định hướng vị trí việc làm (giảng dạy, truyền thông, văn phòng)
2.	Tổng quan về doanh nghiệp thực tập và tổ chức công việc thực tập
2.1.	Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ đơn vị
2.2.	Quy trình làm việc và quy định nội bộ
2.3.	Quan sát và tiếp cận môi trường nghề nghiệp
2.4.	Thực hành các nhiệm vụ được phân công
3.	Một số kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống

Chương	Nội dung
3.1.	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường công sở
3.2.	Ứng xử với đồng nghiệp, cấp trên và khách hàng/học sinh
3.3.	Xử lý tình huống nghề nghiệp phát sinh
3.4.	Kỹ năng làm việc nhóm
4.	Thực hành nghiệp vụ chuyên môn
4.1.	Thực hành giảng dạy Ngữ văn (soạn bài, dự giờ, giảng thử, chủ nhiệm)
4.2.	Thực hành truyền thông (viết bài, biên tập nội dung, quản lý thông tin)
4.3.	Thực hành hành chính văn phòng (soạn thảo văn bản, lưu trữ hồ sơ)
5.	Đánh giá và hoàn thiện báo cáo
5.1.	Viết nhật ký thực tập
5.2.	Tổng hợp báo cáo thực tập
5.3.	Đánh giá hiệu quả công việc cá nhân
5.4.	Đề xuất cải tiến công việc

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học đọc tài liệu, lập kế hoạch thực tập và thực hiện công việc theo chỉ dẫn của người hướng dẫn thực tập.
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Các nhóm thực hiện các đề tài, chuyên đề, công việc theo yêu cầu của người hướng dẫn thực tập. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc cho người hướng dẫn thực tập

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 50 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận nhóm	Tham gia thực tập tốt nghiệp	Kiểm tra/đánh giá	Tổng
1	Tổng quan về hoạt động thực tập tốt nghiệp	2	5	0	0	7

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận nhóm	Tham gia thực tập tốt nghiệp	Kiểm tra/đánh giá	Tổng
2	Tổng quan về doanh nghiệp thực tập và tổ chức công việc thực tập	4	5	0	0	9
3	Một số kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống	4	5	0	0	9
4	Thực hành nghiệp vụ chuyên môn	0	30	160	0	190
5	Đánh giá và hoàn thiện báo cáo	0	5	0	30	35
	Tổng	10	50	160	30	250

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung các chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tổng quan về hoạt động thực tập tốt nghiệp					X
Tổng quan về doanh nghiệp thực tập và tổ chức công việc thực tập		X			
Một số kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống			X	X	
Thực hành nghiệp vụ chuyên môn	X	X		X	X
Đánh giá và hoàn thiện báo cáo	X				X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Tập huấn trước thực tập
- Hướng dẫn tại doanh nghiệp và quan sát thực tế
- Thực tập theo nhiệm vụ được phân công
- Đánh giá của doanh nghiệp
- Viết báo cáo, nhật ký thực tập
- Đánh giá báo cáo và nhật ký thực tập

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy – học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tập huấn trước thực tập		X			X
Hướng dẫn tại doanh nghiệp và quan sát thực tế		X	X		
Thực tập theo nhiệm vụ được phân công	X	X	X	X	X
Đánh giá của doanh nghiệp			X	X	X
Viết báo cáo, nhật ký thực tập	X	X		X	X
Đánh giá báo cáo và nhật ký thực tập	X	X		X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ 100% các buổi tập huấn, hướng dẫn thực tập do GV phụ trách và Khoa tổ chức.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, tự nghiên cứu và xây dựng kế hoạch thực tập chi tiết.

- Tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo mật thông tin và thời gian làm việc của cơ quan tiếp nhận thực tập.

- Chủ động quan sát, học hỏi và vận dụng kiến thức chuyên ngành Văn học vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tế (biên tập, truyền thông, hành chính văn phòng...); tích cực phối hợp làm việc nhóm với cán bộ tại cơ sở.

- Nộp báo cáo thực tập đúng thời hạn; tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, báo cáo tổng kết và nghiệm thu kết quả với GV phụ trách học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Học phần này không có điểm quá trình. Điểm cuối kì được tạo ra từ hai cột điểm: Điểm đánh giá từ phía cơ sở thực tập (trọng số 60%) và điểm bài báo cáo thực tập (trọng số 40%).

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Cơ sở thực tập	Đánh giá quá trình thực tập tại đơn vị (thái độ, kỷ luật, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ hoàn thành công việc)	60%
2	Bài báo cáo thực	Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập (kiến thức,	40%

<i>TT</i>	<i>Điểm thành phần</i>	<i>Hình thức đánh giá</i>	<i>Trọng số</i>
	tập	kỹ năng, phản tư nghề nghiệp).	

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số (%)	Miền/ Domain	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Cơ sở thực tập	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5	60%	Đánh giá cả quá trình	Trong suốt thời gian thực tập	Phiếu đánh giá của đơn vị thực tập (Rubric 4 mức)	Đánh giá năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, tác phong và thái độ nghề nghiệp	Điểm trung bình rubric theo tiêu chí
Bao cáo thực tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	40%	Đánh giá sản phẩm	Cuối học phần	Rubric chấm báo cáo thực tập	Đánh giá mức độ vận dụng kiến thức, năng lực phân tích, phản tư nghề nghiệp và đề xuất giải pháp	Điểm tổng rubric báo cáo

11.3. Công cụ đo CLO

Rubric đánh giá báo cáo thực tập

Mục tiêu: Đo lường mức độ đạt được các Chuẩn đầu ra học phần (CLO) của sinh viên năm cuối ngành Văn học thông qua chất lượng nội dung Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Tiêu chí đánh giá / CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
Tiêu chí 1: Đánh giá vấn đề nghiệp vụ chuyên môn (Đo lường CLO1 - Tối đa 3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Chỉ liệt kê công việc một cách đối phó. Không có khả năng phân tích hoặc đánh giá các nghiệp vụ cốt lõi (giảng dạy/truyền thông/văn phòng) tại cơ sở.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Mô tả được các nghiệp vụ nhưng sự đánh giá còn hời hợt, thiếu chiều sâu. Chưa gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết ngành Văn học và thực tiễn.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Phân tích và đánh giá khá tốt các vấn đề nghiệp vụ. Giải thích được quy trình làm việc và chỉ ra được các điểm thuận lợi, khó khăn trong thực tế.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Đánh giá cực kỳ sắc bén, đa chiều các vấn đề nghiệp vụ. Bộc lộ tư duy phân biện cao, thấu hiểu sâu sắc bản chất công việc tại cơ sở thực tập.
Tiêu chí 2: Mức độ hoàn thiện kế hoạch & Khảo sát dữ liệu (Đo lường CLO2 - Tối đa 3.0 điểm)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không có kế hoạch khảo sát rõ ràng. Không cung cấp được minh chứng thực tế cho các nhiệm vụ đã thực hiện.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Kế hoạch thực tập sơ sài. Hệ thống dữ liệu, số liệu khảo sát mờ nhạt; minh chứng (bài viết, giáo án, hồ sơ) còn thiếu hoặc chưa thuyết phục.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Có kế hoạch triển khai công việc khoa học. Thu thập được dữ liệu tương đối đầy đủ; hệ thống minh chứng rõ ràng, khớp với các nhiệm vụ được giao.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Lập kế hoạch xuất sắc. Hệ thống dữ liệu khảo sát và minh chứng (sản phẩm công việc) phong phú, logic, bám sát tuyệt đối tiến độ đề ra.
Tiêu chí 3: Kỹ năng trình bày, cấu trúc và văn phong (Đo lường CLO3 - Tối đa 2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Bố cục lộn xộn, không theo form	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Bố cục cơ bản đạt yêu cầu nhưng còn rời	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Cấu trúc báo cáo chặt chẽ, hình thức trình bày	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Hình thức trình bày xuất sắc, chuẩn mực.

Tiêu chí đánh giá / CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
<i>CLO3 - Tối đa 2.0 điểm)</i>	mẫu chuẩn. Mặc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp; văn phong lủng túng, thiếu chuyên nghiệp.	rac. Vẫn còn lỗi diễn đạt; văn phong chưa thể hiện được sự chín chu của sinh viên ngành Văn học.	sạch đẹp. Văn phong mạch lạc, logic, ngôn từ có tính thuyết phục và sử dụng đúng thuật ngữ chuyên môn.	Văn phong sắc sảo, tinh tế; bố cục logic hoàn hảo, bộc lộ rõ kỹ năng viết và xử lý văn bản chuyên nghiệp.
Tiêu chí 4: Khả năng phân tư và định hướng nghề nghiệp (Đo lường CLO5 - Tối đa 2.0 điểm)	Đạt dưới 1.0 điểm. Không có phần tự đánh giá hoặc viết sáo rỗng. Hoàn toàn không có định hướng phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	Đạt từ 1.0 - 1.3 điểm. Có đúc kết kinh nghiệm nhưng chung chung. Bài học rút ra chưa sâu sắc; định hướng tương lai còn mơ hồ, thiếu tính thực tiễn.	Đạt từ 1.4 - 1.6 điểm. Tự phân tư khá trung thực về ưu/khuyết điểm cá nhân. Thể hiện được trách nhiệm nghề nghiệp và vạch ra được lộ trình phát triển tương lai rõ ràng.	Đạt từ 1.7 - 2.0 điểm. Tự đánh giá bản thân sâu sắc, thấu đáo. Thể hiện ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp tuyệt vời. Xây dựng chiến lược rèn luyện và học tập suốt đời cực kỳ thuyết phục.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1 Tài liệu chính

- Vũ Thị Phụng (chủ biên), *Giáo trình Lý luận về quản trị văn phòng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.

- Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn Trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

- Nguyễn Văn Dũng & Đỗ Thị Thu Hằng, *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Diệp & Trần Phương Hiền, *Giáo trình Quản trị văn phòng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012.

- Đỗ Thị Thu Hằng, *Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đại chúng*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2023.

- Phạm Thị Thu Hương (chủ biên), *Giáo trình thực hành dạy học ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Khóa luận tốt nghiệp Văn học (Graduation Thesis in Literature)**
- Mã học phần: LIT547
- Số tín chỉ: 12 (0/12/0)
- bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Theo quy chế của Trường Đại học Văn Hiến
- Đơn vị phụ trách: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Số tín chỉ: 12 ; Số giờ: 600 , trong đó:
 - Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp: 40 Giờ
 - Thảo luận: 20 Giờ
 - Triển khai nghiên cứu và thực hiện: 440 Giờ
 - Hoàn thiện sản phẩm khóa luận/sản phẩm nghiên cứu: 60 giờ
 - Theo dõi, kiểm tra và đánh giá tiến độ: 40 Giờ

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Lê Dương Khắc Minh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918365444
- Email: Minhldk@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Huỳnh Thị Mai Trinh
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918807812
- Email: TrinhHTM@vhu.edu.vn

Giảng viên 3:

- Họ và tên: Hồ Văn Quốc
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905027481
- Email: quochv@vhu.edu.vn

Giảng viên 4:

- Họ và tên: Đoàn Trọng Thiệu
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918 438 058
- Email: ThieuDT@vhu.edu.vn

Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đặng Quốc Minh Dương
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0908 479 220
- Email: duongdqm@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần tích hợp cuối khóa, giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học và phương pháp nghiên cứu để thực hiện một công trình nghiên cứu hoặc sản phẩm học thuật trong lĩnh vực Văn học. Trong quá trình thực hiện, người học lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương, tổng quan tài liệu, xác lập cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, thu thập – xử lý tư liệu, viết báo cáo khóa luận và bảo vệ kết quả trước hội đồng. Học phần góp phần rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, năng lực tạo lập văn bản học thuật, kỹ năng trình bày – phản biện, ý thức trách nhiệm, đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học và phương pháp

nghiên cứu để thực hiện một công trình nghiên cứu hoặc sản phẩm học thuật trong lĩnh vực Văn học.

Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng xác định vấn đề nghiên cứu phù hợp; xây dựng đề cương khóa luận; lựa chọn cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu phù hợp; thu thập, xử lý, phân tích tư liệu; tạo lập văn bản khóa luận có cấu trúc logic, lập luận khoa học và tuân thủ quy định học thuật. Học phần đồng thời giúp người học rèn luyện năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng; hình thành ý thức trách nhiệm, tính tự chủ, đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật trong quá trình thực hiện khóa luận.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Hệ thống hóa và vận dụng được các tri thức nền tảng và chuyên sâu về văn học, ngôn ngữ, lý luận văn học để xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận cho khóa luận.	Mức 5 (Đánh giá)
2	CLO2	Xây dựng được cơ sở lý thuyết, phương pháp luận và thiết kế nghiên cứu phù hợp để giải quyết một vấn đề nghiên cứu văn học cụ thể.	Mức 6 (Sáng tạo)
3	CLO3	Đánh giá được độ tin cậy, giá trị học thuật của hệ thống tài liệu, dữ liệu văn bản và các quan điểm nghiên cứu nhằm hình thành lập luận khoa học cho khóa luận.	Mức 5 (Đánh giá)
4	CLO4	Bảo vệ và phản biện được kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục; sử dụng hiệu quả công cụ số trong tra cứu, xử lý tư liệu và trình bày kết quả nghiên cứu.	Mức 5 (Tự nhiên hóa)
5	CLO5	Lập kế hoạch nghiên cứu độc lập, quản lý tiến độ thực hiện đề tài; thể hiện tư duy phản biện, tinh thần đổi mới sáng tạo và tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc liêm chính học thuật trong toàn bộ quá trình nghiên cứu.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO2		X	X					
CLO3				X				
CLO4				X	X			
CLO5					X	X	X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Xác định đề tài và thiết kế đề cương
1.1.	Giới thiệu tổng quan, mục đích, ý nghĩa về Khóa luận tốt nghiệp
1.2.	Giới thiệu, gợi mở một số đề tài
1.3.	Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu đặc thù của ngành
1.4.	Xác định đối tượng, phạm vi và mục tiêu nghiên cứu
1.5.	Cấu trúc chuẩn và các bước xây dựng đề cương chi tiết
Chương 2	Các kỹ năng tra cứu tài liệu và trích dẫn văn bản
2.1.	Kỹ năng định vị, tra cứu văn bản nguồn và hệ thống tài liệu thứ cấp
2.2.	Các nguyên tắc trích dẫn cần tuân thủ: giới thiệu về quy chuẩn trích dẫn khoa học (APA, IEEE,...) và phương pháp lập danh mục tài liệu tham khảo
Chương 3	Kỹ năng viết văn bản khoa học và trình bày sản phẩm nghiên cứu
3.1.	Kỹ năng viết học thuật: Tu duy thiết kế cấu trúc đoạn văn, lập luận logic
3.2.	Kỹ năng tổng hợp báo cáo, thiết kế slide thuyết trình ấn tượng và nghệ thuật phản biện, trao đổi học thuật trước Hội đồng đánh giá
Chương 4	Triển khai nghiên cứu, nộp sản phẩm và đánh giá khóa luận

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1.	Sản phẩm cá nhân (nếu có 01 sinh viên)
	Người học nghiên cứu tài liệu và làm khóa luận theo chỉ dẫn của giảng viên hướng dẫn.
6.2.2.	Sản phẩm nhóm (nếu có hơn 01 sinh viên)
	- Nhóm thực hiện các đề tài, chuyên đề, công việc theo yêu cầu của người

	Nội dung
	hướng dẫn thực tập. - Nhóm báo cáo kết quả làm việc cho người hướng dẫn thực tập.

7. Phân bổ thời gian theo giờ và điều kiện thực hiện:

TT	Nội dung	Số giờ					
		Hướng dẫn	Thảo luận	Thực hành NC	Sản phẩm tại cơ sở	Theo dõi, đánh giá	Tổng
1.	Xác định đề tài và thiết kế đề cương	20	10	0	0	0	30
2.	Các kỹ năng tra cứu tài liệu và trích dẫn văn bản	10	5	0	0	0	15
3.	Kỹ năng viết văn bản khoa học và trình bày sản phẩm nghiên cứu	10	5	0	0	0	15
4.	Triển khai nghiên cứu, nộp sản phẩm và đánh giá khóa luận	0	0	440	60	40	540
Tổng		40	20	440	60	40	600

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Xác định đề tài và thiết kế đề cương	X	X			X
Các kỹ năng tra cứu tài liệu và trích dẫn văn bản			X		X
Kỹ năng viết văn bản khoa học và trình bày sản phẩm nghiên cứu				X	X
Triển khai nghiên cứu, nộp sản phẩm và đánh giá khóa luận	X	X	X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Hướng dẫn cá nhân;
- Seminar học thuật;
- Phân biện đề cương;
- Phản hồi bản thảo;
- Tự học/tự nghiên cứu có giám sát.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy-học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Hướng dẫn cá nhân	X	X			
Seminar học thuật	X	X	X		
Phân biện đề cương		X	X	X	
Phản hồi bản thảo	X	X	X	X	X
Tự học/tự nghiên cứu có giám sát	X	X	X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động thiết kế lộ trình thực hiện Khóa luận chi tiết.
- Tự tổ chức và quản lý nghiêm ngặt quỹ thời gian tự học, tự nghiên cứu độc lập (440 giờ) để đảm bảo tiến độ hoàn thiện các chương.
- Tham gia đầy đủ các buổi làm việc trực tiếp với Giảng viên hướng dẫn (40 giờ) và các buổi seminar/thảo luận chuyên đề (20 giờ). Thực hiện báo cáo tiến độ công việc định kỳ theo yêu cầu của giảng viên.
- Chủ động tra cứu, đọc hiểu các văn bản tác phẩm văn học, tài liệu lý luận, phê bình...
- Tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.
- Thực hiện định dạng văn bản, chuẩn bị phụ lục, in ấn, đóng quyển và nộp lưu chiểu sản phẩm Khóa luận đúng quy chuẩn hình thức và thời hạn của Khoa/Trường quy định.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá học phần Khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Nguyên tắc và thành phần đánh giá

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập học phần Khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở hai thành phần: đánh giá quá trình thực hiện khóa luận và đánh giá tổng kết thông qua bản khóa luận, phần trình bày và bảo vệ trước Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đánh giá học phần được tổng hợp từ đánh giá của Giảng viên hướng dẫn và Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, bao đảm phản ánh cả quá trình thực hiện, chất lượng sản phẩm khóa luận và năng lực trình bày, bảo vệ kết quả nghiên cứu của sinh viên.

***Các thành phần đánh giá gồm:**

- Đánh giá quá trình của Giảng viên hướng dẫn: căn cứ vào mức độ chủ động, thái độ làm việc, ý thức kỷ luật, tiến độ thực hiện, khả năng tiếp nhận phản hồi, sự tiến bộ về kỹ năng nghiên cứu và mức độ tuân thủ đạo đức nghiên cứu, liêm chính học thuật của sinh viên.

- Đánh giá tổng kết của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp: căn cứ vào chất lượng bản khóa luận, mức độ đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, tính phù hợp của cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, chất lượng phân tích – lập luận, hình thức trình bày học thuật, phần trình bày bảo vệ và khả năng trả lời, phản biện trước Hội đồng.

- Hình thức: 100% điểm chấm quyền báo cáo Khóa luận và Bảo vệ trực tiếp trước Hội đồng.

- Trình tự đánh giá:

+ **GVHD đánh giá:** Dựa trên quá trình làm việc, thái độ, kỷ luật và sự tiến bộ về kỹ năng chuyên môn của sinh viên.

+ **Hội đồng đánh giá:** Sinh viên thực hiện một công trình nghiên cứu hoặc sản phẩm học thuật/sáng tạo có thuyết minh khoa học trong lĩnh vực Văn học, vận dụng kiến thức lý luận, lịch sử văn học, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng tạo lập văn bản để giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Đánh giá tổng kết (Bảo vệ Khóa luận trước Hội đồng)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	90%	Kiến thức, Kỹ năng và Trách nhiệm	Tuần cuối cùng (Kỳ bảo vệ)	Quyển Khóa luận; Rubric đánh giá của Hội đồng Khóa	CLO1, CLO2, CLO3: Chất lượng nghiên cứu, phân tích, lập luận học thuật; CLO4: Kỹ năng trình bày, phản biện và bảo vệ kết	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miễn	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					luận	quả nghiên cứu; CLO5: Tính sáng tạo và tuân thủ liêm chính học thuật	
Đánh giá quá trình (Tiến độ thực hiện)	CLO5	10%	Thái độ và tự chủ	Suốt quá trình thực hiện khóa luận (Tuần 1-15)	Rubric đánh giá tiến độ và tự chủ của GVHD	CLO5: Tính chủ động, làm việc độc lập, tinh thần trách nhiệm, tuân thủ tiến độ nghiên cứu	Lấy dữ liệu đo CLO5

11.3. Công cụ đo CLO

Rubric 1: Đánh giá tổng kết của HĐ nghiệm thu

Trọng số. 60% - Đánh giá Chất lượng quyền Khóa luận và kỹ năng bảo vệ trực tiếp

Tiêu chí (CLO) - Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
(CLO1, CLO2, CLO3) Chất lượng Quyền Khóa luận	Lạc đề, sai lý thuyết, lập luận thiếu bằng chứng. Sai quy cách định dạng nghiêm trọng.	Lý thuyết và phương pháp ở mức cơ bản, lập luận đôi chỗ còn rời rạc. Còn lỗi nhỏ về diễn đạt, định dạng.	Cơ sở lý luận, phương pháp rõ ràng; lập luận tốt, logic. Văn phong mạch lạc, đúng chuẩn khóa luận.	Khung lý thuyết vững; phương pháp bám sát thực tiễn; lập luận chặt chẽ, văn phong học thuật sắc sảo.
(CLO4) Kỹ năng thuyết trình & Ứng dụng công	Slide chuẩn bị sơ sài, không trình bày được ý tưởng, vượt quá thời gian	Có sử dụng slide nhưng còn nhiều chữ/rối mắt. Thuyết trình phụ thuộc văn bản,	Ứng dụng công nghệ trình chiếu tốt. Thuyết trình mạch lạc, kiểm soát thời gian	Slide xuất sắc, tối ưu hóa dữ liệu trực quan. Trình bày trôi chảy, phong thái

Tiêu chí (CLO) - Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
nghe	quy định.	thiếu tự tin.	tốt.	tự tin, cuốn hút.
(CLO5) Tuân thủ liên chính học thuật	Vi phạm đạo văn nghiêm trọng, sao chép hoặc nhờ viết hộ.	Vi phạm lỗi đạo văn do sơ suất (dưới mức tối đa cho phép) và đã khắc phục khi được nhắc.	Tuân thủ tốt, thỉnh thoảng có mắc lỗi nhỏ về hình thức trích dẫn nhưng không vi phạm cốt lõi.	Tuyệt đối tuân thủ, văn bản trung thực 100%. Nguồn trích dẫn minh bạch, chuẩn mực.

Rubric 2: Đánh giá thái độ & tự chủ của GVHD

Trọng số: 40% - Tính kỷ luật, độc lập

Tiêu chí (CLO) - Trọng số	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
(CLO5) Lập kế hoạch và tiến độ thực hiện	Không có lộ trình, vi phạm tiến độ nghiêm trọng.	Kế hoạch còn chung chung, thường xuyên nộp bài sát giờ hoặc trễ hạn cần nhắc nhở.	Có kế hoạch rõ ràng, thỉnh thoảng trễ hạn báo cáo nhưng không ảnh hưởng tiến độ chung.	Lên kế hoạch cụ thể chi tiết, luôn nộp bản thảo và báo cáo tiến độ trước hoặc đúng thời hạn.
(CLO5) Tư duy phản biện & Đổi mới sáng tạo	Né tránh tương tác với GVHD, thụ động, không có tư duy phản biện.	Thụ động, chủ yếu làm theo chỉ đạo của GVHD mà chưa có sự chủ động sáng tạo.	Có trao đổi thường xuyên với GVHD, tiếp thu tốt nhưng ít khi đưa ra góc nhìn phản biện lại.	Tích cực trao đổi, dám phản biện lại các gợi ý của GVHD bằng lập luận sắc bén; có dấu ấn cá nhân.

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

- Trần Đình Sử, *Lý luận và phê bình văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023
- Trần Đăng Suyền, *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023

13.2. Tài liệu tham khảo

- Phương Lưu, *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB ĐHSP, 2005

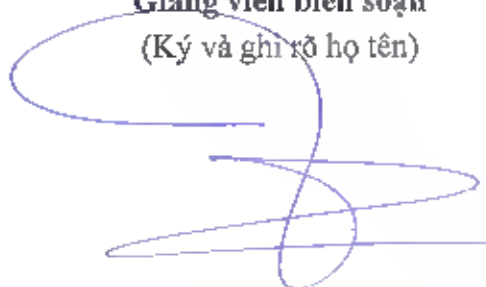
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Lê Dương Khắc Minh

KHO TẠC

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam (Humanism in Vietnamese Literature)**
- Mã học phần: **LIT450**
- Số tín chỉ: **3**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT321**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **03** ; Số giờ: **150** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **45 Giờ**
 - + Giờ giảng: **39 Giờ**
 - + Thảo luận: **06 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **05 Giờ**
 - Giờ tự học: **100 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Đoàn Trọng Thiệu**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ.**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918438058**
- Email: **ThieuDT@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Lê Dương Khắc Minh**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918364444**
- Email: **MinhLDK@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 04 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian và văn học viết Việt Nam; làm rõ tính chất truyền thống của chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân tộc. Nội dung học phần tập trung làm rõ các tiền đề lịch sử, văn hoá của chủ nghĩa nhân văn; các biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa nhân văn qua các giai đoạn phát triển của văn học dân tộc. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích, đánh giá tác phẩm văn học từ góc nhìn nhân văn, cũng như vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu các vấn đề văn học cụ thể.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiền đề lịch sử, văn hóa cho sự hình thành chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam;
- Giúp cho sinh viên nhận diện và phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam từ VHDG đến văn học viết;
- Phát triển khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể;
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được các tiền đề lịch sử, văn hóa và làm rõ các biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa nhân văn trong tiến trình văn học dân tộc.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Đánh giá được giá trị, vai trò và ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn trong các tác phẩm văn học Việt Nam tiêu biểu qua các giai đoạn phát triển của văn học dân tộc.	Mức 5 (Đánh giá)
3	CLO3	Phối hợp kiến thức về chủ nghĩa nhân văn để thảo luận, trình bày và giải quyết các vấn đề học thuật liên quan đến văn học Việt Nam; thể hiện kỹ năng giao tiếp, lập luận và phản biện trong môi trường học thuật.	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Duy trì ý thức nghiên cứu độc lập đối với các hiện tượng văn học dưới góc nhìn nhân văn; thể hiện trách nhiệm trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và nhân văn của dân tộc.	Mức 5 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X				
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1	Một số vấn đề cơ sở
1.1.	Khái niệm nhân văn
1.2.	Cơ sở của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam
Chương 2	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian
2.1.	Bối cảnh lịch sử, văn hóa
2.2.	Tinh thần nhân văn
Chương 3	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam thời trung đại (TK X – TK XIX)
3.1.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam giai đoạn sơ kỳ trung đại (TK X – XIV)
3.2.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam giai đoạn trung kỳ trung đại (TK XV – TK XVII)
3.3.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam giai đoạn mạt kỳ trung đại (TK XVIII – TK XIX)
Chương 4	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam hiện đại (TK XX)
4.1.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945
4.2.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt nam từ cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975
4.3.	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam giai đoạn từ 1975 đến cuối thế kỷ XX

6.2. Thực hành

TT	Nội dung
6.2.1	Bài tập nhóm, câu hỏi cho trước
	Người học: chuẩn bị câu trả lời, biện luận, chứng minh
6.2.2	Thuyết trình nhóm, chủ đề cho trước
	- Người học: Chuẩn bị đề tài nội dung và hình thức thuyết trình - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc tại lớp: Thuyết trình - Phản biện tại lớp theo nhóm

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Một số vấn đề cơ sở	6	0	0	15	21
2	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian	9	2	2	25	38
3	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam thời trung đại (TK X – TK XIX)	12	2	0	30	44
4	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam hiện đại (TK XX)	12	2	3	30	47
	Tổng	39	6	5	100	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Tinh thần nhân văn trong VHĐG Việt Nam, (một số hiện tượng văn học cụ thể).
2. Tinh thần nhân văn trong văn học trung đại Việt Nam, (một số hiện tượng văn học cụ thể).
3. Tinh thần nhân văn trong văn học Việt Nam hiện đại (một số hiện tượng văn học cụ thể).

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1: Một số vấn đề cơ sở	X			
Chương 2: Chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian	X	X		
Chương 3: Chủ nghĩa nhân văn trong văn học		X	X	

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Việt Nam thời trung đại (TK X – TK XIX)				
Chương 4: Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam hiện đại (TK XX)			X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Vấn đáp
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện nhóm

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy - học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X			
Vấn đáp	X	X	X	
Tự học có hướng dẫn	X	X		X
Thuyết trình – phản biện nhóm		X	X	

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi tự luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình –	40%

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
		Phản biện nhóm (30%)	
2	Kết thúc học phần	Tự luận	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động học tập.	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng góp tương đối tích cực.	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	100%

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1; CLO2	60%	Kiến thức	Tuần 9	Thi tự luận (12.3.a)	CLO1: Mức độ hiểu, phân tích tiền đề và biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn. CLO2: Mức độ đánh giá giá trị và ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2
Quá trình	CLO2; CLO3	30%	Kiến thức và kỹ	Tuần 3 – 8	Thuyết trình, phản	CLO2: Chất lượng nội dung học thuật. CLO3: Kỹ năng lập	Lấy dữ liệu đo CLO2,

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Chuyên cần			năng		biện, kiểm tra giữa kỳ (12.3.b)	luận, giao tiếp, phân biện và phối hợp nhóm.	CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ (Tuần 1 – 9)	Bảng kiểm soát chuyên cần	Tinh thần tự học, ý thức nghiên cứu, trách nhiệm trong học tập và bảo tồn các giá trị văn hóa nhân văn dân tộc.	Lấy dữ liệu đo CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận 3 câu; Thời gian: 90 phút; Số câu: 3

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng số câu
Chương 1	Một số vấn đề cơ sở	CLO1	0	1	0	1
Chương 2	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học dân gian	CLO1, CLO2	0	0	0	0
Chương 3	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam thời trung đại (TK X – TK XIX)	CLO2	0	0	1	1
Chương 4	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam hiện đại (TK XX)	CLO2	0	0	1	1
TỔNG	3 câu (100%)		0 câu	1 câu	2 câu	3 câu

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (3 điểm):** Chiếm khoảng 33% tổng số câu (1/3 câu) và tương đương 30% trọng số điểm toàn bài. Đây là phần điểm an toàn, có mức độ khó vừa phải, đòi

hỏi sinh viên phải nắm vững lý thuyết nền tảng, giải thích và làm rõ được các tiền đề lịch sử, văn hóa hình thành nên chủ nghĩa nhân văn.

- **CLO2 (7 điểm):** Chiếm khoảng 67% tổng số câu (2/3 câu) và tương đương 70% trọng số điểm toàn bài. Do tính chất của học phần thay thế khóa luận, đây là phần trọng tâm mang tính phân loại cao. Mức độ khó này đòi hỏi sinh viên không chỉ diễn xuôi tác phẩm mà phải có năng lực tư duy độc lập, biết dùng lý thuyết để thẩm định và đánh giá sâu sắc giá trị nhân văn của các hiện tượng văn học cụ thể.

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2

CLO / Nội dung đánh giá	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1: Phân tích tiền đề và làm rõ đặc trung (1 câu)	Đạt dưới 1.5 điểm. Không phân tích được hoặc xác định sai lệch hoàn toàn các tiền đề lịch sử, văn hóa. Không làm rõ được các biểu hiện đặc trưng.	Đạt từ 1.5 - 2.0 điểm. Phân tích được một số tiền đề cơ bản nhưng còn thiếu sót. Nhận diện được biểu hiện đặc trưng nhưng diễn đạt chưa rành mạch.	Đạt từ 2.1 - 2.5 điểm. Phân tích khá đầy đủ và rõ ràng các tiền đề lịch sử, văn hóa. Làm rõ được các biểu hiện đặc trưng của chủ nghĩa nhân văn trong tiến trình văn học.	Đạt từ 2.6 - 3.0 điểm. Phân tích sâu sắc, toàn diện các tiền đề. Làm nổi bật các đặc trưng bằng lập luận vô cùng chặt chẽ, đa chiều và có tư duy bao quát lịch sử.
CLO2: Đánh giá giá trị và ảnh hưởng trong tác phẩm (2 câu)	Đạt dưới 3.5 điểm. Không có khả năng đánh giá; chỉ tóm tắt, diễn xuôi nội dung tác phẩm hoặc lạc đề hoàn toàn. Lập luận thiếu căn cứ khoa học.	Đạt từ 3.5 - 4.8 điểm. Có đưa ra đánh giá nhưng dừng ở mức bề mặt, chưa thấy rõ được sự ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn. Lập luận đôi chỗ còn gượng ép.	Đạt từ 4.9 - 5.9 điểm. Có đánh giá, diễn đạt khoa học các giá trị và sự ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn. Bám sát tác phẩm, lập luận logic, văn phong học thuật chuẩn mực.	Đạt từ 6.0 - 7.0 điểm. Luận giải sâu sắc tầm ảnh hưởng của tác phẩm với lập luận sắc bén, mang đậm dấu ấn cá nhân và giọng văn nghiên cứu độc lập.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm)

- **Mức Giỏi (8.5 - 10 điểm):** Nắm vững và phân tích rõ ràng, mạch lạc các tiền đề lịch sử, văn hóa sinh ra chủ nghĩa nhân văn. Thể hiện năng lực tư duy bậc cao khi

đánh giá các tác phẩm văn học với góc nhìn độc lập, mới mẻ. Lập luận sắc bén, văn phong nghiên cứu có cá tính riêng biệt và tuân thủ các nguyên tắc học thuật.

- **Mức Khá (7.0 - 8.4 điểm):** Có khả năng phân tích rõ ràng, mạch lạc các tiền đề lịch sử và biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn. Thẩm định và đánh giá tốt giá trị của các tác phẩm tiêu biểu. Bố cục bài làm logic, lý lẽ thuyết phục, trích dẫn chuẩn xác nhưng chưa có nhiều đột phá trong tư duy hoặc góc nhìn cá nhân.
- **Mức Trung bình (5.0 - 6.9 điểm):** Đạt yêu cầu ở mức độ nhận diện và hiểu cơ bản về các bối cảnh lịch sử, văn hóa. Kỹ năng đánh giá tác phẩm còn hạn chế, đa phần thiên về diễn giải nội dung thay vì xoáy sâu vào các giá trị nhân văn. Lập luận đôi chỗ thiếu chặt chẽ hoặc dẫn chứng chưa đủ hàm lượng khoa học.
- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Không nắm được các kiến thức cốt lõi về tiến trình văn học dân tộc. Lạc đề, không có khả năng phân tích hay đánh giá tác phẩm; vi phạm nghiêm trọng quy cách hành văn khoa học.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Kỹ năng diễn đạt & Thao tác tư duy	30%	CLO3 (Mức 3)	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong việc truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu là đọc lại slide; không kiểm soát được bài nói.
2	Năng lực phản biện trực tiếp	40%	CLO3 (Mức 3)	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo và bảo vệ quan điểm vững vàng trước chất vấn.	Trả lời đúng trọng tâm câu hỏi; lập luận khá logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa thực sự chặt chẽ.	Không phản biện được; hoặc giải thích sai lệch hoàn toàn vấn đề được hỏi.
3	Kỹ	30%	CLO3	Thể hiện sự	Nhóm có	Các thành	Hoạt động

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	năng phối hợp & Tương tác nhóm		(Mức 3)	phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên; hỗ trợ nhau hoàn hảo.	sự phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần phân biện.	viên có tham gia nhưng sự gắn kết trong tương tác còn yếu.	rời rạc; không thể hiện được vai trò của làm việc nhóm.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Trần Đình Sử (Chủ biên), Nguyễn Xuân Kính, Nguyễn Văn Long, Huỳnh Như Phương, Vũ Thanh, Lã Nhâm Thìn, Trần Văn Toàn, *Lược sử văn học Việt Nam*, NXB ĐHSP, 2023.

- Lê Trí Viễn, *Tổng quan văn chương Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Lê Trí Viễn (1987), *Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam*, NXB ĐH và THCN, Hà Nội, 1987

- Các tập giáo trình *Văn học Việt Nam*, dùng trong các trường đại học, cao đẳng hiện hành.

- Các tuyển tập văn học Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoi ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh



TS. Đoàn Trọng Thiệu

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khả (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Kỹ năng diễn đạt & thao tác tư duy	3	Diễn đạt trôi chảy; phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ cơ thể; làm chủ hoàn toàn bài nói.	Trình bày rõ ràng; mạch lạc; tự tin trong truyền tải nội dung.	Nói rõ ý nhưng còn phụ thuộc tài liệu; thao tác trình diễn chưa chuyên nghiệp.	Diễn đạt lúng túng; chủ yếu đọc slide; không kiểm soát được bài nói.	
2	Năng lực phản biện trực tiếp	4	Phản xạ cực nhanh; biện luận sắc sảo; bảo vệ quan điểm vững vàng.	Trả lời đúng trọng tâm; lập luận logic và thuyết phục.	Trả lời được nhưng còn lúng túng; lập luận chưa chặt chẽ.	Không phản biện được hoặc giải thích sai lệch vấn đề.	
3	Kỹ năng phối hợp & tương tác nhóm	3	Phối hợp nhịp nhàng; hỗ trợ nhau hoàn hảo trong phản biện.	Phân công rõ ràng; hỗ trợ nhau tốt trong phần trình bày.	Các thành viên có tham gia nhưng tương tác còn yếu.	Hoạt động rời rạc; không thể hiện vai trò làm việc nhóm.	
TỔNG ĐIỂM							10.0



Nhận xét của giảng viên:

Điểm số
.....

Điểm chữ
.....

Xếp loại
.....

Mức đạt CLO
.....

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại (Outstanding Vietnamese Authours)**
- Mã học phần: **LIT433**
- Số tín chỉ: **3**
- bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT321**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **03** ; Số giờ: **150** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **45 Giờ**
 - + Giờ giảng: **30 Giờ**
 - + Thảo luận: **15 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **105 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Nguyễn A Say**
- Chức danh, học vị: **Thạc sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **...**
- Email: **Sayna@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm có 06 chương, giới thiệu chi tiết một số tác gia Việt Nam hiện đại như: Nam Cao, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Minh Châu, Hoài Thanh, Lưu Quang Vũ,... Thông qua học phần, sinh viên tóm tắt được những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách của các nhà văn tiêu biểu, đồng thời đánh giá đúng những đóng góp của các nhà văn này cho văn học và xã hội... Sinh viên biết áp dụng phương pháp nghiên cứu một tác gia văn học phù hợp; Biết vận dụng những kiến thức đã học về lí luận văn học, phương pháp nghiên cứu, để phê bình các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại.

4. Mục tiêu của học phần

- Nắm được những kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách của một số tác gia tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại. Đánh giá đúng những đóng góp của các tác gia này cho văn học và xã hội...;

- Giúp sinh viên nắm vững phương pháp nghiên cứu một tác gia văn học; vận dụng những kiến thức đã học về lí luận văn học, phương pháp nghiên cứu, để phê bình các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại;

- Biết vận dụng kiến thức đã học để có thể giảng dạy học phần tác gia văn học ở trường phổ thông.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật và đặc điểm tư tưởng của một số tác gia tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại như Nam Cao, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Minh Châu, Hoài Thanh, Lưu Quang Vũ...	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Đánh giá được những đóng góp của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại đối với tiến trình văn học dân tộc, đời sống xã hội và sự phát triển của các thể loại văn học.	Mức 5 (Đánh giá)
3	CLO3	Phối hợp linh hoạt kiến thức lý luận văn học, phương pháp nghiên cứu tác gia và phương pháp phê bình để triển khai phân tích, nhận xét và đánh giá các hiện tượng văn học gắn với tác gia văn học Việt Nam hiện đại.	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm, thái độ học thuật nghiêm túc trong nghiên cứu, thảo luận và đánh giá các hiện tượng văn học thuộc văn học Việt Nam hiện đại.	Mức 3 (Đặc trưng hóa các giá trị)

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3				X	X			
CLO4							X	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Mấy vấn đề phương pháp luận nghiên cứu tác gia văn học
1.1.	Khái niệm tác gia văn học
1.2.	Các phương pháp nghiên cứu tác gia văn học
1.3.	Tiêu chí phân loại, lựa chọn và đánh giá tác gia tiêu biểu
Chương 2.	Các tác gia tiêu biểu trong văn xuôi Việt Nam hiện đại
2.1.	Nam Cao
2.2.	Tô Hoài
2.3.	Nguyễn Minh Châu
2.4.	Nguyễn Đình Thi
2.5.	Son Nam
Chương 3.	Các tác gia tiêu biểu trong thơ Việt Nam hiện đại
3.1.	Xuân Diệu
3.2.	Chế Lan Viên
3.3.	Tố Hữu
3.4.	Xuân Quỳnh
3.5.	Bùi Giáng
Chương 4.	Các tác gia tiêu biểu trong kịch Việt Nam hiện đại
4.1.	Hoàng Châu Ký
4.2.	Viễn Châu
4.3.	Vũ Khắc Khoan
4.4.	Nguyễn Huy Tưởng
4.5.	Lưu Quang Vũ
Chương 5.	Các tác gia tiêu biểu trong lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại

Chương	Nội dung
5.1.	Hoài Thanh
5.2.	Vũ Ngọc Phan
5.3.	Phan Cự Đệ
5.4.	Thanh Lãng
5.5.	Nguyễn Văn Trung
Chương 6.	Mấy vấn đề giảng dạy tác gia văn học trong chương trình Ngữ văn bậc trung học
6.1.	Khái quát các tác gia lớn trong chương trình Ngữ văn bậc trung học
6.2.	Phương pháp giảng dạy tác gia văn học hiện đại
6.3.	Cách tiếp cận đánh giá tác phẩm của các tác gia tiêu biểu trong chương trình Ngữ văn bậc trung học

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập kiểm tra kiến thức trên lớp.
6.2.2	Bài tập nhóm
	- Người học thực hiện các đề tài thuyết trình theo yêu cầu của người dạy. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Mấy vấn đề phương pháp luận nghiên cứu tác gia văn học	3	0	0	5	8
2	Các tác gia tiêu biểu trong văn xuôi Việt Nam hiện đại	6	3	0	20	29
3	Các tác gia tiêu biểu trong thơ Việt Nam hiện đại	6	3	0	20	29
4	Các tác gia tiêu biểu trong kịch Việt Nam hiện đại	6	3	0	20	29
5	Các tác gia tiêu biểu trong lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại	6	3	0	20	29
6	Mấy vấn đề giảng dạy tác gia văn học trong chương trình Ngữ văn bậc trung học	3	3	0	20	26

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
	Tổng	30	15	0	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Trình bày quan điểm nghệ thuật của tác gia Nam Cao.
2. Vị trí và những đóng góp của Nguyễn Minh Châu trong nền văn học Việt Nam đương đại.
3. Đặc điểm thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.
4. Quan điểm nghệ thuật về con người trong truyện ngắn sau 1975 của tác gia Nguyễn Minh Châu.
5. Đóng góp lớn nhất của tác gia Nguyễn Đình Thi đối với nền văn học Việt Nam.
6. Những đặc điểm chủ yếu của tiểu thuyết hiện thực Vũ Trọng Phụng
7. Đặc điểm thể loại kịch của tác gia Lưu Quang Vũ
8. Cảm thức thời gian trong thơ của tác gia Xuân Diệu
9. Đặc điểm thơ của tác gia Xuân Quỳnh.
10. Giá trị nội dung của vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt. Từ đó, nêu quan điểm của Anh/Chị về mối quan hệ giữa hồn và xác.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Một số vấn đề phương pháp luận nghiên cứu tác gia văn học	X	X		
Chương 2. Các tác gia tiêu biểu trong văn xuôi Việt Nam hiện đại		X	X	X
Chương 3. Các tác gia tiêu biểu trong thơ Việt Nam hiện đại		X	X	X
Chương 4. Các tác gia tiêu biểu trong kịch Việt Nam hiện đại		X	X	X
Chương 5. Các tác gia tiêu biểu trong lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại		X	X	X
Chương 6. Một số vấn đề giảng dạy tác gia văn học trong chương trình Ngữ văn bậc trung học		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng

- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	x	x	x	
Phát vấn	x	x	x	
Giải quyết vấn đề		x	x	x
Tự học có hướng dẫn	x	x	x	x
Thuyết trình – phản biện		x	x	x

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi vấn đáp kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Vấn đáp gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	hoạt động học tập.	chế.	nhưng đóng góp chưa thường xuyên.	bài và đóng góp tương đối tích cực.	luận, hỗ trợ nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi vấn đáp (Ngân hàng câu hỏi)	CLO1: Mức độ hiểu và phân tích tác giả. CLO2: Mức độ đánh giá đóng góp và giá trị văn học. CLO3: Mức độ phối hợp kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu để phân tích, phê bình tác giả.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm; Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2: Nội dung học thuật và chiều sâu nghiên cứu. CLO3: Kỹ năng phân tích, lập luận, phản biện và phối hợp nhóm.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát	Tinh thần học tập, trách nhiệm học thuật, chủ động	Lấy dữ liệu đo CLO4

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
					chuyên cần	nghiên cứu và tham gia thảo luận.	

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi vấn đáp; Thời gian: 10-15 phút/SV; Số câu: 02

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Mấy vấn đề phương pháp luận nghiên cứu tác giả văn học	CLO1	0.5	0.5	0	1.0
Chương 2	Các tác gia tiêu biểu trong văn xuôi Việt Nam hiện đại	CLO2, CLO3	0.5	1.0	0.5	2.0
Chương 3	Các tác gia tiêu biểu trong thơ Việt Nam hiện đại	CLO2, CLO3	0.5	1.0	0.5	2.0
Chương 4	Các tác gia tiêu biểu trong kịch Việt Nam hiện đại	CLO2, CLO3	0.5	0.5	0.5	1.5
Chương 5	Các tác gia tiêu biểu trong lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại	CLO2, CLO3	0.5	1.0	0.5	2.0
Chương 6	Mấy vấn đề giảng dạy tác giả văn học trong chương trình Ngữ văn bậc trung học	CLO2, CLO3	0	0.5	1.0	1.5
TỔNG	02 câu (100%)		2.5đ	4.5đ	3.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- **CLO2 (Thông hiểu - L2):** Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- **CLO3 (Vận dụng - L3):** Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 - CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Trình bày chưa đúng hoặc rất hạn chế về cuộc đời, sự nghiệp và phong cách nghệ thuật của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại.	Trình bày được những kiến thức cơ bản về tác gia văn học nhưng còn thiếu hệ thống hoặc chưa đầy đủ.	Trình bày khá đầy đủ, có khả năng giải thích được đặc điểm phong cách và giá trị sáng tác của các tác gia tiêu biểu.	Trình bày đầy đủ, chính xác và có khả năng khái quát sâu sắc về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách nghệ thuật của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại.
CLO2	Phân tích và đánh giá còn mơ hồ hoặc chưa đúng về đóng góp của các tác gia đối với văn học và xã hội.	Phân tích được những nội dung cơ bản và bước đầu đánh giá được giá trị sáng tác của các tác gia tiêu biểu.	Phân tích khá rõ đặc điểm tư tưởng, nghệ thuật và đánh giá được những đóng góp của tác gia đối với tiến trình văn học hiện đại.	Phân tích sâu sắc, có khả năng so sánh, liên hệ và đánh giá toàn diện những đóng góp của các tác gia đối với văn học và đời sống xã hội.
CLO3	Vận dụng kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu còn hạn chế; trình bày thiếu lập luận và minh chứng.	Biết vận dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu để nhận xét, phân tích tác gia hoặc tác phẩm nhưng còn đơn giản.	Vận dụng tương đối tốt kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu để phân tích, phê bình các tác gia văn học hiện đại.	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức lý luận và phương pháp nghiên cứu; lập luận chặt chẽ, có chính kiến và dẫn chứng thuyết phục trong phân tích, phê bình văn học.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

- **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững kiến thức về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách nghệ thuật và giá trị tư tưởng của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại; có khả năng phân tích, đánh giá sâu sắc và vận dụng linh hoạt kiến thức lý luận, phương pháp nghiên cứu vào phê bình văn học với lập luận chặt chẽ, sáng tạo.

- **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu và phân tích được những đặc điểm cơ bản của các tác gia văn học Việt Nam hiện đại; biết vận dụng tương đối hiệu quả kiến

thức lý luận và phương pháp nghiên cứu để nhận xét, đánh giá các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

• **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học trình bày được những kiến thức nền tảng về tác gia văn học Việt Nam hiện đại và bước đầu biết vận dụng vào phân tích, nhận xét các hiện tượng văn học; tuy nhiên khả năng lập luận và đánh giá còn hạn chế.

• **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm được những kiến thức cơ bản về các tác gia văn học Việt Nam hiện đại; khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức lý luận, phương pháp nghiên cứu còn yếu, bài trình bày thiếu logic và minh chứng.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương	Không tham gia

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
	tương tác và thái độ học thuật			trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động.	tác.	hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Lại Nguyên Ân và cộng sự, *Từ điển Văn học Việt Nam (từ nguồn gốc đến hết thế kỷ XIX)*, NXB Văn học, 2018.
- Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng tám 1945*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2020.
- Trần Đăng Xuyền – Lê Quang Hưng (Đồng chủ biên), *Văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX đến 1945*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2020.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
- Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam hiện đại, tiến trình - thể loại - tác giả - tác phẩm*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2024.
- Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam (tái bản)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2023.
- Trần Đình Sử (chủ biên), *Lược sử văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021.

TP Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khối ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHẤM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: Một số tác gia văn học Việt Nam hiện đại

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	



STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHẤM
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phê bình văn học (Literary Criticism)**
- Mã học phần: **LIT449**
- Số tín chỉ: **3**
- Bậc đào tạo: **Đại học**
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: **LIT321**
- Đơn vị phụ trách: **Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn**
- Số tín chỉ: **03** ; Số giờ: **150** , trong đó:
 - Hoạt động giảng dạy trên lớp: **45 Giờ**
 - + Giờ giảng: **30 Giờ**
 - + Thảo luận: **15 Giờ**
 - Giờ kiểm tra: **0 Giờ**
 - Giờ tự học: **105 Giờ**

2. Thông tin về giảng viên**Giảng viên 1:**

- Họ và tên: **Hồ Văn Quốc**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0905027481**
- Email: **quochv@vhu.edu.vn**

Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Đoàn Trọng Thiệu**
- Chức danh, học vị: **Tiến sĩ**
- Thời gian làm việc: **Giờ hành chính (8:00 -16:00)**
- Địa điểm làm việc: **Khoa KHXH&NV - Trường Đại học Văn Hiến**
- Điện thoại: **0918438058**
- Email: **Thieudt@vhu.edu.vn**

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 03 chương, được thiết kế chuyên sâu nhằm đảm nhiệm vai trò của một học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp ngành Văn học. Môn học cung cấp hệ thống tri thức nền tảng và các khung lý luận liên quan đến phê bình văn học, đồng thời phác thảo một cách hệ thống tiến trình lịch sử phê bình văn học Việt Nam. Trọng tâm của học phần hướng vào việc đánh giá các cuộc tranh luận văn học của các nhà phê bình tiêu biểu. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện năng lực lập luận sắc bén, làm chủ các thao tác phân tích văn bản theo đặc trưng thể loại để ứng dụng vào nghiên cứu chuyên sâu.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp những kiến thức nền tảng, có tính lý luận liên quan đến phê bình văn học như: khái niệm, đối tượng và phân loại phê bình văn học; cũng như khái lược về lịch sử phê bình văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay;

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về một số phương pháp phê bình văn học như: phê bình ấn tượng, phê bình tiểu sử học, phê bình xã hội học mác xít, phê bình thi pháp học và phê bình phân tâm học;

- Cung cấp những kiến thức khái quát về một số cuộc tranh luận văn học và tác giả phê bình tiêu biểu như: Cuộc tranh luận về Thơ mới và thơ cũ, nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh; các nhà phê bình Phạm Quỳnh, Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Phan, Vương Trí Nhàn, Trần Đình Sử, Đỗ Lai Thúy...;

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể:

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
1	CLO1	Phân tích được những khái niệm, đối tượng, chức năng và các phương pháp cơ bản của phê bình văn học; nhận diện được vai trò của phê bình văn học trong đời sống văn học.	Mức 4 (Phân tích)
2	CLO2	Đánh giá được tiến trình lịch sử phê bình văn học Việt Nam, các cuộc tranh luận văn học tiêu biểu và những đóng góp của các nhà phê bình quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam hiện đại.	Mức 5 (Đánh giá)
3	CLO3	Phối hợp các thao tác và phương pháp phê bình văn học để đọc hiểu, phân tích, nhận xét và xây dựng bài viết phê bình đối với một hiện tượng hoặc tác phẩm văn học cụ thể.	Mức 4 (Phối hợp)
4	CLO4	Thể hiện tinh thần học thuật nghiêm túc, chủ động nghiên cứu, tôn trọng các quan điểm học	Mức 3 (Hình thành giá trị)

TT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
		thuật khác biệt và có trách nhiệm trong hoạt động đánh giá, phê bình văn học.	

Mã trận liên kết/tương thích giữa CLOs và PLOs

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X	X					
CLO3			X	X				X
CLO4							X	X

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung
Chương 1.	Tổng quan về phê bình văn học
1.1.	Khái niệm phê bình văn học
1.2.	Đối tượng và vai trò của phê bình văn học
1.3.	Phân loại phê bình văn học
1.4.	Khái lược về lịch sử phê bình văn học Việt Nam
Chương 2.	Các phương pháp phê bình văn học ở Việt Nam
2.1.	Phê bình ấn tượng chủ nghĩa
2.2.	Phê bình tiểu sử học
2.3.	Phê bình xã hội học mác xít
2.4.	Phê bình thi pháp học
2.5.	Phê bình phân tâm học
Chương 3.	Các cuộc tranh luận văn học và tác giả, tác phẩm phê bình văn học tiêu biểu
3.1.	Các cuộc tranh luận văn học tiêu biểu
3.2.	Các tác giả, tác phẩm phê bình văn học tiêu biểu

6.2. Thực hành

	Nội dung
6.2.1	Bài tập cá nhân
	Người học thực hiện các bài tập kiểm tra kiến thức trên lớp.
6.2.2	Bài tập nhóm

	Nội dung
	- Người học thực hiện các đề tài thuyết trình theo yêu cầu của người dạy. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

7. Phân bổ thời gian theo tiết (1 tín chỉ = 15 giờ)

Chương	Tên chương	Số giờ				
		Giờ giảng	Thảo luận	Giờ kiểm tra	Giờ Tự học	Tổng
1	Tổng quan về phê bình văn học	5	0	0	15	20
2	Các phương pháp phê bình văn học ở Việt Nam	15	10	0	45	70
3	Các cuộc tranh luận văn học và tác giả, tác phẩm phê bình văn học tiêu biểu	10	5	0	45	60
	Tổng	30	15	0	105	150

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ THUYẾT TRÌNH

1. Trình bày các phương pháp phê bình văn học ở Việt Nam: Phê bình ấn tượng chủ nghĩa, phê bình tiểu sử học, phê bình xã hội học Mác xít, phê bình thi pháp học, phê bình phân tâm học.

2. Trình bày về một cuộc tranh luận văn học ở Việt Nam: Tranh luận về thơ cũ và Thơ mới; Tranh luận về nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh.

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs và nội dung (các chương) của học phần

Nội dung chương	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Chương 1. Tổng quan về phê bình văn học	X	X		
Chương 2. Các phương pháp phê bình văn học ở Việt Nam		X	X	X
Chương 3. Các cuộc tranh luận văn học và tác giả, tác phẩm phê bình văn học tiêu biểu		X	X	X

8. Phương pháp giảng dạy - học

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Phát vấn
- Giải quyết vấn đề
- Tự học có hướng dẫn
- Thuyết trình – phản biện

Ma trận liên kết/tương thích giữa CLOs với phương pháp giảng dạy- học

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Phát vấn	X	X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X
Tự học có hướng dẫn	X	X	X	X
Thuyết trình – phản biện		X	X	X

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu bắt buộc và tham khảo thêm tài liệu do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài làm thuyết trình nhóm.
- Tham gia kỳ thi tự luận kết thúc học phần.

10. Thang điểm đánh giá

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

11. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

11.1. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Giữa kỳ	Chuyên cần (dự lớp 10%) + Thuyết trình - Phản biện nhóm (30%)	40%
2	Kết thúc học phần	Tự luận gồm 02 câu	60%

Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: trọng số 10%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
Chuyên cần, tham gia học tập (CLO4)	Vắng quá 30% số buổi; không tham gia hoạt động	Tham gia dưới 50% số buổi; chuẩn bị bài rất hạn chế.	Tham gia khoảng 50%-70% số buổi; có chuẩn bị nhưng	Tham gia khoảng 70%-90% số buổi; chuẩn bị bài và đóng	Tham gia đầy đủ; chuẩn bị bài tốt; tích cực thảo luận, hỗ trợ	100%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức B (7.0-8.4)	Mức A (8.5-10)	
	học tập.		đóng góp chưa thường xuyên.	góp tương đối tích cực.	nhóm và nộp nhiệm vụ đúng hạn.	

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 30%. Theo thang điểm 10, dựa trên đáp án và hướng dẫn điểm được thiết kế sẵn.

11.2. Kế hoạch đo CLOs

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	60%	Kiến thức	Theo lịch thi của Nhà trường	Bài thi tự luận / Bài viết phê bình học thuật (11.3.a)	CLO1: Mức độ hiểu các khái niệm, đối tượng và phương pháp phê bình. CLO2: Mức độ đánh giá tiến trình và các cuộc tranh luận phê bình. CLO3: Mức độ vận dụng phương pháp phê bình vào phân tích hiện tượng văn học cụ thể.	Lấy dữ liệu đo CLO1, CLO2, CLO3
Quá trình Chuyên cần	CLO2, CLO3	30%	Kiến thức và kỹ năng	Suốt học kỳ	Thuyết trình, bài tập nhóm, bài viết phê bình; Rubric đánh giá (11.3.b)	CLO2: Chất lượng nội dung học thuật. CLO3: Năng lực lập luận, phản biện, viết học thuật và trình bày quan điểm phê bình.	Lấy dữ liệu đo CLO2, CLO3

Đánh giá người học	CLOs	Trọng số	Miền	Thời gian lấy dữ liệu	Công cụ đánh giá	Ghi chú	Điểm lấy dữ liệu
	CLO4	10%	Thái độ	Suốt học kỳ	Bảng kiểm soát chuyên cần	Ý thức nghiên cứu, tinh thần học thuật, trách nhiệm và tôn trọng các quan điểm học thuật khác biệt.	Lấy dữ liệu do CLO4

11.3. Công cụ đo CLO:

a. Ma trận đặc tả đề thi tự luận; Thời gian: 90 phút; Số câu: 02

Chương	Nội dung trọng tâm	CLO	Nhận biết (L1)	Thông hiểu (L2)	Vận dụng (L3)	Tổng điểm
Chương 1	Chương 1. Tổng quan về phê bình văn học	CLO1	1.0	2.0	0	3.0
Chương 2	Chương 2. Các phương pháp phê bình văn học ở Việt Nam	CLO2, CLO3	1.0	1.5	1.5	4.0
Chương 3	Chương 3. Các cuộc tranh luận văn học và tác giả, tác phẩm phê bình văn học tiêu biểu	CLO2, CLO3	0.5	1.0	1.5	3.0
TỔNG	02 câu (100%)		2.5đ	4.5đ	3.0đ	10.0đ

Ghi chú về độ khó và trọng số

- **CLO1 (Nhận biết - L1):** Chiếm khoảng 20% kiến thức (kiểm tra kiến thức nền, thuật ngữ, đặc điểm).
- **CLO2 (Thông hiểu - L2):** Chiếm khoảng 30% kiến thức (yêu cầu so sánh, giải thích có hệ thống).
- **CLO3 (Vận dụng - L3):** Chiếm khoảng 50% kiến thức (yêu cầu phân tích, liên hệ, lập luận và dẫn chứng).

Rubrics định nghĩa mức năng lực cho các CLO1 - CLO2 – CLO3

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
CLO1	Trình bày chưa đúng hoặc rất	Trình bày được những kiến thức	Trình bày khá đầy đủ và giải	Trình bày đầy đủ, chính xác, có khả

CLO	Mức 1: YẾU (0 - 4.9)	Mức 2: TRUNG BÌNH (5.0 - 6.9)	Mức 3: KHÁ (7.0 - 8.4)	Mức 4: GIỎI (8.5 - 10)
	hạn chế các khái niệm, chức năng và vai trò của phê bình văn học.	cơ bản về phê bình văn học nhưng còn thiếu chính xác hoặc chưa đầy đủ.	thích được các vấn đề cơ bản của phê bình văn học.	năng khái quát và liên hệ tốt các vấn đề lý luận phê bình văn học.
CLO2	Nhận diện và phân tích chưa đúng các phương pháp phê bình, các cuộc tranh luận văn học và tác giả tiêu biểu.	Phân tích được một số đặc điểm cơ bản của phương pháp phê bình và các hiện tượng văn học nhưng còn hạn chế.	Phân tích khá rõ đặc điểm, ý nghĩa của các phương pháp phê bình và các cuộc tranh luận văn học tiêu biểu.	Phân tích sâu sắc, có khả năng đánh giá và liên hệ các phương pháp phê bình, cuộc tranh luận và tác giả phê bình văn học.
CLO3	Vận dụng kiến thức phê bình văn học còn lúng túng, bài viết thiếu lập luận và minh chứng.	Biết vận dụng kiến thức để nhận xét hoặc phân tích vấn đề văn học nhưng lập luận chưa chặt chẽ.	Vận dụng tương đối tốt các phương pháp phê bình để phân tích và đánh giá tác phẩm hoặc hiện tượng văn học.	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp phê bình; lập luận chặt chẽ, có quan điểm và dẫn chứng thuyết phục.

Mô tả tổng quát mức năng lực qua điểm số (10 điểm):

- **Mức Giỏi (8.5 – 10 điểm):** Người học nắm vững kiến thức lý luận về phê bình văn học, phân tích sâu sắc các phương pháp phê bình và các hiện tượng văn học; vận dụng linh hoạt kiến thức vào bài viết phê bình với lập luận chặt chẽ, có khả năng đánh giá và liên hệ thực tiễn tốt.

- **Mức Khá (7.0 – 8.4 điểm):** Người học hiểu và phân tích được các nội dung cơ bản của phê bình văn học, vận dụng tương đối hiệu quả các phương pháp phê bình vào phân tích tác phẩm hoặc hiện tượng văn học; bài viết có lập luận và dẫn chứng phù hợp.

- **Mức Trung bình (5.0 – 6.9 điểm):** Người học trình bày được các kiến thức nền tảng về phê bình văn học và bước đầu biết vận dụng vào phân tích, nhận xét vấn đề văn học; tuy nhiên lập luận còn hạn chế, phân tích chưa sâu.

- **Mức Yếu (Dưới 5.0 điểm):** Người học chưa nắm được các kiến thức cơ bản của học phần, khả năng phân tích và vận dụng kiến thức phê bình văn học còn yếu; bài viết thiếu logic, minh chứng và chưa đáp ứng yêu cầu học phần.

b. Rubric đánh giá thuyết trình và phản biện

Mục tiêu: Đo lường kỹ năng Tâm vận động (CLO3) qua phản xạ tư duy và tương tác trực tiếp.

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	CLO đo lường	Xuất sắc (8.5 - 10)	Khá (7.0 - 8.4)	Trung bình (5.0 - 6.9)	Yếu (< 5.0)
1	Nội dung thuyết trình	40%	CLO2, CLO3	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.
2	Kỹ năng thuyết trình	20%	CLO2, CLO3	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả.	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.
3	Tư duy phản biện	30%	CLO2, CLO3	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.
4	Kỹ năng tương tác và thái độ học thuật	10%	CLO2, CLO3	Chủ động trao đổi, tôn trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	Có tương tác nhưng chưa chủ động.	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc thiếu hợp tác.

12. Tài liệu phục vụ cho học phần

12.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Văn Trung, *Lược khảo văn học (Tập 3): Nghiên cứu và phê bình văn học*, NXB Tổng hợp, 2018.

- Đỗ Lai Thuý, *Phê bình văn học - Con vật lưỡng thể ấy*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2022.

12.2. Tài liệu tham khảo

- Trần Hoài Anh, *Lý luận - phê bình văn học miền Nam 1954 - 1975, tiếp nhận và ứng dụng*, Nxb Hội Nhà văn, 2023.

- Trịnh Bá Đình (chủ biên), *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam từ khởi đầu đến hết thế kỉ XX*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, 2022.

- Hội đồng Lý luận phê bình văn học nghệ thuật Trung ương, *Phê bình văn học nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay, thực trạng và định hướng phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023.

- Nguyễn Văn Long (chủ biên), *Phê bình văn học Việt Nam 1975 - 2005*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.

- Trần Đình Sử, *Phê bình văn học Việt Nam hiện đại - Lịch sử và chân dung*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2023.

- Nguyễn Ngọc Thiện, *Tranh luận văn nghệ thế kỉ XX (tập 1, 2)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2003.

- Nguyễn Thị Thanh Xuân, *Phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX (1900 – 1945)*, Nxb Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh, 2004.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa/Khoá ngành
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Huỳnh Thị Mai Trinh

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hồ Văn Quốc

PHIẾU CHÀM THUYẾT TRÌNH VÀ PHẢN BIỆN NHÓM

Đánh giá theo Rubrics năng lực thực hiện CLO3

Học phần: **Phê bình văn học**

Lớp/Nhóm:

Chủ đề:

Giảng viên chấm:

Ngày chấm:

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84-%)	Trung bình (50-69-%)	Yếu (<50-%)	Điểm thành phần
1	Nội dung thuyết trình	4.0	Nội dung chính xác, đầy đủ, có hệ thống; phân tích sâu; có liên hệ thực tiễn và quan điểm rõ ràng.	Nội dung đúng, tương đối đầy đủ; phân tích còn hạn chế chiều sâu.	Nội dung cơ bản, thiên về liệt kê; thiếu phân tích.	Sai hoặc thiếu nhiều nội dung trọng tâm.	
2	Kỹ năng thuyết trình	2.0	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, tự tin; sử dụng ngôn ngữ học thuật tốt; kiểm soát thời gian hiệu quả	Trình bày rõ nhưng đôi lúc thiếu mạch lạc hoặc chưa tự tin hoàn toàn.	Diễn đạt còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào tài liệu.	Khó diễn đạt, thiếu tự tin, không kiểm soát nội dung.	
3	Tư duy phản biện	3.0	Phản biện logic, sắc bén; trả lời thuyết phục; biết mở rộng vấn đề và bảo vệ quan điểm.	Trả lời đúng trọng tâm nhưng chưa sâu; phản biện ở mức cơ bản.	Trả lời đơn giản, thiếu lập luận rõ ràng.	Không trả lời được hoặc trả lời sai trọng tâm.	
4	Kỹ năng	1.0	Chủ động trao đổi, tôn	Có tương tác nhưng	Ít tham gia tương tác.	Không tham gia hoặc	

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Xuất sắc (85-100-%)	Khá (70-84%)	Trung bình (50-69%)	Yếu (<50%)	Điểm thành phần
	tương tác và thái độ học thuật		trọng ý kiến khác, hợp tác tốt.	chưa chủ động.		thiếu hợp tác.	
TỔNG ĐIỂM							

Nhận xét của giảng viên:

Điểm số	Điểm chữ	Xếp loại	Mức đạt CLO
.....			

GIẢNG VIÊN CHĂM
 (Ký và ghi rõ họ tên)